



VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN NGHIÊN CỨU TRUNG QUỐC

TS. NGUYỄN VĂN CĂN

**QUÁ TRÌNH
CẢI CÁCH GIÁO DỤC
Ở CỘNG HOÀ NHÂN DÂN TRUNG HOA
THỜI KỲ 1978 - 2003**



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

**VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN NGHIÊN CỨU TRUNG QUỐC**

TS. NGUYỄN VĂN CĂN

**QUÁ TRÌNH CẢI CÁCH GIÁO DỤC
Ở CỘNG HOÀ NHÂN DÂN TRUNG HOA
THỜI KỲ 1978 - 2003**

**NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
Hà Nội – 2007**

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
MỞ ĐẦU	9
Chương Một: KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH GIÁO DỤC Ở CHND TRUNG HOA TRƯỚC NĂM 1978	13
I. Giai đoạn đặt nền móng cho nền giáo dục Trung Quốc (1949-1965)	14
1/ Đôi nét về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội	14
2/ Cải tạo hệ thống giáo dục cũ	17
3/ Xây dựng nền giáo dục mới của nước CHND Trung Hoa	22
4/ Một số biện pháp cải tạo và phát triển giáo dục	36
II. Giai đoạn khủng hoảng giáo dục (1966-1978)	50
1/ Vài nét về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội Trung Quốc	50
2/ Những quyết định sai lầm và hậu quả nghiêm trọng đối với giáo dục trong những năm thực hiện “cách mạng văn hoá”	52
3/ Một số giải pháp sửa chữa sai lầm	61

Chương Hai: GIÁO DỤC Ở CHND TRUNG HOA GIAI ĐOẠN ĐẤU CẢI CÁCH MỞ CỬA (1978-1992)	67
I. Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội khi Trung Quốc mới bước vào cải cách mở cửa	67
II. Khái quát về hệ thống giáo dục	75
III. Khắc phục hậu quả giáo dục sau “cách mạng văn hoá” (1978-1985)	83
1/ Thay đổi quan niệm sai lầm, phục hồi đội ngũ giáo viên	85
2/ Chấn chỉnh và phục hồi giáo dục nông thôn	90
3/ Điều chỉnh và phục hồi giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số	97
4/ Một số công tác cụ thể phục hồi giáo dục	103
IV. Giai đoạn phát triển giáo dục (1986 - 1992)	110
1/ củng cố và phát triển đội ngũ giáo viên	112
2/ Tăng cường giáo dục ở nông thôn	115
3/ Đẩy mạnh giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số	122
4/ Phát triển giáo dục ở thành phố	126
5/ Một số biện pháp thúc đẩy phát triển giáo dục	133
Chương Ba: GIÁO DỤC Ở CHND TRUNG HOA GIAI ĐOẠN XÂY DỰNG THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG XHCN (1993-2003)	145
I. Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội thế giới và Trung Quốc những năm đầu thập kỷ 90 của thế kỷ XX. Những nguyên nhân phải đẩy mạnh cải cách giáo dục	146

II. Đẩy mạnh cải cách giáo dục trong những năm đầu xây dựng kinh tế thị trường XHCN đặc sắc Trung Quốc (1993-1997)	152
1/ Một số chính sách chủ yếu để đẩy mạnh cải cách giáo dục trong những năm 1993-1997	153
2/ Cải cách giáo dục sư phạm và giáo trình dạy học	158
3/ Cải cách giáo dục phổ thông, chú trọng giáo dục toàn diện	167
4/ Cải cách giáo dục đại học, thực hiện chế độ trách nhiệm	172
5/ Cải cách kết cấu giáo dục dạy nghề	178
III. Từng bước hoàn thiện thể chế giáo dục trong những năm thực hiện chiến lược “khoa giáo hưng quốc” 1998-2003	182
1/ Các chủ trương, chính sách chủ yếu để hoàn thiện thể chế giáo dục và thực hiện chiến lược “khoa giáo hưng quốc”	184
2/ Thực hiện “khoa giáo hưng quốc” ở bậc phổ thông	196
3/ Giáo dục hướng nghiệp thực hiện “khoa giáo hưng quốc”, “khoa giáo hưng thôn”	204
4/ Thực hiện “khoa giáo hưng quốc”, nâng cao chất lượng đào tạo ở bậc đại học	209
IV. Một vài nhận xét về cải cách giáo dục ở Trung Quốc	228
1/ Những thành tựu chính	229
2/ Khó khăn và hạn chế	238

KẾT LUẬN	249
PHỤ LỤC	254
Các sự kiện chính của giáo dục Trung Quốc thời kỳ từ 1978 đến 2003	254
Hiến pháp nước CHND Trung Hoa (những phần có liên quan đến giáo dục)	272
Luật giáo dục nước CHND Trung Hoa	276
Luật giáo dục đại học nước CHND Trung Hoa	300
Cương yếu cải cách và phát triển giáo dục của nước CHND Trung Hoa	324
Một số thống kê về giáo dục Trung Quốc	372
TÀI LIỆU THAM KHẢO	384

MỞ ĐẦU

Kể từ khi thành lập (1/10/1949) đến nay, nước Cộng hoà nhân dân (CHND) Trung Hoa hết sức quan tâm xây dựng một nền giáo dục xã hội chủ nghĩa (XHCN), nhằm đào tạo cho đất nước những con người phát triển toàn diện cả về đức, trí, thể, mỹ, có văn hóa, có giác ngộ về chủ nghĩa xã hội (CNXH), đủ sức đưa Trung Quốc vươn lên thành một trong những quốc gia hùng mạnh của thế giới. Sau hơn một nửa thế kỷ xây dựng và phát triển, nền giáo dục Trung Quốc đã trải qua nhiều bước thăng trầm. Đáng chú ý nhất là trong những năm "cách mạng văn hóa", do có nhiều chủ trương và việc làm không đúng, nền giáo dục ở Trung Quốc bị tổn thất nghiêm trọng.

Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 3 khóa XI Đảng Cộng sản Trung Quốc (họp từ 18 đến 22 tháng 12 năm 1978) với đường lối cải cách mở cửa toàn diện đã mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử hiện đại Trung Quốc nói chung và cho sự nghiệp giáo dục nói riêng. Từ đó cho đến nay, dưới ánh sáng của các nghị quyết mới, Đảng và nhân dân Trung Quốc đã đạt được những thành tựu to lớn trong công cuộc cải cách xây dựng đất nước khiến cả thế giới phải khâm phục và thừa nhận.

Giáo dục là một bộ phận của xã hội, trong quá trình phát triển, giáo dục có nhiệm vụ đào tạo con người, chuẩn bị lực lượng sản xuất theo yêu cầu phát triển của một quốc gia. Vì vậy, khi điều kiện kinh tế xã hội biến đổi tất nhiên phải tiến hành cải cách và phát triển giáo dục, làm cho giáo dục đáp ứng được yêu cầu mới do sự biến đổi gây ra. Hơn nữa, trong quá trình xây dựng và phát triển, sự nghiệp giáo dục phải thích ứng với yêu cầu phát triển kinh tế quốc dân. Giáo dục

phải đào tạo được một đội ngũ chuyên gia, một lực lượng lao động hậu bị thích ứng với nền kinh tế theo một tỷ lệ có kế hoạch. Chất lượng giáo dục, trình độ dạy và học văn hóa, khoa học, không chỉ nhằm mục tiêu phục vụ tốt hơn nữa sự nghiệp xây dựng trước mắt, mà còn phải chuẩn bị cho nhu cầu phát triển lâu dài: không những phải căn cứ vào nhu cầu xây dựng và phát triển sản xuất, mà còn nhằm đáp ứng đầy đủ xu thế phát triển của khoa học kỹ thuật trong tương lai. Như vậy, cải cách và phát triển giáo dục là yêu cầu bắt buộc đáp ứng qui luật phát triển kinh tế xã hội, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của bất kỳ cá nhân nào. Muốn đáp ứng qui luật phát triển, tất yếu phải nâng cao trình độ của lực lượng sản xuất, vì vậy sự nghiệp giáo dục, đào tạo con người giữ vai trò quan trọng.

Ý thức được ý nghĩa của vấn đề, Trung Quốc đã từng bước nâng cao vị trí của nền giáo dục và đạt nhiều thành tựu đáng ghi nhận, đặc biệt phải kể tới sự thay đổi nhận thức về giáo dục trong toàn dân. Trung Quốc đã xác định đúng vị trí chức năng, mục tiêu của giáo dục nói chung và nhà trường nói riêng trong việc nâng cao tố chất dân tộc trong mỗi con người Trung Hoa, nhằm phục vụ công cuộc xây dựng và hiện đại hóa đất nước. Một số vấn đề khác như chương trình đào tạo, kết cấu chương trình phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá, chế độ tuyển sinh và các biện pháp kế hoạch để khắc phục những bất cập trong thi tuyển, v.v... Trung Quốc cũng đã có những thành công nhất định, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội hiện tại.

Tuy giáo dục Trung Quốc đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận nhưng cũng bộc lộ một số điều bất cập ví dụ như: chất lượng giáo dục không đồng đều, trình độ của người lao động, kết cấu tri thức của lực lượng lao động vẫn còn thấp, thích ứng không tốt với yêu cầu điều chỉnh ngành nghề và cạnh tranh quốc tế. Mặt khác, do yêu cầu bức thiết phải phát triển nhanh đối với giáo dục nên xuất hiện xu thế

quá thiên về bề rộng mà chưa chú ý đúng mức về bề sâu, nghĩa là chất lượng chưa được quan tâm đúng đắn nên chất lượng học tập phổ thông ở hầu hết các vùng nông thôn, miền núi cao, vùng sâu, vùng xa là tương đối thấp. Vì vậy, tiếp tục hoàn thiện thể chế giáo dục nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vẫn được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của Trung Quốc trong thời gian tới.

Công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc đã trải qua chặng đường hơn một phần tư thế kỷ. Tuy thời gian không dài, nhưng do có đường lối đúng đắn, thực sự cầu thị, mạnh dạn tìm tòi đúc rút kinh nghiệm nên Trung Quốc đã từ một nước nghèo nàn lạc hậu vươn lên trở thành một nền kinh tế có mức tăng trưởng cao liên tục, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt, vị thế quốc tế được nâng cao. Chính vì vậy, nước CHND Trung Hoa được nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam đặt vào vị trí hàng đầu. Giáo dục cũng là một lĩnh vực được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu, tìm hiểu.

Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng đã có quan hệ từ lâu đời. Do đặc điểm về địa lý và lịch sử nên nền giáo dục hai nước có nhiều ảnh hưởng, giao lưu qua lại. Ngày nay, hai nước đang cùng tiến hành công cuộc cải cách kinh tế nhằm xây dựng một nền kinh tế phát triển. Công cuộc đổi mới ở Việt Nam và công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc có nhiều nét tương đồng về mục tiêu cũng như tương tự về cách làm, do vậy giáo dục hai nước cũng có nhiều vấn đề giống nhau. Trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, Đảng và Nhà nước ta cũng xác định giáo dục và đào tạo cùng với khoa học công nghệ là “quốc sách hàng đầu”, cũng thời gian này ở Trung Quốc đang thực hiện chiến lược “khoa giáo hưng quốc” (Khoa học Giáo dục chấn hưng đất nước). Vì vậy, nghiên cứu về giáo dục ở Trung Quốc xét từ góc độ khoa học cũng như thực tiễn sẽ giúp chúng ta có được cái nhìn tổng thể về quá trình phát triển của nền giáo dục tiến bộ XHCN, vai trò của nó trong sự nghiệp xây dựng CNXH đặc sắc Trung Quốc và

tiếp thu, tham khảo những kinh nghiệm, góp phần gợi mở, tạo luận cứ khoa học cho các chủ trương chính sách trong quá trình đổi mới và phát triển giáo dục ở Việt Nam hiện nay.

Với mong muốn góp một phần nhỏ vào nhiệm vụ trên, cuốn sách nghiên cứu những diễn biến cụ thể của quá trình phát triển và cải cách giáo dục ở Trung Quốc, qua đó làm rõ những thành tựu cơ bản và những hạn chế chủ yếu của sự nghiệp giáo dục đối với các cấp, các ngành học, các khu vực, các địa phương ở Trung Quốc trong thời kỳ 1978-2003. Đồng thời cuốn sách cũng hệ thống hoá quá trình phát triển và cải cách giáo dục ở Trung Quốc từ năm 1978 đến năm 2003 thông qua việc sưu tầm, tập hợp và hệ thống một cách toàn diện và tương đối đầy đủ các nguồn tài liệu như các luật, chỉ thị, nghị quyết, chính sách giáo dục của nước CHND Trung Hoa trong thời kỳ 1978 - 2003 đối với các cấp, các ngành học, các khu vực, các địa phương qua từng giai đoạn trên chặng đường 25 năm cải cách phát triển của nước CHND Trung Hoa. Trọng tâm của cuốn sách là thời kỳ 1978 -2003 nhưng để có cái nhìn toàn diện hơn, phần đầu chúng tôi có trình bày khái quát về tình hình giáo dục ở Trung Quốc từ năm 1949 đến năm 1978. Trên cơ sở nghiên cứu những thành tựu và hạn chế của giáo dục Trung Quốc, cuốn sách gợi mở một số bài học tham khảo cho những người quan tâm đến giáo dục Trung Quốc và giáo dục Việt Nam.

Tuy nhiên, Trung Quốc là một quốc gia rộng lớn, đông dân và được phân bố thành nhiều vùng dân cư khác nhau. Mặt khác, nghiên cứu giáo dục lại có những đặc thù riêng, cho nên việc tiến hành nghiên cứu toàn bộ các vấn đề của giáo dục ở Trung Quốc cần có thời gian dài với sự tham gia của nhiều người. Với những lý do đó, mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng cuốn sách chắc chắn sẽ còn nhiều thiếu sót. Rất mong được bạn đọc phê bình góp ý để tác giả bổ xung sửa chữa.

NGUYỄN VĂN CÂN

Chương Một

KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH GIÁO DỤC Ở CHND TRUNG HOA TRƯỚC NĂM 1978

Ngày 21 tháng 9 năm 1949 Hội nghị Chính trị hiệp thương nhân dân Trung Quốc lần thứ nhất, tổ chức tại Bắc Kinh đã thông qua "Cương lĩnh chung", quyết định thành lập nước CHND Trung Hoa và sau đó ngày 1 tháng 10 năm 1949 nước CHND Trung Hoa chính thức ra đời. Từ đây, Trung Quốc bước vào thời kỳ cách mạng mới dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, thời kỳ Trung Quốc hoàn thành cách mạng dân chủ nhân dân, chuyển sang củng cố chính quyền, xây dựng cơ sở vật chất và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đưa đất nước từ một nền kinh tế nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu, nửa thực dân, nửa phong kiến tiến lên CNXH. Cùng với quá trình khôi phục và phát triển kinh tế, quốc phòng, Trung Quốc cũng bắt đầu xây dựng một nền giáo dục mới của nước CHND Trung Hoa.

I. GIAI ĐOẠN ĐẶT NỀN MÓNG CHO NỀN GIÁO DỤC TRUNG QUỐC (1949-1965)

1/ Đôi nét về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội

Trong 3 năm đầu (1949-1952), Chính phủ nước CHND Trung Hoa chủ yếu thực hiện việc củng cố chính quyền nhân dân, khôi phục nền kinh tế. Một trong những quyết định đầu tiên của Chính phủ Trung Quốc là xoá bỏ mọi đặc quyền đặc lợi của bọn đế quốc, tư sản mại bản, quốc hữu hoá tài sản của chúng như các nhà máy, hầm mỏ, ngân hàng, phương tiện giao thông... chuyển thành kinh tế quốc doanh và tiến hành xây dựng cơ sở kinh tế cho nước CHND Trung Hoa.

Vào những năm giữa thập niên 50 thế kỷ XX, tình hình thế giới cũng như khu vực dần dần đi vào ổn định, nhất là sau Hiệp định Bàn Môn Điểm về Triều Tiên, Hiệp định Gionevơ về Đông Dương cũng như 5 nguyên tắc chung sống hoà bình do Trung Quốc và Ấn Độ đề nghị được Hội nghị Băng Đung nhất trí thông qua. Đây là những điều kiện thuận lợi để Trung Quốc xây dựng và phát triển đất nước. Trên cơ sở những kết quả đã đạt được trong 3 năm đầu, ngay từ cuối năm 1952 Đảng Cộng sản Trung Quốc đề ra *Đường lối chung của thời kỳ quá độ* và bắt tay vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, tiến hành cải tạo XHCN đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp, đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa và dân chủ hóa đất nước.

Ngày 15 tháng 9 năm 1954, kỳ họp đầu tiên của Đại hội Đại biểu nhân dân Trung Quốc khoá I đã thông qua Hiến pháp nước CHND Trung Hoa và một số luật quan trọng. Đây chính là cơ sở pháp lý có tác dụng chỉ đạo trong một thời gian tương đối dài để Trung Quốc từng bước thực hiện công nghiệp hóa XHCN.

Từ năm 1957 đến năm 1965 là những năm Trung Quốc bắt đầu tiến hành xây dựng toàn diện CNXH. Theo đánh giá của Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc, tính đến năm 1956, chế độ XHCN ở Trung Quốc có thể coi là đã cơ bản được hình thành. Trung Quốc đã cơ bản hoàn thành cải tạo XHCN đối với chế độ sở hữu tư liệu sản xuất, bắt đầu bước vào thời kỳ xây dựng toàn diện CNXH. Trong đời sống xã hội, mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản về cơ bản có thể coi là không còn tồn tại, lúc này mâu thuẫn chủ yếu trong nước là mâu thuẫn giữa nhu cầu phát triển nhanh chóng kinh tế, văn hoá với tình trạng cơ sở kinh tế, văn hoá thiếu thốn, không đủ sức thỏa mãn nhu cầu của nhân dân. Mặt khác, từ thực tế của quá trình thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, dưới sự giúp đỡ của Liên Xô và bằng sự nỗ lực của chính mình, Trung Quốc đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Tuy vậy, khi tự nhìn lại, các nhà lãnh đạo Trung Quốc cho rằng do rập khuôn kinh nghiệm của Liên Xô nên sự phát triển của Trung Quốc cũng bộc lộ không ít sai sót. Đây chính là những rạn nứt đầu tiên trong quan hệ Xô-Trung.

Bước vào những năm cuối thập niên 50, mâu thuẫn Xô-Trung ngày càng căng thẳng, hai nước lớn nhất trong khối XHCN không chỉ mâu thuẫn về đường lối phát triển kinh tế mà còn có những quan điểm khác nhau trên nhiều vấn đề quốc tế. Liên Xô bắt đầu cắt viện trợ, rút chuyên gia... làm cho nhiều lĩnh vực kinh tế của Trung Quốc rơi vào tình trạng khó khăn. Chính trong hoàn cảnh đó, với tinh thần tự lực cánh sinh, Trung Quốc bắt đầu bước vào quá trình tìm kiếm con đường xây dựng CNXH theo cách riêng của mình. Do muốn đẩy nhanh tốc độ phát triển nên nhiều chủ trương kế hoạch của những năm thực hiện phong trào "đại nhảy vọt" được xây dựng mang tính nóng vội, duy ý chí làm cho tình hình kinh tế, xã hội có những hậu quả nặng nề. Thực tế trong những năm này, nền kinh tế Trung Quốc bị mất cân đối nghiêm trọng, nhất là giữa nông nghiệp với công nghiệp, giữa sản xuất tư liệu sản xuất và sản xuất hàng tiêu dùng... Vì vậy, Hội nghị Trung ương lần thứ 9 khoá VIII đã đưa ra chủ trương "điều chỉnh, củng cố, bổ sung, nâng cao" đối với nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, Trung Quốc cũng đề ra nhiệm vụ chủ yếu của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn này là thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1958-1962).

Để đáp ứng những đòi hỏi về phát triển kinh tế, xã hội giai đoạn này, Trung Quốc bắt đầu tiến hành cải tạo và xây dựng lại nền giáo dục mới được tiếp thu từ chế độ Quốc dân đảng.

2/ Cải tạo hệ thống giáo dục cũ

Sau giải phóng, chính quyền dân chủ nhân dân bắt tay vào cải tạo hệ thống giáo dục cũ của chế độ Quốc dân đảng để lại và tiến hành xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân mới do nhân dân lao động làm chủ và phát triển theo con đường XHCN. Căn cứ vào tình hình phát triển chung của cả nước, ngày 23 tháng 12 năm 1949, Bộ Giáo dục tổ chức Hội nghị công tác giáo dục toàn quốc lần thứ nhất tại Bắc Kinh. Hội nghị nhấn mạnh giáo dục phải phục vụ xây dựng đất nước, nhà trường phải mở cửa cho công nông và đề ra đường lối: "Nhất định phải tiến hành cải tạo và có phương châm kế hoạch thực hiện cải tạo từng bước đối với nền giáo dục cũ"¹. Các báo cáo và trao đổi đã xác định rõ phương châm và bước đi cụ thể của việc cải tạo nền giáo dục cũ và phương hướng phát triển nền giáo dục mới, triển khai ngay từ cuối năm 1949 trên toàn Trung Quốc.

Ngày 16 tháng 12 năm 1949 Chính vụ viện (sau này đổi là Quốc vụ viện) ra quyết định thành lập Đại học Nhân dân Trung Quốc tại Bắc Kinh để thực hiện nhiệm vụ trước mắt là đào tạo cán bộ cho sự nghiệp giáo dục cũng như sự nghiệp xây dựng và kiến thiết Trung Quốc. Đối với các trường đại học khác, trong năm 1950 Trung Quốc thực hiện việc thống nhất chiêu sinh và thống nhất phân phối học sinh

1. Cao Kỳ. *Chặng đường giáo dục nước Trung Quốc mới*. Nxb Giáo dục Hà Bắc Trung Quốc năm 1996, tr. 10 (tiếng Trung).

tốt nghiệp. Sau Bắc Kinh, tại các địa phương nếu chưa đủ điều kiện thành lập các trường đại học đều tiến hành thành lập các trường trung học công nông cấp tốc và các trường học ngoài giờ. Ngoài ra, căn cứ vào tình hình cụ thể của từng tỉnh, tháng 12 năm 1950 các địa phương như Thẩm Dương, Đại Liên, Cáp Nhĩ Tân, Thái Nguyên, Bảo Định, Tây An, Lan Châu, Vô Tích... thành lập các trường trung học cấp tốc có nhiệm vụ bổ túc văn hoá cho cán bộ công nông. Các trường học kiểu này phát triển rất nhanh, thu hút đông đảo các đối tượng từ thanh niên đến trung niên và cả người già cũng tham gia học tập. Cũng trong năm 1950, Trung Quốc bắt đầu thực hiện việc thống nhất chiêu sinh và thống nhất phân phối học sinh tốt nghiệp của các trường đại học, nhưng vẫn cho phép các trường được tự chiêu sinh và học sinh tốt nghiệp được tự tìm việc làm theo nguyện vọng. Tháng 9 năm 1950 Bộ Giáo dục quyết định giáo trình của các trường trung học, tiểu học do trung ương thống nhất cung cấp và ngày 8 tháng 12 thành lập Nhà xuất bản Giáo dục nhân dân. Nhà xuất bản chịu trách nhiệm thống nhất việc biên soạn và xuất bản giáo trình trung, tiểu học trên toàn Trung Quốc. Từ mùa Thu năm 1951 bắt đầu phát hành giáo trình mới.

Chính yêu cầu xây dựng nhanh cơ sở kinh tế, xã hội cho CNXH, yêu cầu nâng cao mức sống, chống lại đói nghèo đã đặt Đảng và nhân dân Trung Quốc vào tình thế bức xúc, đòi hỏi giáo dục phải phát triển đáp ứng nhu cầu

nâng cao trình độ cho công nông. Vì vậy, ngành giáo dục Trung Quốc đã tiến hành điều chỉnh mạng lưới các trường đại học, cải cách việc dạy học trong nhà trường các cấp, mở các lớp học cấp tốc cho công nhân, nông dân, thực hiện chế độ trợ cấp học phí cho nhân dân lao động. Quá trình điều chỉnh của sự nghiệp giáo dục được đặt vào kế hoạch nhà nước, gắn hoạt động dạy học trong nhà trường với yêu cầu xây dựng kinh tế, củng cố quốc phòng và yêu cầu đào tạo nhân tài chuyên môn cho sự nghiệp cải tạo, xây dựng CNXH.

Sau khi có phương hướng phát triển kinh tế, xã hội của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, tháng 5 năm 1953 Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc tổ chức hội nghị thảo luận về công tác giáo dục. Căn cứ vào tình hình thực tế của đất nước, hội nghị quyết định tiến hành thống kê toàn bộ các trường tiểu học dân lập. Hội nghị đưa ra quan điểm chỉ đạo quá trình thực hiện ở các địa phương theo hướng không tiếp thu tất cả các trường dân lập như nhau mà tiến hành chuyển giao từng bước và sau đó là chuyển giao tất cả các trường trung, tiểu học tư thục cho Nhà nước quản lý. Ở nông thôn nói chung, trước mắt phải phân làm 3 loại: Trung tâm tiểu học, tiểu học không chính qui và tiểu học cấp tốc. Quá trình chuyển giao theo phương châm chung là: đầu tiên tiếp thu các trường do vốn của bên ngoài tức là người nước ngoài thành lập hoặc tư bản Trung Quốc thành lập nhưng đã bỏ chạy, sau đó mới tiếp quản các trường do tư nhân trong

nước thành lập. Các trường khó khăn thì tiếp quản trước, trường còn có hiệu quả thì tiếp quản sau. Về cơ bản, các trường trung học tiếp quản trước, tiểu học tiếp quản sau. Quyết định này cũng thể hiện quan điểm ưu tiên giáo dục của Đảng và Nhà nước Trung Quốc.

Tháng 9-1954, Kỳ họp thứ nhất Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa I đã thông qua Hiến pháp nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa và ngày 20 tháng 9 Đoàn Chủ tịch công bố chính thức. Đây là bộ luật đầu tiên của nước Trung Hoa mới, lấy hình thức pháp luật xác định tính chất phục vụ đại chúng nhân dân của nền giáo dục Trung Quốc. Trong phần quyền lợi và nghĩa vụ của công dân ghi rõ: "Mọi công dân nước CHND Trung Hoa đều có quyền lợi được học tập. Nhà nước sẽ từng bước xây dựng các loại trường học và các cơ quan văn hoá khác để đảm bảo cho công dân thực hiện các quyền lợi này. Nhà nước đặc biệt quan tâm đến sự phát triển trí lực và thể lực của tầng lớp thanh niên". "Nhà nước khuyến khích và giúp đỡ các hoạt động mang tính sáng tạo của công dân trên các lĩnh vực khoa học, giáo dục, văn học, nghệ thuật và các sự nghiệp văn hoá khác". "Phụ nữ của nước CHND Trung Hoa có quyền lợi bình đẳng với nam giới trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và trong cuộc sống gia đình". (xem thêm phụ lục 2)

Phương châm nhiệm vụ của công tác văn hoá giáo dục năm 1954 cũng chỉ rõ: "Giáo dục trung cấp và giáo dục sơ cấp nên quán triệt phương châm phát triển toàn diện".

Nghĩa là muốn xây dựng CNXH và CNCS thì mỗi một công dân phải được phát triển toàn diện cả về đức, trí, thể, mĩ. Sự phát triển toàn diện này đòi hỏi cả tư tưởng và thể lực đều phát triển lành mạnh.

Đối với các lớp trung học cấp tốc cho công nhân và nông dân, ngày 9 tháng 7 năm 1955 Bộ Giáo dục ra thông tri về việc tuyển sinh. Theo thông tri này việc chiêu sinh từ 1955 sẽ thực hiện vào mùa thu. Thực tiễn chứng minh đối với cán bộ công nhân, nông dân việc học tập kiến thức văn hoá khoa học không thể thực hiện đơn thuần theo phương châm trật tự, tiến dần từng bước như với lứa tuổi học sinh mà có thể dùng phương pháp học tập cấp tốc theo từng kỳ ngắn hạn. Phương pháp này cũng có thể dùng để tiếp thu kiến thức ở bậc cao trung. Đây chính là biện pháp khắc phục để bổ xung kiến thức cho giáo dục đối với người lớn tuổi.

Mặt khác để xúc tiến thực hiện phương châm giáo dục phục vụ chính trị của giai cấp vô sản, kết hợp giáo dục với lao động sản xuất và xuất phát từ tình hình thực tế của Trung Quốc, tháng 9-1958 Chủ tịch Lưu Thiểu Kỳ đã khởi xướng "Hai loại chế độ giáo dục" là trường học với chế độ học cả ngày và trường học theo chế độ vừa học vừa làm, "Hai loại chế độ lao động" là nhà máy, cơ quan làm việc 8 tiếng và nhà máy, cơ quan vừa làm vừa học¹. Chủ trương

1. Bản tin Trung Quốc tháng 5 năm 2000.

này đã tạo ra hướng đi mới cho việc phổ cập giáo dục và thay đổi tình trạng giáo dục thoát ly thực tế sản xuất, đồng thời cũng tạo điều kiện để phát triển dạy nghề ở Trung Quốc. Chính vì vậy, việc đưa ra "Hai loại chế độ giáo dục" và "Hai loại chế độ lao động" là biện pháp cần thiết để bồi dưỡng và dạy học ở cấp cơ sở, thực hiện nhiệm vụ chống tái mù chữ và phổ cập giáo dục ở Trung Quốc.

3/ Xây dựng nền giáo dục mới của nước CHND Trung Hoa

Đối với công tác cải tạo và xây dựng giáo dục, bản "Cương lĩnh chung" được Hội nghị Chính trị hiệp thương nhân dân Trung Quốc lần thứ nhất thông qua tháng 9 năm 1949 có thể coi là bộ luật cơ bản chỉ đạo những bước đi đầu tiên của giai đoạn đầu dựng nước. Điều thứ 41 trong Cương lĩnh qui định: "Nền văn hoá giáo dục của nước CHND Trung Hoa phải phục vụ chủ nghĩa dân chủ mới, dân tộc mới, khoa học mới và văn hoá giáo dục đại chúng. Công tác giáo dục văn hoá của Chính phủ phải nhằm nâng cao trình độ văn hoá của nhân dân, giúp quốc gia bồi dưỡng nhân tài, quét sạch tư tưởng phong kiến, mại bản, phát xít cùng với việc phát triển tư tưởng vì nhân dân phục vụ là nhiệm vụ chủ yếu"¹.

Trong Cương lĩnh, đối với lĩnh vực văn hoá giáo dục còn có qui định: "Giáo dục và bồi dưỡng lòng yêu Tổ quốc,

1. Cao Kỳ, sdd, tr. 8.

yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, bảo vệ tài sản công cộng là công sức và nhiệm vụ của toàn thể công dân nước CHND Trung Hoa". "Nỗ lực phát triển khoa học tự nhiên để phục vụ sự nghiệp xây dựng nông nghiệp, công nghiệp, quốc phòng và khích lệ những phát hiện, phát minh khoa học, nhằm phổ cập những kiến thức khoa học..."¹. Đây thực sự là những nhiệm vụ nặng nề nhưng vô cùng quan trọng và cần thiết đối với nền giáo dục mới được phục hồi.

Để thực hiện những nhiệm vụ đối với văn hoá và giáo dục được ghi trong Cương lĩnh, ngày 1 tháng 11 năm 1949, Quốc vụ viện quyết định thành lập Bộ Giáo dục và Mã Tư Luân được cử làm Bộ trưởng đầu tiên. Nhiệm vụ ban đầu của Bộ Giáo dục là quản lý giáo dục phổ thông, giáo dục sư phạm, giáo dục vùng dân tộc thiểu số, giáo dục công nông tại các địa phương. Các cơ quan hành chính quản lý giáo dục ở địa phương được chia thành tỉnh, địa khu, huyện, hình thành cơ chế quản lý ba cấp.

Ngày 10 tháng 1 năm 1951, Quốc vụ viện công bố qui định mới về cải cách thể chế giáo dục. Qui định đã nêu rõ chế độ giáo dục tiếp nhận từ chế độ cũ để lại có rất nhiều nhược điểm, trong đó nhược điểm quan trọng nhất là các lớp, các trường dành cho cán bộ, công nhân, nông dân chưa có một vị trí xứng đáng. Thời gian học tập hiện đang thực hiện, cũng như việc phân hai cấp học của trình độ tiểu học

1. Cao Kỳ, sdd, tr. 10.

là 6 năm (sơ tiểu và cao tiểu) làm cho đại đa số cán bộ, công nhân viên chức rất khó tiếp nhận được một cách đầy đủ nghĩa vụ học tập. Chế độ học tập như vậy rất hạn chế trong việc đào tạo và bồi dưỡng nhân tài cho sự nghiệp xây dựng đất nước. Các nhược điểm này phải được sửa đổi theo phương hướng tăng cường công tác giáo dục, bồi dưỡng trình độ văn hoá cho lực lượng lao động; cần phải xây dựng một chế độ hợp lý để các trường, các cấp học có thể tương trợ giúp đỡ, tiếp thu thành quả của nhau. Mục đích cao nhất của chế độ học tập này là nâng cao trình độ văn hoá cho người lao động, phục vụ cho sự nghiệp xây dựng đất nước. Qui định này còn nêu cụ thể các chế độ chính sách đối với từng cấp học, ngành học. Mặt khác, do xác định nhiệm vụ nâng cao trình độ văn hoá cho cán bộ, công chức trong giai đoạn này là một yêu cầu bức thiết, hơn nữa việc thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ này cũng rất khó khăn, nên Chính phủ Trung Quốc cũng dành sự quan tâm thích đáng. Trong 5 năm, từ năm 1949 đến năm 1953 Quốc vụ viện đã chỉ đạo Bộ Giáo dục tổ chức đến 15 cuộc hội nghị để bàn về nhiệm vụ phát triển giáo dục, bình quân mỗi năm tổ chức 3 lần¹.

Đối với các trường đại học, trung học và tiểu học, công việc trước tiên phải làm là thủ tiêu “chế độ huấn đạo” phản động, đồng thời tiến hành xây dựng chương trình chính trị với mục tiêu lấy giáo dục nhân sinh quan cho học sinh làm

1. Bùi Đức Thiệp. *Tư tưởng giáo dục ở Cộng hoà nhân dân Trung Hoa (1949 đến nay)*. Luận văn Thạc sĩ, Viện Khoa học giáo dục, Hà Nội, 1998, tr. 19.

chính và thực hiện chế độ quản lý dân chủ. Ngay từ cuối năm 1949 và đầu năm 1950, Trung Quốc đã thành lập các tổ chức Đảng Cộng sản trong nhà trường, thành lập Đoàn Thanh niên dân chủ mới, Đội Thiếu niên, Đội Nhi đồng, Hội học sinh và các tổ chức giáo viên công chức nhà nước. Cũng thời gian này, tại các địa phương, Quốc vụ viện đã cho phép thành lập Ủy ban Giáo dục công nhân viên chức và đến ngày 24 tháng 1 năm 1951 thành lập Ủy ban Giáo dục công nhân viên chức toàn quốc¹. Tháng 2 năm 1951, Ủy ban Văn hoá Giáo dục của Quốc vụ viện họp và phê chuẩn "Biện pháp thực hiện tạm thời về giáo dục công nhân viên chức". Thông báo qui định rõ: "Muốn nâng cao năng lực quản lý nhà nước, nâng cao trình độ sản xuất và bảo vệ quốc phòng của cán bộ công nhân viên chức thì nhiệm vụ trước mắt của giáo dục là nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, trình độ khoa học kỹ thuật cho những người trình độ còn chưa đủ"².

Đối với các cấp học phổ thông, tháng 3 năm 1952 Bộ Giáo dục ban hành dự thảo "Những qui định tạm thời đối với học sinh trung học". Phân nhiệm vụ ghi rõ: "Dùng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Mao Trạch Đông kết hợp với thực tiễn cách mạng Trung Quốc để giáo dục những kiến thức văn hoá phổ thông cho thanh niên, nhằm mục đích đào tạo họ thành thanh niên thời đại mới có

1. Bùi Đức Thiệp, sdd, tr. 12.

2. Cao Kỳ, sdd, tr. 68.

sự phát triển toàn diện, làm cơ sở để họ có thể tiếp tục vươn lên, có thể học tập trong các trường cao đẳng và đại học nhưng cũng có thể tham gia ngay vào công tác xây dựng xã hội". Theo những qui định của dự thảo, công tác giáo dục được áp dụng trong trường trung học đã xác định chế độ trách nhiệm đối với giáo viên đó là giáo viên phụ trách công tác giáo dục và chỉ đạo những hành vi tư tưởng của học sinh theo phương châm phát triển giáo dục toàn diện trong nhà trường trung học. Các giáo viên trung học cũng căn cứ vào lý luận và thực tiễn để xây dựng phương pháp giảng dạy thống nhất, đồng thời kết hợp với thực tế đấu tranh cách mạng và xây dựng Tổ quốc để tiến hành giảng dạy nhằm thu được kết quả tốt nhất, rèn luyện cho học sinh nắm vững được những nội dung cơ bản, có phương pháp vận dụng kiến thức đó vào trong thực tế. Mục đích chủ yếu là rèn luyện học sinh trở thành những con người phát triển toàn diện cả về đức, trí, thể, mỹ. Nhấn mạnh về phương hướng và mục tiêu giáo dục toàn diện cho học sinh, Mao Trạch Đông trong bài phát biểu tại Đại hội đại biểu lần thứ II Đoàn Thanh niên dân chủ Trung Quốc, ngày 30 tháng 6 năm 1953 đã chỉ rõ: "Từ 14 tuổi đến 25 tuổi là tuổi thanh niên, đây là tuổi học tập, tuổi công tác nhưng tuổi thanh niên cũng là thời kỳ thân thể khỏe mạnh. Nếu như thanh niên mà không chú ý đến sức khỏe thì rất nguy hiểm". "Tôi chúc thanh niên 3 câu: Một chúc thanh niên thân thể khỏe mạnh. Hai chúc thanh niên học tập tốt. Ba chúc thanh niên công tác tốt". Từ đó "ba tốt" trở thành mục đích bồi dưỡng của

các cấp, các ngành, các trường học¹. Như vậy, mục tiêu chủ yếu của các trường phổ thông trong giai đoạn này, ngoài yêu cầu rèn luyện cho học sinh ở các cấp học kỹ năng sử dụng chính xác tiếng phổ thông để học tập và tiếp thu những kiến thức khoa học cơ bản, rèn luyện bồi dưỡng thế giới quan khoa học, còn phải giáo dục cho học sinh lòng yêu Tổ quốc, tinh thần vì nhân dân phục vụ nhằm đào tạo học sinh trở thành những thanh niên mới, những thanh niên yêu nước, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, có ý thức giữ gìn và bảo vệ tài sản công cộng, dũng cảm và tôn trọng kỷ luật...

Trên cơ sở 2 năm thực hiện "Những qui định tạm thời đối với học sinh trung học", năm 1954 Bộ Giáo dục triệu tập hội nghị giáo dục trung học toàn quốc. Hội nghị đã nêu ra những vấn đề thực tế tại các địa phương trong 2 năm trước đó, những bài học cần được nhân rộng trong các trường trung học, đồng thời cũng nêu ra một số vấn đề cần giải quyết trong những năm tới. Từ những kết quả của Hội nghị, tháng 4 năm 1954 Quốc vụ viện Trung Quốc chính thức công bố "Chỉ thị về các vấn đề cải tiến và phát triển giáo dục trung học" và gần một năm sau, tháng 2 năm 1955 ban hành "Điều lệ học sinh tiểu học". Trong 20 điều của bản Điều lệ, ngoài những qui định theo nghĩa vụ chung đối với mỗi học sinh như "nỗ lực phấn đấu làm người học sinh tốt, thân thể khỏe mạnh, kết quả học tập tốt, đạo đức tốt để

1. Cao Kỳ, sdd, tr. 83.

phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân", còn đề ra những qui định, yêu cầu cụ thể như: "Tôn trọng quốc kỳ, tôn trọng lãnh tụ nhân dân", "nghe lời hiệu trưởng và thầy giáo, yêu trường, yêu lớp, yêu quý cha mẹ, tôn trọng người già, bảo vệ của công, tôn trọng nội qui nơi công cộng, v.v...".

Sau một số năm cải tạo và xây dựng, các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước Trung Quốc nhận thấy rằng một trong những yêu cầu rất quan trọng của sự nghiệp xây dựng CNXH là phải tiếp cận tốt nhất tri thức khoa học và kỹ thuật tiên tiến của thế giới. Trong điều kiện hiện tại của Trung Quốc, để thực hiện được nhiệm vụ này trước hết phải động viên và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức. Chủ tịch Mao Trạch Đông cũng khẳng định muốn thực hiện cách mạng văn hoá, khoa học kỹ thuật cần phải xây dựng được một đội ngũ trí thức. Mao Trạch Đông nói: "Trung Quốc cần có đông đảo cán bộ trí thức, toàn Đảng phải nỗ lực học tập tri thức khoa học, đoàn kết với trí thức ngoài Đảng, phấn đấu nhanh chóng đuổi kịp trình độ tiên tiến trên thế giới"¹. Vì vậy, tháng 1 năm 1956 Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã mở hội nghị về vấn đề trí thức. Tại hội nghị này Chu Ân Lai đã trình bày một báo cáo quan trọng nêu rõ: "Sau khi giải phóng đất nước, chính sách đoàn kết, giáo dục và cải tạo những phân tử trí thức cũ của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thu được những thành tựu to lớn. Những phân tử trí thức cũ không còn mang tính chất trung gian nữa

1. Cao Kỳ, sdd, tr. 83.

mà đại bộ phận đã trở thành nhân viên, công chức nhà nước, phục vụ cho sự nghiệp xây dựng XHCN, trở thành một bộ phận của giai cấp công nhân. Chúng ta đã biến đổi họ trở thành những trí thức mới, những người lao động mới, luôn phấn đấu vì mục tiêu xây dựng XHCN¹. Các ý kiến trong hội nghị đã phân tích yêu cầu phát triển khoa học và tận dụng tri thức khoa học nhằm nâng cao năng lực sản xuất ở thời đại XHCN cần thiết hơn bất kỳ thời đại nào trước đây. Khoa học kỹ thuật là nhân tố có tính chất quyết định, có quan hệ tới tất cả các mặt từ quốc phòng, kinh tế và văn hoá, giáo dục... Vì vậy, kết luận của hội nghị nêu rõ: muốn thực hiện công nghiệp hoá XHCN, điều tất yếu phải dựa vào sự hợp tác chặt chẽ giữa lao động chân tay và lao động trí óc, dựa vào khối liên minh giữa công nhân, nông dân và trí thức. Quan điểm này đã được khẳng định tại Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ VIII tháng 9 năm 1956. Về lĩnh vực giáo dục, Báo cáo chính trị do Lưu Thiệu Kỳ trình bày đã nêu rõ: "Sự nghiệp phát triển văn hoá giáo dục có một vị trí rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng CNXH". "Trong kế hoạch 5 năm lần thứ hai, mục tiêu phấn đấu là tăng số học sinh cao đẳng và đại học lên gấp đôi, đồng thời số học sinh trung cấp, học sinh phổ thông các cấp cũng phải tăng lên ở mức tương đương"². Về phương hướng

1. Bản tin Trung Quốc tháng 2 năm 1999.

2. Hách Khắc Minh chủ biên, *20 năm cải cách thể chế giáo dục ở Trung Quốc*, Nxb Trung Châu cổ tịch, Hà Nam Trung Quốc, năm 1998, tr. 179 (tiếng Trung).

chung, ngoài những vấn đề cần phải giải quyết trong hệ thống giáo dục. Đại hội cũng đề ra cần chú ý đẩy mạnh việc giáo dục khoa học cho công nhân. Đối với giáo dục đại học thì phải lấy nhiệm vụ phát triển khoa học kỹ thuật và khoa học lý luận làm trọng điểm, chú trọng phát triển các ngành khoa học như nông lâm nghiệp, sư phạm... Đối với giáo dục phổ thông, ngoài các lớp chính qui mà chủ yếu là học sinh trong độ tuổi đi học, cần tổ chức các lớp trung học và tiểu học không chuyên nhằm nỗ lực thanh toán nạn mù chữ.

Trong quá trình xây dựng chế độ giáo dục của nước CHND Trung Hoa, vấn đề đào tạo con người như thế nào là một vấn đề trọng yếu rất được quan tâm. Nhằm mục đích chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của Đại hội VIII, tháng 2 năm 1957 Mao Trạch Đông viết bài "Về vấn đề xử lý đúng đắn mâu thuẫn nội bộ nhân dân". Bài viết đã chỉ ra: "Phương châm giáo dục của Trung Quốc là phải để người được hưởng giáo dục cụ thể là nhân dân lao động, được phát triển cả về các mặt đức dục, trí dục và thể dục, trở thành những người lao động có giác ngộ xã hội chủ nghĩa, có văn hóa"¹. Phương châm này được đưa ra đã phát huy vai trò chỉ đạo cơ bản đào tạo con người như thế nào trong sự nghiệp giáo dục.

Sau hội nghị bàn về vấn đề trí thức, tháng 5 năm 1956 Ban Tuyên truyền của Trung ương Đảng Cộng sản Trung

1. Bùi Đức Thiệp, sđd, tr. 26.

Quốc chính thức đề xuất phương châm "trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng", phương châm này có nội dung rất phong phú, làm cho văn học, nghệ thuật, khoa học phát triển mạnh mẽ. Để quán triệt phương châm giáo dục này, trong những năm đầu tại nhà trường các cấp, nhất là ở các trường trung học cấp tốc, ngoài chủ trương đưa giáo dục đạo đức và giáo dục phương hướng chính trị thành những môn học có vị trí trọng yếu, tùy vào từng thời gian cụ thể, môn học thường thức về cách mạng Trung Quốc đã tăng thêm một số giờ tương đối nhiều. Mặt khác, các nhà trường còn đưa ra yêu cầu cao với thanh niên học sinh trong khi học tập chủ nghĩa Mác là phải nỗ lực cải tạo thế giới quan, nâng cao giác ngộ XHCN và xây dựng tư tưởng phục vụ nhân dân.

Để tìm hiểu thực chất công tác giáo dục ở các địa phương đồng thời tìm ra các biện pháp chỉ đạo công tác, Bộ Giáo dục tiếp tục tổ chức các hội nghị về qui hoạch khoa học giáo dục và bàn các biện pháp để đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, nhằm tìm ra những bước đi đúng đắn cho sự nghiệp giáo dục trong thời kỳ mới. Chính tại các hội nghị này, các nhà nghiên cứu giáo dục Trung Quốc đã nhận thấy yêu cầu cần thiết phải có một cơ quan có chức năng chỉ đạo nhiệm vụ này trong toàn quốc. Vì vậy, tháng 6 năm 1956 Bộ Giáo dục quyết định chuẩn bị thành lập Viện Nghiên cứu khoa học giáo dục ở Trung ương, với chức năng ban đầu của Viện là cơ quan trợ giúp cho Bộ trong công

cuộc xây dựng chế độ giáo dục XHCN (tháng 10 năm 1960 Viện này chính thức ra mắt).

Tháng 8 năm 1958, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ban hành "Quyết định về việc thành lập công xã nhân dân ở nông thôn" với phương châm trước mắt là xây dựng và phát triển các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, chăn nuôi, đồng thời chú trọng thành lập các công xã nhân dân kết hợp công, nông, thương nghiệp để có điều kiện lãnh đạo nông dân tham gia tích cực hơn vào sự nghiệp xây dựng CNXH, sản xuất ra nhiều của cải vật chất cho CNXH. Quyết định còn chỉ ra phải làm tốt việc xây dựng thí điểm để nhanh chóng phát triển ra toàn quốc. Tuy nhiên, muốn làm tốt nhiệm vụ này giáo dục Trung Quốc phải có một vai trò trọng yếu.

Xuất phát từ tinh thần đó, ngày 19 tháng 9 năm 1958 Trung ương Đảng và Quốc vụ viện ra công bố "Chỉ thị về công tác giáo dục", một văn kiện có tính chất như một bản cương lĩnh về xây dựng và phát triển giáo dục trong thời kỳ này. Tinh thần của Chỉ thị cho thấy trong quá trình xây dựng CNXH ở Trung Quốc đã xuất hiện tình thế cho phép sản xuất công nghiệp, nông nghiệp không nhất thiết phải tiến hành theo trật tự từng bước như những năm trước đây mà có thể thực hiện những bước "đại nhảy vọt", mục đích cuối cùng vẫn là hoàn thành cách mạng XHCN. Chỉ thị còn cho rằng trong thời gian 9 năm kể từ khi giải phóng, nền giáo dục đã đạt được những thành

tích to lớn, tuy vậy có những thời gian giáo dục còn có những sai lầm như xa rời lao động, xa rời thực tiễn và ở mức độ nào đó còn có biểu hiện coi nhẹ chính trị, coi nhẹ sự lãnh đạo của Đảng. Đây chính là nguyên nhân Trung Quốc tiến hành xây dựng chế độ giáo dục theo phương châm “Giáo dục phục vụ chính trị của giai cấp vô sản, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, Đảng phải lãnh đạo công tác giáo dục”. Thực hiện Chỉ thị về công tác giáo dục, hầu hết các trường học đã có tiết lao động, tổ chức học sinh vừa học vừa làm vừa tham gia tích cực vào các hoạt động thực tiễn của xã hội.

Vào cuối những năm 50, đầu những năm 60 của thế kỷ XX, theo đường lối chung là “Dốc lòng hăng hái, tranh thủ vươn lên hàng đầu, sản xuất nhanh, nhiều, tốt, rẻ góp phần xây dựng nhanh CNXH”, việc thực hiện đường lối “Ba ngọn cờ hồng”, đặc biệt là việc xây dựng “Công xã nhân dân” và “Đại nhảy vọt” bất chấp mọi qui luật khách quan, không quan tâm tới trình độ phát triển của quan hệ sản xuất đương thời đã làm cho nền kinh tế Trung Quốc bị đảo lộn, đời sống nhân dân Trung Quốc lâm vào tình trạng khó khăn nguy kịch. Cũng chính bởi những yêu cầu “nóng vội” của các kế hoạch “Đại nhảy vọt” với việc thực hiện chương trình “Giáo dục bằng lao động sản xuất là chính” và “Toàn Đảng, toàn dân làm giáo dục” tuy có kết quả là làm cho số lượng các loại hình nhà trường tăng lên, nhất là loại trường vừa học vừa làm dành cho công nông nhưng do những khó

khăn về kinh tế, về trình độ học vấn, sự không đồng đều của các đối tượng nhập học ở các trường, nên yêu cầu về chất lượng đã bị hạ thấp để thỏa mãn nhu cầu học tập. Quan niệm "Giáo dục kết hợp với lao động sản xuất" cũng bị bóp méo. Tại trường học các cấp, thời gian dạy học trên lớp bị cắt giảm phần lớn, giáo viên, học sinh phải xuống các vùng nông thôn và vào các nhà máy để dạy và học tại hiện trường. Hậu quả là cùng với những tổn thất trong lĩnh vực kinh tế, lĩnh vực giáo dục cũng bị tổn hại đáng kể. Do phải tham gia lao động sản xuất quá nhiều nên trật tự dạy học thông thường bị ảnh hưởng, hoạt động trí dục bị coi nhẹ, dẫn đến tình trạng chất lượng giáo dục đào tạo sút kém, trình độ học vấn của thanh thiếu niên thấp so với yêu cầu xã hội và nhiều thanh thiếu niên không có kỹ năng nghề nghiệp cụ thể. Tỷ lệ người mù chữ vẫn không thuyên giảm, thậm chí có nhiều người đã đi học 2 hoặc 3 năm nhưng trên thực tế vẫn mù chữ. Đến cuối năm 1958, ở Trung Quốc nạn đói diễn ra trầm trọng, đồng ruộng bị bỏ hoang, nhà máy đóng cửa vì thiếu nguyên liệu, thiếu lương thực và cũng vì lực lượng lao động sản xuất chủ yếu còn phải tập trung vào "luyện thép". (Năm 1958 là năm lấy "sản xuất thép làm cương lĩnh hoạt động" và để đạt sản lượng 18 triệu tấn thép, toàn dân phải tham gia luyện thép bằng cả những lò thủ công)¹. Có những nơi còn có hiện tượng kế hoạch dạy và học thay đổi, chính quyền nhiều địa

1. Cao Kỳ, sđd, tr. 169.

phương còn đóng cửa trường học để tham gia làm gang thép mà các cơ quan quản lý giáo dục ở các cấp cũng không quản lý được.

Trước tình hình đó, Trung Quốc buộc phải thực hiện chủ trương "Điều chỉnh, củng cố, bổ sung và nâng cao". Tháng 4 năm 1959, Hội nghị lần thứ nhất Đại hội Đại biểu Nhân dân toàn Trung Quốc khoá II, Quốc vụ viện Trung Quốc đã trình bày báo cáo công tác của Chính phủ, tổng kết các thành tựu trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và của năm 1958, đề ra nhiệm vụ kinh tế năm 1959 và chỉ ra phương châm, nhiệm vụ trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục. Báo cáo vạch rõ: Giáo dục phải tiến hành hợp nhất hoặc đình hoãn các loại trường vừa học vừa làm, chú trọng yêu cầu đào tạo nhân tài và qui định các hoạt động chính trị và lao động sản xuất trong nhà trường không được cản trở việc học tập văn hóa và chuyên môn nghiệp vụ của học sinh, v.v... Trong thời gian tới các địa phương chú trọng lựa chọn phương pháp kết hợp giữa phổ cập và nâng cao trong công tác giáo dục. Để thực hiện phổ cập văn hóa và đáp ứng nhu cầu của sự nghiệp xây dựng CNXH, ngoài các trường chính qui theo chế độ học tập cả ngày, cần tiếp tục phát triển các trường học nửa ngày, trường bổ túc ở các vùng nông thôn, vùng mỏ, đồng thời chú ý nâng cao chất lượng dạy học của tất cả các loại trường¹.

1. Cao Kỳ, sdd, tr. 197.

4/ Một số biện pháp cải tạo và phát triển giáo dục

**** Tiến hành xóa mù chữ và tiếp quản các trường dân lập***

Trung Quốc tuy là một quốc gia rất coi trọng giáo dục nhưng do một thời gian dài sống trong chế độ nửa thực dân, nửa phong kiến nên quyền lợi được tiếp thu giáo dục của nhân dân bị hạn chế. Mặt khác, do nền kinh tế lạc hậu nên số lượng người lớn tuổi mù chữ đến những năm 40 của thế kỷ XX vẫn còn rất đông đảo. Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa được qui định tại điều 19 và 23 chương I, điều 46 chương II (xem phụ lục 2), khi Trung Quốc bắt tay vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, nhiệm vụ quan trọng và được ưu tiên khi tiến hành cải tạo chế độ giáo dục cũ là xóa mù chữ và phổ cập giáo dục cho các đối tượng công nhân, nông dân và các chiến sỹ quân giải phóng.

Thực tế giáo dục ở Trung Quốc có những đặc thù mà các quốc gia khác ít thấy, ví dụ do đặc điểm riêng của chữ viết nên Trung Quốc có khái niệm mù chữ và nửa mù chữ. Theo qui định của Bộ Giáo dục Trung Quốc, người sống ở đồng bằng và thành phố phải biết được 2000 chữ thông dụng trở lên, có thể viết được một bài văn ngắn khoảng 200 đến 300 chữ, vùng núi và người dân tộc thiểu số thì chỉ cần khoảng 1500 chữ, được coi là thoát khỏi mù chữ. Để xác định được vấn đề này, các tỉnh và thành phố trực thuộc hay khu tự trị đều phải tổ chức kiểm tra theo chương trình của Bộ Giáo dục. Công dân Trung Quốc phải theo học đến một

trình độ nhất định, tức là phải đọc và viết được khoảng 2000 hoặc 1500 chữ mới được tham gia kiểm tra. Nếu ai đạt yêu cầu của kỳ kiểm tra thì được coi là thoát mù chữ và được cấp giấy chứng nhận. Nếu không đạt yêu cầu trong kỳ kiểm tra hay là chỉ đọc được nhưng không viết được, hoặc đã theo học đến trình độ có thể tham gia kiểm tra nhưng chưa tham gia thì được gọi là nửa mù chữ. Những người trình độ thấp hơn nửa mù chữ thì gọi chung là mù chữ ¹.

Để thực hiện các chỉ thị về công tác xoá mù chữ, cùng với việc triển khai xoá mù chữ và dạy cho công nhân, nông dân biết chữ, các địa phương còn tiến hành mở các trường nghiệp dư công nông, trường bổ túc văn hóa cán bộ, trường trung học bổ túc công nông cấp tốc và lớp dự bị đại học tương ứng để hàng vạn cán bộ công nông, anh hùng lao động, công nhân ngành nghề được hưởng giáo dục sơ cấp, trung cấp, đại học và cao đẳng tương đối chính qui.

Ngoài nhiệm vụ giáo dục nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, trình độ khoa học kỹ thuật cho công chức thì công tác phổ cập giáo dục và xem xét lại các chế độ chính sách đối với giáo dục cơ sở cũng là nhiệm vụ được ưu tiên. Tháng 3 năm 1951, Bộ Giáo dục tổ chức Hội nghị toàn quốc về giáo dục sơ cấp và giáo dục sư phạm lần thứ nhất. Hội nghị trao đổi nhiều vấn đề và đưa ra mục tiêu từ năm

1. Quách Phúc Xương, Ngô Đức Cương chủ biên. *Bàn về vấn đề cải cách và phát triển giáo dục*. Nxb Giáo dục Hà Bắc, Trung Quốc, năm 1999, tr. 222-223 (tiếng Trung).

1952 đến năm 1957 phấn đấu đưa trẻ em đến tuổi đi học đạt tỷ lệ nhập học bình quân hàng năm là 80%. Tuy nhiên, để có thể thực hiện mục tiêu này, trước mắt phải tiến hành tiếp quản các trường tiểu học đã có từ trước giải phóng. Thực tế cho thấy, các trường này không chỉ nhiều về số lượng mà còn có rất nhiều vấn đề phức tạp. Thí dụ, chỉ riêng 5 thành phố lớn là Bắc Kinh, Thiên Tân, Thượng Hải, Nam Kinh, Vũ Hán đã có 1452 trường tiểu học, 439 trường trung học với 307.000 học sinh tiểu học và 136.000 học sinh trung học¹. Đây rõ ràng là một số lượng rất lớn so với điều kiện kinh tế khó khăn khi mới giải phóng. Trong khi đó phần đông giáo viên hoặc những người quản lý của các trường này đã bỏ đi, tạo nên sự thiếu hụt mà thời gian trước mắt rất khó khắc phục. Biện pháp giải quyết tạm thời là phải tiếp tục khôi phục hoạt động của các trường này đồng thời với việc thành lập các trường quốc lập. Những cố gắng này đã đưa lại cho nền giáo dục Trung Quốc một số kết quả ban đầu không chỉ về số lượng mà còn từng bước nâng cao chất lượng. Thí dụ, số trường trung học tư thực được chuyển thành trường quốc lập là 1.412 và số trường tiểu học là 8.925. Chính số lượng các trường tăng lên đã làm tăng số học sinh đến lớp. Nếu trước giải phóng, hơn 80% dân số mù chữ và chỉ có khoảng 20% trẻ em trong độ tuổi đi học được tới trường thì đến năm 1953 số trẻ em đến trường đạt mức 50,7%, số học sinh trung tiểu học

1. Cao Kỳ, sdd, tr. 13.

khoảng 53,7 triệu và hàng chục triệu người tham gia các lớp xóa mù chữ...

Với sự quan tâm của Đảng và Chính phủ, chỉ 4 năm thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, dù điều kiện kinh tế còn khó khăn, Nhà nước Trung Quốc đã chi 8,24 tỷ nhân dân tệ (NDT) cho sự nghiệp văn hóa, giáo dục, khoa học, y tế (chiếm 7,9% tổng chi ngân sách nhà nước). Theo thống kê, trong năm học 1956 có 408.000 sinh viên đại học tăng gấp 4 lần, có 812.000 học sinh trung cấp chuyên nghiệp tăng 28%, có 5,16 triệu học sinh phổ thông trung học tăng hơn gấp đôi và có 63,46 triệu học sinh tiểu học tăng 24% so với số học sinh của năm 1952. Chất lượng giáo dục đào tạo cũng được nâng cao một bước quan trọng. Tính đến tháng 11 năm 1956, toàn Trung Quốc đã có 70 triệu người tham gia các lớp học xóa nạn mù chữ, trong số đó đã có hơn 8 triệu người đạt kết quả sau kỳ kiểm tra¹.

Bước vào kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1958-1962) căn cứ vào thực tiễn trong công tác xóa mù chữ, Trung Quốc thấy rằng chữ viết hiện được sử dụng có nhiều vấn đề cần phải nghiên cứu. Trong lịch sử, Trung Quốc cũng đã nhiều lần cải cách chữ viết, vì vậy vào thời gian này các nhà nghiên cứu giáo dục cho rằng Trung Quốc cần phải bắt đầu có kế hoạch từng bước cải cách chữ viết, theo xu hướng

1. Nguyễn Huy Quý, *Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa chặng đường lịch sử nửa thế kỷ (1949-1999)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 1999, tr. 66-67.

đơn giản để tạo điều kiện cho việc sử dụng và học tập dễ dàng hơn.

** Thay đổi chương trình và giáo trình*

Những năm mới tiếp quản hệ thống giáo dục, Trung Quốc vẫn tạm thời sử dụng tài liệu cũ. Tháng 9 năm 1950 Bộ Giáo dục mới có quyết định về sách giáo khoa của các trường trung học, tiểu học phải do Trung ương thống nhất cung cấp và ngày 8 tháng 12 thành lập Nhà xuất bản Giáo dục nhân dân. Nhà xuất bản chịu trách nhiệm thống nhất biên soạn và xuất bản sách giáo khoa trung học, tiểu học mới và mùa Thu năm 1951 bắt đầu phát hành trên toàn Trung Quốc.

Về chương trình dạy học, ngay từ năm 1950 trong dự thảo "Những qui định tạm thời về kế hoạch giảng dạy trung học", Bộ Giáo dục cũng đã qui định cụ thể ở bậc trung học sẽ học các môn: Ngữ văn, Số học, Đại số, Hình học, Lượng giác, Vật lý, Hoá học, Động vật, Thực vật, Giải phẫu sinh lý, Cơ sở học thuyết Đácuy-n, Vệ sinh thường thức, Lịch sử cổ đại thế giới, Lịch sử cổ đại Trung Quốc, Lịch sử cận đại thế giới, Lịch sử cận đại Trung Quốc, Địa lý tự nhiên, Địa lý thế giới, Địa lý Trung Quốc, Địa lý kinh tế thế giới, Địa lý kinh tế Trung Quốc, Thường thức cách mạng Trung Quốc, Kiến thức cơ bản về KHXH, Cương lĩnh chung, Ngoại ngữ, Thể dục, Âm nhạc, Vẽ tranh, Vẽ kỹ thuật, tất cả là 29 môn với 6706 tiết¹.

1. Cao Kỳ, sđd, tr. 29.

Ở bậc tiểu học, khác với trung học thời gian này chương trình đã phải thay đổi đến 3 lần. Lần thứ nhất là năm 1952 qui định thời gian học cho bậc tiểu học là 5 năm và cũng qui định các môn học cụ thể là: Ngữ văn gồm 3 môn là tập đọc, làm văn, tập viết; Số học; Tự nhiên; Lịch sử; Địa lý; Thể dục; Vẽ tranh và âm nhạc. Ngày 2 tháng 9 năm 1953, Bộ Giáo dục đưa ra dự thảo và đến 26 tháng 11 Chính vụ viện thông qua chỉ thị nêu rõ: Sau một thời gian thực hiện kế hoạch các trường tiểu học nhất quán thực hiện chế độ 5 năm, xem xét lại tình hình thực tế thấy rằng tài liệu học tập thiếu, đội ngũ giáo viên chuẩn bị chưa đủ, không nên tiếp tục thực hiện mà nên tạm thời dừng lại. Các trường tiểu học vẫn thực hiện chế độ "tứ nhị" nghĩa là phân bậc tiểu học thành 2 cấp là tiểu học sơ cấp và tiểu học cao cấp. Tiểu học sơ cấp học 4 năm, tiểu học cao cấp học 2 năm. Dự thảo cũng đưa ra kế hoạch thời gian cụ thể cho từng môn học là: Ngữ văn chia làm 3 môn là tập đọc, làm văn, tập viết tổng cộng là 2888 tiết; Số học tổng cộng 1250 tiết; Tự nhiên 152 tiết; Lịch sử 228 tiết; Địa lý 152 tiết; Thể dục 380 tiết; Vẽ tranh 228 tiết và âm nhạc 380 tiết. Mỗi tiết học qui định là 45 phút; mỗi năm lên lớp 2 học kỳ, mỗi học kỳ 19 tuần tổng cộng là 38 tuần¹. Trong chỉ thị về vấn đề liên quan đến dạy học ở bậc tiểu học còn chỉ rõ: "Đối với kế hoạch dạy học, điểm mới là bắt đầu thực hiện giáo dục kỹ thuật cơ bản, kỹ thuật tổng hợp và tăng cường giáo dục lao động, thể

1. Quách Phúc Xương, Ngô Đức Cường chủ biên, sdd, tr. 258.

dục với phương châm đào tạo những con người phát triển toàn diện, những con người mới chuẩn bị cho sự nghiệp xây dựng CNXH. Mục tiêu chủ yếu trong giảng dạy là rèn luyện cho học sinh phải có kỹ năng sử dụng chính xác tiếng phổ thông để học tập và tiếp thu những kiến thức khoa học cơ bản, rèn luyện bồi dưỡng thế giới quan khoa học. Giáo dục cho học sinh lòng yêu tổ quốc, tinh thần vì nhân dân phục vụ để đào tạo cho những thanh niên mới thành những người yêu nước, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, có ý thức giữ gìn và bảo vệ tài sản công cộng, dũng cảm và tôn trọng kỷ luật...

Tháng 1 năm 1954 Bộ Giáo dục triệu tập hội nghị giáo dục trung học toàn quốc. Hội nghị đưa ra một số vấn đề trong đó có 2 vấn đề lớn về giáo dục trung học. Đến tháng 4 Quốc vụ viện công bố "Chỉ thị về các vấn đề cải tiến và phát triển giáo dục trung học" nêu rõ: "Mục đích của giáo dục trung học là giáo dục cho học sinh tư tưởng XHCN, bồi dưỡng họ trở thành những thành viên tốt của xã hội XHCN phát triển toàn diện. Giáo dục trung học không chỉ cung cấp những học sinh đủ tiêu chuẩn cho các trường cao đẳng và đại học mà còn cung cấp cho tổ quốc lực lượng lao động xây dựng kiến thiết có giác ngộ chính trị, có văn hoá thể lực tốt, những lực lượng lao động mới"¹.

1. Trương Thiên Bảo chủ biên. *20 năm giáo dục Trung Quốc dưới sự chỉ đạo của Lý luận Đặng Tiểu Bình*. Nxb Giáo dục Phúc Kiến Trung Quốc, năm 1998, tr.164 (tiếng Trung).

Từ năm 1950, trong dự thảo "Những qui định tạm thời về kế hoạch giảng dạy trung học" Bộ Giáo dục cũng đã qui định cụ thể các môn học ở bậc trung học. (xem bảng 1)

Bảng 1: Qui định cụ thể các môn học ở bậc trung học

	Môn học	Sơ trung/tiết	Cao trung/tiết	Tổng cộng
1	Ngữ văn	714	607	1321
2	Số học		252	252
3	Đại số	213	250	463
4	Hình học	142	214	356
5	Lượng giác		142	142
6	Vật lý	160	320	480
7	Hoá học	87	249	336
8	Thực vật	126		126
9	Động vật	124		124
10	Giải phẫu sinh lý người		72	72
11	Cơ sở học thuyết Đácuy-n		72	72
12	Vệ sinh thường thức	36		36
13	Lịch sử cổ đại thế giới	162		162
14	Lịch sử cổ đại Trung Quốc		159	159
15	Lịch sử cận đại thế giới		162	162
16	Lịch sử cận đại Trung Quốc		159	159
17	Địa lý tự nhiên	108		108
18	Địa lý thế giới	90		90
19	Địa lý Trung Quốc	88		88
20	Địa lý kinh tế Trung Quốc		72	72

	Môn học	Sơ trung/tiết	Cao trung/tiết	Tổng cộng
21	Địa lý kinh tế thế giới		72	72
22	Thường thức cách mạng Trung Quốc	142		142
23	Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội		144	144
24	Cương lĩnh chung		70	70
25	Ngoại ngữ	321	428	749
26	Thể dục	214	214	428
27	Âm nhạc	107		107
28	Vẽ tranh	107		107
29	Vẽ kỹ thuật		107	107
	Tổng cộng	3.352	3.354	6.706

Nguồn: Dẫn từ Cao Kỳ. Chặng đường giáo dục nước Trung Quốc mới. Nxb Giáo dục Hà Bắc, Trung Quốc, 1996, tr. 29.

Sau khi hoàn thành giai đoạn cải tạo hệ thống giáo dục cũ, từ năm 1954 đến năm 1956 Nhà xuất bản Giáo dục nhân dân bắt đầu biên soạn sách giáo khoa cho chương trình giáo dục trung học, tiểu học, thời gian 12 năm, bao gồm sách giáo khoa đại cương là 30 loại thành 30 tập, sách giáo khoa chính khoá là 41 loại thành 97 tập và sách giáo khoa tham khảo là 23 loại thành 69 tập¹. Về chương trình dạy học, việc thực hiện kế hoạch giảng dạy tại nhà trường các cấp trong thời gian này cũng có một số thay đổi. Để quán triệt phương châm giáo dục, Bộ Giáo dục đã đưa nhiệm vụ giáo dục đạo

1. Cao Kỳ, sdd, tr. 29.

đức và giáo dục phương hướng chính trị thành những môn học có vị trí trọng yếu trong các trường học. Đối với bậc tiểu học cùng với việc tiếp tục thực hiện "Điều lệ công tác tạm thời đối với chế độ tiểu học cả ngày", giai đoạn này tiếp tục nhấn mạnh mục đích và nhiệm vụ của giáo dục tiểu học là bồi dưỡng và đào tạo người học sinh mới có kiến thức văn hoá, yêu lao động, có đủ điều kiện cần thiết để chuyển lên học ở các bậc cao hơn. Những học sinh mới, phải là những học sinh có lòng yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, yêu quý bảo vệ của công, yêu mến và ủng hộ CNXH và Đảng Cộng sản. Nhiệm vụ bồi dưỡng người học sinh mới còn chỉ rõ: Phải rèn luyện cho học sinh tiến bộ về các kỹ năng đọc, viết và tính toán, có thói quen chăm học, có thân thể khoẻ mạnh...

Về thời gian cho các môn học vẫn giữ nguyên như trước, cụ thể cho từng môn học như sau: Ngữ văn chia làm 3 môn là tập đọc, làm văn, tập viết tổng cộng là 2888 tiết; Số học tổng cộng 1250 tiết; Tự nhiên 152 tiết; Lịch sử 228 tiết; Địa lý 152 tiết; Thể dục 380 tiết; Vẽ tranh 228 tiết và âm nhạc 380 tiết. Mỗi tiết học qui định là 45 phút; mỗi năm lên lớp 2 học kỳ, mỗi học kỳ 19 tuần tổng cộng là 38 tuần. Tuy nhiên về phân bố thời gian có thay đổi chút ít cho phù hợp với lứa tuổi. Ví dụ trước đây mỗi kỳ học ở lớp 1,2 là 25 tuần; lớp 3,4 là 26 tuần; lớp 5,6 là 29 tuần nay thay lại là 24, 26, và 28 tuần¹.

1. Bản tin Trung Quốc tháng 7 năm 1999.

Mặt khác các giờ hoạt động ngoại khoá cho học sinh các cấp cũng tăng lên để cho học sinh có điều kiện tiếp xúc thực tế và tiếp xúc tự nhiên nhiều hơn (xem bảng 2).

Bảng 2: Kế hoạch học tập cụ thể của các môn học

	Môn học	Sơ trung/tiết	Cao trung/tiết	Tổng cộng
1	Ngữ văn	680	466	1146
2	Toán học (4 môn)	588	590	1178
3	Vật lý	160	308	468
4	Hoá học	86	248	334
5	Sinh vật(2 môn)	272	102	374
6	Giải phẫu sinh lý người		72	72
7	Cơ sở học thuyết Đácuyt		72	72
8	Vệ sinh thường thức	36		36
9	Lịch sử (4 môn)	236	202	438
10	Lịch sử (4 môn)	204	102	306
11	Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội	202	202	404
12	Lao động sản xuất	202	202	404
13	Ngoại ngữ		434	434
14	Thể dục	202	202	404
15	Âm nhạc	102		102
16	Vẽ tranh	102		102
	Tổng cộng	3.072	3.202	6.274

Nguồn: Dẫn từ Cao Kỳ. *Chặng đường giáo dục nước Trung Quốc mới*. Nxb Giáo dục Hà Bắc, Trung Quốc, 1996, tr. 162.

Như vậy về cơ bản kế hoạch giảng dạy không có thay đổi nhiều so với trước đây, kể cả về môn học cũng như số giờ. Tuy nhiên do điều kiện cụ thể và cũng do tình hình chính trị và kinh tế của Trung Quốc nên có một số môn có sự thay đổi. Ví dụ Thường thức về cách mạng Trung Quốc hay Cương lĩnh chung hoặc như ngoại ngữ ở cấp sơ trung thì không học nữa... Trong khi đó lại có qui định mỗi năm học có 14 đến 28 ngày lao động và 6 ngày tham quan để tăng cường kiến thức thực tế và rèn luyện ý thức lao động xây dựng tổ quốc cho học sinh. Sau này, vào khoảng những năm 60 trước khi tiến hành "Cách mạng văn hoá" trong chương trình học được bổ xung thêm cho các lớp sơ trung và cao trung mỗi cấp, mỗi năm 206 tiết chính trị bằng cách giảm bớt giờ của một số môn khoa học khác như Ngữ văn hay Toán học...

Với học sinh ở cấp trung học, dự thảo "Điều lệ công tác tạm thời đối với chế độ trung học cả ngày" đã chỉ ra nhiệm vụ giáo dục và đào tạo không chỉ là bồi dưỡng kiến thức để học sinh có thể học tập ở những bậc cao hơn mà còn phải chú ý bồi dưỡng rèn luyện thân thể để trở thành những học sinh phát triển toàn diện, nghĩa là những học sinh mới, có tinh thần yêu nước, yêu lao động, có đầy đủ điều kiện sức khỏe cần thiết để phục vụ cho sự nghiệp xây dựng CNXH tương lai.

**** Thực hiện chế độ tuyển sinh mới***

Do được Đảng và Quốc vụ viện quan tâm chỉ đạo nên giáo dục văn hoá cho công chức phát triển rất nhanh. Căn

cứ vào kết quả của Hội nghị công tác giáo dục toàn quốc lần thứ nhất, nhiều tỉnh và thành phố không thành lập các trường đại học mà thành lập các trường trung học cấp tốc để thực hiện nhiệm vụ bổ túc văn hoá cho cán bộ công nông. Các trường này chiêu sinh chủ yếu dành cho các đối tượng là công nhân, nông dân và các chiến sĩ quân Giải phóng, trong đó có ưu tiên cho các đối tượng là nữ. Đối với bậc đại học, từ năm 1950 tuy đã thực hiện thống nhất chiêu sinh và thống nhất phân phối học sinh tốt nghiệp nhưng Trung Quốc vẫn cho phép các trường được tự chiêu sinh và học sinh tốt nghiệp được tự tìm việc làm theo nguyện vọng. Điều này tạo điều kiện cho các trường đại học thu hút một số lượng học sinh của các trường trung học cấp tốc và do vậy cũng khuyến khích số học sinh đăng ký vào học ở các trường này. Theo thống kê, năm 1953 toàn Trung Quốc có 2.580.000 công chức, hơn 12.300.000 nông dân tham gia các lớp học thường xuyên và 19.390.000 nông dân tham gia các lớp học mùa đông ở nông thôn. So với năm 1949 số lượng học viên tham gia các lớp học này tăng lên 10 lần ¹. Để tạo điều kiện cho các học viên lớn tuổi có điều kiện tham gia học đều đặn trong những ngày không phải sản xuất hoặc mùa đông giá lạnh, ngày 9 tháng 7 năm 1955 Bộ Giáo dục ra thông tri về việc tuyển sinh, qui định từ 1955 sẽ chiêu sinh vào mùa thu. Thực tiễn chứng minh rằng đối với cán bộ công nhân, nông dân việc học tập kiến thức văn hoá

1. Cao Kỳ, sdd, tr. 69.

khoa học không thể thực hiện đơn thuần theo phương châm trật tự, tiến dần từng bước như với lứa tuổi học sinh mà có thể dùng phương pháp học tập cấp tốc, theo từng kỳ ngắn hạn. Phương pháp này cũng có thể dùng để tiếp thu kiến thức ở bậc cao trung. Đây chính là biện pháp khắc phục để bổ sung kiến thức đối với người lớn tuổi.

Trong những năm cải tạo XHCN tuy đã thu được một số thành tích nhưng do Trung Quốc dân số đông, diện tích rộng, hậu quả của chế độ cũ để lại không dễ gì giải quyết nhanh chóng. Tuy nhiên, nhìn một cách tổng quát, sau thập kỷ 50, sự nghiệp giáo dục đã được triển khai rộng rãi trong phạm vi toàn Trung Quốc nhất là đối với việc mở trường, lớp. Theo tinh thần cải cách với phương châm "đi bằng hai chân", Trung Quốc đã thực hiện Nhà nước mở trường song song với nhà máy, hầm mỏ, xí nghiệp, công xã mở trường. Chủ trương này đã phát huy tính tích cực của mọi tầng lớp trên mọi phương diện để thúc đẩy quá trình mở trường lớp. Giai đoạn này tuy không dài và cũng có những sai lầm nhưng giáo dục Trung Quốc đã thu được những thành tựu rất đáng ghi nhận. Theo thống kê đến cuối năm 1965 toàn Trung Quốc có 431 trường đại học và cao đẳng với 674.000 sinh viên. Số trường trung cấp chuyên nghiệp là 1.265, số trường trung học nông nghiệp và các trường trung học khác là 61.626 với tổng số là 4.980.000 học sinh các loại. Đối với học sinh phổ thông các cấp số lượng phát triển rất nhanh so với thời kỳ trước. Số trường phổ thông trung học (bao gồm

cả sơ trung và cao trung) là 18.102 trường với 9.338.000 học sinh. Số trường tiểu học là 1.681.000 với 116.200.900 học sinh. Số trường mẫu giáo là 19.200 trường. Ngoài ra còn phải kể đến những thành tựu trong sự nghiệp thanh toán nạn mù chữ. Nếu tính từ khi thành lập nước CHND Trung Hoa đến năm 1965 thì có hơn 8.700.000 người đã được xóa nạn mù chữ và có 2.870.000 người đã tốt nghiệp các trường tiểu học chuyên nghiệp, 960.000 người tốt nghiệp các trường sơ trung, cao trung ngoài giờ¹. Chính lực lượng này đã có những đóng góp đáng kể vào sự nghiệp xây dựng đất nước.

II. GIAI ĐOẠN KHỦNG HOẢNG GIÁO DỤC (1966-1978)

1/ Vài nét về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội Trung Quốc

Có thể nói, trong lúc cách mạng Trung Quốc đang có những bước tiến khả quan về mọi mặt thì trong nội bộ Đảng Cộng sản Trung Quốc, đặc biệt là trong nội bộ giới lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước lại nảy sinh những bất đồng về đường lối, về quan điểm trên những vấn đề xây dựng CNXH và những vấn đề quốc tế. Trong những năm này, tuy đường lối “Ba ngọn cờ hồng” vẫn tiếp tục được thực hiện, nhưng chính xuất phát từ những bất đồng và mục đích riêng trong giới lãnh đạo, tháng 8 năm 1966 Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc Mao Trạch

1. Cao Kỳ, sdd, tr. 208.

khoa học không thể thực hiện đơn thuần theo phương châm trật tự, tiến dần từng bước như với lứa tuổi học sinh mà có thể dùng phương pháp học tập cấp tốc, theo từng kỳ ngắn hạn. Phương pháp này cũng có thể dùng để tiếp thu kiến thức ở bậc cao trung. Đây chính là biện pháp khắc phục để bổ sung kiến thức đối với người lớn tuổi.

Trong những năm cải tạo XHCN tuy đã thu được một số thành tích nhưng do Trung Quốc dân số đông, diện tích rộng, hậu quả của chế độ cũ để lại không dễ gì giải quyết nhanh chóng. Tuy nhiên, nhìn một cách tổng quát, sau thập kỷ 50, sự nghiệp giáo dục đã được triển khai rộng rãi trong phạm vi toàn Trung Quốc nhất là đối với việc mở trường, lớp. Theo tinh thần cải cách với phương châm "đi bằng hai chân", Trung Quốc đã thực hiện Nhà nước mở trường song song với nhà máy, hầm mỏ, xí nghiệp, công xã mở trường. Chủ trương này đã phát huy tính tích cực của mọi tầng lớp trên mọi phương diện để thúc đẩy quá trình mở trường lớp. Giai đoạn này tuy không dài và cũng có những sai lầm nhưng giáo dục Trung Quốc đã thu được những thành tựu rất đáng ghi nhận. Theo thống kê đến cuối năm 1965 toàn Trung Quốc có 431 trường đại học và cao đẳng với 674.000 sinh viên. Số trường trung cấp chuyên nghiệp là 1.265, số trường trung học nông nghiệp và các trường trung học khác là 61.626 với tổng số là 4.980.000 học sinh các loại. Đối với học sinh phổ thông các cấp số lượng phát triển rất nhanh so với thời kỳ trước. Số trường phổ thông trung học (bao gồm

Động phát động "Đại cách mạng văn hóa vô sản". Với nhận thức không đúng đắn về tình hình chính trị lúc này ở Trung Quốc, cùng với đánh giá Bắc Kinh đang có chính biến, chủ nghĩa xét lại không chỉ nảy sinh trong lĩnh vực văn hóa mà còn có thể nảy sinh ngay trong Đảng, chính quyền và quân đội, Mao Trạch Đông cho rằng chỉ đấu tranh phê phán trong lĩnh vực hình thái ý thức và phong trào giáo dục XHCN thì không thể quyết định được vấn đề. Vì vậy, Mao Trạch Đông và các phân tử "tả khuynh" đã chọn biện pháp khác thường là phát động một phong trào chính trị với qui mô rộng lớn và quyết liệt để ngăn chặn cái gọi là "sự quay trở lại của CNTB ở Trung Quốc".

Đối với các nhà trường, quan niệm của Mao Trạch Đông một lần nữa được thể hiện trong thư gửi Lâm Bưu ngày 7 tháng 5 năm 1966. Bức thư có đoạn: "Chế độ học tập nên rút ngắn lại, phải tiến hành làm cách mạng trong giáo dục, không thể để tồn tại hiện tượng những phân tử trí thức của giai cấp tư sản thống trị các trường học của chúng ta, như vậy không thể đi lên được..."¹. Quan niệm về trí thức lúc này của Mao Trạch Đông hoàn toàn ngược lại với quan điểm của chính Mao trong bài "Về vấn đề xử lý đúng đắn mâu thuẫn nội bộ nhân dân" tháng 2 năm 1957 khi nói về trí thức. Nhận định sai lầm của Mao Trạch Đông đã bị các phân tử "tả khuynh" như Giang Thanh, Khang Sinh, Diêu Văn Nguyên.... lợi dụng vào mục đích riêng.

1. Nguyễn Huy Quý, sdd, tr. 169; Cao Kỳ, sdd, tr. 210.

Những người chủ trương tiến hành “Đại cách mạng văn hóa vô sản” đã cổ vũ cho tư tưởng “Làm nổi bật chính trị” mà thực chất là nhấn mạnh vào ý chí chủ quan, nhấn mạnh đấu tranh giai cấp, sùng bái cá nhân, thần thánh hoá Mao Trạch Đông, coi “Tư tưởng Mao Trạch Đông là đỉnh cao của chủ nghĩa Mác-Lênin thời nay”... Nhằm đạt mục đích riêng, thậm chí có lúc Lâm Bưu còn cho rằng Mao Trạch Đông hơn cả Lenin và Mác. Trong nhiều bài phát biểu, họ lớn tiếng đòi đưa đấu tranh giai cấp vào nội bộ Đảng với chiêu bài trong nội bộ Trung ương Đảng đã có một số nhân vật đại biểu cho giai cấp tư sản “trà trộn vào trong Đảng, trong Chính phủ, trong quân đội và trong giới văn hóa... Một khi thời cơ chín muồi, chúng sẽ cướp lấy chính quyền, biến chuyên chính vô sản thành chuyên chính tư sản”². Các chủ trương chính sách sai lầm này kéo dài cho đến tháng 10 năm 1976 khi, “bè lũ bốn tên” bị đánh đổ.

2/ Những quyết định sai lầm và hậu quả nghiêm trọng đối với giáo dục trong những năm thực hiện “cách mạng văn hoá”

Có thể nói, chính động cơ cá nhân trong nội bộ giới lãnh đạo Đảng và nhà nước Trung Quốc và ý định thanh trừng nội bộ đã châm ngòi cho “Đại cách mạng văn hóa vô sản” nổ ra vào tháng 8 năm 1966. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến “cách mạng văn hóa” nhưng nguyên nhân chính lại

1. Bùi Đức Thiệp, sdd, tr. 26.

xuất phát từ sự nhận thức không đúng đắn về tình hình chính trị trong nước lúc đó của Mao Trạch Đông. Chính Mao đã đánh giá Bắc Kinh đang có chính biến, chủ nghĩa xét lại không chỉ nảy sinh trong lĩnh vực văn hóa mà còn có thể nảy sinh ngay trong Đảng, chính quyền và quân đội, vì vậy chỉ đấu tranh phê phán trong lĩnh vực hình thái ý thức và phong trào giáo dục XHCN thì không thể quyết định được vấn đề. Nhận định sai lầm này đã bị các phần tử cánh “tả” như Giang Thanh, Khang Sinh, Diêu Văn Nguyên... lợi dụng.

Đối với giáo dục trong nhà trường, các phần tử “tả khuynh” đã vận dụng có chủ đích những ý kiến từ trước đây của Mao Trạch Đông nhưng vì lý do nào đó không được thực hiện, để đạt mục đích của họ. Ví dụ, tại cuộc họp với đại biểu của 7 tỉnh và thành phố ngày 7 tháng 3 năm 1957 khi bàn về giáo dục tiểu học Mao Trạch Đông đã nói: "Giáo trình cần phải gọn nhẹ, bài học cần phải giảm bớt, văn học cổ điển cũng phải giảm, môn học thì không cần nhiều, không cần quá cao. Hãy giảm đi một nửa, chỉ cần 8 môn là được rồi. Nên cho phép các hợp tác xã nông nghiệp, xưởng sản xuất, xí nghiệp, các cơ quan có đủ điều kiện được mở lớp học"¹. Đây chỉ là vấn đề đưa ra để trao đổi, nhưng đến lúc này phái “tả” coi là chỉ thị của Mao Trạch Đông là chủ trương đương nhiên phải làm. Giảm môn, giảm giờ nhưng

1. Trương Ký chủ biên. *Quốc tự dinh, ký sự văn hoá khoa học, giáo dục nước Trung Quốc mới*. Nxb Chiết Giang, năm 1999, tr. 140 (tiếng Trung).

không tăng cho môn khác mà dành thời gian để làm cách mạng. Những phần tử “tả” trong số học sinh các trường trung học trực thuộc đại học Thanh Hoa và đại học Bắc Kinh đã lợi dụng những chủ trương kiểu như vậy tổ chức ra “Hong vệ binh”, chống lại giáo viên để “bảo vệ Mao Chủ tịch, bảo vệ giang sơn đỏ”. Mở đầu từ các trường đại học, phong trào nhanh chóng lan rộng, hàng chục triệu học sinh tiểu học, trung học cũng trở thành “Hong vệ binh”, “Hong tiểu binh” và được nhồi nhét những tư tưởng cuồng tín để lao vào những hoạt động đấu tố. Trong khi đó, các thầy giáo phổ thông cũng như các giáo sư đại học bị bức hại hoặc phải đi cải tạo ở rừng núi, nông thôn. Từ năm 1966, các trường học trong cả nước phải đóng cửa để “làm cách mạng”. Tại khắp nơi “Hong vệ binh” viết báo chữ to, coi nhà trường là “nồi thuốc nhuộm của chủ nghĩa xét lại”, nói lãnh đạo nhà trường không coi trọng chính trị, không coi trọng thực tiễn, v.v... “Hong vệ binh” và học sinh không những chỉ “tạo phản” trong trường học, mà còn kéo đến cả nhà máy, nông thôn để liên kết làm “cách mạng”. Do hành động quá khích trên, trật tự dạy học thông thường của nhà trường bị phá vỡ, thầy cô giáo không thể làm việc được. Không những thế, từ trung ương đến địa phương, các cán bộ lãnh đạo của các ngành sản xuất cũng bị cuốn vào cuộc vận động này, một số xưởng máy, hầm mỏ phải ngừng sản xuất.

Sự hỗn loạn về chính trị đã gây rối loạn nghiêm trọng và phá hoại sự phát triển kinh tế. Hoạt động liên kết của

"Hong vệ binh" trên phạm vi cả nước làm tăng gánh nặng cho giao thông vận tải, gây tổn động hàng hoá vật tư do không có phương tiện chuyên chở. Điều quan trọng hơn là hoạt động "quét sạch tư tưởng cũ, văn hóa cũ, phong tục cũ, tập quán cũ" của "Hong vệ binh" đã gây ảnh hưởng khác nhau đối với các ngành kinh tế như: thương nghiệp, ngoại thương, bưu điện, tiền tệ... Tháng 8 năm 1966 cửa hàng bách hóa Bắc Kinh đã ngừng bán hơn 6800 mặt hàng bị coi là "có vấn đề", chiếm 22% tổng số mặt hàng kinh doanh. Năm 1966, mức bán lẻ các mặt hàng tiêu dùng trên cả Trung Quốc giảm 1,7%, khoảng 120 triệu NDT so với năm 1965¹.

Để thực hiện chủ trương "Giai cấp công nhân lãnh đạo tất cả", chống lại "hiện tượng trí thức tư sản thống trị trường học", trong năm 1968 Mao Trạch Đông nhiều lần nêu vấn đề tổ chức các ngành nghề trong cả nước thành một trường đại học kết hợp cả công (công nhân), nông (nông dân), thương (thương nhân), học (học sinh), binh (quân nhân) và đưa ra chủ trương giáo dục lại các phân tử trí thức: "Đối với những nơi đầy rẫy trí thức, thì bất kể là trường học hay là các đơn vị khác, đều phải có công nhân, giải phóng quân vào đóng để chống lại sự thống trị thiên hạ, độc quyền của phân tử trí thức, chiếm lấy vương quốc độc lập dù lớn hay nhỏ của họ", đồng thời yêu cầu "rút ngắn học chế, cách mạng giáo dục", "chính trị của giai cấp vô sản là thống soái"

1. Bùi Đức Thiệp, sdd, tr. 26.

và “đưa nhanh trí thức về nông thôn cho bản nông và trung nông lớp dưới giáo dục lại”, v.v...¹. Với chủ trương này, trong thời kỳ tiến hành “cách mạng văn hoá” các “Đội tuyên truyền công nhân”, “Đội tuyên truyền giải phóng quân” đã tràn vào các đơn vị giáo dục, đơn vị nghiên cứu khoa học, các nhà xuất bản, các cơ quan văn hóa nghệ thuật... để thực hiện “chuyên chính toàn diện đối với giai cấp tư sản”. Kết quả là 16.230.000 thanh niên trí thức bị đưa về nông thôn, lên miền núi...². Đây là sai lầm về tư tưởng chỉ đạo, hậu quả đã làm nảy sinh nhiều vấn đề không giải quyết được, đem lại bất hạnh cho thanh niên trí thức về tư tưởng, văn hóa và cá tính, tạo nên những vấn đề xã hội nghiêm trọng sau này.

Tháng 6 năm 1970 với “tinh thần tích cực cách mạng”, Trung Quốc còn quyết định bỏ chế độ thi vào đại học, thay bằng chế độ xét tuyển. Nội dung chính của xét tuyển là “quân chúng tiến cử, lãnh đạo phê duyệt, nhà trường thẩm tra” để chiêu sinh. Bằng cách này những đối tượng được ưu tiên chiêu sinh là những “công, nông, binh ưu tú có kinh nghiệm thực tiễn trên hai năm”, chỉ cần “trình độ văn hóa thực tế tương đương tốt nghiệp sơ, trung trở lên” mà tích cực tham gia cách mạng là có thể được giới thiệu vào học đại học. Nhiệm vụ của các “học viên công nông binh” này khi vào trường không phải để trau dồi kiến thức mà chủ yếu

1. Cao Kỳ, sdd, tr. 213.

2. Cao Kỳ, sdd, tr. 223.

là "vào đại học, quản đại học, cải tạo đại học bằng tư tưởng Mao Trạch Đông". Những biện pháp cực tả này đã căn bản đi ngược lại qui luật giáo dục, tạo nên sự hỗn loạn trong trật tự dạy và học ở nhà trường.

Tháng 7 năm 1971, tại Hội nghị công tác giáo dục toàn Trung Quốc, khi xem xét đến thực trạng giáo dục sau 17 năm kể từ khi thành lập nước CHND Trung Hoa, Giang Thanh và những người cùng phe cánh cho rằng thành tựu của nền giáo dục nước CHND Trung Hoa trong 17 năm qua (1949-1966) là "một đồng rác phong kiến, tư sản, xét lại". "Nhóm Giang Thanh" đã đưa ra "hai đánh giá" hoàn toàn trái ngược với thực tế, đó là: "17 năm sau giải phóng, đường lối giáo dục vô sản của Mao Chủ tịch về cơ bản chưa được quán triệt, thực hiện chưa đầy đủ", "giai cấp tư sản đã nắm lấy chuyên chính của giai cấp vô sản" và "đại đa số giáo viên và học sinh đã được đào tạo trong 17 năm qua về cơ bản đã bị nhiễm thế giới quan tư sản". Trên cơ sở nhận định đó, "hai đánh giá" nhấn mạnh "phải để cho công, nông, binh giáo dục lại phần tử trí thức, chọn công nông binh vào đại học, quản đại học, rút ngắn học chế đại học, giao đại đa số trường đại học cho địa phương lãnh đạo, v.v..."¹. Cũng trong thời kỳ này, thực hiện tư tưởng chỉ đạo "tiến hành cách mạng giáo dục toàn diện", một loạt chủ trương biện pháp "cải tạo giáo dục" đã được đề ra. Các biện pháp này là

1. Cao Kỳ, sđd, tr. 213.

công nông binh trực tiếp làm giáo dục dưới hình thức “Ủy ban cách mạng trường học” và “Đoàn giảng viên” thay cho đội ngũ giáo viên bị đưa đi lao động, rút ngắn số năm học, bỏ thi cử, liên kết giáo dục giữa nhà trường và nhà máy, đội sản xuất. Tình giản giáo trình thành 4 loại lớn là chính trị, văn hóa, thể dục quân sự và lao động, xây dựng thêm một số trường “đại học” kiểu “Đại học công nhân 21 tháng 7”, “Đại học nông nghiệp 7 tháng 5” và “Đại học cộng sản chủ nghĩa”, v.v... Vào khoảng giữa năm 1969, dưới sự lãnh đạo của các “Đội tuyên truyền công nhân”, các trường học đi vào giai đoạn thực hiện “đấu tranh, phê bình, cải tạo” và “giáo dục cách mạng” với phương châm lấy “đấu tranh giai cấp” làm nội dung chủ yếu trong giảng dạy, học tập. Đồng thời, Trung Quốc còn đưa ra chủ trương trong khoảng 7 năm tới đình chỉ việc đưa học sinh ra nước ngoài du học và từ chối học sinh nước ngoài đến Trung Quốc lưu học. Các chủ trương biện pháp và cách đánh giá như vậy đã phủ định công sức lao động cần cù của hàng chục triệu trí thức trong 17 năm trước đó, đè nén tinh tích cực của cán bộ, giáo viên trên mặt trận giáo dục. Tình hình đó không những không tạo nên tiến bộ mới về giáo dục mà trái lại gây nên hậu quả trầm trọng và phá hoại chế độ giáo dục, đảo lộn trật tự và hạ thấp chất lượng giáo dục đến mức chưa từng thấy.

Đến năm 1974 Trung Quốc lại xuất hiện phong trào “phê Lâm, phê Khổng” (phê phán Lâm Bưu, phê phán Khổng Tử mà thực chất là ám chỉ phê phán Chu Ân Lai vì

Chu Ân Lai thường được ví như Khổng Tử)... Một trong những nguyên nhân dẫn đến phong trào này là do trong quá trình hoạt động nhóm Lâm Bưu nhiều lần trích dẫn lời Khổng, Mạnh và ví Mao Trạch Đông như Tần Thủy Hoàng. Bản thân Mao Trạch Đông cũng đã có lần nói Trung Quốc xưa nay có hai ý kiến trái ngược nhau, một bên cho rằng Tần Thủy Hoàng tốt còn bên kia cho rằng Tần Thủy Hoàng xấu và nói rằng Mao tán thành Tần Thủy Hoàng. Lúc này khi Lâm Bưu đã chết, Mao Trạch Đông gán việc phê Lâm với phê Khổng hy vọng trên cơ sở phê phán Khổng Tử sẽ khẳng định vai trò của Pháp gia trong lịch sử nhằm bảo vệ lý thuyết và thực tiễn của “Đại cách mạng văn hóa”.... Qua đợt phê Lâm, phê Khổng “phong ba bão táp” lại giáng xuống ngành giáo dục. Trong các trường học, giáo viên không phải lên lớp để giảng bài, học sinh không phải lên lớp để học tập mà họ “ra ra vào vào” trên các giảng đường để “phê bình, đấu tranh”. Sau thời kỳ này, những nét ưu tú trong truyền thống đạo đức luân lý Trung Quốc trước đây như “yêu già, giúp trẻ”, “kính thầy, yêu trò”... bị phủ định sạch trơn và thay vào đó là “Triết học đấu tranh”. Dưới tấm màn “Giữ cho đạo thầy tôn nghiêm”, nhiều nhà khoa học, nhiều giáo viên bị bức phải kiểm điểm, buộc phải nhận sự phê phán của học sinh. Phong trào “phê Lâm, phê Khổng” không chỉ ảnh hưởng đến văn hoá giáo dục mà còn làm cho phần lớn kế hoạch kinh tế quốc dân năm 1974 không hoàn thành chỉ tiêu, sản lượng của nhiều sản phẩm chủ yếu thấp hơn năm trước.

Trải qua 10 năm động loạn, "cách mạng văn hoá" đã làm cho nền giáo dục Trung Quốc bị tổn thất đặc biệt nghiêm trọng. Năm 1965 Trung Quốc có 434 trường đại học và cao đẳng đến năm 1976 chỉ còn 392 trường, trong đó năm thấp nhất là 1971 chỉ có 331 trường. Năm 1965 Trung Quốc có 3.506 giáo sư, 4.382 phó giáo sư thì đến năm 1977 chỉ còn 2.288 và 3.531, giảm khoảng trên 2000 người¹. Trong số này có một số bị bức hại đến chết trong các trại giam hoặc các cuộc đấu tố. Không chỉ các trường đại học mà các trường trung cấp, chuyên nghiệp cũng bị giảm về số lượng. Trong khi đó do chủ trương "phải tuyển chọn học sinh trong hàng ngũ công nhân, nông dân có kinh nghiệm thực tiễn" nên các trường trung học lại tăng lên. Nếu năm 1966 số trường phổ thông các loại là 55.010 trường thì đến năm 1976 tăng lên 192.152 trường và đến năm 1977 lại tăng lên 261.286 trường², nhưng do số lượng học sinh tại trường không tăng nhiều và chất lượng đào tạo không cao nên cũng không thể coi đây là một thành tích được. Sau này, Quyết định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về cải cách thể chế giáo dục (ngày 27 tháng 5 năm 1985) cũng thừa nhận "cách mạng văn hoá" không những không có tác dụng phát triển giáo dục mà còn làm thụt lùi chất lượng giáo dục đến mức có thể coi là thủ tiêu giáo dục³.

1. Cao Kỳ, sdd, tr. 223.

2. Cao Kỳ, sdd, tr. 219.

3. www.moe.edu.cn 27/5/1985, Quyết định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về cải cách thể chế giáo dục, tr. 1.

3/ Một số giải pháp sửa chữa sai lầm

Có thể nói 10 năm "cách mạng văn hóa " là 10 năm đại nạn của giáo dục Trung Quốc. Giáo dục không chỉ là vùng trắng mà còn có thể coi là vùng tối trên bức tranh toàn cảnh xã hội Trung Quốc lúc bấy giờ. Vì vậy, ngay sau khi lật đổ "bê lũ bốn tên", mặc dù còn bị ảnh hưởng nặng nề bởi "hai đánh giá" và quan niệm "hai phạm là" ("hai phạm là" là phương châm sai lầm do Hoa Quốc Phong đưa ra: Phạm là những quyết sách do Mao Chủ tịch đề ra, chúng ta phải kiên quyết ủng hộ; phạm là những chỉ thị của Mao Chủ tịch chúng ta phải tuân thủ đến cùng), Trung Quốc đã quan tâm đến việc sửa chữa những sai lầm trong giáo dục và bắt đầu thực hiện những hình thức phục hồi chế độ dạy và học trong các trường học.

Một trong những giải pháp đầu tiên là phục hồi chế độ thi tuyển vào các trường học. Ngay từ tháng 8 năm 1977 hội nghị toàn quốc về công tác giáo dục đã được tổ chức tại Bắc Kinh (từ ngày 13 tháng 8 đến ngày 25 tháng 9). Sau khi nghe báo cáo của đại học Thanh Hoa về thực trạng sinh viên trong trường do chính sách "cử tuyển" đem lại là có rất nhiều "sinh viên " chỉ có trình độ học lực ở bậc tiểu học, Đặng Tiểu Bình đã đưa ra ý kiến nên lập ngay các trường "trung học Thanh Hoa" và "tiểu học Thanh Hoa" để chuyển số "sinh viên" này vào ¹. Sau khi trao đổi về tình hình thực

1. Trương Thiên Bảo chủ biên, sđd, tr. 3.

tế và khả năng tiến hành, dưới sự chỉ đạo của Đảng Tiểu Bình hội nghị đã quyết định khôi phục việc thi tuyển thống nhất để lựa chọn người xuất sắc vào đại học và thực hiện ngay trong năm 1977. Tháng 10 cùng năm, Quốc vụ viện Trung Quốc đã phê chuẩn hai văn kiện về việc phục hồi chế độ thi tuyển để thực hiện trên toàn Trung Quốc. Quyết định này đã khuyến khích học sinh nỗ lực học tập, nâng cao chất lượng giáo dục và được đông đảo giáo viên, cha mẹ học sinh hoan nghênh. Với tinh thần chỉ đạo của hội nghị, ngay cuối năm 1977 đã có 5.700.000 lượt học sinh ở các địa phương tham gia thi tuyển vào các cấp học. Kỳ thi tuyển này là kỳ thi mở đầu sau 10 năm bị gián đoạn nên số lượng thí sinh tham gia chưa nhiều và kết quả thu được chưa đạt yêu cầu tuyển sinh cho năm học. Trong số 5.700.000 học sinh thi chỉ có 273.000 học sinh đạt yêu cầu. Đầu năm 1978 Trung Quốc mở tiếp kỳ thi tuyển lần thứ 2 cho khoá học. Kỳ thi có 6.100.000 thí sinh đăng ký thi và kết quả có 402.000 học sinh đạt yêu cầu. Số học sinh đạt yêu cầu kỳ thi thứ nhất nhập học đầu năm 1978, số đạt yêu cầu ở kỳ thi thứ hai nhập học vào mùa thu cùng năm ¹.

Từ ngày 22 tháng 4 đến ngày 16 tháng 5 năm 1978, Hội nghị giáo dục toàn quốc lại được tổ chức tại Bắc Kinh. Hội nghị đã thảo luận “Đề cương qui hoạch giáo dục toàn quốc từ 1978 đến 1985”(dự thảo), “Điều lệ công tác tạm

1. Trương Thiên Bảo chủ biên, sdd, tr. 4.

thời của các trường đại học trên cả nước”, “Điều lệ công tác tạm thời của các trường trung học cả ngày”, “Điều lệ công tác tạm thời của các trường tiểu học cả ngày”(dự thảo). Tại Hội nghị, Đặng Tiểu Bình đã có bài phát biểu quan trọng, nhấn mạnh: Trường học phải nâng cao chất lượng giáo dục, nâng cao trình độ dạy học văn hóa, khoa học, phục vụ tốt hơn nữa sự nghiệp xây dựng CNXH. Đặng Tiểu Bình còn nói: “Trường học của chúng ta phải là nơi đào tạo nhân tài cho việc xây dựng CNXH”. “Sự nghiệp giáo dục phải thích ứng với yêu cầu phát triển kinh tế quốc dân, đội ngũ chuyên gia, lực lượng lao động hậu bị cũng phải thích ứng với nền kinh tế quốc dân theo một tỷ lệ có kế hoạch, không những phải thấy được nhu cầu trước mắt, mà còn phải thấy được nhu cầu lâu dài, không những phải căn cứ vào nhu cầu xây dựng và phát triển sản xuất, mà còn phải đánh giá đầy đủ xu thế phát triển của khoa học kỹ thuật hiện đại”. Đặng Tiểu Bình cũng chỉ rõ, một trường học muốn đào tạo được nhân tài, đào tạo nên những người lao động phát triển toàn diện có giác ngộ XHCN, có văn hóa, mấu chốt là ở đội ngũ giáo viên. Trên quan điểm đó ông đề nghị: “Chúng ta phải nâng cao địa vị chính trị và địa vị xã hội của người giáo viên nhân dân, toàn xã hội phải tôn trọng giáo viên, có biện pháp thích hợp để khuyến khích những người suốt đời theo đuổi sự nghiệp giáo dục”. Những sửa sai này đã thổi một luồng sinh khí ấm áp vào sự nghiệp giáo dục Trung Quốc.

*

*

*

Từ năm 1949 đến năm 1956 là 7 năm cải tạo XHCN. Thời gian tuy không dài nhưng là thời kỳ vô cùng quan trọng đối với công cuộc phát triển sự nghiệp giáo dục. Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo nhân dân các dân tộc Trung Hoa xây dựng nền dân chủ mới, khôi phục kinh tế quốc dân, cải tạo nền kinh tế xã hội cũ và cũng là thời kỳ tiếp quản, cải tạo nền giáo dục cũ. Đây cũng chính là giai đoạn bắt đầu phát triển toàn diện, chuẩn bị bồi dưỡng lực lượng sản xuất, đào tạo những con người mới cho sự nghiệp xây dựng và phát triển Trung Quốc sau này. (Những cán bộ cốt cán, lãnh đạo ở các cơ quan đơn vị của giai đoạn 30 và 40 năm sau ngày nước CHND Trung Hoa ra đời đều là những người được bồi dưỡng vào những năm 1950). Tuy nhiên, nhược điểm lớn nhất của giai đoạn này là thiếu kinh nghiệm tổ chức nền giáo dục quốc dân và chưa có một hệ thống lý luận giáo dục thống nhất, còn nặng về kinh nghiệm chủ nghĩa và xu hướng chuyên môn hóa quá hẹp trong giáo dục dạy học. Ngoài ra do mới tiếp thu từ chế độ giáo dục cũ nên còn có sự lẫn lộn ranh giới giữa giáo dục chính qui và phi chính qui, giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp. Trong những năm đầu áp dụng các chính sách và kinh nghiệm giáo dục ở Liên Xô cũ vào thực tế Trung Quốc còn máy móc thiếu sáng tạo, v.v... Những thiếu sót trên đã chi phối mạnh mẽ sự phát triển của giáo dục thời kỳ này.

Thực hiện đường lối và các kế hoạch cụ thể được đề ra tại Đại hội VIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc, từ năm 1957 đến năm 1966 là 10 năm xây dựng nền móng cho sự nghiệp giáo dục và cũng là mười năm đi lên song song với tìm đường phát triển. Mặc dù vậy, trong quá trình phát triển, do chưa chuẩn bị đầy đủ về tư tưởng của toàn Đảng, toàn dân đối với việc xây dựng toàn diện CNXH và do nôn nóng trong việc đẩy nhanh tốc độ xây dựng và phát triển đất nước nên quá trình triển khai đường lối trong thực tiễn cũng mắc phải không ít sai lầm. Chính sự nóng vội và những sai lầm đó đã tác động không nhỏ tới sự hình thành và phát triển của nền giáo dục Trung Quốc.

Có thể nói sai lầm lớn nhất trong giai đoạn này của Trung Quốc là 10 năm tiến hành “cách mạng văn hóa”. Chính “cách mạng văn hóa” đã tạo điều kiện cho sai lầm “tả khuynh” đến chỗ cực đoan phủ định tri thức, thủ tiêu giáo dục, từ đó khiến cho giáo dục bị phá hoại nghiêm trọng, đông đảo những người làm công tác giáo dục bị vu oan, khiến cho sự trưởng thành của cả một thế hệ thanh thiếu niên bị lâm lữ. Điều này khiến cho nền giáo dục của Trung Quốc ngày càng tụt xa hơn về nhiều phương diện so với các nước phát triển trên thế giới.

Những sai lầm, tiêu cực của “cách mạng văn hoá” chấm dứt khi “bè lũ bốn tên” bị bắt nhưng hậu quả của nó còn kéo dài đến nhiều năm sau. Hội nghị giáo dục toàn quốc tổ chức tại Bắc Kinh tháng 5 năm 1978 với “Đề cương qui hoạch

giáo dục toàn quốc từ năm 1978 đến năm 1985” và quan niệm của Đặng Tiểu Bình “khoa học là sức sản xuất thứ nhất”, “trong cải cách thể chế kinh tế điều quan trọng nhất tôi quan tâm là nhân tài, cải cách thể chế khoa học kỹ thuật tôi quan tâm nhất vẫn là nhân tài”, thực tế đã xác lập vị trí chiến lược của ưu tiên phát triển giáo dục trong xây dựng và hiện đại hóa của Trung Quốc, mở ra một giai đoạn mới được ví như một “mùa Xuân” cho sự nghiệp giáo dục của nước này.

Chương Hai

GIÁO DỤC Ở CHND TRUNG HOA GIAI ĐOẠN ĐẦU CẢI CÁCH MỞ CỬA (1978-1992)

Như đã nêu ở trên, Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 3 khóa XI Đảng Cộng sản Trung Quốc với đường lối cải cách mở cửa toàn diện đã mở ra một thời kỳ mới trong lịch sử hiện đại Trung Quốc nói chung và cho sự nghiệp giáo dục nói riêng. Từ đây giáo dục Trung Quốc cũng bước vào thời kỳ phục hồi và phát triển nhằm phục vụ công cuộc xây dựng và hiện đại hóa đất nước.

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ, CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI KHI TRUNG QUỐC MỚI BƯỚC VÀO CẢI CÁCH MỞ CỬA

Cuối thập kỷ 70 tại Trung Quốc đã xảy ra nhiều sự kiện quan trọng, một trong những sự kiện đó là: Sau 10 năm động loạn, ngày 14 tháng 10 năm 1976 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc thông báo việc bắt "bè lũ bốn tên" (bao gồm Vương Hồng Văn, Trương Xuân Kiều, Giang Thanh và Diêu Văn Nguyên gọi tắt là Vương Trương Giang Diêu), đồng thời cũng quyết định thành lập tổ

chuyên án xét xử do Hoa Quốc Phong đứng đầu. Mười năm tuy chỉ là một khoảng thời gian rất ngắn so với lịch sử Trung Quốc nhưng lại là một thời gian đáng kể so với lịch sử 27 năm của nước CHND Trung Hoa. Trong suốt 10 năm trời, lãnh đạo đất nước trên danh nghĩa vẫn là Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chính phủ nước CHND Trung Hoa, nhưng trên thực tế thì mọi công việc gần như do Tiểu tổ cách mạng văn hoá Trung ương chỉ đạo. “Tiểu tổ” đã thay Bộ Chính trị và Ban Bí thư điều hành mọi công việc của đất nước. Giang Thanh, Trương Xuân Kiêu là Tổ phó còn Diêu Văn Nguyên là Tổ viên ngay từ ngày thành lập. “Cách mạng văn hoá” với sự chỉ đạo của “Tiểu tổ” này đã tạo ra một xã hội Trung Quốc với rất nhiều hậu quả phải giải quyết.

*** Tình hình thế giới:** Trong những năm này, thế giới vẫn trong thời kỳ "chiến tranh lạnh" với nhiều biến động chính trị phức tạp. Ngày 22 tháng 9 năm 1980 công đoàn Đoàn kết ở Ba Lan được thành lập do Lêch Valenxa làm Chủ tịch. Dưới sự chỉ đạo của “công đoàn Đoàn kết”, tình hình Ba Lan trở nên căng thẳng, chính quyền đã phải ra lệnh thiết quân luật trên toàn quốc. Ngày 22 tháng 9 năm 1980 Irắc bất ngờ tấn công Iran với mục tiêu là các mỏ dầu trù phú. Tổng thống Ai Cập Xadát bị ám sát. Đảo chính ở Gana, ở Goatemala, ở Băngladét. Chiến tranh Anh-Achentina trên quần đảo Manvinát... Đây chính là lý do để sau khi nhậm chức Tổng thống Hoa Kỳ tháng 1 năm 1981, Rónan Rigán triển khai việc đặt tên lửa vượt đại dương MX

có thể mang 10 đầu đạn hạt nhân, cùng lúc bắn vào nhiều mục tiêu khác nhau. Sau đó, ngày 23 tháng 3 năm 1983, Rigan đề ra kế hoạch mang tên "Chiến tranh giữa các vì sao"(SDI). Đến tháng 11, Hoa Kỳ đưa tên lửa tầm trung "Pershing" và "Cruise" đặt ở Tây Đức, Bỉ, Hà Lan và một số nước châu Âu khác... Trong khi đó, quan hệ Xô-Trung, Trung- Việt vẫn chưa được cải thiện, vì vậy Trung Quốc cảm thấy vẫn đang ở trong chính sách bao vây của các nước phương Tây.

Suốt một thời gian dài do ảnh hưởng tả khuynh cũng như một số chính sách khác, Trung Quốc thực hiện chính sách đóng cửa, nửa đóng cửa với bên ngoài để xây dựng. Trong khi Trung Quốc tiến hành "cách mạng văn hoá" mà một trong những việc được Trung Quốc gọi là "cách mạng" chính là "nông dân hoá trí thức" thì một số nước tranh thủ cơ hội đã vươn lên phát triển khoa học kỹ thuật và xây dựng kinh tế. Năm 1983, đất nước đông dân nhất Đông Nam Á là Indônêxia cũng tuyên bố cải cách kinh tế vĩ mô toàn diện trên cơ sở chấn chỉnh và cải tổ khu vực doanh nghiệp nhà nước, mở rộng tư nhân hoá và tăng cường khả năng cạnh tranh, nâng cao nguồn tích lũy trong nước. Ở phía Bắc, tháng 10 năm 1984 Liên Xô khánh thành tuyến đường sắt Baican - Amua. Đây là đường giao thông quan trọng dẫn đến nguồn dự trữ mới về năng lượng và khoáng sản ở miền Đông Xibia và Viễn Đông, là điều kiện thuận lợi mới để phát triển kinh tế. Tuy nhiên, những thí dụ tiêu biểu nhất

phải kể đến nền kinh tế thần kỳ ở Nhật Bản, sự xuất hiện các con rồng châu Á ở các nền công nghiệp mới NIEs. Đây chính là những bài học kinh nghiệm rất đáng học tập cho các nước đang phát triển. Một thực tế khách quan không thể phủ nhận trong thời đại khoa học kỹ thuật hiện nay là Trung Quốc không thể thực hiện chính sách đóng cửa truyền thống như thời kỳ phong kiến được nữa, mà phải mở cửa, phải quan sát và học tập bên ngoài để xây dựng đất nước.

*** Về thể chế chính trị:** Trong thời kỳ "cách mạng văn hoá" thể chế chính trị mới được thiết lập đã bị biến đổi. Mọi hoạt động theo chế độ Nhà nước chuyên chính dân chủ nhân dân, chế độ lãnh đạo của hệ thống chính quyền và các tổ chức đoàn thể ở các cấp đều bị xoá bỏ hoặc vẫn tồn tại nhưng hoạt động chỉ là hình thức. Tất cả mọi hoạt động của đất nước đều chịu sự chỉ đạo của "Tiểu tổ cách mạng văn hoá Trung ương" và "Ủy ban cách mạng văn hoá" các cấp. Nhiều sự kiện vô cùng lớn như "cách chức và bắt giam Chủ tịch nước CHND Trung Hoa Lưu Thiếu Kỳ", đình chỉ công tác hoặc bắt giam nhiều nhà lãnh đạo cao cấp của Đảng, Nhà nước và quân đội như Hạ Long, Bành Đức Hoài, Đặng Tiểu Bình... cũng được thực hiện theo chỉ thị của "Tiểu tổ cách mạng văn hoá". Các hoạt động của "Hong vệ binh" ở khắp mọi nơi cũng không hề có chủ trương hay chỉ thị nào mà chỉ là thực hiện "ý kiến của lãnh tụ" này hay "yêu cầu của lãnh tụ" khác. Tất cả những hành động kiểu vô chính phủ đó đã làm ảnh hưởng đến hình ảnh của chính thể nước

CHND Trung Hoa trong con mắt của nhân dân Trung Quốc cũng như thế giới, tác động tiêu cực đến quá trình xây dựng CNXH.

Trong hoàn cảnh quốc tế và đất nước như vậy, Đảng Cộng sản Trung Quốc chuẩn bị tiến hành đại hội lần thứ XI. Điều đáng chú ý là ngay tại Hội nghị Trung ương 3 khoá X trước đó, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã công nhận Hoa Quốc Phong là Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương, Chủ tịch Quân ủy Trung ương nhưng cũng quyết định phục hồi cho Đặng Tiểu Bình là Ủy viên Thường vụ Bộ chính trị, Phó Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương, Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương. Hoa Quốc Phong là người cầm đầu phái bảo thủ với chủ trương "hai phạm là", trong khi Đặng Tiểu Bình lại là người chủ trương phải cải cách Trung Quốc. Quá trình chuẩn bị Đại hội XI thực sự là quá trình đấu tranh giữa phái cải cách và phái bảo thủ. Đại hội diễn ra từ ngày 12 đến ngày 18 tháng 8 năm 1977. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương mới và Hoa Quốc Phong vẫn được Ban Chấp hành Trung ương bầu là Chủ tịch. Điều này phản ánh quá trình đấu tranh còn nhiều vấn đề khó khăn, nhiều mâu thuẫn chưa thể giải quyết triệt để. Tuy vậy, với việc các Phó Chủ tịch được bầu là Diệp Kiếm Anh, Đặng Tiểu Bình, Lý Tiên Niệm... cũng phản ánh xu thế cải cách là không thể đảo ngược. Trên thực tế, ngày 10 tháng 9 năm 1980 kỳ họp lần thứ ba Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc khoá V đã chấp nhận đề nghị của Hoa Quốc Phong xin thôi giữ chức Thủ

tướng Chính phủ và cử Triệu Tử Dương thay ¹. Sau đó, Hội nghị Bộ Chính trị ngày 5 tháng 12 năm 1980 đã quyết định sẽ đề nghị Hội nghị Trung ương lần thứ sáu đồng ý cho Hoa Quốc Phong thôi giữ chức Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương và Chủ tịch Quân uỷ Trung ương, đồng thời đề nghị cử Hồ Diệu Bang làm Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương, Đặng Tiểu Bình làm Chủ tịch Quân uỷ Trung ương và điều hành công việc ngay từ sau Hội nghị của Bộ Chính trị. Đến đây, cuộc đấu tranh giữa hai phái mới kết thúc với phần thắng thuộc về phái cải cách.

*** Về mặt kinh tế và đời sống xã hội:** Mặc dù "bè lũ bốn tên" đã bị bắt, "cách mạng văn hoá" đã chấm dứt nhưng Trung Quốc lúc này vẫn còn bị ảnh hưởng của tư tưởng cực tả với luận thuyết "lấy đấu tranh giai cấp làm cương lĩnh", cho nên việc xây dựng kinh tế vẫn không được chú trọng đúng mức. Các chỉ tiêu kinh tế hàng năm của các ngành đưa ra lại mang tính chủ quan, do vậy càng đẩy nền kinh tế kế hoạch ở Trung Quốc vào tình trạng khó khăn, thường xuyên phải điều chỉnh mà vẫn không hoàn thành. Cũng chính bởi những nhận định chưa thoả đáng và chủ trương không thích hợp từ trên xuống đã làm cho nền kinh tế vốn mất cân đối lại càng mất cân đối nghiêm trọng hơn, gây tác hại cho sản xuất và đời sống nhân dân. Thực tế kinh tế Trung Quốc lúc này còn khó khăn hơn cả những năm có chủ trương sai lầm

1. Nguyễn Huy Quý, sđd, tr. 192.

thực hiện phong trào "đại nhảy vọt". Tình trạng đồng ruộng bỏ hoang, nhiều nhà máy hoạt động cầm chừng dẫn đến người thất nghiệp nhiều (tỷ lệ người lao động thất nghiệp chiếm khoảng 30%), tình hình giá lương vẫn không ổn định. Đối với các cơ quan nhà nước, cán bộ viên chức hưởng lương nhìn chung mức thu nhập trung bình giảm, lương tháng không đủ chi trong một tuần, ở khu vực nông thôn ngay cả khi mùa về nông dân cũng không có thu hoạch, nhiều vùng phải sống nhờ vào cứu trợ của Nhà nước. Thiên tai cũng ảnh hưởng không nhỏ đến kinh tế xã hội. Năm 1976, Trung Quốc chịu một thảm họa động đất rất nặng nề, thành phố công nghiệp Đường Sơn gần như bị san bằng và ảnh hưởng cả một vùng rộng lớn gồm Thiên Tân, Bắc Kinh, Hà Bắc. Động đất không chỉ thiệt hại về người và của mà còn ảnh hưởng nghiêm trọng, lâu dài đến đời sống kinh tế của nhân dân. Một thời gian dài sau, tại nhiều nơi do không có mưa nên nạn hạn hán xảy ra rất trầm trọng, những tỉnh nặng nhất là Tứ Xuyên, Cam Túc, An Huy... Do vậy, một thực tế phũ phàng ở Trung Quốc lúc này là nạn đói lan tràn, nhiều làng quê nông dân bỏ ruộng, bỏ nhà lang thang hành khất.

Đối với lực lượng sản xuất, nhất là những cán bộ, thanh niên trí thức do bị đưa về nông thôn, đưa lên miền núi nên nhiều ngành nghề không có người để hoạt động, nhiều cán bộ chuyên môn lại được "giáo dục" lao động chân tay đơn thuần, làm những công việc mà thực chất không cần phải

học. Do vậy đến thời gian này dù đa số họ đã được trở về nhà tại các thị trấn, thành phố và quay trở lại các cơ quan đơn vị công tác cũ nhưng vẫn hoang mang, vẫn còn bị ám ảnh về giai đoạn cải tạo vừa qua, tư tưởng chưa được giải phóng, chưa mấy tin tưởng làm việc. Mặt khác, sau 10 năm làm "cách mạng", một tầng lớp thanh thiếu niên đã trưởng thành, tư tưởng vô chính phủ thời "cách mạng văn hoá" đã đẩy lớp trẻ đến những hành động vượt rào để thoả mãn tự do. Thực tế những công việc được gọi là "cách mạng" của họ chỉ là ăn chơi, đập phá nên lẽ ra vào lứa tuổi này của cuộc đời họ phải là những người lao động có năng lực, có kỹ thuật, có thể làm giàu cho xã hội. Đến nay, khi không còn làm "cách mạng", những thanh niên này không có khả năng, không có kiến thức để làm những công việc khoa học kỹ thuật dù rất đơn giản, Nhà nước lại phải tiến hành đào tạo lại họ từ đầu.

Từ thực tế cuộc sống, nông dân An Huy, Tứ Xuyên từ những năm 50, 60 của thế kỷ trước đã nhận thấy, do cách quản lý kém hiệu quả của chế độ công xã nhân dân nên thu nhập quá thấp so với tiềm năng của ruộng đất. Những người nông dân đã đề nghị chính quyền cho phép họ được mượn đất bỏ hoang của công xã để canh tác. Tất nhiên đề nghị của họ không được đồng ý bởi lúc này công xã nhân dân vẫn đang được đề cao. Đến hè thu năm 1978, nhiều nơi bị hạn hán nghiêm trọng, nạn đói lan tràn, nông dân nhiều nơi lại bỏ ruộng, bỏ quê lang thang kiếm sống. Lúc này một lần

nữa nông dân lại đề nghị tỉnh cho dân mượn ruộng. Cũng chính từ ý tưởng mượn ruộng, một số nơi nông dân đã đưa ra ý tưởng xin khoán ruộng. Những đề nghị này có vẻ như đi ngược lại đường lối kinh tế tập thể XHCN lúc bấy giờ nhưng lại được Đặng Tiểu Bình ủng hộ. Sau Hội nghị Trung ương 3 khóa XI, quan điểm này được nhất trí và khoán đến hộ đã được thừa nhận là một phương thức quản lý sản xuất kinh tế XHCN.

Như vậy, công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc giai đoạn khởi đầu được bắt đầu từ lĩnh vực nông nghiệp nông thôn. Cùng với việc thực hiện chính sách khoán sản phẩm đến hộ gia đình, lúc này cũng xuất hiện các xí nghiệp hương trấn (mà ban đầu gọi là xí nghiệp xã, đội), làm cho kinh tế nông thôn phát triển và cũng tạo thêm việc làm cho nông dân. Rõ ràng từ điều kiện cụ thể, từ yêu cầu của cuộc sống, tất yếu dẫn đến cải cách. Cải cách mở cửa chính là đòi hỏi khách quan của quá trình phát triển xã hội Trung Quốc mà trong đó giáo dục giữ vị trí vô cùng quan trọng.

II. KHÁI QUÁT VỀ HỆ THỐNG GIÁO DỤC

Hệ thống giáo dục nước CHND Trung Hoa áp dụng từ khi thành lập nước, được xây dựng dựa trên cơ sở tiếp thu và cải tạo hệ thống giáo dục có từ thời Trung Hoa dân quốc. Ngay từ khi mới giành được chính quyền, Trung Quốc đã chú trọng xây dựng hệ thống giáo dục mới theo phương châm tạo thành cuộc cách mạng trong giáo dục, thực hiện

toàn diện và đúng đắn đường lối giáo dục phục vụ chính trị của giai cấp vô sản, kết hợp giáo dục với lao động sản xuất từ đó từng bước hoàn thiện hệ thống giáo dục XHCN, nhằm đẩy mạnh đào tạo những con người lao động phát triển về các mặt đức, trí, thể, mỹ, có trình độ giác ngộ XHCN. Trên tinh thần đó, Trung Quốc đã xây dựng được một hệ thống giáo dục mới và hệ thống này đã có tác dụng không nhỏ đối với nền giáo dục Trung Quốc trong những năm đầu xây dựng CNXH. (Xem bảng 3).

Trong quá trình xây dựng và phát triển, hệ thống giáo dục luôn có thay đổi để đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội. Bước sang thời kỳ cải cách mở cửa, Đặng Tiểu Bình với quan điểm phải kiên quyết cải cách giáo dục đã tập trung chỉ đạo thúc đẩy việc thực hiện giáo dục trong điều kiện lịch sử mới theo phương châm : tích cực hoàn thành cuộc cách mạng trong giáo dục, thực hiện toàn diện và đúng đắn đường lối giáo dục phục vụ chính trị của giai cấp vô sản, kết hợp giáo dục với lao động sản xuất từ đó từng bước hoàn thiện hệ thống giáo dục XHCN nhằm đẩy mạnh đào tạo những con người lao động phát triển toàn diện. Hệ thống giáo dục mới phải đáp ứng mục đích nâng cao trình độ văn hoá và khoa học kỹ thuật cho toàn thể nhân dân Trung Quốc và đào tạo đội ngũ trí thức của giai cấp công nhân, xây dựng một lực lượng lao động có trình độ để hoàn thành nhiệm vụ xây dựng XHCN đặc sắc Trung Quốc. Mục tiêu của cải cách là làm cho hệ thống giáo dục bao quát được

nhiều mặt, hoàn thiện về chức năng, có tính thích ứng cao và gắn bó chặt chẽ giữa giáo dục toàn dân và giáo dục suốt đời, khắc phục được mâu thuẫn gay gắt giữa đa nguyên hoá phát triển giáo dục với sự đơn nhất của chế độ giáo dục đã và đang tồn tại. Nói cách khác Trung Quốc muốn tạo lập một chính thể giáo dục với các đặc trưng sau:

1. Mọi người ai cũng là người giáo dục và là người được giáo dục

2. Quá trình hình thành nhân cách, quá trình nhân sinh chính là quá trình giáo dục

3. Bất kỳ cơ quan nào cũng đồng thời là cơ quan giáo dục bồi dưỡng nhân tài

4. Có những phương pháp giáo dục và phương pháp học tập khác nhau, thích hợp với tất cả mọi người

5. Bảo đảm mối quan hệ gắn bó hữu cơ, chặt chẽ, cân đối của 7 yếu tố cấu thành chính thể hoạt động giáo dục. Đó là: Mục tiêu- kế hoạch- phương pháp- phương tiện- chỉ đạo- kiểm tra- hiệu quả.

6. Phát triển giáo dục kỹ thuật tổng hợp và kết hợp chặt chẽ giáo dục kỹ thuật tổng hợp với trí dục, thể dục, mỹ dục, lao động sản xuất và giáo dục nghề nghiệp.¹

1. Bùi Đức Thiệp. *Giáo dục và khoa học giáo dục*. Viện khoa học giáo dục, Hà Nội, 1990, tr. 26.

Cùng với việc cải cách và xây dựng hệ thống giáo dục mới, Trung Quốc chú trọng tăng nhanh việc xây dựng các trường đại học mới cùng với các trường cũ tạo ra hình thái mới tỉnh, vùng đông dân hoặc khu tự trị đều có thể chủ động đào tạo được cán bộ trong từng lĩnh vực của địa phương mình. Đồng thời cũng chú trọng phát triển trên phạm vi toàn quốc hệ thống giáo dục qua báo chí, đài phát thanh, vô tuyến truyền hình và trường ban đêm. Các trường này cùng với các lớp học ngoài giờ ở nhà máy, hầm mỏ, ở các cơ quan tài chính và thương mại, ở các cơ quan nghiên cứu sẽ giúp đào tạo các cán bộ tại chức, công nhân, nông dân, chiến sĩ quân giải phóng và những thanh niên đã có trình độ nhất định vươn lên trình độ trung cấp, đại học và sau đại học.

Hiện nay, hệ thống giáo dục Trung Quốc được chia thành hai phần là giáo dục phổ cập và giáo dục hướng nghiệp (Xem bảng 4).

Phần giáo dục phổ cập được chia thành 4 cấp, đó là:

- *Giáo dục mầm non*: Nhận trẻ em từ 3 đến 6 tuổi tại các nhà trẻ, lớp mẫu giáo. Các lớp học này không hoàn toàn bắt buộc nhất là với hệ thống nhà trẻ.

- *Giáo dục tiểu học*: Thực hiện trong các trường tiểu học, nhận trẻ em bắt đầu từ 6-7 tuổi. Thời gian học là 5 hoặc 6 năm. (6 năm cho các trường bình thường, 5 năm cho các trường chuyên biệt, là trường dành cho trẻ em có khuyết tật như mù, câm, điếc và chậm phát triển trí tuệ).

Bảng 4: Hệ thống giáo dục CHND Trung Hoa sau cải cách

29		Sau Tiến sĩ	
28			
27	6	Tiến sĩ	
26	5		
25	4		
24	3		
23	2	Thạc sĩ	
22	5/1		
21	4	Đại học (chuyên khoa, bản khoa)	
20	3		
19	2		
18	1		
		Cao đẳng	
17	12	Cao Trung	Trung cấp công nông, Trung cấp học nghề, Trung cấp chuyên nghiệp, Trung học nôngnghiệp ...
16	11		
15	10		
14	9	Sơ Trung	Đào tạo người trưởng thành, Sư phạm sơ cấp, Học nghề sơ cấp Công nhân kỹ thuật
13	8		
12	7		
11	6	Tiểu học chuyên biệt	Tiểu học cho người trưởng thành
10	5		
9	4		Lớp xóa mù cho người trưởng thành
8	3		
7	2		
6	1		
5		Mẫu giáo, nhà trẻ	
4			
3			
Tuổi	Năm học		

Đối với người trưởng thành, ngoài các lớp xoá mù chữ còn có trường dạy chương trình tiểu học cho công nhân và nông dân chưa học hết tiểu học. Các trường loại này cũng được xếp chung vào hệ thống giáo dục tiểu học.

- *Giáo dục trung học*: Bậc trung học chia làm 2 cấp là sơ trung 3 năm và cao trung 3 năm (sơ trung tương đương với trung học cơ sở, cao trung tương đương với trung học phổ thông ở Việt Nam hiện nay).

- *Giáo dục đại học*: Bao gồm các loại chương trình đào tạo đại học, thời gian 4-5 năm và cao đẳng là 2-3 năm. Bậc đại học chia làm ba trình độ: đại học ngắn hạn (chuyên khoa), đại học chính qui (bản khoa) và sau đại học. Trình độ sau đại học phân làm hai, học viên đều gọi là nghiên cứu sinh (NCS), gồm NCS thạc sĩ và NCS tiến sĩ. (Từ năm 1985 Trung Quốc bắt đầu có chế độ đào tạo sau tiến sĩ theo chương trình tập trung 2 năm).

Tùy theo yêu cầu và nhiệm vụ của từng giai đoạn mà phân giáo dục phổ cập có thể là 5 năm, 6 năm (hết bậc tiểu học) hoặc là 8 năm, 9 năm (hết bậc sơ trung) hoặc cao hơn là cao trung hay đại học. Vào giai đoạn này, Trung Quốc đặt chỉ tiêu phổ cập giáo dục bắt buộc là 9 năm, trong đó có 6 năm ở bậc tiểu học và 3 năm ở bậc sơ trung. Sau khi học hết phân giáo dục phổ cập, tùy vào năng lực và điều kiện cụ thể, học sinh có thể tiếp tục học lên hoặc chuyển sang học nghề. Ngoài ra, xuất phát từ thực tế tiếp thu lịch sử phát triển mấy ngàn năm của văn hoá Trung Quốc, xuất phát từ

đặc trưng riêng biệt của chữ viết, bên cạnh hệ thống giáo dục chính qui như các quốc gia khác, Trung Quốc còn có hệ thống giáo dục được gọi là giáo dục người lớn hay giáo dục người trưởng thành. Hệ thống này cũng bao gồm nhiều loại hình từ tiểu học đến đại học.

Phần giáo dục nghề nghiệp được tiến hành trong các trường trung học chuyên nghiệp, các trường dạy nghề trung học (cũng bao gồm sơ trung và cao trung), trường dạy nghề công nhân cũng như các trường dạy nghề ngắn hạn nhiều dạng khác nhau. Nhiệm vụ của giáo dục nghề nghiệp là chuẩn bị nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu trước mắt và dự trữ cho thị trường lao động.

Giáo dục nghề nghiệp cũng được chia làm 2 cấp là:

- *Bậc trung học chuyên nghiệp và kỹ thuật sau trung học cơ sở.* Đây là những trường tương đương với bậc cao trung trong hệ thống giáo dục. Nhóm này bao gồm các trường và các trung tâm đào tạo như trường trung học dạy nghề, trung học nông nghiệp, trường đào tạo công nhân kỹ thuật, trường trung học chuyên nghiệp cũng như các khoá đào tạo ngắn hạn về kỹ thuật và nghiệp vụ, kể cả một số trường dạy nghề sau tiểu học. (Đến giai đoạn này Trung Quốc vẫn còn những trường tiến hành dạy nghề cho học sinh có trình độ văn hoá bậc tiểu học).

- *Bậc đại học và cao đẳng.* Là giai đoạn học tập cao nhất trong hệ thống giáo dục quốc dân, cung cấp trình độ

chuyên môn cao trên cơ sở đã qua hết giáo dục trung học. Từ một ý nghĩa nào đó mà nói, đây là nơi cho ra những sản phẩm cuối cùng, nơi gánh vác trọng trách là bồi dưỡng nhân tài, những cốt cán của Trung Quốc trên các mặt trận, bao gồm lãnh đạo các cấp, nhân viên nghiên cứu khoa học, những người quản lý doanh nghiệp và những nhân viên kỹ thuật cao cấp. Ở trình độ này cũng bao gồm cả trường chính qui và phi chính qui để đáp ứng nhu cầu học tập nâng cao trình độ của người lớn tuổi và một số chương trình đào tạo khác như dạy nghề, đặc biệt ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa kém phát triển.

Hệ thống giáo dục hiện nay ở Trung Quốc về cơ bản có thể đảm bảo quyền được giáo dục của công dân theo qui định của Hiến pháp.

III. KHẮC PHỤC HẬU QUẢ GIÁO DỤC SAU “CÁCH MẠNG VĂN HOÁ” (1978-1985)

Hiện nay, mọi người đều thống nhất rằng công cuộc cải cách mở cửa làm thay đổi diện mạo của nước CHND Trung Hoa được mở đầu từ Hội nghị Trung ương 3 khoá XI (tháng 12 năm 1978). Bài nói "Giải phóng tư tưởng, thực sự cầu thị, đoàn kết nhất trí, nhìn về phía trước" của Đặng Tiểu Bình trên thực tế là chủ đề báo cáo của Hội nghị. Tuy nhiên, để đạt được kết quả đó, Trung Quốc đã phải trải qua một thời gian đấu tranh gay gắt về tiêu chuẩn chân lý. Với quyết sách chiến lược chuyển trọng điểm công tác của Đảng và

Nhà nước sang xây dựng kinh tế và hiện đại hoá XHCN, thực hiện mở cửa với bên ngoài, làm sống động đời sống xã hội ở trong nước, tiến hành cải cách thể chế kinh tế và thể chế chính trị, đưa ra lý luận về kinh tế hàng hóa có kế hoạch XHCN... Có thể nói Hội nghị Trung ương 3 khoá XI đã mở ra một cục diện mới trên toàn Trung Quốc.

Công cuộc cải cách lần này ở Trung Quốc là cuộc cải cách toàn diện, không có một mô hình nhất định để sao chụp, cũng không có kinh nghiệm sẵn để học theo. Trong giai đoạn đầu của cải cách, trọng điểm được xác định là nông nghiệp nông thôn, đồng thời tiến hành mở rộng thí điểm quyền tự chủ kinh doanh của xí nghiệp quốc hữu ở thành phố và xây dựng đặc khu kinh tế. Quá trình này được người Trung Quốc mô tả bằng hình ảnh "dò đá qua sông", với hàm ý là cải cách mở cửa đòi hỏi phải kiên trì, phải coi trọng thực tiễn và xuất phát từ thực tiễn, cải cách cần ổn định và hiệu quả. Mỗi bước đi đều phải "dò" cho kỹ, nhìn cho chuẩn, phải đúc kết kinh nghiệm và hình dung được bước tiếp sau nghĩa là phải đạt được nhận thức ở mức độ nhất định mới bước tiếp. Tuy nhiên, trong lĩnh vực giáo dục thì lại khác, không thể chỉ tiến hành đơn thuần theo phương pháp thực nghiệm. Vì vậy, để chuẩn bị những luận cứ khoa học đảm bảo tính chính xác cho từng giai đoạn phát triển, ngay từ tháng 7 năm 1978 Quốc vụ viện Trung Quốc đã phê chuẩn quyết định phục hồi hoạt động của Viện Nghiên cứu Khoa học giáo dục ở Trung ương. (Viện này vốn được thành

lập từ tháng 1 năm 1957, đến năm 1966 đã phát triển thành 15 ban với 300 nghiên cứu viên và nhân viên nhưng trong "cách mạng văn hóa" đã bị xóa bỏ). Sau khi được hoạt động trở lại, Viện đã tổ chức các hội nghị toàn Trung Quốc về qui hoạch phát triển giáo dục, thông qua các hội nghị này nhằm tìm đường đi cho giáo dục trong sự nghiệp phát triển đất nước.

1/ Thay đổi quan niệm sai lầm, phục hồi đội ngũ giáo viên

Một vấn đề đặt ra là muốn phục hồi và phát triển giáo dục sau 10 năm hầu như bị xóa trắng trong "cách mạng văn hoá" bởi những sai lầm do "bè lũ bốn tên" và những sai lầm "tả khuynh" sau đó, những người làm công tác giáo dục ở Trung Quốc cho rằng nhiệm vụ quan trọng nhất là phải phục hồi tư tưởng tôn trọng khoa học giáo dục, tôn sư trọng đạo và phục hồi đội ngũ giáo viên. Thực tế, Trung Quốc lúc đó đã có một đội ngũ giáo viên khoảng gần một chục triệu người. Tuyệt đại đa số họ, dù cuộc sống vẫn còn khó khăn, dù có tác động của những vấn đề chính trị xã hội, nhưng họ vẫn tin tưởng vào Đảng, yêu Tổ quốc XHCN, trung thành với sự nghiệp giáo dục của nhân dân, xứng đáng là những nhà giáo mẫu mực. Nhưng về mặt tư tưởng, lúc này vấn đề "hai đánh giá" và "trí dục là số một" vốn đã tồn tại nhiều năm vẫn còn ám ảnh những nhà giáo và những người làm công tác giáo dục, vẫn chưa có ai dám lên tiếng phê phán.

Vậy thực chất của vấn đề "hai đánh giá" và "trí dục là số một" là gì?

Ngày 19 tháng 9 năm 1977 khi trao đổi với Bộ trưởng Bộ Giáo dục Lưu Tây Nghiêu, Đặng Tiểu Bình đã phê bình thái độ do dự chần chờ của Bộ Giáo dục. Đặng Tiểu Bình cho rằng: "Cần phải nhận thức rõ nội dung của "Kỷ yếu hội nghị công tác giáo dục toàn quốc" thực chất chỉ là "hai đánh giá" về giáo dục Trung Quốc giai đoạn 17 năm trước "đại cách mạng văn hoá". "Hai đánh giá" là không thỏa đáng, không thể có sự phân chia như vậy"

Bàn về vấn đề "trí dục là số một" Đặng Tiểu Bình nói: "Cái gọi là "trí dục là số một" cũng là do "bè lũ bốn tên" đưa ra, chúng chỉ núp dưới chiêu bài trên để làm những việc xấu, phá hoại sự nghiệp giáo dục. "Bè lũ bốn tên" cổ vũ cho luận điệu "Lao động không cần phải có văn hoá", "tri thức càng nhiều càng phản động"... mà lại nói "trí dục là số một" đó chính là những lý lẽ hồ đồ, hoang đường, vì vậy hiện nay chúng ta phải cố gắng tẩy sạch nó"¹.

Như vậy, với cương vị là Phó Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Hội nghị Hiệp thương chính trị toàn quốc khoá V, lại là người từng bị "kỷ luật" trong "cách mạng văn hoá", quan điểm của Đặng Tiểu Bình đã "giải phóng tư tưởng" cho những người làm công tác giáo dục. Trên thực tế không phải họ không

1. Cao Kỳ, sđd, tr. 235.

nhận thức được "hai đánh giá" và "trí dục là số một" là không phù hợp với thực tế, là mục đích của "bè lũ bốn tên" nhằm đánh vào đội ngũ trí thức, nhưng ám ảnh đối với họ chính là những thực tế buộc phải chấp nhận trong suốt 10 năm trước đó. Hàng vạn án oan được chụp lên đầu các trí thức thông qua hoạt động đấu tố của "hồng vệ binh", nếu họ không chịu nhận thì họ có chịu đựng được không? Với quan điểm mới này các nhà giáo dục đã yên tâm tiến hành công việc phục hồi đội ngũ giáo viên.

Về công tác lãnh đạo của Bộ Giáo dục, Đặng Tiểu Bình nhắc nhở: "Các đồng chí chưa giải phóng về tư tưởng, các đồng chí quản lý Bộ Giáo dục thực tế là quản lý phần lớn trí thức, cần phải có cái nhìn khác, những gì không phù hợp thì phải tiến hành cải cách ngay, phải chủ động phê phán "hai đánh giá" nếu không sẽ phạm sai lầm. Tôi biết khoa học và giáo dục là những nhiệm vụ rất khó nhưng tôi xin xung phong đảm nhận. Không nắm bắt khoa học giáo dục thì không thể thực hiện bốn hiện đại hoá được và như vậy chúng ta sẽ trở thành nói suông".

Từ ngày 22 tháng 4 đến ngày 16 tháng 5 năm 1978, Hội nghị giáo dục toàn quốc tổ chức tại Bắc Kinh. Tại Hội nghị, Đặng Tiểu Bình đã có bài phát biểu về công tác bồi dưỡng nhân tài. Sau khi phân tích về nhiệm vụ của nhà trường là nâng cao chất lượng giáo dục, nâng cao trình độ dạy và học văn hóa, khoa học để phục vụ sự nghiệp xây dựng CNXH, Đặng Tiểu Bình chỉ rõ: "Khoa học kỹ thuật là

sức sản xuất thứ nhất" và nhấn mạnh: "Trong cái cách thể chế kinh tế điều quan trọng nhất tôi quan tâm là nhân tài, cái cách thể chế khoa học kỹ thuật tôi quan tâm nhất vẫn là nhân tài". Đặng Tiểu Bình cũng nêu ra quan điểm một trường học muốn đào tạo được nhân tài, đào tạo nên những người lao động phát triển toàn diện, có văn hóa, có giác ngộ XHCN mấu chốt là ở đội ngũ giáo viên. Chúng ta phải nâng cao địa vị chính trị và địa vị xã hội của người giáo viên nhân dân, toàn xã hội phải tôn trọng giáo viên, có biện pháp thích hợp để khuyến khích những người suốt đời theo đuổi sự nghiệp giáo dục và ông cũng khẳng định: "Nhất định phải xây dựng Trung Quốc thành một cường quốc XHCN"¹. Những sửa sai này đã thổi một luồng sinh khí ấm áp vào sự nghiệp giáo dục, vào việc xây dựng đội ngũ giáo viên để xây dựng sự nghiệp giáo dục trong giai đoạn mới ở Trung Quốc.

Dưới sự chỉ đạo của Đặng Tiểu Bình và được Quốc vụ viện phê chuẩn, ngày 8 tháng 7 năm 1978 Bộ Giáo dục tổ chức hội nghị công tác giáo dục toàn quốc, tiến hành phê phán "hai đánh giá". Bộ trưởng Bộ Giáo dục Lưu Tây Nghiêu đã đọc báo cáo tổng kết nhấn mạnh: "Hai đánh giá" và "trí dục là số một" là tư tưởng phản động của "bè lũ bốn tên", trong thời gian qua nó đã có ảnh hưởng rất lớn, gây ra những tổn thất không thể đánh giá hết cho ngành giáo dục, cần vạch trần tội lỗi của chúng, tẩy sạch nọc độc của

1. Cao Kỳ, sdd, tr. 234.

chúng". Các nội dung thảo luận được báo cáo lên trên và ngày 19 tháng 3 năm 1979 Trung ương Đảng chuyển cho Bộ Giáo dục thông tri "Báo cáo về kiến nghị của Trung ương đối với việc huỷ bỏ hai văn kiện". Hai văn kiện này là "Kỷ yếu hội nghị công tác giáo dục toàn quốc" năm 1971 và "Báo cáo vắn tắt tình hình trung học của công xã Mã Chấn Phù huyện Đường Hà tỉnh Hà Nam" năm 1974. Báo cáo khẳng định hai văn kiện này là sản phẩm sai lầm nghiêm trọng dưới sự chỉ đạo của "bè lũ bốn tên", làm tổn hại rất nặng nề cho giáo dục, cần phải tiếp tục phê phán.

Ngày 31 tháng 10 năm 1978, Phó Giám đốc trường Đảng Trung ương Hồ Diệu Bang có bài phát biểu tại hội nghị của Ban Tổ chức Trung ương Đảng về vấn đề trí thức. Hồ Diệu Bang cho rằng: "Đội ngũ trí thức của nước CHND Trung Hoa đã có những thay đổi căn bản. Trong thời kỳ trước, phương châm của Đảng coi trí thức là đối tượng đoàn kết, giáo dục cải tạo. Phương châm đó đến nay không còn thích hợp nữa". Sau đó, ngày 4 tháng 1 năm 1979 Nhân dân nhật báo cũng có bài bình luận về các chính sách đối với trí thức. Sau khi nhắc lại quan điểm của Hồ Diệu Bang, bình luận nhấn mạnh: "Trí thức là những người công nhân lao động trí óc, Đảng cũng dựa vào lực lượng này", "Lao động thể lực và lao động trí óc là hai bộ phận của giai cấp công nhân. Xây dựng và củng cố quan hệ khăng khít, mật thiết, học tập lẫn nhau, cùng tiến bộ là một trong những điều kiện để thực hiện tốt bốn hiện đại hoá". Đến đây vấn đề trí thức,

vấn đề "giải phóng tư tưởng" cho đội ngũ giáo viên mới có thể coi là được giải quyết thỏa đáng.

Theo tinh thần chỉ đạo của hội nghị trao đổi về công tác bồi dưỡng giáo viên bậc trung và tiểu học được tổ chức từ cuối tháng 10 năm 1977, Bộ Giáo dục đã gửi cho các địa phương chỉ thị về "Tăng cường công tác đào tạo tại chức cho giáo viên", yêu cầu nỗ lực hồi phục và phát triển đội ngũ giáo viên trung tiểu học đã bị tổn thất nặng nề trong thời gian qua và nhấn mạnh hiện trạng đội ngũ giáo viên cả trình độ cũng như số lượng đều không đảm bảo. Chỉ thị đề nghị các trường và các địa phương rà soát lại đội ngũ giáo viên, lên kế hoạch mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ. Đến cuối năm 1979 trên toàn quốc đã hình thành mạng lưới bồi dưỡng giáo viên 5 cấp là tỉnh, châu, huyện, công xã và trường học. Số lượng giáo viên trung học đã được tham gia các lớp bồi dưỡng và đào tạo là 863.000 người, đạt khoảng 35% số lượng giáo viên cần phải bồi dưỡng. Số lượng giáo viên tiểu học đã được tham gia các lớp bồi dưỡng và đào tạo là 1.375.000 người đạt khoảng 47%¹. Chính đội ngũ giáo viên này là những người trực tiếp bắt tay vào khôi phục sự nghiệp giáo dục tại các địa phương trên toàn Trung Quốc.

2/ Chấn chỉnh và phục hồi giáo dục nông thôn

Về cách mạng Trung Quốc, trước đây Mao Trạch Đông đã từng nói: "Vấn đề thực tế của cách mạng Trung Quốc

1. Quách Phúc Xương, Ngô Đức Cương chủ biên, sdd, tr. 391.

chính là vấn đề nông dân". Trong lời khai mạc một cuộc hội thảo của Quốc vụ viện bàn về tiến tới xã hội khá giả, Thủ tướng Lý Bằng cũng đưa ra nhận định: "Không có cuộc sống khá giả cho nông dân thì không có cuộc sống khá giả ở toàn quốc". Hai cách nói trên đều có chung một ý nghĩa, đó là vai trò vô cùng quan trọng của công tác nông dân đối với cách mạng Trung Quốc. Từ các nhận định đó, tại các hội nghị toàn Trung Quốc về qui hoạch phát triển do Viện Nghiên cứu giáo dục tổ chức, các nhà giáo dục Trung Quốc cho rằng nếu không làm tốt công tác giáo dục ở nông thôn, không phổ cập được giáo dục ở nông thôn thì cũng không thể làm tốt công tác giáo dục cũng như phổ cập giáo dục ở toàn quốc. Đây chính là nguyên nhân Trung Quốc quyết định tiến hành mở đầu công cuộc phục hồi giáo dục từ nông thôn.

Khi bắt đầu tiến hành cải cách mở cửa, nhìn tổng thể về khoa học kỹ thuật cũng như động lực phát triển, Trung Quốc đều đang ở trình độ rất thấp, chất lượng sống của nhân dân không cao, tổng lực quốc gia không mạnh. Có thể nhận thấy Trung Quốc có vùng nông thôn rộng lớn với diện tích lớn gấp nhiều lần so với thành thị. Mặt khác, Trung Quốc dân số đông nhưng phân bố chủ yếu ở nông thôn, lực lượng nông dân chiếm tỷ lệ lớn trong khi đó điều kiện sinh hoạt, khả năng tiếp nhận cũng như thời gian tiếp nhận nền giáo dục mới đều thua kém thành thị, do vậy chất lượng lao động không cao. Căn cứ vào đặc điểm trên, khi bắt đầu tiến

hành phục hồi giáo dục các nhà nghiên cứu giáo dục Trung Quốc xác định: Về khu vực, giáo dục nông thôn được dùng để chỉ các thị trấn và các vùng thôn xã hay là cách gọi những vùng đất đai ngoài thành phố; Về kết cấu, giáo dục nông thôn là chỉ giáo dục cơ sở, giáo dục kỹ thuật hướng nghiệp, giáo dục cho người lớn tuổi; Về cấp học, là chỉ các loại hình giáo dục từ bậc trung cấp trở xuống. Vì vậy, công tác giáo dục ở nông thôn vốn đã là một nhiệm vụ khó khăn nay lại thêm nhiệm vụ đi trước, làm thí điểm để tìm ra bài học kinh nghiệm cho công cuộc cải cách. Giáo dục nông thôn chính là điểm khó khăn nhất và cũng là trọng điểm của giáo dục Trung Quốc bởi nó liên quan đến nông thôn và cuộc sống của người nông dân.

Tổng kết các bài học kinh nghiệm của những lần cải cách trong quá trình xây dựng đất nước trước đây, xuất phát từ sự phát triển không cân đối của kinh tế và giáo dục ở các địa phương, các nhà giáo dục Trung Quốc đã xác định phương hướng là: Kiên trì thông qua thực nghiệm điển hình để tìm ra một phương pháp công tác hợp lý, từng bước mở rộng từ điểm đến diện để giải quyết tốt nhất tình trạng không đồng đều về giáo dục. Trong chỉ đạo đã quan tâm ngăn chặn, phòng ngừa tư tưởng làm ồn ào vội vã hoặc im lặng xem xét, để đảm bảo cho công tác phục hồi và thực nghiệm giáo dục thành công.

Cũng từ những bài học trong cải cách kinh tế, các nhà giáo dục học Trung Quốc nhận thấy nếu công tác phục hồi

giáo dục được tiến hành theo kiểu đơn lẻ trước đây thì rất khó thiết lập một chế độ mới, vận hành theo thể chế mới, không phát huy được tính sáng tạo và tính tích cực của các trường học và đội ngũ giáo viên, do vậy những khiếm khuyết trước đây của giáo dục lại có điều kiện xuất hiện. Muốn cho giáo dục có ảnh hưởng và tác động sâu hơn nữa, muốn tiếp tục tiến hành và không làm mất thời cơ của sự nghiệp giáo dục thì đầu tiên phải làm tốt cải cách thí điểm. Về nhiệm vụ trước mắt, các nhà giáo dục học cũng xác định phải thông qua phục hồi và phát triển để giải quyết tốt việc nâng cao học vấn cho những người sống ở nông thôn và vạch ra phương hướng, những bước đi cụ thể làm cho giáo dục nông thôn có thể đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội và cải thiện mức sống của nhân dân.

Nhằm tăng cường công tác phục hồi giáo dục ở nông thôn, Trung ương Đảng và Quốc vụ viện đã ban hành có bổ sung sửa chữa lại "Đại cương kế hoạch dạy học bậc trung tiểu học" và qui định tuổi nhập học của học sinh các cấp để thực hiện thống nhất từ tháng 1 năm 1978. Đến đầu những năm 80, trên toàn Trung Quốc rất nhiều vùng nông thôn đã cơ bản hình thành mạng lưới phổ cập giáo dục tiểu học.

Thực tế nhiệm vụ của giáo dục nông thôn xoay quanh vấn đề chủ yếu là bồi dưỡng lực lượng lao động tại địa phương sao cho những lao động này có đủ năng lực thực hiện nhiệm vụ do thực tiễn và đời sống đặt ra. Các nhiệm vụ chủ yếu là: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và chính

quyền các cấp, đổi mới tư tưởng và làm thay đổi quan niệm cũ về giáo dục, bố trí nội dung chương trình phù hợp, chú ý kết hợp giáo dục với khoa học nông nghiệp. Tổ chức quản lý giáo dục làm cho sự nghiệp giáo dục gắn bó mật thiết với kiến thiết nông thôn và hạnh phúc của nhân dân. Mọi chế độ chính sách đều nhằm mục đích thúc đẩy nhân dân tích cực đưa trẻ em đến trường và bản thân họ những người lao động chưa biết chữ cũng tích cực đi học. Các cấp chính quyền thông qua phục hồi và phát triển giáo dục đã chú ý thúc đẩy việc xây dựng nền văn minh vật chất và văn minh tinh thần ở nông thôn.

Để giúp các địa phương có cơ sở tiến hành công tác phổ cập giáo dục, tháng 12 năm 1980 Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ban hành "Quyết định về một số vấn đề về phổ cập giáo dục tiểu học". Căn cứ vào quyết định này, chính quyền các cấp đã tiến hành điều chỉnh kết cấu giáo dục kết hợp với điều hoà tổng thể. Việc điều chỉnh theo phương châm có thể sử dụng tất cả mọi nguồn lực phục vụ mục đích xây dựng và phát triển kinh tế xã hội ở địa phương. Để làm cho nhân dân nắm vững vai trò và nhiệm vụ của giáo dục nông thôn trong giai đoạn mới, các cơ sở giáo dục địa phương đã sử dụng hệ thống truyền hình và các mạng lưới dịch vụ vào quá trình thực hiện giáo dục nghĩa vụ, đồng thời kết hợp với các cơ sở sản xuất xây dựng các mẫu trường đa năng đa dụng phát triển giáo dục nghề. Giáo dục nông thôn lúc này không chỉ đơn thuần là dạy và học

mà còn góp phần nâng cao trình độ thực chất của lao động, từng bước đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đẩy mạnh phát triển nông nghiệp.

Năm 1983, Trung Quốc tiếp tục ban hành "Thông tri về một số vấn đề tăng cường cải cách giáo dục trường học ở nông thôn". Thông tri đưa ra những định hướng chính, những bước đi cụ thể của công tác giáo dục trong những năm tới. Theo tinh thần chung, mỗi một huyện phải lựa chọn một vài xã, thôn và một vài trường học làm mẫu, làm điểm. Trên cơ sở thực hiện nhiệm vụ cụ thể để rút kinh nghiệm, phát triển và nhân các điển hình từ điểm đến diện. Trong việc chọn điểm bản Thông tri lưu ý cần chú ý xuất phát từ thực tế của địa phương mình, bởi lẽ các thôn có diện tích khác nhau, sự phát triển kinh tế và giáo dục cũng không giống nhau. Thường xuyên theo dõi đúc rút kinh nghiệm của các đơn vị điểm, những kinh nghiệm tốt cần sớm được nhân rộng ra phong trào chung.

Sau một số năm tiến hành, các nhà giáo dục Trung Quốc nhận thấy so với sự phát triển mạnh mẽ của cải cách kinh tế thì sự phát triển giáo dục cũng như khoa học, văn hoá, y tế có sự mất cân đối, chi phí cho các lĩnh vực này còn rất ít, không hợp lý, phổ cập giáo dục gặp nhiều khó khăn. Để tăng thêm kinh phí cho giáo dục nông thôn và giải quyết những công việc cần thiết phải thực hiện trong sự nghiệp phục hồi và phát triển giáo dục, từ tháng 10 năm 1984 Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đưa vấn đề cải

cách thể chế giáo dục vào chương trình nghị sự hàng ngày. Sau đó, năm 1985 Bộ Giáo dục cũng thành lập Tiểu tổ lãnh đạo giáo dục thực nghiệm nông thôn, có Văn phòng thường trực công tác. Các địa phương căn cứ vào tình hình thực tế cũng lập ra các bộ phận lãnh đạo tương ứng. Nhiệm vụ của các cơ quan này là thúc đẩy công cuộc xây dựng văn minh tinh thần XHCN và phát triển kinh tế ở nông thôn, huy động mọi nguồn lực có thể để phát triển giáo dục. Thông qua phát triển sự nghiệp giáo dục góp phần tích cực bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị tư tưởng và văn hoá kỹ thuật cho đông đảo cán bộ, giúp họ chủ động đáp ứng được nhu cầu phát triển của kinh tế và tiến bộ xã hội, yên tâm xây dựng nông thôn. Bộ Giáo dục cũng nhận định đây là một nhiệm vụ vô cùng khó khăn nhưng có ý nghĩa rất sâu sắc, nhất định phải làm thật tốt, dù thời gian có dài bao lâu cũng phải kiên trì thực hiện.

Trải qua một số năm thực hiện cải cách giáo dục ở nông thôn, nền giáo dục Trung Quốc đã thu được những thành tựu đáng kể. Từ năm 1982 đến 1989 tại khu vực nông thôn đã có hơn 600 lớp học trung cấp kỹ thuật và trung cấp chuyên nghiệp để giảng dạy văn hoá khoa học kỹ thuật cho nông dân và người trưởng thành ở cấp huyện, 33.200 lớp học ở cấp xã và hơn 200.000 lớp học ở cấp thôn. Ngoài ra còn có các lớp xoá mù chữ, các lớp học văn hoá theo đài phát thanh...¹. Thông qua hoạt động của các lớp học văn

1. Quách Phúc Xương, Ngô Đức Cương chủ biên, sđd, tr. 205.

hoá, kỹ thuật nông nghiệp kết hợp với thực tiễn thành công công cuộc cải cách đã góp phần nâng cao tri thức và năng lực cho đội ngũ lao động ở nông thôn nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo nông nghiệp. Đây chính là nguyên nhân quan trọng góp phần làm cho nông nghiệp nông thôn phát triển, kinh tế hộ nông dân thay đổi rõ rệt. Kinh tế phát triển chính là điều kiện tốt nhất để phát triển giáo dục bậc cơ sở. Nếu những năm cuối thập kỷ 70 số học sinh đến tuổi được nhập học trên toàn Trung Quốc ở mức 90%, số theo học đến hết cấp ở mức 60% và đạt yêu cầu chất lượng chỉ ở mức 30%, thì đến cuối năm 1984 số học sinh đến tuổi được nhập học đã đạt mức 95%, số theo học đến hết cấp ở mức 96%. Cũng trong thời gian này, số học sinh đạt yêu cầu chất lượng ở khu vực thành phố trung bình khoảng 90%, thì ở khu vực nông thôn tỷ lệ này cũng đạt khoảng 60% đến 80%. Căn cứ vào báo cáo của các địa phương và của thanh tra giáo dục, năm 1984 các cơ quan chính quyền cấp tỉnh đã nghiệm thu 393 huyện đạt yêu cầu phổ cập giáo dục tiểu học¹. Đây chính là thành tựu ban đầu đáng khích lệ của ngành giáo dục ở nông thôn Trung Quốc.

3/ Điều chỉnh và phục hồi giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số

Về mặt địa lý, ở Trung Quốc các dân tộc thiểu số phân bố trên một diện tích rộng, tài nguyên lại rất phong phú

1. Bản tin Trung Quốc số 1 năm 1999.

nhưng suốt một thời gian dài vẫn chưa được khai thác, sử dụng. Trong số 56 dân tộc sống trên lãnh thổ Trung Quốc có đến 30 dân tộc thiểu số sống rải rác trên hơn 20.000 km biên giới và có khoảng 20 dân tộc có quan hệ thân tộc với những người cùng dân tộc ở quốc gia khác. Tại các vùng này, giáo dục chưa phát triển nên chất lượng lao động chưa cao, cán bộ khoa học kỹ thuật và những người có thể sử dụng kỹ thuật trong lao động còn quá thiếu. Mặt khác trong thời kỳ "cách mạng văn hoá" rất nhiều thanh niên trí thức bị bắt buộc lên vùng cao, trong một chừng mực nhất định cũng có tác dụng thúc đẩy phát triển khoa học kỹ thuật ở các vùng này. Thực tế, một số lượng rất lớn thanh niên trí thức bị bắt buộc lên vùng cao là những thanh niên chưa xây dựng gia đình. Khi lên vùng cao để rèn luyện, họ thường được giao đảm nhận những nhiệm vụ kỹ thuật nghiệp vụ, có khi tham gia quản lý các đội sản xuất của các công xã... Hơn nữa là những thanh niên độc thân nên sau gần 10 năm sinh sống tại một địa phương họ đã lựa chọn các nam nữ thanh niên ở địa phương hoặc cùng cảnh ngộ để xây dựng gia đình và đã có một thế hệ trẻ em được sinh ra. Đến nay, khi "cách mạng văn hoá" chấm dứt, nhiều người trong số họ được trở về quê hương, rất nhiều gia đình nhất là những gia đình có một là người địa phương, hoặc hai người ở hai tỉnh cách xa nhau khó thống nhất phương án di chuyển. Nhiều gia đình trong số này chỉ trở về thành phố một người nhưng cũng không ít gia đình gửi trẻ em nhờ người quen chăm sóc để hai người về hai địa phương thăm dò và chờ đợi điều kiện

cho phép gia đình đoàn tụ. Do đó, việc “trở về” của các thanh niên trí thức đã để lại cho vùng dân tộc hậu quả không dễ khắc phục cả về khoa học kỹ thuật cũng như đời sống xã hội. Chính vì thế lúc này bồi dưỡng nhân tài, bồi dưỡng các cán bộ có văn hóa, kỹ thuật, có năng lực thực hành, thông thạo về các lĩnh vực như công nghiệp, nông nghiệp, chăn nuôi... bằng nhiều hình thức, nhất là đào tạo được cán bộ là người của các dân tộc thiểu số là một yêu cầu được đặt ra cho các cấp và các ngành. Ngoài ra, còn phải chú ý đào tạo các xưởng trưởng, giám đốc, công trình sư, các nhà nông học, kinh tế học, kế toán... là người dân tộc để có thể làm cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật ở vùng này. Đây cũng chính là một nhiệm vụ nặng nề của công tác phục hồi giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số.

Nhiệm vụ đầu tiên là phải làm chuyển biến các quan niệm cũ, các quan niệm sai lầm từ thời “cách mạng văn hoá” về giáo dục. Mọi người từ các cán bộ lãnh đạo đến người dân đều tâm đắc kinh nghiệm từ thực tế đời sống để lại: *muốn xoá đói giảm nghèo đầu tiên phải diệt đói, muốn diệt đói phải dựa vào giáo dục*. Giáo dục phải góp phần xây dựng CNXH, phải xây dựng một cơ sở vật chất đầy đủ sung túc trên nền tảng vững chắc của văn minh tinh thần. Chỉ có kết hợp tốt nhất hai mặt này mới thực hiện được nhiệm vụ xây dựng CNXH. Mặt khác, còn có nguyên nhân lịch sử của vấn đề dân tộc, đó là khi tiến vào giai đoạn đầu của CNXH, ở vùng các dân tộc thiểu số của Trung Quốc có nơi vẫn còn trong xã hội mẫu hệ, do vậy vẫn lạc hậu về tất cả mọi

phương diện như sinh sản, phong tục tập quán, quan niệm tư tưởng, v.v... thậm chí có nhiều mặt còn rất nghiêm trọng nên ảnh hưởng đến sự phát triển chung, cũng như cuộc sống ấm no hạnh phúc của nhân dân. Vì vậy, nỗ lực phát triển giáo dục dân tộc, tuyên truyền phổ biến văn minh hiện đại, phổ biến các kiến thức khoa học kỹ thuật là rất cần thiết góp phần làm chuyển biến quan niệm và những phong tục tập quán lạc hậu, thúc đẩy tiến bộ trong xây dựng văn minh tinh thần ở các dân tộc thiểu số. Chỉ có nỗ lực phát triển giáo dục dân tộc thiểu số thì mới có thể kế thừa và phát huy được những nét ưu tú và tinh hoa của văn hoá các dân tộc để xây dựng và phát triển một nền văn hóa mới.

Trên cơ sở thực tiễn tiến hành phục hồi giáo dục qua một số năm, theo đề xuất của các địa phương, dựa trên kết luận của một số hội nghị về công tác giáo dục đối với các khu, các châu, huyện tự trị, Chính phủ Trung Quốc đã quan tâm cấp thêm kinh phí cũng như đầu tư thêm cơ sở vật chất cho phục hồi và phát triển giáo dục ở các vùng này. Các hạng mục có liên quan đến phát triển giáo dục dân tộc thiểu số cũng được ưu tiên cấp bổ sung thêm nhân lực và tiền. Trung Quốc còn có kế hoạch triển khai xây dựng các trường cao đẳng tại các khu tự trị để làm cầu nối trung gian cho việc phát triển giáo dục dân tộc thiểu số và tạo điều kiện để chi viện giúp đỡ các địa phương. Quá trình điều chỉnh lại kết cấu giáo dục được thực hiện dưới các hình thức "phân cấp lập học, phân cấp quản lý", phát động quần chúng tập trung sức lực cho việc học tập, cải thiện điều kiện dạy và

học, thành lập các trường học nội trú và bán trú, tăng cường hiện đại hoá, vi tính hoá giáo dục với nhiều cách làm sáng tạo và đã xuất hiện một loạt các điển hình. Ví dụ như khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây bắt đầu từ 1983 mỗi năm Nhà nước chuyển xuống 10 triệu NDT, trong khi đó chính quyền khu cũng chỉ một khoản là 11 triệu NDT để xây dựng mới các trường học ở vùng nghèo¹. Tỉnh Vân Nam lại xuất phát từ thực tiễn của tỉnh thành lập các trường tiểu học nội trú và hiện đã có đến 40 trường. Tại Tứ Xuyên, các châu huyện tự trị như Lương Sơn, Cam Tư, A Bá... tỉnh chủ trương cùng phát triển song song với giáo dục phổ thông là phát triển các trường dạy nghề, các trường kỹ thuật hướng nghiệp. Tại đây đã mở ra hơn 30 lớp chuyên nghiệp sơ cấp và trung cấp, chiêu sinh đến hơn 60.000 học sinh².

Để tạo điều kiện tốt cho học sinh tham gia học tập, tại các trường học nói chung và các trường cao đẳng nói riêng đã tổ chức thành các lớp dân tộc, các lớp dự bị và nhiều trường còn thành lập các lớp nội trú cho học sinh dân tộc. Đối với các trường cao đẳng và các trường trung cấp chuyên nghiệp, khi chiêu sinh đều ưu tiên thu nhận những học sinh là người dân tộc thiểu số. Hàng năm Nhà nước dành một số chỉ tiêu nghiên cứu sinh, lưu học sinh hoặc thực tập sinh để cho các dân tộc thiểu số cử người đi học với mục đích bồi dưỡng nhanh những nhân tài có trình độ cao là người dân

1. Niên giám Quảng Tây năm 1998, tr. 450 (tiếng Trung).

2. Quách Phúc Xương, Ngô Đức Cương chủ biên, sdd, tr. 236.

tộc. Nhà nước còn tích cực tiến hành công tác biên dịch, biên tập và xuất bản các tài liệu, giáo trình bằng chữ dân tộc để triển khai dạy tại các trường bằng ngôn ngữ dân tộc và song ngữ. Với tinh thần chỉ đạo của Bộ Giáo dục và chính quyền các cấp, càng ngày càng có nhiều viện nghiên cứu, trường đại học và cao đẳng quan tâm đến việc nghiên cứu vấn đề giáo dục ở các vùng dân tộc thiểu số. Bước đầu sơ bộ hình thành một mạng lưới nghiên cứu và đã thu được những kết quả đáng ghi nhận, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển của Trung Quốc cũng như cuộc sống hạnh phúc của nhân dân vùng dân tộc thiểu số.

Công tác huy động nội lực chỉ viện cho các khu tự trị nghèo cũng thu được những thành tựu rõ rệt. Đây cũng là hướng ưu tiên, là đột phá khẩu cho việc xây dựng và phát triển các trường cao đẳng dân tộc của Trung Quốc. Từ sau năm 1982, tại các tỉnh và các khu tự trị như: Tân Cương, Nội Mông, Ninh Hạ, Quảng Tây, Vân Nam, Quý Châu, Thanh Hải, Cam Túc... đã thành lập được hơn 70 trường cao đẳng theo phương pháp này. Ngoài ra, việc chiêu sinh là người dân tộc đến các trường nội trú cũng như công tác giao lưu trao đổi giữa các nhà trường được coi là các biện pháp cụ thể để đẩy mạnh cải tiến phương pháp dạy và học, nâng cao trình độ quản lý giáo dục. Với nỗ lực của ngành giáo dục và sự đóng góp của toàn dân, thời gian này giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số ở Trung Quốc tuy đã thu được một số thành tựu nhưng thực tế chất lượng cũng như số lượng học

sinh ở các trường vẫn còn nhiều vấn đề phải chú ý. Tại một số khu tự trị, nhiều châu, huyện tự trị số học sinh tiểu học đến lớp vẫn còn ở tình trạng gọi là "7. 5. 2", nghĩa là số học sinh đến tuổi đi học, nhập học ở mức độ là 70% hàng năm, số học sinh theo học đầy đủ sau một năm học là 50% và đến khi tốt nghiệp đảm bảo đúng trình độ thì chỉ còn 20% (ở nông thôn lúc này tỷ lệ là 95%. 96%.70%). Tại một số khu vực đặc biệt, số học sinh nhập học còn chưa đạt mức 20%. Theo thống kê năm 1982, ở Trung Quốc số người là dân tộc thiểu số từ 12 tuổi trở lên mù chữ hoặc nửa mù chữ khoảng 42,63%, trong đó có đến 10 dân tộc ở mức 70% trở lên, đặc biệt có 304.256 người La Hủ và 279.523 người Đông Hương mù chữ hoặc nửa mù chữ, tỷ lệ khoảng 82,33% và 87%. Đây chính là vấn đề khó khăn của công tác giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số. (Xem thêm phụ lục 6).

4/ Một số công tác cụ thể phục hồi giáo dục

*** *Phục hồi chế độ thi tuyển***

Một trong những nhiệm vụ được ưu tiên của ngành giáo dục Trung Quốc giai đoạn sau “cách mạng văn hoá” là phục hồi lại chế độ thi tuyển vào các trường học. Căn cứ vào đề nghị của hội nghị toàn quốc về công tác giáo dục tổ chức tại Bắc Kinh tháng 8 năm 1977, Quốc vụ viện đã phê chuẩn 2 văn kiện thực hiện ngay trên toàn Trung Quốc về việc phục hồi chế độ thi tuyển. Văn kiện chỉ rõ: không kể là công nhân, nông dân, người vùng cao hay vùng thấp, không kể là

thanh niên trí thức mới được trở về địa phương hay bộ đội phục viên, cán bộ viên chức (tuổi đời dưới 30), không kể là những người tốt nghiệp từ những năm trước hay mới tốt nghiệp hoặc chuẩn bị tốt nghiệp trong năm, nếu đáp ứng đủ các điều kiện đều có thể ghi tên dự thi tuyển. Về phương pháp tiến hành, văn kiện còn đề ra các bước cụ thể: Thí sinh tự nguyện ghi tên, các địa phương sơ tuyển, các nhà trường nhận hồ sơ danh sách, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc khu tự trị phê chuẩn kết quả. Quyết định này đã khuyến khích học sinh nỗ lực học tập, tự bồi dưỡng kiến thức chuẩn bị dự thi, được đông đảo giáo viên, cha mẹ học sinh hoan nghênh. Qua thực tế tiến hành một số kỳ thi, tháng 1 năm 1981 Bộ Giáo dục trình Quốc vụ viện phê chuẩn "Báo cáo các biện pháp thi hành thi tuyển đối với giáo dục đại học và cao đẳng". Bộ cũng đề nghị cho thành lập Ủy ban toàn quốc kiểm tra trình độ đối với giáo dục đại học và cao đẳng, đến tháng 10 năm 1982 đổi thành Ủy ban toàn quốc chỉ đạo thi tuyển đối với giáo dục đại học và cao đẳng, do Bộ Giáo dục trực tiếp lãnh đạo và quản lý.

** Giải tán các tổ chức "hồng vệ binh" và "hồng tiểu binh", phục hồi tổ chức Đội thiếu niên tiên phong*

Do trong thời gian tiến hành "cách mạng văn hoá" tại khắp các trường học, cơ quan đoàn thể, nhà máy xí nghiệp đều có các tổ chức "hồng vệ binh" và "hồng tiểu binh" hoạt động. Đối với các tổ chức này không chỉ "bè lũ bốn tên" mà cả bản thân Mao Trạch Đông cũng nhiều lần gặp gỡ và

khích lệ giao cho chúng những hoạt động kiểu như “kiên quyết quét sạch ma quỷ thân thánh”, “phá bốn cũ” (quét sạch tư tưởng cũ, văn hoá cũ, phong tục cũ, tập quán cũ)... đã gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng. Nếu tính từ tháng 11 năm 1967 lần đầu tiên Đội Thiếu niên tiên phong của phố Hương Quảng, khu Tuyên Vũ, thành phố Bắc Kinh bị xoá bỏ và thay vào đó là tổ chức “hồng tiểu binh” cho đến tháng 8 năm 1978 tổ chức này đã tồn tại 11 năm¹. Hậu quả nghiêm trọng nhất do tổ chức này để lại đó là đã tạo ra một lớp người có những hành động tự do vô chính phủ, bất chấp đạo lý truyền thống hàng ngàn năm của nhân dân Trung Quốc. Vì vậy, đến lúc này được sự đồng ý của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Đoàn Thanh niên Cộng sản Trung Quốc đã quyết định giải tán “hồng vệ binh” và “hồng tiểu binh” thành lập lại tổ chức Đội Thiếu niên tiên phong để tập hợp và hướng dẫn đội ngũ thiếu niên trong các nhà trường và địa phương. Cùng với “hồng vệ binh” và “hồng tiểu binh”, các Đội Tuyên truyền công tác đã tồn tại cùng các tổ chức trên từ thời “cách mạng văn hoá” ở các trường thuộc tất cả các cấp học đều bị giải tán.

Sau khi phục hồi lại tổ chức Đội Thiếu niên tiên phong, Bộ Giáo dục cũng yêu cầu đặt giáo dục đức dục và phương hướng chính trị vào vị trí trọng yếu nhằm tăng cường giáo dục chủ nghĩa yêu nước, yêu CNXH và truyền thống cách mạng vào trong nhà trường, khắc phục tư tưởng xem nhẹ

1. Cao Kỳ, sđd, tr. 237.

đức dục hiện đang tồn tại. Bộ cũng yêu cầu nhà trường các cấp phải nỗ lực rèn luyện cho học sinh trở thành những con người có lý tưởng, có đạo đức, có văn hoá, có kỷ cương pháp luật (4 có), để khi trưởng thành họ sẽ là những cán bộ vì nhân dân công hiến, vì Tổ quốc công hiến, vì nhân loại công hiến (3 vì).

** Chuẩn bị sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy*

Đối với sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy, ngay từ năm 1978 Bộ Giáo dục Trung Quốc đã xác định chế độ học cơ bản của cấp trung học, tiểu học và bố trí chương trình, khôi phục chế độ biên tập và thẩm định cũng như biện pháp xuất bản và phát hành. Đây là những đảm bảo cơ bản để ổn định trật tự và nâng cao chất lượng giảng dạy. Bộ Giáo dục còn mời các chuyên gia khoa học, các học giả và những nhà giáo nhiều kinh nghiệm về phương pháp dạy học để biên soạn sách giáo khoa và biên soạn tài liệu giảng dạy dành cho cấp trung và tiểu học, bắt đầu từ năm học 1978 sử dụng thống nhất trên toàn quốc.

Không chỉ chú trọng chuẩn bị tài liệu giáo trình bằng chữ Hán, Trung Quốc cũng chú trọng biên dịch và xuất bản các tài liệu, sách giáo khoa bằng chữ dân tộc cho nhân dân các dân tộc thiểu số. Mỗi năm xuất bản các tài liệu bằng chữ dân tộc cho trung, tiểu học đến gần 1.800 loại, tổng lượng in ấn lên đến trên 50 triệu quyển. Từ sau giải phóng, việc học tập và sử dụng tiếng dân tộc không những được coi trọng mà còn được pháp luật đảm bảo, vì vậy nhiều tỉnh và

khu tự trị đã kiến lập được hệ thống tài liệu riêng. Dưới sự chỉ đạo của Bộ Giáo dục, việc biên soạn các tài liệu bằng tiếng Mông Cổ, Tây Tạng, Triều Tiên... cũng được tiến hành cho học sinh ở bậc tiểu học. Việc xem xét, nghiên cứu sử dụng các tài liệu này do các tỉnh, khu tự trị chịu trách nhiệm. Trong các nhà trường vùng dân tộc thiểu số, Trung Quốc đã sử dụng chữ Mông Cổ, Tạng, Triều Tiên, Uây-Ua, Cadắc, Choang... khoảng 23 ngôn ngữ với 29 loại chữ viết khác nhau để dạy cho trên 6 triệu học sinh. Thường mới đến trường, học sinh học bằng tiếng dân tộc, chỉ khi học đến cấp học qui định mới dùng tiếng Hán. Qui định tiếng Hán học ở cấp học nào do các châu, huyện tự trị đề nghị, cấp tỉnh chuẩn y.

** Bỏ túc văn hoá, khoa học kỹ thuật, xoá mù chữ cho người trưởng thành*

Đối với giáo dục cho người trưởng thành, một biện pháp mạnh mẽ nhất là tiến hành "song bổ". Trong 10 năm "cách mạng văn hoá", công tác giáo dục đối với người trưởng thành hoàn toàn bị đình trệ. Theo thống kê, năm 1982 cơ cấu văn hoá của lực lượng lao động ở Trung Quốc như sau: Đại học 0,9%, cao trung 10,5%, sơ trung 26%, tiểu học 34,3%, mù chữ và nửa mù chữ 28,3%. Như vậy 89% lực lượng này chỉ có trình độ phổ thông trung học và thấp hơn. Điều tra trên cũng cho thấy trong 400 triệu thanh niên nông thôn thì trên 30% là mù chữ và nửa mù chữ¹. Mặt

1. Bùi Đức Thiệp, sđd, tr. 18.

khác, do những hoạt động hỗn loạn tại các trường học nên đa số các học sinh tốt nghiệp trung tiểu học đều không đảm bảo trình độ, thậm chí không học cũng có tên tốt nghiệp. Điều này dẫn đến một hậu quả tất yếu là thanh niên công nhân trình độ văn hoá khoa học kỹ thuật vô cùng thấp. Nhận thức rõ tình trạng này, Bộ Giáo dục đưa ra yêu cầu: Cần phải tiến hành phổ cập văn hoá ở trình độ sơ trung và giáo dục khoa học kỹ thuật trình độ sơ cấp cho thanh niên công nhân, gọi là "song bổ". Ngoài ra, tùy từng địa phương mà có thể mở các lớp tiểu học, sơ trung vào ban ngày hoặc buổi tối để làm công tác thanh toán nạn mù chữ cho những người đã trưởng thành. Các lớp học này cùng với hệ thống giáo dục phổ thông được xây dựng đảm bảo một tỷ lệ hợp lý, hình thành hệ thống giáo dục ở nông thôn.

Để thực hiện nhiệm vụ đào tạo nghề cho người lớn tuổi, tháng 10 năm 1980 Bộ Giáo dục và Tổng cục lao động Quốc gia đề nghị và đã được Quốc vụ viện phê chuẩn "Báo cáo những vấn đề liên quan đến cải cách kết cấu giáo dục trung cấp". Báo cáo đề xuất cải cách kết cấu giai đoạn cao trung, thực hiện phương châm giáo dục phổ thông và giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp cùng song song tiến hành. Về thời gian, có thể áp dụng đồng thời chế độ dạy và học cả ngày cùng chế độ nửa ngày học nửa ngày làm việc. Ngoài ra, để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho cán bộ, nông dân có thể theo các lớp đào tạo ở bậc trung cấp, báo cáo còn đề xuất các địa phương có thể áp dụng chế độ dạy và học ngoài giờ.

Nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu bồi dưỡng nâng cao kiến thức cho cán bộ công nhân viên chức và những người trưởng thành, tháng 9 năm 1980 Bộ Giáo dục đề xuất và được Quốc vụ viện phê chuẩn: "Kiến nghị về việc nỗ lực phát triển giáo dục đại học và cao đẳng với hình thức hàm thụ và các lớp đại học ban đêm". Kiến nghị đưa ra vấn đề giáo dục đại học và cao đẳng nên quán triệt phương châm phải đi bằng hai chân, áp dụng các hình thức đa dạng trong công tác dạy và học. Thực hiện chủ trương trên, tính đến cuối năm 1984 toàn Trung Quốc đã có 902 trường đại học và cao đẳng trong đó có 547 trường và học viện chuyên môn, 273 trường chuyên khoa, 82 trường tại chức ngắn hạn với hình thức hàm thụ hoặc các lớp đại học ban đêm. Năm 1984 các trường này chiêu sinh 475.000 học viên, nâng tổng số học viên theo học tại trường lên 1.396.000 người ¹.

Từ ngày 15 đến 19 tháng 5 năm 1985 Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và Quốc vụ viện nước CHND Trung Hoa triệu tập hội nghị công tác giáo dục toàn quốc tại Bắc Kinh thảo luận về những thành tựu và tồn tại của quá trình phục hồi giáo dục. Trong hội nghị, Phó thủ tướng Vạn Lý thay mặt Chính phủ phổ biến tư tưởng chỉ đạo của Trung ương đối với cải cách thể chế giáo dục theo tinh thần "Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về cải cách thể chế giáo dục". Căn cứ vào tinh thần của quyết định, Bộ Giáo dục tiến hành cải cách lại cả về tổ chức nhân

1. Quách Phúc Xương, Ngô Đức Cương chủ biên, sdd, tr. 205.

sự và nhiệm vụ để đáp ứng với nhiệm vụ mới. Từ thời điểm này Bộ Giáo dục được đổi tên thành Ủy ban Giáo dục Nhà nước, đồng chí Lý Thiết Ánh được cử giữ chức Bộ trưởng Chủ nhiệm Ủy ban.

IV. GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC (1986 - 1992)

Sau giai đoạn “tìm đường”, đến lúc này Trung Quốc xác định bắt đầu chuyển sang giai đoạn triển khai cải cách toàn diện. Về cải cách kinh tế, các học giả Trung Quốc thường lấy hội nghị Trung ương 3 khoá XII họp vào tháng 10 năm 1984 với quyết định về cải cách thể chế kinh tế, đưa ra luận điểm kinh tế XHCN là kinh tế có kế hoạch trên cơ sở của chế độ công hữu, đồng thời cũng xác định xu hướng chính của cải cách ở giai đoạn này là phát triển từ nông thôn ra thành thị, từ nông nghiệp đến công nghiệp, từ sự thay đổi trong nội bộ nền kinh tế trong nước đến mở cửa đối ngoại, tiếp cận với kinh tế thị trường để làm tiêu chí, xác định mốc mở đầu chuyển sang giai đoạn này. Tuy nhiên, đối với giáo dục mốc thời gian cần xác định muộn hơn, bởi vì tháng 5 năm 1985 mới có “Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về cải cách thể chế giáo dục” và tháng 4 năm 1986 hội nghị lần thứ 4 Đại hội đại biểu Nhân dân toàn quốc khóa VI thông qua “Luật giáo dục nghĩa vụ nước CHND Trung Hoa”. Cũng đến thời gian này, Bộ Giáo dục mới đổi thành Ủy ban Giáo dục Nhà nước và triển khai thực hiện chế độ thanh tra giáo dục từ Trung ương đến tỉnh, thị, huyện, hình thành 4 cấp thanh tra giáo dục

Nhà nước, giai đoạn phát triển toàn diện giáo dục mới được coi là bắt đầu.

Tháng 10 năm 1987, Đảng Cộng sản Trung Quốc triệu tập Đại hội lần thứ XIII. Đại hội quyết định chuyển trọng tâm của công cuộc cải cách kinh tế và xã hội hiện nay sang xây dựng hiện đại hoá XHCN, lấy "bốn hiện đại hóa": hiện đại hóa công nghiệp, nông nghiệp, quốc phòng và khoa học-kỹ thuật làm cơ sở. Báo cáo Chính trị của đại hội cũng vạch rõ: "Trong giai đoạn đầu của CNXH, đường lối cơ bản của Đảng về xây dựng CNXH đặc sắc Trung Quốc là lãnh đạo và đoàn kết nhân dân các dân tộc cả nước, lấy xây dựng kinh tế làm trung tâm, kiên trì bốn nguyên tắc cơ bản, kiên trì cải cách mở cửa, tự lực cánh sinh, gian khổ lập nghiệp, phấn đấu xây dựng Trung Quốc thành nước XHCN hiện đại hoá, giàu mạnh, dân chủ, văn minh". (Giai đoạn đầu được xác định: "Từ khi cơ bản hoàn thành công cuộc cải tạo XHCN đối với chế độ tư hữu tư liệu sản xuất những năm 50 đến khi thực hiện cơ bản hiện đại hóa, thời gian ít nhất cũng cần đến hàng trăm năm và đều thuộc giai đoạn đầu của CNXH)¹.

Đối với giáo dục, một lần nữa Đại hội xác định lại phương châm chỉ đạo chiến lược giáo dục đã được Đặng Tiểu Bình phát biểu tại hội nghị toàn quốc về công tác giáo dục tháng 4 năm 1978, yêu cầu giáo dục phải chú ý thực hiện: "Giáo dục hướng tới hiện đại hoá, hướng tới thế giới, hướng tới tương lai"

1. Lý Dĩnh chủ biên. *Từ đại hội I đến đại hội XVI*. Nxb Văn kiện trung ương, Bắc Kinh năm 2002, tr. 134 (tiếng Trung).

và phải được coi là tư tưởng cốt lõi của giáo dục. Các chính sách về giáo dục từ đây được thực hiện theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội và Luật giáo dục nghĩa vụ nước CHND Trung Hoa dưới sự chỉ đạo của Ủy ban Giáo dục Nhà nước.

1/ Củng cố và phát triển đội ngũ giáo viên

Để chuẩn bị cho việc thực hiện Luật Giáo dục nghĩa vụ, ngay từ tháng 5 năm 1985 trong "Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về cải cách thể chế giáo dục", đã đưa ra yêu cầu: "Nhiệm vụ to lớn và quan trọng là kiến lập một đội ngũ giáo viên đầy đủ và ổn định về số lượng, đảm bảo về chất lượng để thực hiện giáo dục nghĩa vụ và nâng cao trình độ của giáo dục cơ sở". Đồng thời, bản Quyết định cũng chỉ rõ, để thực hiện nhiệm vụ chiến lược này phải tiến hành tốt công tác bồi dưỡng tại chức. Bước vào giai đoạn này, đội ngũ giáo viên ở Trung Quốc vẫn đang còn khó khăn cả về số lượng cũng như chất lượng, riêng đối với bậc tiểu học còn là tuổi đời. Các giáo viên tiểu học nhất là ở các lớp nhỏ như 1,2,3... cần giáo viên trẻ nhiệt tình, họ dễ gần với học sinh nhưng theo số liệu điều tra ở các trường tiểu học của 12 thành phố thì số giáo viên tuổi đời từ 45 trở lên chiếm hơn 64%, cá biệt có hai Sở là Trường Giang và Minh Trạch tỷ lệ này lên đến 78% và 80%¹. Mặt khác, quan niệm của xã hội về địa vị của giáo viên tiểu học cũng chưa thật đúng mức, chưa có sự tôn trọng cần thiết nên rất nhiều thanh niên không

1. Quách Phúc Xương, Ngô Đức Cương chủ biên, sđd, tr. 391.

muốn theo học để trở thành giáo viên tiểu học. Vì vậy, công tác tuyên truyền hướng nghiệp là một trong những yêu cầu nổi bật trước mắt. Căn cứ vào tinh thần của "Quyết định", các địa phương đã xây dựng kế hoạch tiến hành bồi dưỡng giáo viên ở các Học viện sư phạm bằng hình thức tiến tu. Đồng thời các địa phương còn tổ chức các lớp bồi dưỡng sư phạm ở trường của các đoàn thể và tổ chức xã hội. Các lớp bồi dưỡng này ngay từ đầu năm 1986 đã sử dụng hình thức phát thanh, truyền hình trong học tập.

Để thúc đẩy quá trình đào tạo, với mục đích ưu tiên khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi, đơn giản nhất cho những người tình nguyện trở thành giáo viên tiểu học, tháng 6 năm 1986 Ủy ban Giáo dục Nhà nước, Ủy ban Kế hoạch, Ủy ban Kinh tế, Ủy ban Khoa học, Bộ Tài chính, Bộ Phát thanh và truyền hình, Bộ Lao động và nhân sự, Văn phòng chấn hưng điện tử của Quốc vụ viện cùng liên hợp kiến nghị: "Về việc dùng vệ tinh triển khai công tác giáo dục". Căn cứ vào kiến nghị trên, xuất phát từ tình hình thực tế của đội ngũ giáo viên, được Quốc vụ viện phê chuẩn, tháng 10 năm 1986 Ủy ban Giáo dục Nhà nước quyết định thành lập Học viện Sư phạm truyền hình Trung Quốc. Ngay trong năm 1986 Học viện đã xây dựng nội dung chương trình gồm 16 môn học cho đối tượng là giáo viên bậc tiểu học và tiến hành chiêu sinh đào tạo¹.

1. Bạch Nguyệt Kiều. *Đại cương về cải cách giáo trình*. Nxb Giáo dục Hà Bắc Trung Quốc 1999, tr. 278 (tiếng Trung).

Tháng 3 năm 1987, Ủy ban Giáo dục Nhà nước tổ chức Hội nghị về công tác giáo viên. Phát biểu tại Hội nghị này, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Liễu Bân đã đưa ra một số liệu cho thấy đội ngũ giáo viên đang thiếu nghiêm trọng. Theo số liệu dự tính của ngành giáo dục thì trong giai đoạn thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ VII (1986-1990), Trung Quốc cần phải bổ sung 1.100.000 giáo viên tiểu học. Tuy vậy, các trường trung cấp sư phạm các loại đang đào tạo là 900.000, còn thiếu 200.000 người. Số giáo viên sơ trung cần bổ sung là 900.000, nhưng các trường sư phạm chuyên đang đào tạo 500.000, còn thiếu 400.000 người. Số giáo viên cao trung cần bổ sung là 300.000, các trường đại học sư phạm đào tạo khoảng 270.000 - 280.000, còn thiếu khoảng 20.000 đến 30.000 người¹. Tại Hội nghị cũng có ý kiến đề nghị cần phải có biện pháp chuẩn bị tích cực cho đội ngũ giáo viên chuyên môn, giáo viên dạy nghề. Các ý kiến này dựa trên thực tế trong một số năm gần đây, giáo dục kỹ thuật nghề phát triển tương đối mạnh mẽ. So với phổ thông trung học, có những địa phương tỷ lệ hai loại trường đã đạt đến 1:1, nhìn chung trên cả nước tỷ lệ này là 3:7. Vì vậy, giáo viên chuyên môn, giáo viên dạy nghề cũng đang ở mức báo động thiếu, cần phải phát triển để đáp ứng yêu cầu nhất là cần bồi dưỡng nâng cao trình độ cho những giáo viên dạy nghề ở các cơ sở hiện đang dạy cho đối tượng học sinh mới qua bậc tiểu học. Trên tinh thần đó, ngay trong năm 1987 Học viện

1. Quách Phúc Xương, Ngô Đức Cương chủ biên, sdd, tr. 393.

Sư phạm truyền hình đã khẩn trương xây dựng nội dung chương trình cho đối tượng là giáo viên trung học gồm 15 môn truyền phát và 7 môn chuyên nghiệp và ngay trong năm bắt đầu thực hiện nhiệm vụ chiêu sinh đào tạo. Cùng với các trường sư phạm chuyên, Học viện Sư phạm truyền hình đã góp phần bổ sung tích cực về số lượng cho việc phát triển đội ngũ giáo viên.

Về chất lượng, theo thống kê vào giai đoạn này, số lượng giáo viên tiểu học, sơ trung và cao trung có đầy đủ bằng hoặc chứng chỉ tốt nghiệp các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nghĩa là những giáo viên đạt chuẩn chỉ đảm bảo ở mức 89,6%, 56% và 51,7%. Do vậy, để giải quyết yêu cầu bước đầu của quá trình chuẩn hoá giáo viên, các địa phương Trung Quốc đã tùy vào điều kiện tổ chức các lớp bồi dưỡng, bổ túc ngắn hạn hoặc là mở các lớp bồi dưỡng theo các môn chuyên môn, các lớp nghiên cứu nghiệp vụ giảng dạy, các lớp bồi dưỡng giáo viên cốt cán... Thông qua các lớp học này cùng với việc vận động giáo viên tranh thủ tự học, tương trợ giúp nhau cùng học để nâng cao dần chất lượng, tiến dần tới nhiệm vụ chuẩn hoá đội ngũ giáo viên.

2/ Tăng cường giáo dục ở nông thôn

Sau một thời gian tiến hành hồi phục giáo dục ở nông thôn, căn cứ vào kết quả của công tác lựa chọn các xã, thôn và một số trường học làm thí điểm phát triển, Trung Quốc đã có thể tiến hành rút kinh nghiệm nhằm phát triển các

diễn hình từ điểm đến diện. Tuy nhiên, Ủy ban Giáo dục Nhà nước vẫn nhận thấy kinh nghiệm của các điểm thực nghiệm chưa thể nhân rộng trên phạm vi toàn quốc, nhưng cũng không thể tiếp tục tiến hành theo cách làm mò mẫm tìm đường. Vì vậy, tháng 2 năm 1987 Ủy ban Giáo dục và chính quyền tỉnh Hà Bắc đã phối hợp thành lập "Khu thực nghiệm cải cách giáo dục nông thôn tỉnh Hà Bắc". Khu thực nghiệm đầu tiên này bao gồm 3 huyện là Dương Nguyên, Hoàn và Thanh Long. Đây chính là hình thức thí điểm trên một phạm vi tương đối rộng và đông dân hơn, đồng thời cũng là sự phối hợp kết cấu giáo dục hai cấp là xã và huyện.

Một trong những nhiệm vụ của thực nghiệm lần này là điều chỉnh kết cấu giáo dục. Các cấp chính quyền cũng như các cơ quan quản lý không chỉ quan tâm nâng cao chất lượng dạy học, mà còn chú trọng phát huy hiệu quả các thành tựu kinh tế xã hội như truyền hình, các mạng lưới dịch vụ... vào quá trình chấn chỉnh kết cấu giáo dục. Chính quyền hai cấp huyện và xã căn cứ vào tình hình cụ thể địa phương đưa ra qui hoạch phát triển. Thực tế trong một thời gian dài kết cấu giáo dục ở nông thôn là đơn nhất, nghĩa là chỉ có giáo dục phổ thông. Điều này có nhược điểm là không phải tất cả học sinh ở nông thôn đều có điều kiện hoặc trình độ để học lên cao trung hoặc đại học, mà ở rất nhiều xã, thôn học sinh chỉ dừng lại ở trình độ tiểu học hoặc sơ trung. Do vậy giai đoạn này phải chú trọng đưa giáo dục hướng nghiệp vào khu vực nông thôn. Kết hợp tốt nhất giáo

dục nghĩa vụ với giáo dục hướng nghiệp, kết hợp các loại trường nghề với nhau để xây dựng các mẫu trường đa năng, đa dụng. Từng bước xây dựng và hoàn thiện mạng lưới đào tạo và huấn luyện, cải cách nội dung và phương pháp dạy học tại các trường trung học và tiểu học phổ thông, nhằm làm cho các cấp học ở nông thôn có điều kiện góp phần nâng cao trình độ thực chất của lao động. Đây cũng là một biện pháp để thúc đẩy phát triển kinh tế và cũng làm phong phú các hình thức dạy và học ở nông thôn, tăng cường sức sống trong các trường học. Một trong những thay đổi của hình thức dạy và học là thay đổi chương trình lên lớp. "Quyết định về việc nỗ lực phát triển giáo dục kỹ thuật hướng nghiệp" của Quốc vụ viện công bố vào tháng 10 năm 1991 cho phép từng địa phương căn cứ vào tình hình thực tế của mình đối với bậc sơ trung có thể áp dụng hình thức "3 tầng 1", nghĩa là sau 3 năm sơ trung thì năm thứ 4 có thể đi sâu vào nội dung hướng nghiệp hoặc các dạng ngành nghề khác. Học tập kinh nghiệm của Hà Bắc, các tỉnh, khu tự trị và thành phố trực thuộc khác cũng tiến hành thực nghiệm phát triển giáo dục nông thôn theo những qui mô khác nhau. Cách làm tuy chưa thống nhất, qui mô cũng không hoàn toàn giống nhau, nhưng từ phong trào này ở các địa phương đã xuất hiện một loạt các điển hình về giáo dục, kinh tế và xã hội.

Tháng 8 năm 1988 được Quốc vụ viện phê chuẩn, Ủy ban Giáo dục Nhà nước tiến hành bố trí thực hiện trên toàn

Trung Quốc "kế hoạch lan rộng" với mục đích thông qua cải cách và phát triển giáo dục nông thôn thực hiện quá trình điều hoà tổng thể. Mục đích của kế hoạch là sử dụng tất cả mọi nguồn lực của địa phương để nâng cao toàn diện đời sống người lao động ở nông thôn, từ đó tăng cường khả năng tiếp nhận và vận dụng khoa học kỹ thuật, nâng cao trình độ kinh doanh, trình độ quản lý, thúc đẩy tăng trưởng nông nghiệp, góp phần xây dựng kinh tế phát triển và xây dựng văn minh tinh thần XHCN. Cho đến tháng 5 năm 1989 toàn Trung Quốc đã có 2458 thôn, phân bố tại 758 huyện, thực hiện "kế hoạch lan rộng". Ban đầu, Ủy ban Giáo dục thống nhất với các tỉnh và các khu tự trị cũng như thành phố trực thuộc chỉ thực hiện cải cách trọng điểm tại 116 huyện và gọi các huyện này là các "Huyện thực nghiệm quốc gia cải cách giáo dục ở nông thôn". Số huyện thực nghiệm này phân bố không đều nhau. Có địa phương chỉ lựa chọn một huyện như Bắc Kinh, Thiên Tân, Tây Tạng, nhưng cũng có nơi chọn đến 9 huyện như Sơn Đông, Tứ Xuyên, cá biệt như Hà Bắc chọn đến 12 huyện¹. Mục đích là thông qua các huyện thực nghiệm này tìm ra những bài học kinh nghiệm và xây dựng những huyện mẫu để nhân rộng phong trào ra toàn quốc.

Thực tế công tác thực nghiệm phát triển giáo dục tổng hợp ở nông thôn xoay quanh vấn đề chủ yếu là bồi dưỡng lao động tại địa phương sao cho những lao động này có đủ

1. Quách Phúc Xương, Ngô Đức Cương chủ biên, sdd, tr. 320.

năng lực thực hiện nhiệm vụ do thực tiễn và đời sống đặt ra. Các công tác chủ yếu của quá trình phát triển là tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền các cấp, làm chuyển biến quan niệm cũ về giáo dục, trên cơ sở đó cải cách phương pháp và chế độ quản lý làm cho sự nghiệp giáo dục gắn liền mật thiết với công cuộc kiến thiết nông thôn và hạnh phúc của nhân dân. Các bước cải tiến kết cấu và nội dung của chương trình dạy và học, thực hành kết hợp khoa học giáo dục với nông nghiệp đã được chú trọng, nhằm làm thay đổi không khí, tạo cảm giác thiết thực, gây hứng thú cho người học. Cải cách tổng thể và kiến lập quan hệ giữa giáo dục với kinh tế xã hội sẽ tạo ra sự thúc đẩy và hỗ trợ lẫn nhau, chính điều này cũng sẽ góp phần tăng cường chất lượng giáo dục, làm cho giáo dục phát triển toàn diện. Ngoài ra, các địa phương ở Trung Quốc còn chú ý tăng cường việc dạy học phải gắn với thực tế, học đi đôi với hành, chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị và đồ dùng dạy học, tích cực tiếp thu và phổ biến các kinh nghiệm dạy và học tiên tiến ở trong và ngoài nước, vận dụng linh hoạt và có biện pháp tăng thêm tài chính và phúc lợi xã hội, tăng kinh phí cho giáo dục. Cải thiện điều kiện dạy học, xây dựng đội ngũ giáo viên có đủ trình độ và năng lực, nhất là đảm bảo đời sống cần thiết cho giáo viên có kinh nghiệm ở cơ sở để họ tích cực tiến hành cải cách. Các địa phương còn tùy vào tình hình cụ thể của mình tổ chức các hoạt động cho đồng bào nông dân, thanh niên tham gia các lớp học vào mùa đông lạnh giá để nâng cao trình độ như tỉnh Hắc Long

Giang từ 1989 đến 1992 tổ chức liên tục 4 năm, tỉnh Liêu Ninh 2 năm 1991-1992 tổ chức 2 lần, Khu tự trị Ninh Hạ lại tổ chức trên toàn khu các lớp xoá mù chữ, các lớp bồi dưỡng khoa học kỹ thuật, các lớp quản lý theo nội dung phù hợp với địa phương... Chính những cố gắng này đã đem lại một diện mạo mới cho nông thôn Trung Quốc. Theo số liệu thống kê, mức thu nhập bình quân của người nông dân vào năm 1992 đã đạt mức 784 NDT/người. (Điều cần chú ý là vào những năm này khi xác định mức phấn đấu để xây dựng xã hội khá giả (tiểu khang) Trung Quốc dự kiến mức thu nhập bình quân của người nông dân là 1200 NDT/người). Tuy nhiên điều đáng lưu ý là thu nhập này trên toàn Trung Quốc là không đồng đều. Tại các huyện thực hiện thực nghiệm cải cách giáo dục nông thôn thì có 10 huyện đạt mức 1000 -1400 NDT/người; 36 huyện đạt mức 500-1000 NDT/người; 24 huyện đạt mức 350 -500 NDT/người; còn có 16 huyện ở mức thu nhập dưới 350 NDT/người¹.

Dựa trên cơ sở thực tế ở các địa phương và các nhiệm vụ được đặt ra trong giai đoạn này, Ủy ban Giáo dục Nhà nước và các tỉnh, khu tự trị và thành phố trực thuộc thống nhất phát triển thực nghiệm thêm một bước. Mỗi một đơn vị hành chính thành lập một điểm liên hợp cải cách giáo dục tổng hợp ở nông thôn bao gồm một số huyện. Đây là nhiệm vụ thí điểm mang tính toàn cục, có phạm vi liên quan rộng nên các điểm liên hợp phải đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy

1. Quách Phúc Xương, Ngô Đức Cương chủ biên, sđd, tr. 285.

và các cấp hành chính tương đương, nhưng trong các điểm có thể lập các văn phòng giải quyết công việc do các nhân viên kiêm quản có nhiệm vụ tổ chức thực hiện, đồng thời chú ý đến sự tham gia của các đơn vị nghiên cứu khoa học và các cơ quan hữu quan khác trong địa phương. Các điểm liên hợp thực nghiệm, ngoài việc giảng dạy văn hoá còn có nhiệm vụ tổ chức học tập thực hành, nhằm mục đích làm cho học sinh tại các lớp học sớm làm quen với các chu trình sản xuất. Cụ thể là chú ý tăng chất lượng các giờ thực hành bằng cách học một số giờ lý thuyết trên lớp sau đó xuống các nông trường, cơ sở sản xuất học thực hành. Đồng thời các địa phương cũng mở thêm các cơ sở giảng dạy kỹ thuật nông nghiệp. Tính đến cuối năm 1990, Trung Quốc đã có 7.808 trường kỹ thuật nông nghiệp với 33.000 cơ sở sản xuất cho học sinh thực hành trên diện tích đất canh tác là 630.000 mẫu¹.

Thời gian này, Trung Quốc có 29 đơn vị hành chính tham gia thực hiện chủ trương thí điểm, nghĩa là có 29 điểm liên hợp cải cách giáo dục tổng hợp ở nông thôn được hình thành. Đối với các điểm liên hợp của các địa phương, Ủy ban Giáo dục Nhà nước thường xuyên cung cấp những văn bản và các tài liệu liên quan, tích cực tổ chức các cuộc giao lưu đối nội, đối ngoại. Ủy ban Giáo dục và lãnh đạo chính quyền các cấp cũng tiến hành công tác theo dõi kiểm tra các điểm liên hợp này và định kỳ báo cáo với các cơ quan hữu

1. Quách Phúc Xương, Ngô Đức Cường chủ biên, sđd, tr. 138.

quan các tình hình thực tế bằng văn bản tài liệu. Mặt khác, chính các điểm liên hợp cũng chủ động phát huy những ưu thế là các điểm liên hợp trung tâm có đầu tư của các ban ngành địa phương, thúc đẩy cải cách và kết quả thu được sẽ là những thực tiễn bổ ích nhất, những điểm kết nối cho nhiệm vụ phát triển giáo dục tổng hợp ở các điểm liên hợp.

Tại các tỉnh, thành phố trực thuộc và khu tự trị vào cuối những năm 80 đã xuất hiện việc tổng kết các điển hình của địa phương rút ra các bài học kinh nghiệm để nhân rộng và phổ biến cho các địa phương khác. Vì vậy, nhiều tỉnh đã xuất hiện các tạp chí viết về kinh nghiệm cải cách giáo dục nông thôn cho nhân dân tìm hiểu. Thí dụ như Thượng Hải có bài "Một số ý kiến về cải cách và phát triển giáo dục nông thôn Thượng Hải", ở Quảng Đông có bài "Về tăng cường cải cách tổng hợp giáo dục ở nông thôn" và "kế hoạch lan rộng", ở Quý Châu có văn bản "Quyết định về cải cách và phát triển giáo dục nông thôn", v.v... Ngoài ra, tùy từng địa phương mà có các hoạt động khác nhau nhưng đều hình thành các phong trào chung nhằm tuyên truyền và phổ biến những kiến thức cần thiết phục vụ cho công cuộc cải cách giáo dục.

3/ Đẩy mạnh giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số

Từ sau Hội nghị Trung ương 3 khoá XII (1984), nhiệm vụ phát triển kinh tế ở vùng các dân tộc thiểu số, từng bước đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật, khoa học ứng dụng vào

phục vụ đời sống hàng ngày nhằm nâng cao năng lực người lao động vẫn được coi là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu. Vì vậy, công tác giáo dục ở khu vực này vẫn là trọng yếu và cấp thiết. Lúc này, Trung Quốc đã chuyển sang giai đoạn triển khai cải cách toàn diện nhưng phát triển giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số vẫn chưa có kinh nghiệm và cũng chưa xây dựng được mô hình mẫu. Vì vậy, sang giai đoạn mới của cải cách, tại Trung ương cũng như các khu tự trị, các châu, huyện tự trị, v.v... Chính phủ Trung Quốc đã cho thành lập các cấp quản lý hành chính tương đương của ngành giáo dục để tăng cường lãnh đạo công tác giáo dục dân tộc. Mặt khác, trải qua thực tiễn cải cách, các nhà giáo dục học Trung Quốc nhận thấy các chủ trương hay chính sách mới đưa ra đều vấp phải những nhận thức bất đồng mà giải quyết những bất đồng này, biện pháp tốt nhất là mạnh dạn thực nghiệm, không tranh luận. Vì thế, phát triển giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số cũng cần phải tiến hành thí điểm nhưng có thể ở diện rộng hơn. Lúc này, nơi có điều kiện học tập cũng như kinh tế khó khăn nhất trong các vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống là khu tự trị Tây Tạng, do đó Ủy ban Giáo dục Nhà nước quyết định chọn Tây Tạng làm thí điểm.

Để triển khai nhiệm vụ, năm 1987 Trung Quốc đã tổ chức hội nghị tăng cường chỉ viện trí lực cho Tây Tạng và khuyến khích động viên các tỉnh chú trọng giúp đỡ giáo dục ở Tây Tạng. Tại hội nghị, xuất phát từ hoàn cảnh cụ thể của

các địa phương các đại biểu đều nhất trí cần phải quan tâm cấp thêm kinh phí cho phát triển cải cách giáo dục, không để các hạng mục liên quan đến phát triển giáo dục dân tộc thiếu số phải chờ vốn. Trong qui hoạch phải chú ý đến địa điểm xây dựng trường lớp ở các vùng trung gian, thuận tiện đi lại, có khả năng thu hút học sinh ở nhiều địa phương cùng học tập. Cần động viên tối đa nội lực địa phương bao gồm các giáo viên và cả các học sinh tốt nghiệp ở các lớp cao tham gia vào giảng dạy xoá mù chữ. Sau hội nghị Nhà nước đầu tư cho Tây Tạng 60 triệu NDT để xây dựng 9 hạng mục công trình về giáo dục. Đồng thời, với tinh thần giúp đỡ Tây Tạng, 26 tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc trên cả nước đã thành lập 150 lớp hoặc ban Tây Tạng để chiêu sinh từ Tây Tạng đến học và khi tốt nghiệp sẽ quay về phục vụ Tây Tạng. Từ các lớp này đã có 18.000 học sinh Tây Tạng theo học và trong số đó 5.000 đã tốt nghiệp trở về Tây Tạng công tác¹.

Thực tiễn chứng minh rằng, chính bằng các phương pháp thúc đẩy nội lực đó nền giáo dục dân tộc ở Tây Tạng đã có những tiến bộ đáng khích lệ. Sự giúp đỡ của cả nước đã tác động đến nhân dân Tây Tạng làm cho họ không chỉ tích cực đưa con em đến trường mà còn tiết kiệm chi tiêu để ủng hộ giáo dục. Ví dụ, năm 1991 ở huyện Long Đôi Đức Khánh và huyện Tả Cống nhân dân đã đóng góp 800.000 NDT dùng để xây dựng các lớp học mới. Từ kinh nghiệm

1. Quách Phúc Xương, Ngô Đức Cường chủ biên, sđd, tr. 235.

này vào các năm 1989, 1992, 1995 Trung Quốc cũng đã đưa ra vận dụng với khu tự trị Tân Cương và một số châu, huyện tự trị khác. Bằng các chủ trương đường lối đúng đắn, trong thời gian này sự nghiệp giáo dục vùng dân tộc thiểu số đã có những bước phát triển đáng kể. Riêng năm 1990 các ban ngành trực thuộc Ủy ban Giáo dục Nhà nước đã thành lập được 59 lớp dân tộc, thu hút gần 1.460 học sinh. Năm 1992 các trường cao đẳng trong toàn Trung Quốc đã chiêu sinh là học sinh dân tộc đạt hơn 140.000 người. Giáo dục đã góp phần đào tạo và bồi dưỡng được một đội ngũ cán bộ, trí thức là người dân tộc thiểu số có lòng yêu nước, yêu CNXH, có tri thức khoa học kỹ thuật hiện đại. Từ năm 1949 đến giai đoạn này, Trung Quốc đã bồi dưỡng được hơn 2.000.000 cán bộ hoặc các kỹ thuật viên khoa học chuyên nghiệp là người dân tộc. Tuyệt đại đa số họ đã trở thành cán bộ cốt cán, phục vụ cho các khu tự trị cũng như đóng góp cho quá trình hiện đại hóa đất nước¹.

Năm 1992 để tăng cường hơn nữa nhiệm vụ giáo dục hướng nghiệp ở vùng dân tộc thiểu số cùng với việc hướng dẫn thực hiện "Quy định chi tiết thực hiện luật giáo dục nghĩa vụ của nước CHND Trung Hoa" do Quốc vụ viện phê chuẩn, Ủy ban Giáo dục Nhà nước và Ủy ban Giáo dục Dân tộc phối hợp công bố "Một số ý kiến về tăng cường công tác giáo dục hướng nghiệp ở các dân tộc thiểu số và các vùng nông thôn biên giới" chuẩn bị cho

1. Bản tin Trung Quốc tháng 5 năm 2000.

những bước đi tiếp theo nhằm làm cho giáo dục nông thôn và vùng dân tộc thiểu số đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong giai đoạn mới.

4/ Phát triển giáo dục ở thành phố

Ở Trung Quốc, cho đến sau “ cách mạng văn hoá” do kinh tế chưa thật phát triển nên chỉ các thành phố lớn mới có trường đại học, hầu hết các thành phố trung bình và nhỏ đều không có đại học và cao đẳng. Vì vậy, giáo dục ở thành phố lúc này chủ yếu vẫn là giáo dục phổ thông và giáo dục kỹ thuật nghề, nghĩa là giáo dục trung cấp và trung cấp trở xuống. Sau Hội nghị Trung ương lần thứ 3 khoá XI, tại các thành phố, phương châm cải cách mở cửa phát triển toàn diện thường xuyên được duy trì nên kinh tế và đời sống đã có những chuyển biến tích cực. Trong bối cảnh chung như vậy, giáo dục cũng có những chuyển biến nhất định nhưng cũng còn tồn tại không ít khó khăn. Khi cả nước xác định xu hướng chính của cải cách là phát triển từ nông thôn ra thành thị, từ nông nghiệp đến công nghiệp, với “Quyết định những vấn đề liên quan đến cải cách thể chế giáo dục” Trung Quốc cũng tiến hành chuyển trọng điểm của cải cách giáo dục từ nông thôn ra thành phố.

Thực hiện các phương châm chiến lược của Đảng, đồng thời để phát triển giáo dục ở các thành phố, tháng 11 năm 1987 tại thành phố Sa Thị tỉnh Hồ Bắc, Ủy ban Giáo dục triệu tập hội nghị nghiên cứu về nhiệm vụ và phương hướng

phát triển giáo dục. Tham gia hội nghị này có các thành phố: Giai Mộc Tư, Cẩm Châu, Yên Thái, Lạc Dương, Vu Hồ, Vô Tích, Thiệu Hưng, Tự Cống, Trường Sa, Giang môn, v.v... Sau đó các thành phố Thẩm Dương, Tô Châu, Thường Châu, Uy Hải cũng tham gia vào thực nghiệm và trở thành những thành phố tiến hành thực nghiệm phát triển giáo dục tổng hợp. Hội nghị Sa Thi trở thành hội nghị khởi đầu cho phát triển giáo dục tổng hợp ở thành phố. Qua thực tiễn gần 10 năm phục hồi giáo dục, với kinh nghiệm phát triển từ điểm đến diện ở vùng nông thôn, các kết luận của Hội nghị Sa Thi cũng chỉ ra giai đoạn này phải chú trọng giáo dục nghề, kết hợp giáo dục nghĩa vụ với giáo dục hướng nghiệp và xây dựng các trường đa năng, đa dụng. Như vậy, sau Hội nghị Sa Thi, đầu tiên có 15 thành phố của 11 tỉnh tiến hành thực nghiệm phát triển giáo dục.

Nửa năm sau, tháng 6 năm 1988 tại thành phố Vô Tích, Ủy ban Giáo dục Nhà nước triệu tập hội nghị các lãnh đạo của Ủy ban Giáo dục 6 thành phố là Vô Tích, Thẩm Dương, Tô Châu, Thường Châu, Vu Hồ, Sa Thi. Đây được coi là Hội nghị trừ bị chuẩn bị thực hiện bước phát triển mới đối với phát triển giáo dục ở thành phố. Tháng 7 cùng năm, với sự tham gia của Thị trưởng và Chủ nhiệm Ủy ban Giáo dục, Cục trưởng Lao động và Hiệu trưởng hoặc Xưởng trưởng của các đơn vị được chọn làm thí điểm, Ủy ban Giáo dục Nhà nước tổ chức trao đổi về kế hoạch thí điểm thực hiện "song nguyên chế" để phát triển giáo dục và kinh tế xã hội

ở các địa phương. Hội nghị nhất trí bắt đầu từ tháng 4 năm 1989 sẽ thực hiện đồng loạt ở cả 6 thành phố.

"Song nguyên chế" là kinh nghiệm dạy và học cho đối tượng tại chức của Cộng hoà Liên bang Đức. Theo các nhà giáo dục học Trung Quốc thì "song nguyên chế" là một trong những nguyên nhân chính giúp Cộng hoà Liên bang Đức tồn tại và phát triển sau chiến tranh thế giới lần thứ II. Thực chất đây chính là sự kết hợp dạy và học giữa các trường tại chức với các nhà máy, xí nghiệp. Đối tượng được nhận đào tạo "song nguyên chế" là những thanh thiếu niên tuổi từ 15 đến 18 đã hoàn thành chương trình giáo dục nghĩa vụ, tức là tối thiểu phải qua trình độ sơ trung. Các thanh thiếu niên này được tổ chức thành lớp học theo thời gian từ 2 năm đến 3 hoặc 4 năm tùy theo yêu cầu của từng ngành nghề. Mục đích của các lớp học này là đào tạo họ thành những công nhân kỹ thuật chuyên nghiệp. Để được theo học các lớp học này, đầu tiên những người học căn cứ vào trình độ, khả năng và nguyện vọng của mình, tự nguyện làm đơn xin tham dự vào lớp đào tạo nghề gửi đến các nhà máy, xí nghiệp. Các nhà máy xí nghiệp sau khi nhận đơn tiến hành kiểm tra hình thức, sức khỏe để đảm bảo học viên có thể đảm nhiệm được công việc sau này. Các nhà máy cũng có thể kiểm tra một số vấn đề về kiến thức thông thường của ngành mà học sinh lựa chọn. Nếu học sinh đáp ứng được các yêu cầu, nhà máy chấp nhận đào tạo, xác định nghề nghiệp cho học sinh tại nhà máy. Trên cơ sở thống

nhất, hai bên sẽ tiến hành ký kết hợp đồng. Đây chính là bước đầu tiên xác định tư cách của người công nhân học nghề. Sau khi qua tuyển chọn ở nhà máy, học sinh lại được qua kỳ kiểm tra kiến thức văn hoá, bằng cách thi vấn đáp ở các nhà trường để đảm bảo việc học viên có thể tiếp thu được những kiến thức khoa học kỹ thuật liên quan đến nghề nghiệp. Bởi vì qua hai nơi cùng kiểm tra, cùng chịu trách nhiệm tuyển chọn và sau này cùng chịu trách nhiệm đào tạo bồi dưỡng nên gọi là "song nguyên chế".

Dựa theo kinh nghiệm của Cộng hoà Liên bang Đức, khi bắt đầu tiến hành thí điểm chế độ đào tạo này, Trung Quốc chỉ chọn 12 ngành chuyên môn với 375 nghề đào tạo. Chẳng hạn, Gia công vật liệu, Lắp ráp và hoàn thiện, Thiết kế tạo hình, Vẽ bản đồ và phục chế, Phục vụ thương nghiệp và tư vấn, Kinh tế, Quản lý, Giao thông và trật tự xã hội, Gia chánh và Hộ lý, v.v...

"Song nguyên chế" là phương pháp đào tạo có những đặc điểm và những ưu việt riêng. Người học có 2 đơn vị đủ tư cách pháp nhân đảm bảo cho nghề nghiệp được đào tạo của mình, đó là nhà máy và trường đào tạo tại chức. Hai đơn vị kết hợp hỗ trợ và bổ sung cho nhau, cùng phối hợp bồi dưỡng và cùng hoàn thiện nhiệm vụ đào tạo học sinh. Thông thường trong một tuần, học sinh học tại nhà trường 2 ngày, thời gian còn lại có thể là 4 thậm chí cả 5 ngày là học tại nhà máy. Như vậy, đào tạo chủ yếu là ở nhà máy, chủ yếu là thực hành. Nội dung các bài hướng

dẫn kỹ năng nghiệp vụ, những bài thực hành cụ thể, các nhà máy chịu trách nhiệm với sự liên kết, phối hợp của các châu, tỉnh cùng quyết định. Đối ngũ các giáo viên thực hành thuộc nhà máy xí nghiệp quản lý. Tại nhà trường việc đào tạo chỉ là giảng dạy lý thuyết, bồi dưỡng những kiến thức khoa học kỹ thuật chủ yếu liên quan đến ngành đã chọn của học sinh. Nội dung kiến thức văn hoá và lý luận nghề nghiệp cũng như các giáo viên của những môn học này do các cơ quan hành chính và Phòng văn hoá giáo dục ở cấp châu trở lên qui định và quản lý. Như vậy, có hai cơ quan cùng quản lý hình thức đào tạo này là các trường học và chính quyền địa phương và đương nhiên nguồn kinh phí đào tạo cũng từ hai nguồn là nhà trường và chính quyền các cấp.

Đây là một hình thức đào tạo đã được áp dụng ở Cộng hoà Liên bang Đức từ những năm 50 của thế kỷ XX. Từ kết quả thu được ở Cộng hoà Liên Bang Đức, Trung Quốc cho rằng nếu phối hợp tốt hình thức đào tạo này có thể phát triển để đào tạo công nhân kỹ thuật của tất cả các ngành công nghệ. Tất nhiên ưu việt cơ bản nhất, có tác dụng khuyến khích học sinh tham gia tuyển chọn đông là sau khi học xong chắc chắn họ sẽ được làm việc tại nhà máy đào tạo mà không phải lo đi tìm việc làm.

Trung Quốc bắt đầu tiến hành làm thí điểm hình thức đào tạo trên từ năm 1989, đến năm 1992 có 382 học sinh của 12 ngành nghề tham gia thi tốt nghiệp. Tất cả các học

sinh này đều đạt kết quả tốt, trong đó có 89% đạt trình độ công nhân bậc 4 và có 8% đạt trình độ công nhân bậc 5¹. Căn cứ vào kinh nghiệm của Cộng hoà Liên bang Đức và kết quả rất tốt của công tác thực nghiệm, Trung Quốc quyết định lấy phương pháp đào tạo "song nguyên chế" làm nội dung cơ bản của phát triển giáo dục tại các thành phố trong giai đoạn này. Quyết định này cũng phù hợp với xu thế phát triển mới của công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc, bởi lẽ đầu những năm 1980 phát triển kinh tế chủ yếu dựa vào sự thông thoáng của chính sách và thu hút vốn đầu tư nhưng đến những năm cuối này thì không thể tiếp tục thực hiện như vậy. Muốn tiếp tục phát triển kinh tế thì phải dựa vào sự nắm bắt và sử dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật và nâng cao năng lực người lao động. Do vậy, chính yêu cầu của nhiệm vụ trong giai đoạn mới đã tạo ra điều kiện mới, cơ hội mới để phát triển "song nguyên chế". Yêu cầu này không còn là công việc của ngành giáo dục nữa mà đã là nhiệm vụ của cả xã hội. Thí dụ ở thành phố Tô Châu, chính quyền thành phố đã lập Tiểu tổ công tác "song nguyên chế" bao gồm Phó bí thư Thành ủy, Phó thị trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Giáo dục, Phó chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch, Phó cục trưởng Cục Lao động và một số cán bộ của các bộ phận liên quan khác. Tô Châu đưa ra kế hoạch phấn đấu đến năm 2000 sẽ đạt mức 90% học sinh ở độ tuổi 15 được nhập học ở bậc cao trung hoặc "song nguyên chế" theo tỷ lệ 1.2, dùng

1. Quách Phúc Xương, Ngô Đức Cương chủ biên, sđd, tr. 326.

"song nguyên chế" để cải cách nội dung giảng dạy và kết cấu của hệ thống giáo dục¹.

Sau 3 năm thực hiện kế hoạch theo tinh thần của Hội nghị Vô Tích, từ kết quả thực hiện ở 6 thành phố thí điểm, tháng 10 năm 1991, Quốc vụ viện công bố "Quyết định về việc nỗ lực phát triển giáo dục kỹ thuật hướng nghiệp". Quyết định giải thích rõ: Đối với công tác giáo dục ở thành phố từ năm thứ 3 cao trung có thể phân nhóm tùy vào nguyện vọng của học sinh. Một bộ phận có thể tiến hành giáo dục kỹ thuật hướng nghiệp mang tính chuẩn bị hoặc tính định hướng nghề nghiệp. Đây cũng là một biện pháp thực hiện "song nguyên chế" nhằm phân luồng đào tạo cho học sinh cao trung. Sau khi có quyết định, các địa phương tích cực điều chỉnh kết cấu giáo dục trung học, đặc biệt chú ý phát triển trung học chuyên nghiệp. Trong kỳ tuyển sinh năm học 1991-1992, số học sinh trung học được tuyển tại các trường chuyên nghiệp chiếm tỷ lệ 46,7% so với tỷ lệ 50,3% học sinh được tuyển vào học ở các trường cao trung.

Cuối năm 1991, tại thành phố Thường Châu tỉnh Giang Tô khoảng 100 thành phố đã cùng với 15 thành phố thực nghiệm tổ chức hội nghị rút kinh nghiệm nhằm đưa ra kết luận về những thành công và tồn tại của công tác thực nghiệm thí điểm. Trên cơ sở những kết luận được thông qua

1. Quách Phúc Xương, Ngô Đức Cương chủ biên, sdd, tr. 324.

tại Hội nghị, các nhà giáo dục học nhận thấy cần tiếp tục thực hiện thí điểm và mỗi tỉnh có ít nhất một thành phố tham gia thực nghiệm. Theo tinh thần chung của Hội nghị và xuất phát từ yêu cầu của từng tỉnh, các địa phương tự đề nghị danh sách, tháng 10 năm 1992 Ủy ban Giáo dục Nhà nước quyết định chọn thêm 32 thành phố cùng với 15 thành phố trước tổng cộng là 47 thành phố, trong đó mỗi tỉnh, khu tự trị hay thành phố trực thuộc đều có tối thiểu 1 thành phố tiến hành cải cách thực nghiệm. Mục đích của công tác này là tiếp tục rút kinh nghiệm để đảm bảo thắng lợi việc nhân rộng điển hình ra toàn quốc.

5/ Một số biện pháp thúc đẩy phát triển giáo dục

****Nâng cao yêu cầu phổ cập giáo dục, mở rộng hình thức đào tạo***

Sau một số năm tiến hành công cuộc phục hồi giáo dục, Trung Quốc đã có những thành công nhất định. Theo báo cáo thống kê năm 1985, tỷ lệ vào tiểu học là 99% theo độ tuổi. Báo cáo cũng cho thấy trước cải cách (1978) số học sinh học hết sơ trung chỉ đạt 30% so với độ tuổi nhưng hiện nay bình quân toàn quốc đã đạt 80%. Về kinh tế, trên cơ sở giải quyết được vấn đề ăn no mặc ấm, ở nông thôn có sự điều chỉnh cơ cấu sản nghiệp, phát triển nhiều loại hình kinh doanh, các xí nghiệp hương trấn ra đời bắt đầu phát huy tác dụng. Ở thành phố, bắt đầu chuyển đổi cơ chế kinh doanh của xí nghiệp quốc hữu loại lớn và trung bình, thực

hiện cải cách lấy chế độ khoán kinh doanh làm chính, đây chính là cơ sở đảm bảo cho đời sống nhân dân càng ngày càng được nâng cao. Trên cơ sở đó, Ủy ban Giáo dục đề nghị và được Quốc vụ viện phê chuẩn đưa vào Luật Giáo dục nghĩa vụ điều luật thay đổi thời gian của phần giáo dục phổ cập. Theo thay đổi này, từ năm 1986 trong hệ thống giáo dục, phần giáo dục phổ cập là 9 năm, nghĩa là bắt buộc phải hoàn thành chương trình văn hoá bậc sơ trung. Như vậy, học sinh sau khi tốt nghiệp tiểu học về cơ bản sẽ được chuyển lên học ở bậc sơ trung, một bộ phận nhỏ học nghề ở các trường dạy nghề. Các học sinh này sau khi tốt nghiệp các trường dạy nghề vẫn có thể theo học ở các trường dạy nghề bậc cao hơn. Nhìn chung, sau bậc sơ trung những ai không thể học tiếp ở bậc cao trung hoặc sau khi tốt nghiệp cao trung mà không thể học tiếp ở bậc đại học đều có thể lựa chọn để theo học ở các trường dạy nghề.

Đối với giáo dục nói chung, tuy chỉ là thay đổi từ 6 năm thành 9 năm với giáo dục phổ cập nhưng với một quốc gia có một hệ thống giáo dục khổng lồ như Trung Quốc thì những thay đổi đi theo nó không phải là những vấn đề đơn giản. Thí dụ, về chương trình dạy học, trong hệ thống giáo dục hiện hành ở bậc tiểu học, hầu như các địa phương trên toàn Trung Quốc đã theo học chế 6 năm nhưng vẫn còn có một số vùng được phép theo học chế 5 năm. Vì vậy, Luật Giáo dục nghĩa vụ thay đổi, tiến hành phổ cập 9 năm thì ở các địa phương vẫn song song tồn tại hai hệ thống học chế

là "5.4" và "6.3". Chính vì thế kế hoạch phải đưa ra 4 chương trình dạy học, bao gồm:

a. Chương trình dạy học bậc tiểu học theo học chế "5.4", nghĩa là bậc tiểu học học cả ngày 5 năm, bậc sơ trung 4 năm. Các môn học bao gồm Đạo đức, Ngữ văn, Toán học, Xã hội, Tự nhiên, Thể dục, Âm nhạc, Mỹ thuật, Lao động. Tổng số giờ học mỗi năm là 4590 giờ. Ngoài ra còn có giờ tự học, sinh hoạt lớp (mỗi tuần 1 giờ), hoạt động thể thao và giờ ngoại khoá dành cho sự yêu thích của cả lớp (mỗi tuần 2 giờ).

b. Chương trình dạy học bậc tiểu học theo học chế "6.3", nghĩa là bậc tiểu học học cả ngày 6 năm, bậc sơ trung 3 năm. Các môn học cũng giống như ở học chế "5.4" nhưng tổng số giờ là 4964 giờ.

c. Chương trình dạy học bậc sơ trung theo học chế "5.4", nghĩa là bậc tiểu học học cả ngày 5 năm, bậc sơ trung 4 năm. Các môn học bao gồm Chính trị tư tưởng, Ngữ văn, Toán học, Ngoại ngữ, Địa lý, Lịch sử, Vật lý, Hoá học, Sinh vật, Thể dục, Âm nhạc, Mỹ thuật, Lao động kỹ thuật và môn tự chọn. Tổng số giờ học mỗi năm là 3952 giờ. Ngoài ra còn có giờ Thời sự chính sách, sinh hoạt Đoàn, Đội (mỗi tuần 1 giờ).

d. Chương trình dạy học bậc sơ trung theo học chế "6.3", nghĩa là bậc tiểu học học cả ngày 6 năm, bậc sơ trung 3 năm. Các môn học cũng giống như ở học chế "5.4" nhưng tổng số giờ là 3085 giờ và không có môn tự chọn¹.

1. Bạch Nguyệt Kiều chủ biên, sdd, tr. 192; Cao Kỳ, sdd, tr. 248-249.

Chương trình dạy học trên so với chương trình thực hiện trước đó có một số thay đổi như bỏ các môn Địa lý, Lịch sử ở bậc tiểu học thay bằng môn Xã hội. Thay đổi này bước đầu giúp học sinh làm quen với kiến thức thường gặp về các sự việc và hiện tượng xã hội, làm quen với thực tế của quê hương, đất nước và thế giới, bồi dưỡng và tập thói quen quan sát các hiện tượng xã hội xung quanh từ nhỏ, rèn luyện khả năng thích ứng với cuộc sống. Đối với bậc sơ trung cũng có sự thay đổi, ví dụ môn Chính trị nay gọi là Chính trị tư tưởng, môn Lao động kỹ thuật trước đây qui định mỗi năm học tập trung 2 tuần nay chuyển thành học mỗi tuần 2 giờ, bỏ môn học Giải phẫu sinh lý, những nội dung cần thiết chuyển sang môn Sinh vật. Đối với chương trình theo học chế 4 năm bắt đầu từ năm thứ 3 và thứ 4 có môn học tự chọn. Tuỳ vào điều kiện cụ thể của địa phương, tuỳ vào khả năng và sở thích của học sinh mà họ có thể chọn môn học là văn hoá hay nghề nghiệp. Ngoài ra, để đảm bảo thực hiện phổ cập 9 năm, các địa phương còn phải chuẩn bị cơ sở vật chất như trường lớp, đồ dùng dạy học và quan trọng nhất vẫn là phải có những người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ giáo dục, đó là đội ngũ giáo viên. Trong hệ thống giáo dục của Trung Quốc tình trạng thiếu giáo viên và giáo viên chưa đủ chuẩn cũng là một vấn đề phải giải quyết. Biện pháp áp dụng kỹ thuật truyền hình được đề xuất ngay từ tháng 6 năm 1986. Căn cứ vào tình hình thực tế, Quốc vụ viện đồng ý với kiến nghị của các cơ quan hữu quan: "Về việc dùng vệ tinh triển khai công tác giáo dục" và

cho phép thành lập Học viện Sư phạm truyền hình. Sau một thời gian thí điểm đào tạo giáo viên, nhất là chuẩn hoá giáo viên bậc tiểu học và sơ trung, Học viện đã thu được những kết quả đáng khích lệ. Bước khởi đầu này đã mở ra một hướng đi mới cho hệ thống giáo dục. Dựa trên cơ sở đó, các nhà nghiên cứu giáo dục Trung Quốc xác định trong tương lai các phương tiện giáo dục phải có tính kỹ thuật cao mới có thể phát huy mọi giác quan của người học, mới có thể thực hiện được giáo dục đa chiều. Với tinh thần đó, Trung Quốc bắt đầu tiến hành xây dựng và cho phép đưa vào hoạt động đài truyền hình giáo dục cấp huyện. Chỉ một thời gian không lâu, kể từ khi có chủ trương đến cuối năm 1993 trên toàn Trung Quốc có 1/3 số huyện tiến hành xây dựng tới hơn 1.000 đài truyền hình và 610 trạm thu qua vệ tinh, hơn 53.000 điểm phát hình thuộc hệ thống giáo dục quản lý, phục vụ nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên cũng như học tập của học sinh ở các địa phương¹. Đào tạo qua truyền hình chính là một hình thức đào tạo mới được bổ sung vào hệ thống giáo dục ở Trung Quốc.

Với những cố gắng chung của toàn ngành, vào những năm đầu thập kỷ 90 hệ thống giáo dục Trung Quốc có khoảng 240,13 triệu học sinh, trong đó có 139,95 triệu học sinh học tại 646 nghìn trường tiểu học. Trung Quốc đã phổ cập giáo dục tiểu học cho trên 90% vùng dân số, tỷ lệ trẻ em ở tuổi học tiểu học đến trường là 98,81%, mỗi năm số

1. Bản tin Trung Quốc tháng 3 năm 1994.

học sinh lên cấp sơ trung là 92,62%. Cũng theo số liệu thống kê của Cục thống kê Nhà nước, Trung Quốc có hơn 80 nghìn trường trung học phổ thông, 1.138 trường đại học và cao đẳng, 18.600 trường trung học chuyên nghiệp các cấp, các loại. Tổng số giáo viên các cấp học của Trung Quốc khoảng 11,4 triệu người, trong đó gần 9 triệu giáo viên tiểu học và trung học phổ thông¹.

** Công tác xóa nạn mù chữ*

Sau gần 10 năm tiến hành cải cách mở cửa, Trung Quốc đã thu được những thành tựu to lớn trên các lĩnh vực kinh tế xã hội. Cùng với việc giải quyết được vấn đề ăn no mặc ấm, ở vùng nông thôn rộng lớn đã có đời sống sinh hoạt ổn định các gia đình tích cực đưa con em đi học. Trên cơ sở "Luật giáo dục nghĩa vụ nước CHND Trung Hoa" qui định giáo dục phổ cập là một hệ thống hoàn chỉnh bao gồm cả xóa mù chữ, phổ cập tiểu học, giáo dục cơ sở và giáo dục thường xuyên, vì vậy, phổ cập giáo dục trong đó bao gồm cả nhiệm vụ xóa mù chữ ở độ tuổi thanh niên và trung niên (từ 15 đến 40 tuổi) tại vùng nông thôn, vùng điều kiện kinh tế khó khăn, vùng dân tộc thiểu số vẫn là nhiệm vụ quan trọng của công tác giáo dục.

Để phát động một phong trào mới trong công tác xóa mù chữ, tháng 2 năm 1988 Quốc vụ viện công bố "Điều lệ công tác xóa mù chữ" nhằm hướng dẫn và xác định đường

1. Bản tin Trung Quốc tháng 6 năm 2003.

lối, chính sách cho công tác này. Chính quyền các cấp lãnh đạo, cơ quan giáo dục phối hợp với các bộ phận liên quan thực hiện nhiệm vụ và ngành giáo dục chịu trách nhiệm chỉ đạo. Các cơ quan cùng phối hợp lên danh sách, tập hợp các đối tượng tuổi từ 15 đến 40 hiện còn mù chữ để tiến hành mở lớp. Theo điều tra, đến năm 1990 số người mù chữ trên toàn Trung Quốc ở độ tuổi phải xoá mù là 180.030.000 người. Đáng chú ý là trên 90% số người này sống ở nông thôn và trong đó tỷ lệ phụ nữ là trên 70%. Tại các vùng biên cương nơi có nhiều dân tộc thiểu số sinh sống tình trạng còn trầm trọng hơn¹.

Để thực hiện "Điều lệ công tác xoá mù chữ", 10 ngành ở Trung ương đã đưa ra sáng kiến liên hợp thành lập "Tiểu tổ phối hợp công tác thanh toán nạn mù chữ toàn quốc", hình thành cục diện mới là các ngành liên quan cùng bố trí kiểm tra, cùng biểu dương khen thưởng nhằm thúc đẩy công tác phát triển tốt nhất. Cũng trong năm 1990, Ủy ban Giáo dục Nhà nước ra Thông tri tới các Ủy ban Giáo dục địa phương yêu cầu nên đưa học sinh trung học và tiểu học tại vùng nông thôn tham gia vào công cuộc xoá mù chữ, chú ý phát huy hết nội lực của các địa phương tham gia phong trào. Về nội dung giảng dạy của các lớp học này, Ủy ban Giáo dục cũng yêu cầu các địa phương cần chú ý đưa thêm các kiến thức khoa học kỹ thuật kết hợp vào bài giảng nhằm bồi dưỡng những kiến thức thiết thực cho người nông dân, gây hứng thú học tập.

1. Quách Phúc Xương, Ngô Đức Cường chủ biên, sđd, tr. 312.

**** Công tác phát triển giáo dục đối với người trưởng thành***

Những năm 1950, giáo dục người trưởng thành được gọi là giáo dục xã hội, sau đó lại được gọi là giáo dục công nông, đến năm 1982 mới có quyết định gọi là giáo dục người trưởng thành. Giáo dục người trưởng thành là một bộ phận rất quan trọng của giáo dục Trung Quốc. Tháng 6 năm 1987 Quốc vụ viện Trung Quốc phê chuẩn đề nghị của Ủy ban Giáo dục về "Quyết định cải cách và phát triển giáo dục người trưởng thành". Quyết định nêu rõ: Giáo dục người trưởng thành là một bộ phận hợp thành của giáo dục quốc gia. Trong sự nghiệp giáo dục nói chung, giáo dục người trưởng thành bao gồm giáo dục cơ sở, giáo dục khoa học nghề nghiệp và cả giáo dục ở bậc phổ thông. Tất cả các lĩnh vực đều quan trọng, nhất là trong thời kỳ xây dựng kinh tế thị trường đang rất cần nhân tài, cần lao động có chất lượng cao trên mọi lĩnh vực, vì vậy giáo dục người trưởng thành, những người đang trực tiếp lao động sản xuất cần phải có những chính sách thoả đáng.

Mặt khác vào những năm cuối thế kỷ XX, xu thế phát triển của thế giới nhìn chung đều quan tâm đến nâng cao mức sống, kéo dài tuổi thọ của con người. Với tốc độ phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật, tốc độ đổi mới tri thức nhất là những kiến thức ứng dụng trong đời sống xã hội tăng nhanh đã làm gia tăng thời gian nghỉ ngơi cho người lao động. Ngày càng nhiều người ý thức được tầm quan trọng của việc thu nhận tri thức mới, nắm vững và

sử dụng hợp lý những tri thức phong phú của loài người để điều chỉnh bản thân và nâng cao chất lượng cuộc sống. Vì vậy, nhu cầu của xã hội đối với giáo dục không chỉ là giáo dục phổ thông, giáo dục đại học, giáo dục tại chức mà còn là giáo dục văn hoá sử dụng, trong đó có cả giáo dục cho tuổi già đã bắt đầu vượt ra khỏi phạm vi của nhà trường, nhằm mục đích nâng cao khả năng sử dụng trang thiết bị kỹ thuật trong đời sống hàng ngày và thoả mãn nhu cầu tự hoàn thiện bản thân. Đáp ứng nguyện vọng của đông đảo người trưởng thành, cuối năm 1985 Ủy ban Giáo dục Nhà nước đã tiến hành củng cố và tổ chức lại 591 trường cơ bản, trường chuyên khoa và cả trường đại học ban đêm để chiêu sinh. Các trường này ngay trong năm đã nâng số lượng chiêu sinh lên 492.000 người. Sau một số năm thực hiện phát triển giáo dục với người trưởng thành, xuất phát từ nhu cầu thực tế, tháng 6 năm 1989 Ủy ban Giáo dục Nhà nước ban hành "Các biện pháp thực hiện quản lý kiểm tra trình độ tự học trên toàn quốc". Theo Chỉ thị này, tất cả cán bộ, công nhân, viên chức nếu nhận thấy có khả năng và đồng ý tự học thì ghi tên đăng ký theo các chương trình đã được chuẩn bị trước. Các tổ chức giáo dục cơ sở đăng ký tên người dự thi, đến thời gian theo kế hoạch, nhà trường tổ chức các đợt kiểm tra trình độ, căn cứ vào kết quả công nhận tốt nghiệp. Từ năm 1986 đến năm 1990 theo số liệu thống kê cho thấy số ghi tên đăng ký tự học là 10.000.000 người, so với giai đoạn 1981-1985 tăng 7.000.000 người¹.

1. Quách Phúc Xương, Ngô Đức Cường chủ biên. sdd, tr. 204.

Tháng 8 năm 1992, để tổng kết kinh nghiệm và khuyến khích động viên các lực lượng xã hội tham gia giáo dục, Ủy ban Giáo dục Nhà nước triệu tập hội nghị toàn quốc bàn về công tác giáo dục đối với người trưởng thành. Hội nghị đã đưa ra các biện pháp, chính sách cũng như phương châm phát triển của giáo dục người trưởng thành trong những năm sau, nhất là phát triển giáo dục ở bậc đại học và cao đẳng.

*

* *

Từ sau Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 3 khoá XI, tháng 12 năm 1978, đất nước Trung quốc bước vào công cuộc cải cách mở cửa. Tuy nhiên, do ảnh hưởng quá nặng nề của “cách mạng văn hoá” và sau đó là ảnh hưởng “tả khuynh” nên thực trạng của giáo dục là vô cùng đen tối. Trong hoàn cảnh đó, ngành giáo dục đã thực hiện các hoạt động thống nhất trên toàn quốc như phê phán “hai đánh giá”, phục hồi đội ngũ giáo viên, tổ chức thi tuyển vào các trường cho năm học mới, chuyển chế độ học phổ thông 10 năm trở lại chế độ 12 năm, v.v... thực chất đây là các biện pháp phục hồi những qui định, những chế độ giáo dục đã có từ những năm 1949 -1966.

Bắt đầu công cuộc phục hồi và phát triển giáo dục, Trung Quốc đã nhận định rất rõ vai trò quan trọng của giáo dục ở nông thôn. Đây là kết quả của quá trình tìm tòi, nghiên cứu của các nhà giáo dục học thuộc Viện Nghiên

cứu Giáo dục. Quá trình phục hồi và phát triển tiến hành theo phương châm thí điểm từ điểm đến diện, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, đảm bảo thành công mới tiến hành tiếp. Theo phương châm đó từ năm 1980 Trung Quốc bắt đầu tiến hành phục hồi giáo dục ở một số thôn thí điểm, đến năm 1987 Trung Quốc quyết định nâng thí điểm cải cách lên cấp khu (liên huyện) và 1988 thành lập các điểm liên hợp cải cách. Vì sao Trung Quốc lại tiến hành cẩn thận và có vẻ chậm như vậy? Đây là bài học xương máu được rút ra từ "cách mạng văn hoá". Các nhà lãnh đạo giáo dục ở Trung Quốc hiểu rất rõ rằng cải cách kinh tế nếu không chính xác thì có thể khôi phục sau một số năm, nhưng cải cách giáo dục mà sai thì sẽ mất cả một thế hệ. Đó chính là lý do tiên quyết không thể vội vàng, không thể theo ý kiến chủ quan của bất kỳ ai mà phải kiên trì xuất phát từ thực tiễn để tìm ra đường đi đúng đắn nhất.

Cùng với giáo dục nông thôn, công tác phục hồi giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số cũng đã được Trung Quốc quan tâm chú trọng. Đáng chú ý nhất là các biện pháp khắc phục những hậu quả của "cách mạng văn hoá" và giúp đỡ các địa phương khó khăn như Tây Tạng, Tân Cương.

Sau một số năm phục hồi và phát triển giáo dục, ở Trung Quốc số lượng học sinh các cấp tăng lên đáng kể và bắt đầu tạo ra một áp lực về việc làm. Chính việc thành lập các điểm liên hợp cải cách và tìm hiểu kinh nghiệm nước ngoài đã đưa giáo dục Trung Quốc đến với việc thực hiện

"song nguyên chế". Khi thực hiện thành lập các điểm liên hợp cải cách, trong các điểm này vừa có những xí nghiệp hương trấn, vừa có các đơn vị sản xuất nông nghiệp, lại có nguồn nhân lực trẻ chính là con em cán bộ công nhân và nhân dân lao động tại địa phương, đây chính là cơ sở để giáo dục góp phần tích cực vào những thành công của sự phát triển kinh tế xã hội những năm cuối thập kỷ 80. Theo số liệu thống kê thời gian này ở nông thôn Trung Quốc đã có khoảng 23 triệu xí nghiệp hương trấn và tạo được việc làm cho 113 triệu lao động, làm tăng thu nhập cho nhân dân giúp họ "ly thổ bất ly hương". Đó cũng là một đóng góp, một nét ưu việt của "song nguyên chế".

Thực tế không phải tất cả học sinh trung học phổ thông đều có suy nghĩ là phải học lên đại học, nhưng nếu như không có "song nguyên chế" thì sẽ đẩy họ vào một vấn đề xã hội là rất nhiều sinh viên đã tốt nghiệp đại học mà còn không có việc, vậy họ không thể yên tâm thi và học ở các trường nghề được. "Song nguyên chế" chính là một biện pháp phân luồng giáo dục, khống chế sự phát triển quá nhanh của giáo dục phổ thông ở một số nơi bằng cách chuyển sang giáo dục trung học dạy nghề, tránh gánh nặng tâm lý không cần thiết trong các kỳ thi đại học nhất là vào thời điểm này khi mà hệ thống giáo dục đại học chưa đảm bảo nhu cầu cho đông đảo học sinh. Ngoài ra trong quá trình phát triển Trung Quốc cũng đã quan tâm đến giáo dục người trưởng thành, nhất là công tác xóa mù chữ và nửa mù chữ.

Chương Ba

GIÁO DỤC Ở CHND TRUNG HOA GIAI ĐOẠN XÂY DỰNG THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG XHCN (1993-2003)

Tháng 10 năm 1992, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV Đảng Cộng sản Trung Quốc nêu lên mục tiêu xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN, mở ra một giai đoạn mới của công cuộc cải cách và mở cửa ở Trung Quốc. Trong lĩnh vực giáo dục, sau hơn 10 năm tiến hành phục hồi và phát triển, sự nghiệp giáo dục đang có những bước đi đúng đắn và đã có những thành công nhất định thì trên thế giới cũng như ở trong nước xảy ra những biến động về kinh tế, chính trị có ảnh hưởng đến giáo dục, tác động đến đông đảo học sinh, sinh viên nhất là ở Bắc Kinh và các thành phố lớn. Từ thực tế của tình hình lúc này buộc những người làm công tác lãnh đạo giáo dục phải nghiên cứu tiến hành cải cách theo phương châm toàn diện, triệt để hơn.

1. TÌNH HÌNH KINH TẾ, CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI THẾ GIỚI VÀ TRUNG QUỐC NHỮNG NĂM ĐẦU THẬP KỶ 90 CỦA THẾ KỶ XX. NHỮNG NGUYÊN NHÂN PHẢI ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH GIÁO DỤC

Tình hình thế giới có những thay đổi căn bản. Ngay từ tháng 2 năm 1989 Hội nghị bàn tròn giữa chính quyền và phe đối lập ở Ba Lan đã đạt được thoả thuận đa nguyên công đoàn; đa nguyên chính trị; cải cách kinh tế, mở đường cho Công đoàn Đoàn Kết trở lại hoạt động công khai vào tháng 4 và giành thắng lợi lớn trong cuộc bầu cử Quốc hội tháng 6 cùng năm. Ngày 17 tháng 5 năm 1989, Liên Xô bắt đầu rút quân đội khỏi CHDC Đức. Ngày 18 tháng 10 cùng năm Êrich Hônêơ từ chức đến ngày 9 tháng 11 bức tường Béclin sụp đổ. Ngày 31 tháng 8 năm 1990 Hiệp định thống nhất nước Đức được ký kết. Ngoài ra, còn phải kể đến hàng loạt các sự kiện như: biểu tình của học sinh sinh viên Tiệp Khắc, những đảo lộn chính trị ở Bungari, chính quyền của Xêauxexcu ở Rumania bị lật đổ, biểu tình đòi độc lập ở Litva, Mông Cổ, Côxôvô... Tuy nhiên, sự kiện quan trọng nhất là vào ngày 25 tháng 12 năm 1991 khi lá cờ tam tài của thời Nga hoàng được kéo lên, Mikhaïl Gorbachev thông báo từ chức Tổng thống Cộng hoà liên bang Xô Viết là những mốc đánh dấu sự kiện chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Âu lần lượt sụp đổ. Các sự kiện này có tác động không nhỏ đến không chỉ các nước XHCN mà còn cả đến các lực lượng yêu chuộng hoà bình trên toàn thế giới trong đó có Trung

Quốc, nhất là trong giới học sinh, sinh viên là thành phần quan trọng tạo ra “Sự kiện mùa Xuân Bắc Kinh” tháng 4 năm 1989. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến hệ quả này nhưng một trong những nguyên nhân là sự trì trệ về kinh tế tạo ra sự sa sút nghiêm trọng của đời sống, làm mất lòng tin của đại đa số nhân dân vào CNXH.

Đối với lĩnh vực quân sự, ngày 2 tháng 8 năm 1990 các xe tăng của Irắc tiến vào Côoét mở đầu một cuộc khủng hoảng mới tại vùng Vịnh. Ngày 17 tháng 1 năm 1991, Mỹ, Pháp và một số đồng minh, được sự đồng ý của Liên Hợp Quốc đã thực hiện chiến dịch “Bão táp sa mạc”, mở đầu cuộc chiến 100 giờ giải phóng Côoét. Cuộc chiến tranh vùng Vịnh đã cho thấy thắng lợi của vũ khí hiện đại và trình độ khoa học kỹ thuật cao của Mỹ. Cùng thời gian này ở châu Á các NIEs đang đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Hàn Quốc, Thái Lan, Malaixia đều ở mức trên 8,1% cao hơn mức 7% của Trung Quốc.

Về chính trị, xã hội ở Trung Quốc, sau một thời gian cải cách, thực tế cho thấy việc xử lý mối quan hệ giữa kinh tế kế hoạch và kinh tế thị trường là một vấn đề không đơn giản, dễ gặp sai lầm. Những năm cuối thập kỷ 80, kinh tế Trung Quốc lại xuất hiện tình trạng mất cân đối, vật giá leo thang, nạn thất nghiệp tăng với các “chợ lao động” xuất hiện ở khắp các tỉnh, thành, lạm phát đã vượt quá 10%. Trong sinh hoạt hàng ngày của nhân dân, đã có những biểu

hiện không bình thường. Thí dụ hàng công nghiệp dư thừa nhưng nhu cầu sinh hoạt của nhân dân vẫn chưa được đáp ứng, nhất là tại khu vực nông thôn, sản lượng nông nghiệp tuy có tăng nhưng giá cả lại thấp nên ảnh hưởng đến sức mua của nông dân. Những vấn đề này tác động trực tiếp đến đời sống nhân dân Trung Quốc trong đó có học sinh, sinh viên. Bởi lẽ đa số họ vốn là con em nhân dân lao động ở nông thôn. Tại Bắc Kinh và nhiều thành phố khác đã xuất hiện các loại báo chữ to (đại tự báo) đòi dân chủ, điển hình là "Bức tường dân chủ Tây Đơn" với các cuộc tranh luận "hữu và tả", "vấn đề con người", "vấn đề chủ nghĩa Mác hết thời"... và đã có nhiều cuộc biểu tình của học sinh, sinh viên đòi đổi mới và dân chủ ở Trung Quốc. Sự việc lên đến cao điểm vào ngày 15 tháng 4 năm 1989 khi Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc thông báo Hồ Diệu Bang đột ngột từ trần. Tin này đã gây xúc động mạnh trong nhân dân, đặc biệt là học sinh sinh viên. Từ ngày 15 đến ngày 17 tháng 4 năm đó học sinh, sinh viên và nhân dân thuộc nhiều tầng lớp đã tiến hành các hoạt động thăm viếng, đặt vòng hoa tưởng niệm Hồ Diệu Bang với qui mô lớn tại nhà riêng và quảng trường Thiên An Môn. Sang ngày 18 lễ tưởng niệm đã chuyển thành biểu tình, bãi khóa, học sinh sinh viên đã đưa ra kiến nghị 6 điểm mà thực chất là thể hiện tư tưởng hoài nghi cải cách, không tin tưởng vào đường lối của Đảng và Nhà nước. Đặc biệt nghiêm trọng là ngày 22 tháng 4, sau lễ truy điệu do Chính phủ tổ chức, khoảng 200.000 sinh viên và quần chúng đã tuần hành thị uy, hô

khẩu hiệu chống Đặng Tiểu Bình, Triệu Tử Dương và cả Lý Bằng. Biểu tình không chỉ ở Bắc Kinh mà còn xảy ra ở nhiều thành phố khác như Tây An, Trường Sa... Đây chính là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến sự kiện Thiên An Môn mùa Hè năm 1989.

Điều này cũng phản ánh thực trạng mâu thuẫn trong nội bộ Đảng Cộng sản Trung Quốc. Nhận xét về sự kiện Thiên An Môn, Đặng Tiểu Bình đã nói: "Sở dĩ phong trào mang danh đòi tự do dân chủ này phát triển đến đỉnh cao như vậy là bởi vì trong Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Trung Quốc có hai Bộ tư lệnh, tức là trong Bộ Chính trị có một Bộ tư lệnh chỉ đạo phong trào này". Dương Thượng Côn cho rằng: Triệu Tử Dương là người độc đoán, làm công tác Đảng vì những mục đích cá nhân, coi thường sự lãnh đạo của Đảng, coi thường cả Bộ Chính trị và Thường vụ Bộ Chính trị. Trong Thường vụ Bộ Chính trị chỉ có mình đồng chí ấy có ý kiến ngược lại¹. Chính trong tình hình đó, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã họp Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 4 khoá XIII. Hội nghị đã thông qua "Báo cáo về sai lầm của đồng chí Triệu Tử Dương trong vụ bạo loạn chống Đảng, chống CNXH" và quyết định cách chức Tổng bí thư, Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Phó chủ tịch thứ nhất Quân uỷ Trung ương của Triệu Tử Dương. Hội nghị cũng đã đề

1. Tài liệu tham khảo đặc biệt ngày 9 tháng 6 năm 1989.

cử đồng chí Giang Trạch Dân giữ chức vụ Tổng bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng để tiếp tục thực hiện công cuộc cải cách mở cửa¹.

Về kinh tế, sự kiện Thiên An Môn nổ ra với ý nghĩa là một cuộc khủng hoảng chính trị, bởi nguyên nhân sâu xa bắt nguồn từ xu thế đòi dân chủ hoá. Tuy nhiên, còn một nguyên nhân không kém phần quan trọng đó là những khó khăn không dễ giải quyết của quá trình cải cách kinh tế. Sau một thời gian tiến hành cải cách mở cửa, kinh tế Trung Quốc đã có những thành tựu nổi bật. Trong thập kỷ 1980, nhịp độ phát triển kinh tế nhanh, với mức tăng GDP hàng năm đạt 8,9%, đến đầu năm 1987 Trung Quốc đã cơ bản hoàn thành mục tiêu đặt ra cho giai đoạn 1980-1990, với tổng giá trị sản lượng công nông nghiệp đạt 1510,4 tỷ NDT, tăng gấp 2 lần so với năm 1980. Tuy vậy, đến giai đoạn này cũng bắt đầu xuất hiện một số vấn đề như: trong những năm 1984-1988 các xí nghiệp hương trấn thu nạp 12.600.000 lao động nhưng đến 1989-1992 chỉ có thể thu nhận 2.600.000 người, một con số quá ít so với số lao động dư thừa hàng năm đạt đến 10.000.000 người. Về tốc độ tăng trưởng, năm 1990 GDP chỉ đạt mức 3,9% giảm đáng kể so với những năm trước mà nguyên nhân hàng đầu là hiệu quả kinh tế thấp của các doanh nghiệp nhà nước và khả năng phát huy vai trò chủ thể của các doanh nghiệp này trong nền kinh tế quốc dân. (Lúc này, Trung Quốc có

1. Nguyễn Huy Quý, sđd, tr. 267.

13.000 doanh nghiệp nhà nước qui mô lớn và vừa, tạo ra 46% tổng giá trị sản phẩm công nghiệp)¹. Thực tế cho thấy cải cách xí nghiệp quốc doanh còn trì trệ, nhiều xí nghiệp quốc doanh chưa tạo dựng được cơ chế kinh doanh phù hợp với thị trường, nhiệm vụ điều chỉnh kinh tế quốc doanh mang ý nghĩa chiến lược còn rất khó khăn. Điều này được Đặng Tiểu Bình nhắc đến trong chuyến "tuần du phương Nam" năm 1992: "Một bộ phận xí nghiệp nhà nước đổi mới, cải tạo không nhanh, sản phẩm cạnh tranh kém, tổn động nhiều, thua lỗ nghiêm trọng, nợ chồng chất, hiệu quả kinh tế kém, không những không tích lũy được cho Nhà nước mà còn phải dựa vào sự trợ giúp của Nhà nước". Do vậy một yêu cầu đặt ra lúc này là phải tiếp tục cải cách thể chế kinh tế. Nếu như Hội nghị Trung ương lần thứ 3 khoá XI với chủ trương cải cách mở cửa được coi là "lần giải phóng tư tưởng lần thứ nhất" thì lúc này cần phải tiến hành "giải phóng tư tưởng lần thứ hai", đưa Trung Quốc thoát khỏi quan niệm cho rằng kinh tế thị trường là đặc trưng của CNTB, kinh tế kế hoạch mới là đặc trưng của CNXH. Tinh thần chủ yếu của cải cách kinh tế trong giai đoạn mới này được thể hiện trong báo cáo chính trị Đại hội XIV: "Việc xác định mục tiêu cải cách thể chế kinh tế của nước ta là một vấn đề cực kỳ quan trọng, quan hệ tới toàn bộ công cuộc hiện đại hoá XHCN. Cốt lõi của vấn đề này là

1. Nhiều tác giả, *Trung Quốc thành tựu và triển vọng*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994, tr. 29.

nhận thức và xử lý một cách đúng đắn mối quan hệ giữa kế hoạch và thị trường"¹ (xem thêm phụ lục 5).

Hơn nữa, trong lúc toàn nhân loại sắp bước vào thế kỷ XXI thì một khái niệm mới - Kinh tế tri thức - đang dần được phổ biến trên thế giới. Nhiều chuyên gia cho rằng, nền kinh tế tri thức sẽ có diện mạo hoàn toàn mới mẻ trong thế kỷ tới, thay thế nền kinh tế công nghiệp đã chiếm vị trí thống trị kinh tế thế giới hơn 200 năm qua. Đó đều là những vấn đề nổi bật trên thế giới lúc bấy giờ, có ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình chính trị xã hội, làm cho nhiều quốc gia trong đó có Trung Quốc phải tiến hành điều chỉnh chính sách.

II. ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH GIÁO DỤC TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU XÂY DỰNG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG XHCN ĐẶC SẮC TRUNG QUỐC (1993-1997)

Những năm 1993 đến năm 1997 được coi là thời điểm bắt đầu xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN đặc sắc Trung Quốc. Lúc này trọng điểm của cải cách là mở rộng và phát triển thị trường, xây dựng chế độ xí nghiệp hiện đại, xây dựng hệ thống điều tiết vĩ mô mới. Tuy nhiên trong quá trình xây dựng và hiện đại hoá đất nước, dân số quá đông chính là gánh nặng của sự phát triển, là khó khăn lớn của

1. Tập hợp các văn kiện trọng yếu từ sau đại hội XIV. *Cương yếu cải cách và phát triển giáo dục nước CHND Trung Hoa*. Nhà xuất bản Nhân dân, Bắc Kinh, 1996, tr. 18 (tiếng Trung).

Trung Quốc. Muốn khắc phục được điều này, Trung Quốc phải dốc sức phát triển giáo dục. Giáo dục không đi lên được thì không thể nói đến việc đón nhận những thách thức của nền kinh tế trong tương lai mà thậm chí còn làm cho nền kinh tế lạc hậu hơn. Vì thế, cùng với cải cách kinh tế, chính trị, Trung Quốc chủ trương đẩy mạnh cải cách đồng bộ khoa học giáo dục.

1/ Một số chính sách chủ yếu để đẩy mạnh cải cách giáo dục trong những năm 1993-1997

Nghị quyết của Đại hội XIV Đảng Cộng sản Trung Quốc (tháng 10 năm 1992), với những chủ trương chính sách quan trọng đã mở đầu cho giai đoạn mới của cải cách mở cửa ở Trung Quốc. Về phát triển giáo dục, Báo cáo Chính trị do Chủ tịch Giang Trạch Dân trình bày xác định rõ:

Khoa học tiến bộ, kinh tế phồn vinh và xã hội phát triển, về căn bản được quyết định bởi chất lượng lao động và vấn đề đặt ra trước mắt là phải bồi dưỡng được một lượng lớn nhân tài. Trung Quốc phải dốc sức phát triển giáo dục, phải đặt sự nghiệp giáo dục vào vị trí chiến lược và ưu tiên phát triển trong nền kinh tế quốc dân. Hy vọng chấn hưng đất nước đặt vào giáo dục. Chỉ có giáo dục mới có thể nâng cao được tố chất con người và đào tạo ra những người lao động hiện đại mới.

Trên cơ sở nhiệm vụ được đưa ra trong Báo cáo Chính trị, với sự chỉ đạo của những lý luận mới về nhiệm vụ cải

cách và xây dựng chủ yếu được đặt ra cho những năm cuối thế kỷ, quán triệt quan điểm *"Muốn phát triển nhanh nền kinh tế đất nước, cần phải dựa vào khoa học và giáo dục, phải trọng thị giáo dục, tôn trọng tri thức, tôn trọng nhân tài, làm nhiều hành động thiết thực đẩy mạnh phát triển sự nghiệp giáo dục và khoa học của đất nước"* đã được Đảng Tiểu Bình phát biểu tại các địa phương phía Nam, Ủy ban Giáo dục Nhà nước phối hợp với các cơ quan hữu quan và các Bộ chức năng chuẩn bị văn kiện "Cương yếu về cải cách và phát triển giáo dục Trung Quốc" (gọi tắt là "Cương yếu"). Được sự đồng ý của Trung ương Đảng và Quốc vụ viện, ngày 13 tháng 2 năm 1993 bản "Cương yếu" được công bố. "Cương yếu" đã xác lập rõ mục tiêu cụ thể trong những năm 90: ưu tiên phát triển giáo dục là nhiệm vụ chiến lược, ra sức nâng cao tư tưởng đạo đức và trình độ văn hoá cho toàn dân tộc, thực hiện nhiệm vụ cơ bản hiện đại hoá đất nước, trong đó trọng tâm của trọng tâm là *cơ bản phổ cập giáo dục nghĩa vụ 9 năm trên toàn quốc, cơ bản thanh toán nạn mù chữ trong tầng lớp tráng niên* gọi tắt là "hai cơ bản", nỗ lực phát triển giáo dục kỹ thuật hướng nghiệp và giáo dục người trưởng thành, chú ý phát triển giáo dục đại học và cao đẳng cả về nội dung và hình thức (xem thêm phụ lục 5). Qua thực tế của các giai đoạn trước, vai trò của công tác nghiên cứu khoa học giáo dục là rất cần thiết, vì vậy trong "Cương yếu" phân nhiệm vụ của các địa phương ghi rõ: "Tăng cường thực nghiệm và nghiên cứu lý luận phát triển giáo dục và cải cách giáo dục. Chính quyền

và các cơ quan hành chính quản lý giáo dục ở các cấp phải xác định đúng đắn vị trí vô cùng trọng yếu của công tác quản lý và nghiên cứu khoa học giáo dục".

Ủy ban Giáo dục Nhà nước còn đưa ra chủ trương cải cách thể chế giáo dục phải áp dụng đồng bộ, theo phương châm thúc đẩy từng bước. Chính phủ hoàn toàn chịu trách nhiệm về công tác dạy và học, từng bước thiết lập cơ chế Chính phủ là một chủ thể, tạo điều kiện để các tổ chức xã hội cũng có thể tham gia vào nhiệm vụ quan trọng này. Trước mắt cải cách quan trọng là điều chỉnh kết cấu giáo dục sau tiểu học, sau sơ trung, sau cao trung ở ngành giáo dục phổ thông, song song với nỗ lực phát triển giáo dục hướng nghiệp và giáo dục người trưởng thành. Tiếp tục tiến hành cải cách thể chế giáo dục ở đại học và cao đẳng, hoàn thiện thể chế phân cấp dạy và học cũng như phân cấp quản lý. Trong cơ chế quản lý, Trung Quốc chú trọng sự liên hệ giữa Trung ương và địa phương, giữa Ủy ban Giáo dục và các ngành nghiệp vụ, từ đó từng bước xây dựng thể chế quản lý của Chính phủ và các lực lượng xã hội một cách hợp lý. Ngoài ra, xuất phát từ nhiệm vụ trọng tâm là nâng cao trình độ quốc dân, các cơ quan quản lý giáo dục ở địa phương tùy theo tình hình, sử dụng các biện pháp thích hợp để thực hiện tốt nhất mục đích đề ra. Đối với các tỉnh và khu tự trị khu vực biên giới vấn đề phổ cập giáo dục nghĩa vụ 9 năm cho 20% dân số ở vùng biên xa xôi, hẻo lánh đã được chú ý hơn nhằm tạo cho nhân dân có điều kiện

tiếp thu nền văn hoá mới, nâng cao đời sống cả về vật chất và tinh thần.

Do vai trò quan trọng của "Cương yếu" đối với công cuộc cải cách trong những năm cuối thế kỷ nên trong suốt nửa cuối năm 1993, Ủy ban Giáo dục dành phần lớn thời gian chuẩn bị các ý kiến chỉ đạo thực hiện. Sau một số cuộc hội nghị trao đổi và trưng cầu ý kiến, Quốc vụ viện phê chuẩn và công bố "Chỉ thị thực hiện Cương yếu" gồm 28 điều, trong đó được phân làm 4 phần là phát triển giáo dục, cải cách giáo dục, điều kiện đảm bảo và tăng cường lãnh đạo đối với công tác giáo dục. Sau khi có "Chỉ thị thực hiện cương yếu", để đảm bảo cho việc thực hiện nghiêm túc và thống nhất trong toàn quốc, từ ngày 14 đến ngày 17 tháng 6 năm 1994, Trung ương Đảng, Quốc vụ viện đã triệu tập hội nghị công tác giáo dục toàn quốc, triển khai thực hiện. Các nhà lãnh đạo cao nhất của Đảng và Chính phủ đều tham dự và phát biểu ý kiến chỉ đạo¹. Trong bài phát biểu, Thủ tướng Lý Bằng đã chỉ rõ từ khi tiến hành cải cách mở cửa đến nay, đây là lần thứ hai Quốc vụ viện tổ chức hội nghị về công tác giáo dục và cũng là hội nghị trọng yếu bởi lẽ đây là hội nghị nhằm mục đích quán triệt động viên toàn đảng toàn dân thực hiện "Cương yếu phát triển và cải cách giáo dục Trung Quốc", nghiên cứu và quyết định những nhiệm vụ chủ yếu của cải cách và phát triển giáo dục trong thập niên

1. Kim Nhất Minh chủ biên. *Quỹ đạo giáo dục XHCN ở Trung Quốc*. Nxb Đại học Sư phạm Hoa Đông Thượng Hải, năm 2000, tr. 464 (tiếng Trung).

90 và nhiệm vụ chiến lược của giáo dục trong công cuộc xây dựng CNXH trong tương lai. Hội nghị lần này đối với giáo dục, có thể coi là hội nghị mở đầu cho bước thứ hai của thời kỳ cải cách giáo dục.

Để đáp ứng yêu cầu cải cách và phát triển sự nghiệp giáo dục nhất là giáo dục cơ sở, đẩy mạnh công cuộc xây dựng văn minh vật chất và văn minh tinh thần XHCN, căn cứ vào Hiến pháp và tình hình thực tế của Trung Quốc, ngày 18 tháng 3 năm 1995 Hội nghị lần thứ ba của Đại hội đại biểu Nhân dân toàn quốc lần thứ VIII đã thông qua “Luật giáo dục nước CHND Trung Hoa” và được công bố tại Lệnh số 45 của Chủ tịch nước. “Luật giáo dục nước CHND Trung Hoa” bao gồm 10 chương 84 điều qui định: Giáo dục tiếp tục phục vụ sự nghiệp xây dựng và hiện đại hoá XHCN, tiếp tục bồi dưỡng đào tạo những lớp người của thế hệ tương lai có đầy đủ đức, trí, thể, mỹ phát triển toàn diện về mọi mặt. Đây chính là lực lượng sản xuất tiên tiến để xây dựng CNXH... Nhà nước ủng hộ, cổ vũ và tổ chức nghiên cứu khoa học giáo dục, phổ biến rộng rãi các thành tựu nghiên cứu khoa học giáo dục, ưu tiên phát triển sự nghiệp giáo dục, nỗ lực nâng cao chất lượng giáo dục phục vụ cho sự nghiệp hiện đại hoá XHCN (xem thêm phụ lục 3).

Luật cũng xác định, giáo dục cần phải quán triệt phương châm ra sức nâng cao chất lượng làm cho học sinh phát triển toàn diện, góp phần nâng cao chất lượng của toàn dân tộc, ổn định đào tạo nhân tài để xây dựng đất nước. Nhà

nước căn cứ vào yêu cầu và đặc điểm của tình hình phát triển kinh tế ở khu vực thành thị, nông thôn và nhất là ở vùng dân tộc thiểu số để có những biện pháp thích hợp phát triển sự nghiệp giáo dục ở từng khu vực. Đặc biệt trong điều kiện toàn dân nỗ lực xây dựng nền kinh tế thị trường XHCN đặc sắc Trung Quốc, do những yêu cầu của xã hội đặt ra trong quá trình phát triển cần phải động viên các cấp, các ngành cùng góp sức xây dựng để phát triển cải cách và hoàn thiện thể chế giáo dục. Cùng với "Cương yếu về cải cách và phát triển giáo dục Trung Quốc", việc công bố "Luật giáo dục nước CHND Trung Hoa", bộ luật trọng yếu cho sự phát triển của giáo dục vào thời gian này chính là những điều kiện thuận lợi thúc đẩy sự nghiệp cải cách giáo dục bước sang giai đoạn mới.

Nhằm mục đích kiểm tra giám sát toàn diện quá trình cải cách và thực hiện Luật ở các địa phương, Ủy ban Giáo dục tổ chức lại Đoàn thanh tra giáo dục và đổi tên thành Văn phòng Đoàn thanh tra giáo dục. Các nhiệm vụ không hoàn toàn thuộc công tác thanh tra như đào tạo, bồi dưỡng cán bộ... được giảm bỏ, trong công tác hàng ngày, Văn phòng chỉ phụ trách công tác thanh tra, đánh giá.

2/ Cải cách giáo dục sư phạm và giáo trình dạy học

Đối với quá trình cải cách giáo dục sư phạm, "Cương yếu về cải cách và phát triển giáo dục Trung Quốc" đặc biệt nhấn mạnh: *Muốn phục hưng dân tộc phải dựa vào giáo*

dục mà muốn phục hưng giáo dục phải dựa vào đội ngũ giáo viên. Quan tâm và chú ý đến đội ngũ giáo viên là một quan điểm hoàn toàn đúng đắn và phù hợp bởi chính giáo viên là những người chịu trách nhiệm trực tiếp về sự thành bại của công tác giáo dục. Vốn là một quốc gia có truyền thống giáo dục lâu đời, tư tưởng tôn sư trọng đạo thấm sâu trong nhân dân chính vì thế những người làm công tác quản lý giáo dục ý thức rất rõ vai trò của giáo viên. Do vậy, ngay từ khi bắt đầu bước sang giai đoạn mới của quá trình cải cách, ngày 30 tháng 10 năm 1993 Trung Quốc đã cho ban hành Luật giáo viên của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, đây là bộ luật thứ hai được ban hành sau Luật giáo dục nghĩa vụ của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa (đã được ban hành từ ngày 12 tháng 4 năm 1986). Toàn bộ Luật giáo viên bao gồm 9 chương 43 điều qui định rõ về quyền lợi, nghĩa vụ cũng như yêu cầu về trình độ, chế độ học tập, đào tạo và bồi dưỡng đối với giáo viên các cấp.

Đối với chế độ giảng dạy tại các nhà trường, Trung Quốc cũng tập trung xem xét lại những kinh nghiệm đã thu được trong thời gian trước đây để đưa ra được những quyết định phù hợp với quá trình cải cách. Thí dụ từ năm 1959, Trung Quốc đã chú ý xây dựng các trường được gọi là trường điểm, với quan điểm của Thủ tướng Chu Ân Lai: "Trong các trường học thì một nhiệm vụ thường xuyên vô cùng quan trọng là nâng cao chất lượng dạy học. Chúng ta phải tập trung hơn nữa vào các trường điểm để các trường

này có thể đào tạo các chuyên gia có chất lượng tốt cho đất nước". Cùng với việc xây dựng trường điểm là việc xây dựng đội ngũ giáo viên mạnh cho các trường điểm. Vào thời điểm này các nhà quản lý giáo dục cho rằng nếu so sánh một cách tương đối thì các trường điểm phải có đội ngũ giáo viên tốt hơn các nơi khác. Vì vậy, vấn đề là phải bằng mọi cách củng cố tập thể giáo viên ở các trường điểm trở thành tập thể giáo viên mạnh cả về số lượng và chất lượng, giúp họ hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được giao phó. Phải làm cho đội ngũ giáo viên này trở thành những tập thể tiêu biểu cho các trường khác học tập.

Ngoài việc chú ý xây dựng đội ngũ giáo viên ở các trường điểm, các nhà quản lý giáo dục Trung Quốc cũng nhận thấy muốn có một đội ngũ giáo viên tốt việc đầu tiên cần phải xây dựng và tiến hành cải cách tốt ở các trường sư phạm. Một trong những biện pháp ban đầu là phân cấp quản lý đối với các trường này. Theo qui định phân cấp mới, Ủy ban Giáo dục Nhà nước chỉ quản lý các trường đại học sư phạm, các tỉnh và các thành phố được giao quản lý các học viện sư phạm và các cấp thấp hơn, nhưng phải đặt dưới sự kiểm tra, giám sát thường xuyên của Ủy ban Giáo dục. Bước vào những năm đầu của thập niên 90, theo thống kê, Trung Quốc có 241 trường đại học và cao đẳng sư phạm, mỗi năm chiêu sinh khoảng 586.000 học viên, có 894 trường trung cấp sư phạm, trong đó có 67 trường sư phạm mẫu giáo, hàng năm chiêu sinh 783.000 học viên, có 47.000

giáo sinh sư phạm mẫu giáo. Số học viện giáo dục có 245, chiêu sinh khoảng 230.000 học viên và còn 2.065 lớp tiến tu sư phạm mỗi năm chiêu sinh 501.000 học viên...¹. Ngoài ra còn phải kể đến 1,2 triệu giáo viên trung học và tiểu học chưa qua giáo dục sư phạm chính qui, đang tự đào tạo giáo dục sư phạm trung học và cao đẳng thông qua truyền hình. Như vậy, nếu so với yêu cầu của nhiệm vụ giảng dạy và đào tạo trong giai đoạn này, đội ngũ giáo viên vẫn thiếu về số lượng và cũng chưa hoàn toàn đảm bảo về chất lượng.

Để tăng cường số lượng, chính quyền các cấp cùng với các cơ quan hành chính giáo dục đã sử dụng nhiều biện pháp tích cực để động viên cổ vũ học sinh trung học sau khi tốt nghiệp ghi tên dự thi vào các trường sư phạm. Có biện pháp động viên khích lệ và ưu tiên tuyển sinh, nhất là những học sinh ở vùng miền Tây, vùng nông thôn và biên giới. Trong kế hoạch 5 năm lần thứ VII (1986-1990), ngoài kinh phí cấp bình thường theo kế hoạch, Nhà nước còn ưu tiên bổ sung ngoài kế hoạch 1,3 tỷ NDT cho giáo dục sư phạm. Đến kế hoạch 5 năm lần thứ VIII (1991-1995) Nhà nước tiếp tục cấp ngoài kế hoạch cho giáo dục sư phạm 0,8 tỷ NDT. Đồng thời, tích cực thu hút đầu tư, trong đó có kế hoạch sử dụng 210 triệu USD của Ngân hàng thế giới để cải tạo và trang thiết bị cho 50 học viện, 106 trường sư phạm và 62 học viện giáo dục. Dùng 20 triệu USD của Quỹ nhi đồng

1. Quách Phúc Xương, Ngô Đức Cương chủ biên, sđd, tr. 393.

Liên Hợp Quốc để cải tạo và trang thiết bị cho 201 trường trung cấp sư phạm, trong đó có cả các trường sư phạm mẫu giáo và sư phạm đặc biệt¹.

Đối với việc nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, sau hai năm thực hiện Luật giáo viên của nước CHND Trung Hoa, để tạo điều kiện cho chính quyền các cấp có thể quan tâm hơn nữa đến đội ngũ giáo viên, đồng thời nhằm mục đích bổ sung những vấn đề còn chưa thật thỏa đáng đối với giáo viên các cấp, đặc biệt là những giáo viên có thâm niên kinh nghiệm giảng dạy, ngày 22 tháng 12 năm 1995 Quốc vụ viện phê chuẩn và sau đó Ủy ban Giáo dục Nhà nước công bố Điều lệ thâm niên dạy học nước CHND Trung Hoa. Với 9 chương 23 điều, Điều lệ đã đưa ra những qui định cụ thể về phân loại, sử dụng, kiểm tra và xác định thâm niên dạy học đối với giáo viên các cấp. Đối với các giáo viên có thâm niên công tác cao, có kinh nghiệm giảng dạy, các cơ quan giáo dục trong điều kiện có thể đã quan tâm tới quyền lợi của họ. Điều này thể hiện ở các biện pháp và những chế độ cần thiết để nâng cao đời sống, giải quyết khó khăn trong sinh hoạt giúp họ yên tâm tập trung vào việc viết sách và đào tạo các giáo viên trẻ. Sau đó, căn cứ vào tình hình thực hiện cải cách và báo cáo từ thực tế của các địa phương, Trung Quốc lần lượt cho ban hành: Điều lệ giáo dục sư phạm, Điều lệ chức vụ giáo viên, Các biện pháp kiểm tra giáo viên, Các biện pháp thỉnh giảng giáo viên... Đây là

1. Quách Phúc Xương, Ngô Đức Cương chủ biên, sđd, tr. 393.

những qui định đồng bộ đi kèm với Luật giáo viên để các địa phương căn cứ vào đó thực hiện. Mặt khác, các nhà quản lý giáo dục cũng nhận thấy, để đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục trong giai đoạn mới, ngoài việc tăng cường số lượng, chất lượng còn phải chú trọng nâng cao đời sống cho giáo viên. Theo thống kê của Ủy ban Giáo dục nhà nước Trung Quốc, từ năm 1992 đến năm 1996 cả nước đã đầu tư 45,6 tỷ NDT cho xây dựng nhà ở với mục đích góp phần nâng cao điều kiện sinh hoạt cho những người làm công tác giảng dạy. Diện tích xây dựng mới này vào khoảng 76,78 triệu m² và khi đưa vào sử dụng đã làm tăng bình quân đầu người về nhà ở của giáo viên từ 6,6 m² cuối năm 1992 lên 8,4 m² cuối năm 1996¹. Ngoài cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên còn được quan tâm nâng cao đời sống tinh thần và địa vị chính trị. Để có đội ngũ giáo viên “vừa hồng vừa chuyên” các đơn vị giáo dục đã chú ý phát triển Đảng trong lực lượng giáo viên. Vì một số lượng lớn giáo viên đã được thử thách và rèn luyện trong nhiều năm, được đánh giá tốt, đủ tiêu chuẩn, cần được kết nạp đúng lúc.

Trong các văn bản điều lệ mới được ban hành, đáng chú ý là các qui định về việc mời giáo viên thỉnh giảng. Đây có thể coi là một cải cách trong giảng dạy ở các trường đại học. Theo qui định này, các nhà trường trong tình hình cụ thể có thể mời các nhà chuyên môn hoặc các học giả ở Viện khoa học hoặc các nơi khác tới giảng dạy và khuyến khích

1. Bản tin Trung Quốc tháng 1 năm 1998.

việc trao đổi bài giảng và giáo viên giữa các trường. Qui định này mở ra một thuận lợi mới cho việc nâng cao năng lực giáo viên cũng như tăng cường chất lượng bài giảng, phục vụ nhu cầu học tập, tiếp thu kiến thức mới của sinh viên.

Đối với giáo viên ở các cấp thấp, nhất là giáo viên trung học cơ sở và tiểu học, trong một thời gian dài địa vị xã hội cũng như địa vị chính trị chưa được đánh giá đúng mức. Về kinh tế, mức thu nhập của họ cũng quá thấp không đủ chi phí cho cuộc sống nên khó có thể bàn đến chất lượng dạy học. Do vậy một trong những yêu cầu bức thiết là nâng cao địa vị cho giáo viên bao gồm: nâng cao tiền lương, giải quyết nhà ở, thu nhập cùng với nâng cao địa vị chính trị, xã hội của họ. Trong một thời gian ngắn, đối với đội ngũ giáo viên phổ thông và nhất là giáo viên ở vùng nông thôn mục tiêu đề ra không chỉ tăng đủ về số lượng, đạt chuẩn về chất lượng mà còn cần phải ổn định, chỉ khi đạt được cả ba yêu cầu đó mới có thể đảm bảo tốt nhất việc thực hiện giáo dục nghĩa vụ và nâng cao trình độ giáo dục cơ sở. Vì vậy, Ủy ban Giáo dục Nhà nước yêu cầu các cơ quan quản lý ở các địa phương căn cứ vào điều kiện cụ thể, chủ động sáng tạo để ra những biện pháp đãi ngộ hợp lý, kể cả với giáo viên mầm non.

Cùng với những chế độ trên, cơ quan quản lý giáo dục ở rất nhiều địa phương còn căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương mình để tiến hành bồi dưỡng, sát hạch nghiêm túc đội ngũ giáo viên hiện có. Một biện pháp được nhiều cơ

sở áp dụng là cổ vũ giáo viên kết hợp chặt chẽ giữa quá trình dạy học với tự học theo các chuyên đề hàm thụ trên vô tuyến và dạy lẫn nhau. Biện pháp này thực chất là bồi dưỡng giáo viên tại chức, được sử dụng như biện pháp chiến lược của việc phát triển giáo dục nói chung và phát triển giáo dục sư phạm nói riêng ở các địa phương. Trong điều kiện cho phép, các châu, huyện còn tận dụng các cơ sở và phương tiện hiện có mở các trường bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên sơ trung và tiểu học. Các trường trong địa bàn tự phân nhóm giáo viên, phối hợp thời gian hình thành các lớp bồi dưỡng. Giáo viên giảng dạy tại các lớp này được huy động, tuyển chọn từ một số giáo viên đại học, sinh viên đại học có năng lực, một số cán bộ nghiên cứu, một số cán bộ đủ tiêu chuẩn của các cơ quan Đảng, chính quyền tham gia.

Ủy ban Giáo dục Nhà nước đã đặt ra kế hoạch trong thời gian 5 năm hoặc hơn một chút phải làm cho tuyệt đại đa số giáo viên có thể đảm nhiệm tốt công việc của mình. Để đảm bảo thực hiện mục tiêu đó, Ủy ban cho tiến hành biên soạn và phát hành các loại sách tham khảo dành cho giáo viên, đồng thời phục hồi hệ thống kiểm tra định kỳ đối với giáo viên. Ngoài ra trong Điều lệ giáo dục sư phạm, Điều lệ chức vụ giáo viên còn qui định chỉ có những giáo viên đủ chuẩn, có quá trình dạy học và có chứng nhận đã qua sát hạch đủ chuẩn mới được đứng lớp. Bất kỳ cơ quan, đơn vị nào cũng không được phép điều các giáo viên trung

học, tiểu học đủ chuẩn đi làm công tác khác. Sau một số năm thực hiện, đầu năm 1996 Trung Quốc tổ chức hội nghị về công tác giáo dục sư phạm nhằm kiểm điểm lại kết quả và những tồn tại cụ thể để xác định những phương hướng trọng yếu cho sự phát triển và cải cách của công tác giáo dục sư phạm trên phạm vi toàn quốc hướng tới thế kỷ XXI.

Đối với sách giáo khoa và giáo trình dạy học, các nhà nghiên cứu giáo dục Trung Quốc cũng nhận thấy trong thời gian qua chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của dạy và học trong giai đoạn mới. Nhiều tài liệu, giáo trình tuy không thuộc những môn học cơ bản, môn học đại cương nhưng vẫn không có cải cách, bổ sung những kiến thức mới nhằm thoả mãn nhu cầu của cả người dạy và người học. Vì vậy, năm 1995 Ủy ban Giáo dục Nhà nước đưa ra "Kế hoạch cải cách nội dung đào tạo và hệ thống giáo khoa, giáo trình hướng tới thế kỷ XXI", trong đó đặc biệt chú trọng triển khai việc xây dựng chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Một trong các mục tiêu của kế hoạch là đến cuối thế kỷ biên soạn và xuất bản 300 đến 500 đầu sách. Về quản lý, trong năm 1996 hoàn thành đánh giá với 108 trường đại học và tiến tới hoàn thành việc đánh giá với tất cả các trường mới thành lập¹. Việc đánh giá được tiến hành toàn diện từ khâu quản lý, dạy, học trong đó bao gồm cả chương trình, giáo trình... Những môn học mà sách giáo khoa, giáo trình

1. Bản tin Trung Quốc tháng 6 năm 1996.

chưa đạt yêu cầu nhất thiết phải cho tiến hành biên soạn bổ sung kịp thời. Kế hoạch cải cách được phân thành nhiều vòng thực hiện, có giai đoạn thực hiện thí điểm và rút kinh nghiệm, sau đó mới tiến hành nhân rộng kết quả. Vòng thực hiện thí điểm bắt đầu ngay từ năm 1997 ở hai tỉnh Giang Tây, Sơn Tây và thành phố Thiên Tân (gọi tắt là 2 tỉnh 1 thị).

Thực chất những biện pháp cải cách lần này phù hợp với lòng dân và tình hình của Trung Quốc, huy động được tính tích cực của chính quyền địa phương các cấp, chủ yếu là huyện, xã trong việc giáo dục và giáo dục lại. Giáo dục cơ sở được coi trọng, giáo viên trung tiểu học đặc biệt là giáo viên dân lập được đãi ngộ cao hơn, điều kiện dạy học ở bậc trung, tiểu học được cải thiện một bước.

3/ Cải cách giáo dục phổ thông, chú trọng giáo dục toàn diện

Bước vào giai đoạn mới, các nhà lãnh đạo cũng như quản lý giáo dục Trung Quốc đều nhận thấy cải cách giáo dục phổ thông là một nhiệm vụ quan trọng. Từ thực tế của Trung Quốc, thế hệ học sinh phổ thông của thập niên 1990 là thế hệ được sinh ra khi chính sách quản lý dân số đã đi vào nền nếp, mỗi gia đình chỉ được phép có một con, không kể là trai hay gái. Chính sách một con giúp cho học sinh có điều kiện sinh hoạt và học tập tốt hơn nhưng cũng đưa lại cho xã hội một số vấn đề cần phải giải quyết. Lúc này ở rất

hiều nơi đặc biệt là các thành phố và vùng duyên hải có nền kinh tế phát triển khá đã bắt đầu hình thành một mẫu gia đình 4.2.1 tức là 4 ông bà, 2 bố mẹ nhưng chỉ có 1 trẻ em. Thế hệ trẻ em này càng ngày càng đông và người dân Trung Quốc gọi là những "tiểu hoàng đế", "tiểu công chúa". Trong khi đó, để xây dựng Trung Quốc trở thành một nước giàu mạnh, dân chủ, văn minh, XHCN, đòi hỏi phải có sự cố gắng không mệt mỏi của nhiều thế hệ trong đó có cả những "tiểu hoàng đế", "tiểu công chúa". Vì vậy, nhiệm vụ của giáo dục phổ thông không chỉ đơn thuần là truyền thụ những kiến thức văn hoá, khoa học kỹ thuật mà còn phải giáo dục đạo đức, lối sống, xây dựng con người mới XHCN cho thế hệ này. Hiện tại, họ chỉ biết đòi hỏi, hưởng thụ và đã đòi hỏi là được đáp ứng. Trên thực tế ngay cả tự phục vụ bản thân nhiều học sinh thế hệ này cũng không biết làm. Do đó ngoài cải cách nội dung của các môn văn hoá, khoa học, để đáp ứng nhu cầu truyền thụ và tiếp thu kiến thức mới của cả người dạy và người học, trong chương trình học tập việc giáo dục quan điểm lao động, thói quen lao động, đức tính cần cù tiết kiệm và tinh thần chịu đựng gian khổ, thật thà, chất phác cho học sinh là một yêu cầu bức thiết. Phải thực sự khắc phục hiện tượng coi nhẹ giáo dục lao động đang tồn tại ở thế hệ học sinh phổ thông trong giai đoạn này. Bắt đầu từ việc khuyến khích học sinh tiểu học tham gia lao động bằng cách tự phục vụ và dần tiến tới tham gia những công việc lao động trong gia đình phù hợp với sức của mình. Coi việc lao động và giáo dục kỹ thuật lao động là một nội dung

quan trọng của việc giáo dục ở bậc phổ thông. Vì vậy, giáo dục kỹ thuật lao động đã được đưa vào kế hoạch học tập như học văn hoá, khoa học và có tiến hành kiểm tra đánh giá. Các trường còn khuyến khích giáo viên ưu tú đảm nhận việc giảng dạy đạo đức và lao động vì giáo viên phải là tấm gương cho học sinh cũng như các đối tượng khác noi theo.

Để chỉ đạo nhiệm vụ cải cách trên toàn Trung Quốc, tháng 3 năm 1993 Ủy ban Giáo dục Nhà nước cho công bố "Cương yếu đức dục tiểu học" và quyết định sau khi khai giảng năm học mới toàn bộ các trường tiểu học sẽ thực hiện. Tiếp đó năm 1994, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc công bố "Một số ý kiến về cải tiến và tăng cường hơn nữa công tác giáo dục đức dục trong nhà trường" và đưa ra đề nghị 25 điều về mục đích và nhiệm vụ của công tác giáo dục đức dục tại các nhà trường trong thời kỳ mới. Đáng chú ý là trong chỉ thị này đã đưa ra quan điểm "Kế hoạch lớn trăm năm, giáo dục là gốc", trong mọi công tác phải hết sức coi trọng công tác giáo dục, trong công tác giáo dục phải hết sức coi trọng công tác giáo dục học sinh phổ thông, trong công tác giáo dục học sinh phổ thông phải hết sức coi trọng công tác đức dục.

Trên tinh thần của chỉ thị, các nhà lãnh đạo và quản lý giáo dục xác định rõ ràng học sinh phổ thông hôm nay là đội quân chủ lực xây dựng CNXH của thế kỷ XXI. Tình hình tư tưởng, đạo đức và chất lượng văn hoá, khoa học của họ không những là một trong những biểu hiện quan trọng

của trình độ văn minh xã hội hiện tại mà còn có ảnh hưởng quyết định tới diện mạo của xã hội và tinh thần dân tộc trong tương lai. Vì vậy, ngay từ bậc học phổ thông, nhà trường đã chú ý giáo dục bồi dưỡng để học sinh thoát ra khỏi tư duy giáo dục truyền thống là quá thiên về học thuật, học làm sao để kết quả cao, để được lên lớp, đồng thời quan tâm rèn luyện họ trở thành những người công dân tốt, yêu nước, có lý tưởng, có đạo đức XHCN, có văn hoá, có kỷ luật, học phải gắn với hành, có thói quen thực hiện các hành vi văn minh và tôn trọng kỷ luật pháp luật, có ý thức phục vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương và đất nước trong tương lai. Việc giáo dục ngay từ những lớp nhỏ nhất cũng đã được chú ý thực hiện theo quan điểm hướng ra thế giới, hướng tới tương lai, hướng tới hiện đại hoá. Vì thế, ngay từ nhỏ học sinh đã được bồi dưỡng quan niệm coi trọng chất lượng và hiệu quả, có chí tiến thủ, trung thành với chức trách được giao và thích ứng với nền sản xuất hiện đại hoá phát triển. Trên cơ sở đó giáo viên hướng dẫn họ từng bước hình thành thế giới quan khoa học để một bộ phận ưu tú trong số họ sau này trở thành những người cộng sản kiên định.

Tháng 6 năm 1994 tại Hội nghị công tác giáo dục toàn quốc, Quốc vụ viện phê chuẩn và công bố chỉ thị "Thực hiện Cương yếu phát triển và cải cách giáo dục Trung Quốc". Chỉ thị qui định tiến độ và các giai đoạn, các bước đi cụ thể để thực hiện tốt nhất "Cương yếu". Trong đó, đáng

chú ý là những biện pháp tiến hành cải cách sâu sắc và triệt để đối với giáo dục bậc trung cấp và trung học trở xuống, tiếp tục hoàn thiện thể chế phân cấp dạy và học, cũng như phân cấp quản lý ở bậc phổ thông. Chỉ thị cũng yêu cầu các cơ quan hành chính, quản lý giáo dục kiên quyết sửa chữa khuynh hướng phiến diện, chạy theo tỷ lệ lên lớp, ngăn chặn cách làm sai lầm trong việc áp đặt chỉ tiêu lên lớp cho nhà trường của một số cơ quan lãnh đạo. Để đảm bảo thực hiện yêu cầu này, Ủy ban Giáo dục Nhà nước tổ chức soạn thảo "Cương yếu học tập tư tưởng giáo dục của Đảng Tiểu Bình" nhằm thúc đẩy phát triển hơn nữa việc học tập lý luận Đảng Tiểu Bình trong các trường học. Tháng 8 năm 1995, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc soạn thảo và công bố "Cương yếu thực hiện giáo dục chủ nghĩa yêu nước". Qua đó có thể thấy trong giai đoạn này một trong những cải cách quan trọng nhất của quá trình dạy và học ở bậc phổ thông là công tác giáo dục bồi dưỡng quan điểm đạo đức, nhận thức chính trị xã hội đúng đắn cho học sinh ngay cả ở bậc học thấp.

Sau một số năm thực hiện cải cách dạy và học ở bậc phổ thông, tháng 2 năm 1997 Ủy ban Giáo dục Nhà nước triệu tập hội nghị toàn quốc để tổng kết, giao lưu, trao đổi rút kinh nghiệm đối với công tác cải cách nâng cao chất lượng giáo dục. Với tinh thần chỉ đạo của Ủy ban, các đại biểu đã thảo luận và trao đổi về kinh nghiệm của hai địa phương tiêu biểu là Mịch La (tỉnh Hồ Nam) và Yên Đài

(tỉnh Sơn Đông). Trên cơ sở trao đổi và liên hệ với thực tế xảy ra ở từng địa phương, Hội nghị đã nhất trí cần phải nhân rộng kinh nghiệm của hai địa phương trên để các nơi học tập và nghiên cứu thực hiện. Cũng tại Hội nghị này, Ủy ban Giáo dục Nhà nước công bố kết quả 7 năm thực hiện chương trình vận động mang tên "công trình hy vọng", quyền góp tiền trong cả nước để viện trợ xây dựng các trường tiểu học ở những vùng khó khăn. "Công trình hy vọng" đã nhận được tổng cộng 978 triệu NDT, giúp xây dựng 3.634 trường tiểu học mang tên Hy vọng, tài trợ cho 1.549.000 trẻ em thất học. Qua đó khuyến khích các địa phương tiếp tục vận động ủng hộ chương trình¹.

4/ Cải cách giáo dục đại học, thực hiện chế độ trách nhiệm

Bước sang những năm đầu của thập niên 90, giáo dục đại học và cao đẳng đã có sự phát triển tương đối nhanh trên qui mô tổng thể cũng như trong cải cách thể chế. Đã có những đổi mới cơ cấu trong toàn hệ thống giáo dục đại học: cơ cấu trình độ, cơ cấu loại hình, cơ cấu vùng miền, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu xã hội, cơ cấu quản lý.... phù hợp với nhu cầu đòi hỏi của phát triển kinh tế xã hội ở các địa phương và trên toàn Trung Quốc. Quá trình đổi mới về cơ bản đã đảm bảo tính công bằng, công khai, liên thông trong

1. Bản tin Trung Quốc tháng 5 năm 1997.

toàn bộ hệ thống giáo dục. Chế độ tuyển sinh và phân phối học sinh cũng linh hoạt. Những cải cách này đã thúc đẩy cơ cấu giáo dục đại học càng ngày càng hoàn thiện hơn, hợp lý hơn. Đồng thời việc thiết lập chế độ học vị của Trung Quốc từ thập niên 80 cũng đã góp phần đưa việc bồi dưỡng nhân tài cấp cao phát triển đúng hướng, hợp qui luật. Tuy đã có nhiều tiến bộ nhưng nhìn tổng thể, giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng ở Trung Quốc vẫn chưa hoàn toàn thoát khỏi ảnh hưởng của tư tưởng giáo dục nho giáo, của giáo dục hàn lâm. Giáo dục chưa thiết lập được quan hệ hữu cơ với quá trình phát triển kinh tế xã hội, chưa thật gắn với thị trường lao động. Mặt khác, sau sự kiện Thiên An Môn mặc dù tình hình đã trở lại ổn định bình thường nhưng trong nhiều trường đại học giáo viên và sinh viên vẫn chưa thật yên tâm dạy và học. Chính vì vậy, năm 1992 Trung Quốc tổ chức hội nghị về công tác giáo dục đại học và cao đẳng toàn quốc và sau đó ngày 13 tháng 2 năm 1993 công bố "Cương yếu cải cách và phát triển giáo dục của nước CHND Trung Hoa". Sau Hội nghị và nhất là sau khi "Cương yếu" được công bố, mục đích cụ thể phát triển giáo dục trong những năm 90 dưới sự chỉ đạo về phương châm, chính sách và kế hoạch của Nhà nước đã được xác lập rõ ràng. Đối với giáo dục đại học, các trường bắt đầu tiến hành cải cách các hoạt động về quản lý đào tạo, nội dung đào tạo, hệ thống giáo trình, theo tinh thần cải cách đào tạo là hạt nhân của cải cách

giáo dục. Ủy ban Giáo dục cũng mở rộng quyền tự chủ của các trường đại học và cao đẳng bằng cách xây dựng và tăng cường cơ chế thực hiện chế độ trách nhiệm của nhà trường. Qui định mở rộng quyền tự chủ đặt ra yêu cầu bắt buộc đối với các trường đại học và cao đẳng là phải đảm bảo chấp hành chính sách pháp lệnh, kế hoạch thống nhất của Nhà nước. Qui định cũng cho phép trong quá trình thực hiện nhiệm vụ các trường có quyền thực hiện liên kết giáo dục ngoài phạm vi ngành và khu vực, tiếp nhận việc ủy thác bồi dưỡng, thu nhận học sinh tự phí, tự chủ phân phối một tỷ lệ nhất định học sinh tốt nghiệp, có quyền điều chỉnh phương hướng phục vụ chuyên nghiệp, chế định và sửa đổi kế hoạch dạy học cũng như chương trình dạy học, tự tuyển lựa và biên soạn giáo trình, chủ động tiến hành cải cách nội dung và phương pháp dạy học. Có quyền tự chủ mở rộng hợp tác và ký kết hợp đồng với bên ngoài trong công tác nghiên cứu khoa học. Có quyền bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo từ Phó hiệu trưởng trở xuống, một số trường còn có quyền thẩm định tư cách giáo sư, phó giáo sư. Vào những năm này, ở Trung Quốc đã có 103 trường thực hiện chế độ trách nhiệm Hiệu trưởng, nhiều trường thực hiện rộng rãi chế độ trách nhiệm Chủ nhiệm khoa. Những cải cách này đã đột phá vào cục diện hạn chế của thể chế lãnh đạo của thời gian trước, khai thác tích cực và mở rộng qui mô liên kết ngang trong hệ thống để nâng cao hiệu quả nghiên cứu cũng như dạy và học.

Sau một thời gian thực hiện thực nghiệm mở rộng quyền tự chủ đối với các trường đại học và cao đẳng, tháng 4 năm 1994 tại Vũ Hán, Ủy ban Giáo dục Nhà nước triệu tập hội nghị về công tác giáo dục đại học và cao đẳng lần thứ hai. Hội nghị lần này nhằm trao đổi kinh nghiệm thực tế của các trường, đề xuất biện pháp tăng nhanh tốc độ phát triển cải cách đào tạo. Cũng tại Hội nghị, Ủy ban Giáo dục công bố việc tổ chức thực hiện: *Kế hoạch cải cách dạy và học ở các trường đại học và cao đẳng hướng tới thế kỷ XXI*. Trao đổi thảo luận tại Hội nghị, nhiều ý kiến đề xuất phương châm căn cứ vào yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của Trung Quốc trong thập niên 90 và những năm đầu của thế kỷ XXI để chuẩn bị công tác phục hưng và phát triển nhân tài cho giáo dục đại học. Các nhà trường có thể dựa vào các lực lượng xã hội khác để phát triển. Đồng thời Ủy ban Giáo dục cũng đưa ra nhiệm vụ phải nhìn vào những vấn đề tồn tại của giáo dục đại học và cao đẳng, tiếp tục đưa ra cải cách kết cấu giáo dục, cải cách thể chế lãnh đạo và cải cách thể chế quản lý nhưng phải bảo đảm hệ thống và nội dung. Tuy nhiên nếu xét toàn diện, Chính phủ thông qua Ủy ban Giáo dục Nhà nước vẫn chịu trách nhiệm chính về cải cách thể chế giáo dục ở đại học và cao đẳng.

Để tạo điều kiện cho các cơ quan quản lý giáo dục theo dõi và đánh giá chính xác những tiến bộ và tồn tại của địa phương và tìm hiểu tham khảo kinh nghiệm của các địa phương khác, tháng 11 năm 1995 Ủy ban Giáo dục cho

công bố ý kiến về công tác xã hội giúp đỡ và kiểm tra trình độ đối với giáo dục đại học và cao đẳng. Chỉ thị này nhằm mục đích triệt để phát huy chức năng giáo dục của kiểm tra trình độ, thúc đẩy công tác kiểm tra phát triển lành mạnh và tăng cường giám sát, chỉ đạo giúp đỡ học tập của toàn xã hội. Cùng với công bố chỉ thị trên, Ủy ban Giáo dục còn yêu cầu Văn phòng Đoàn thanh tra giáo dục có kế hoạch cụ thể trong năm 1996 phải hoàn thành công tác đánh giá đối với 108 trường đại học và phấn đấu đến năm 1999 sẽ hoàn thành việc đánh giá với tất cả các trường mới thành lập.

Đối với công tác giảng dạy, đến thời gian này các trường đều cho rằng nội dung đào tạo, hệ thống giáo trình là những đối tượng chủ yếu phải cải cách bởi lẽ: nội dung đào tạo quá cũ chưa theo kịp yêu cầu của sự phát triển trong nền kinh tế thị trường và sự phát triển khoa học kỹ thuật thế giới, hệ thống giáo trình chưa phù hợp vì chương trình các môn học phân chia quá kỹ, quá chuyên sâu. Nhiều trường đề nghị cải cách theo hướng tăng kiến thức cơ bản, giảm nhẹ chuyên ngành, kết hợp các khoa của khoa học tự nhiên với khoa học công nghệ, biên soạn lại giáo trình kết hợp với xây dựng lại các hạng mục nghiên cứu. Để tăng cường quản lý và điều chỉnh ở mức độ vĩ mô, giải quyết dần dần yêu cầu của cải cách, Ủy ban Giáo dục đã yêu cầu các trường rà soát lại chương trình, đồng thời với điều chỉnh các ngành chuyên môn, nghiêm khắc khống chế việc đưa thêm những môn học mới mà thời gian đòi hỏi nhiều, đồng thời cũng

chú ý đến số lượng chiêu sinh trong các kỳ tuyển sinh, tránh hiện tượng số học sinh tốt nghiệp ở một số khoa nảy sinh vấn đề cung nhiều hơn cầu và mâu thuẫn này có xu thế càng ngày càng nghiêm trọng. Trong thời gian này, các trường còn thực hiện cải cách chế độ học tập bằng cách lấy chế độ học điểm, đào thải làm hình thức chủ yếu nhằm thúc đẩy việc hình thành phong cách dạy, học và thi cử tốt đẹp. Sau Hội nghị Vũ Hán, có 52 trường đại học và cao đẳng trên toàn Trung Quốc triển khai công tác thí điểm nâng cao trình độ văn hoá, khoa học cho sinh viên theo chế độ học điểm. Đến năm 1997, Ủy ban Giáo dục Nhà nước Trung Quốc bắt đầu thực hiện chế độ đánh giá và nhận xét đối với nghiên cứu sinh và thực hiện chế độ cử học sinh ra nước ngoài học tập. Nếu tính từ khi bắt đầu cải cách mở cửa đến 1998 đã có khoảng 320.000 sinh viên và những người có trình độ đại học được ra nước ngoài học tập và nghiên cứu tại 103 nước và khu vực (trong đó Nhà nước cử đi du học gần 50 nghìn người, các đơn vị cử đi du học gần 100 nghìn người, tự túc du học hơn 160 nghìn người). Trong số này có hơn 100 nghìn lưu học sinh tốt nghiệp trở về phục vụ tổ quốc, đã phát huy vai trò tích cực trong mọi lĩnh vực. Hoạt động hợp tác và trao đổi quốc tế được mở rộng dần trong giáo dục đại học phù hợp với chính sách mở cửa đang được thực hiện ở Trung Quốc. Chính những chủ trương này đã tạo cơ hội cho các trường đại học Trung Quốc học tập kinh nghiệm của các nước khác, thúc đẩy cải cách và phát triển giáo dục đại

học trong nước. Sau một thời gian nghiên cứu và chuẩn bị, tháng 7 năm 1997 Quốc vụ viện công bố Điều lệ về các lực lượng xã hội tham gia công tác dạy học và thông qua về nguyên tắc "Luật giáo dục đại học và cao đẳng" (dự thảo). Các văn kiện này được chuyển giao cho Ủy ban Thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc nghiên cứu để công bố.

5/ Cải cách kết cấu giáo dục dạy nghề

Ngay từ cuối những năm 80, giáo dục dạy nghề ở Trung Quốc đã rất được coi trọng, nhất là từ khi cho áp dụng rộng hình thức "song nguyên chế" vào quá trình đào tạo. Với tinh thần của Hội nghị Thường Châu, Ủy ban Giáo dục Nhà nước quyết định mỗi tỉnh, khu tự trị hay thành phố trực thuộc đều phải có tối thiểu là một thành phố tiến hành cải cách theo hình thức đào tạo mới để tiếp tục rút kinh nghiệm, đảm bảo thắng lợi việc nhân rộng điển hình. Vì vậy, sau hội nghị Thường Châu, tháng 11 năm 1992 tại thành phố Tự Cống tỉnh Tứ Xuyên, tháng 10 năm 1993 tại thành phố Giang Môn tỉnh Quảng Đông và tháng 4 năm 1995 tại thành phố Thiệu Hưng tỉnh Chiết Giang, Ủy ban Giáo dục Nhà nước đã 3 lần tổ chức Hội thảo về công tác cải cách giáo dục tổng hợp ở thành phố mà nội dung chủ yếu là bàn về cải cách giáo dục dạy nghề.

Theo thống kê, đến năm 1995, Trung Quốc đã có 102 thành phố tham gia cải cách thực nghiệm, thành lập 17.000 trường dạy nghề ở bậc trung cấp với số học sinh là 9.390.000

người, nâng tỷ lệ học sinh được dạy nghề sau giai đoạn phổ cập lên 56,8%. Ngoài ra, Trung Quốc còn lập hơn 2000 trung tâm huấn luyện ngành nghề, hơn 400.000 trung tâm đào tạo công nhân viên chức, các cơ sở đào tạo xã hội và các trường bồi dưỡng kỹ thuật cho người lớn, đưa số lao động được dạy nghề tại tất cả các cơ sở lên con số hàng chục triệu người. Kết quả thống kê cũng cho thấy từ năm 1980 đến năm 1995, các trường dạy nghề trung cấp các loại đã cung cấp cho xã hội 22.600.000 học sinh tốt nghiệp. Nếu tính tất cả các hình thức dạy nghề, con số được đào tạo ở Trung Quốc đạt vài trăm triệu lượt người¹. Dạy nghề đã trở thành bộ phận quan trọng trong sự nghiệp giáo dục của Trung Quốc, đóng góp cho công cuộc hiện đại hoá đất nước.

Tuy vậy, giáo dục nghề nghiệp vẫn còn tồn tại một số vấn đề. Thí dụ: cơ cấu giáo dục còn chưa thật sự gắn kết giáo dục phổ thông với giáo dục thường xuyên, giáo dục hướng nghiệp và giáo dục người trưởng thành. Hơn nữa, chính bản thân giáo dục phổ thông cũng không gắn bó đúng mức với việc phát triển kinh tế địa phương, không làm cho học sinh gắn những gì họ đã học với việc làm trong tương lai nên trong sự phát triển chung, giáo dục và kinh tế chưa thật sự gắn kết với nhau, hiệu quả hỗ trợ phát triển chưa rõ nét. Bởi vậy, mục tiêu chung của cải cách là xây dựng và hình thành một cơ cấu hợp lý, trong đó các hình thức giáo dục có liên hệ gắn kết với nhau, tác động qua lại lẫn nhau

1. Quách Phúc Xương, Ngô Đức Cường chủ biên, sđd, tr. 330.

nhằm nâng cao chất lượng của người lao động, phục vụ hữu hiệu sự phát triển kinh tế, xã hội địa phương.

Để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ cải cách giáo dục dạy nghề trong giai đoạn mới, tháng 5 và tháng 6 năm 1995 Văn phòng Ủy ban Giáo dục Nhà nước tiến hành tổng kết và công bố kết luận về công tác thí điểm cải cách giáo dục tổng hợp ở thành phố và phổ biến chỉ thị về thúc đẩy mạnh mẽ cải cách giáo dục tổng hợp ở nông thôn. Báo cáo của Văn phòng Ủy ban cho rằng trên cơ bản công tác cải cách giáo dục tổng hợp mà nổi bật là giáo dục hướng nghiệp tại các thành phố đã có những tiến bộ to lớn và đã đủ điều kiện cần thiết để dự thảo văn bản “Cương yếu chỉ đạo công tác thực nghiệm cải cách giáo dục tổng hợp thành phố”. Đối với cải cách và phát triển giáo dục hướng nghiệp trong các nhà trường trung học phổ thông ở nông thôn, chỉ thị cho rằng nhiệm vụ kết hợp giáo dục phổ thông với giáo dục hướng nghiệp và giáo dục người trưởng thành là trọng tâm. Ngoài ra, trên cơ sở bảo đảm số giờ học của các môn học theo quy định, ngành giáo dục đã quan tâm xây dựng chương trình bồi dưỡng ngành nghề và phổ biến kỹ thuật nông nghiệp. Chỉ thị còn cho phép các nhà trường được cấp “Chứng chỉ xanh” vừa công nhận trình độ học lực, vừa công nhận trình độ tay nghề cho học sinh.

Nhằm phối hợp tốt hơn nữa công tác giáo dục dạy nghề giữa ngành giáo dục với các ngành khác trong công tác đào tạo ở địa phương, ngày 17 tháng 6 năm 1996, Ủy ban Giáo

dục Nhà nước phối hợp với Ủy ban Kinh tế mậu dịch Nhà nước và Bộ Lao động Trung Quốc cùng triệu tập Hội nghị công tác toàn quốc về giáo dục hướng nghiệp tại Bắc Kinh. Hội nghị đã căn cứ vào phương châm phát triển giáo dục hướng nghiệp của Trung ương Đảng và Quốc vụ viện, nghiên cứu đưa ra chính sách, biện pháp thi hành "Luật giáo dục hướng nghiệp" và "Đề cương cải cách và phát triển nền giáo dục Trung Quốc". Đồng thời, các địa phương cũng trao đổi, tổng kết kinh nghiệm cải cách và phát triển giáo dục hướng nghiệp trong thời kỳ kế hoạch 5 năm lần thứ VIII... Trên cơ sở đó, xác định rõ hơn nữa mục tiêu và nhiệm vụ giáo dục hướng nghiệp xuyên suốt thế kỷ của Trung Quốc.

Báo cáo tại Hội nghị, Chủ nhiệm Ủy ban Giáo dục Nhà nước Chu Khai Hiên đã nhấn mạnh: Từ cuối thế kỷ này sang đầu thế kỷ sau, mục tiêu phấn đấu chủ yếu của việc dạy nghề ở Trung Quốc là xây dựng, kiện toàn hệ thống trường dạy nghề. Ngành giáo dục cần liên kết với các ngành khác trong việc đào tạo và bồi dưỡng nghề nghiệp. Cần xây dựng và kiện toàn chế độ đào tạo ngành nghề cho thích ứng với cơ chế thị trường và nhu cầu tiến bộ của xã hội. Chủ nhiệm Chu Khai Hiên còn nêu rõ: Đối với công tác dạy nghề phải chú trọng làm tốt việc hướng nghiệp cho học sinh vào những nghề có liên quan đến nông nghiệp và những nghề gian khổ, đồng thời cũng chú ý tăng nhanh bước phát triển dạy nghề tại khu vực miền Trung và miền Tây. Cũng trong năm 1996, Hội nghị lần thứ 19 của Ủy ban Thường vụ

Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc lần thứ VIII đã thông qua “Luật giáo dục hướng nghiệp nước CHND Trung Hoa”, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 9 năm 1996.

Trao đổi quan điểm về giáo dục dạy nghề trong giai đoạn này, các nhà nghiên cứu giáo dục Trung Quốc còn nêu ra khái niệm: *giáo dục sáng nghiệp*. Giáo dục sáng nghiệp chính là sự kết hợp giữa giáo dục nghề nghiệp và sự sáng tạo nghề nghiệp. Có thể coi giáo dục sáng nghiệp là giáo dục bồi dưỡng nhân tài trong đó giáo dục là khâu trung gian cho sự kết hợp giữa khoa học kỹ thuật và kinh tế. Giáo dục sáng nghiệp dựa vào đặc điểm tâm lý của thanh niên, lấy việc hình thành thế giới quan đúng đắn làm nhiệm vụ cơ bản, lấy đức dục làm gốc, lấy sáng nghiệp làm quả. Khái niệm này đã mở ra một hướng đào tạo mới cho giáo dục hướng nghiệp ở Trung Quốc.

III. TỪNG BƯỚC HOÀN THIỆN THỂ CHẾ GIÁO DỤC TRONG NHỮNG NĂM THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC "KHOA GIÁO HÙNG QUỐC" 1998-2003

Sau một thời gian tiến hành cải cách mở cửa, Trung Quốc đã đạt được những thành tựu to lớn cả về chính trị, kinh tế, văn hoá giáo dục, khoa học kỹ thuật. Vào những năm cuối của thế kỷ XX, sự vũng vằng của nền kinh tế Trung Quốc trước cuộc khủng hoảng tiền tệ ở châu Á cùng với thành công vượt qua những thử thách khốc liệt của thiên tai càng chứng tỏ đường lối cải cách được đặt ra của Hội

ng nghị Trung ương ba khoá XI của Đảng Cộng sản Trung Quốc là hoàn toàn đúng đắn. Nhìn lại lịch sử phát triển của Trung Quốc, những thay đổi trong giáo dục luôn gắn với các giai đoạn chuyển đổi kinh tế xã hội. Những thay đổi về cơ cấu hệ thống, loại hình trường lớp, phân cấp quản lý, thời gian học tập, nội dung chương trình và cả hệ thống chứng chỉ văn bằng, v.v... đều xuất phát từ nhu cầu của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội trong những giai đoạn lịch sử đó. Sau một thời gian tiến hành cải cách mở cửa, xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN, từ kinh nghiệm thực tiễn ở trong nước và thế giới, Đại hội XV Đảng Cộng sản Trung Quốc đã xây dựng cương lĩnh cơ bản trong giai đoạn đầu và đưa ra mục tiêu, chính sách cụ thể xây dựng nền kinh tế, chính trị, văn hoá XHCN đặc sắc Trung Quốc. Về khoa học giáo dục, Báo cáo Chính trị tại Đại hội viết:

Thực hiện chiến lược dùng khoa học giáo dục phát triển đất nước và chiến lược phát triển bền vững. Khoa học kỹ thuật là sức sản xuất thứ nhất, tiến bộ khoa học kỹ thuật là nhân tố mang tính quyết định sự phát triển của nền kinh tế...Đi sâu cải cách thể chế khoa học, kỹ thuật và giáo dục, thúc đẩy kết hợp giữa khoa học kỹ thuật, giáo dục và kinh tế.

Về vấn đề phát triển khoa học kỹ thuật, ngay từ năm 1995 trong Đại hội khoa học kỹ thuật toàn quốc, Tổng Bí thư Giang Trạch Dân đã chính thức thay mặt Trung ương Đảng đưa ra chiến lược “khoa giáo hưng quốc” với tinh thần: “Cần phải đưa giáo dục lên vị trí chiến lược ưu tiên

phát triển, nỗ lực nâng cao trình độ tư tưởng và đạo đức, văn hóa, khoa học kỹ thuật của toàn dân tộc, đây là kế hoạch lớn cơ bản, thực hiện hiện đại hoá Trung Quốc". Sau một thời gian tiến hành nghiên cứu thí điểm, cùng với nhiệm vụ thực hiện yêu cầu đột phá trong cải cách kinh tế theo tinh thần Nghị quyết đại hội XV, Trung Quốc đã thành lập Ban lãnh đạo khoa học kỹ thuật mới có nhiệm vụ phối hợp chỉ đạo ngành giáo dục triển khai thực hiện hoàn thiện thể chế nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu thực hiện chiến lược "khoa giáo hưng quốc".

1/ Các chủ trương, chính sách chủ yếu để hoàn thiện thể chế giáo dục và thực hiện chiến lược "khoa giáo hưng quốc"

Quán triệt phương châm giáo dục phục vụ công cuộc xây dựng hiện đại hoá XHCN và xây dựng CNXH cần phải dựa vào giáo dục, các nhà quản lý và nghiên cứu giáo dục Trung Quốc chủ trương kiên trì sáng tạo, đưa cải cách giáo dục vào chiều sâu, ưu hoá kết cấu giáo dục, phân bổ hợp lý nguồn lực giáo dục, đẩy mạnh toàn diện giáo dục tổ chất nhằm đào tạo hàng trăm triệu lao động có tổ chất cao, hàng chục triệu nhân tài chuyên môn, hàng loạt nhân tài đi đầu về sáng tạo. Quá trình phát triển của nhiều quốc gia trên thế giới cho thấy, khoa học kỹ thuật và giáo dục thường xuyên là những điểm cạnh tranh quyết liệt của các nước. Nhìn xuyên suốt lịch sử phát triển của nhân loại với cuộc cách mạng công nghiệp Anh, cuộc tranh hùng kinh tế của Mỹ và

sự thần kỳ của nền kinh tế Nhật Bản, chắc chắn đều là kết quả của ưu tiên phát triển khoa học kỹ thuật và coi trọng giáo dục của các nước này. Trên cơ sở đó các nhà khoa học Trung Quốc cho rằng những năm đầu của thế kỷ XXI, sự phát triển và ứng dụng kỹ thuật mạng sẽ làm thay đổi lớn đời sống và cả phương thức sản xuất. Họ còn dự báo vai trò của khoa học kỹ thuật đối với sự tăng trưởng kinh tế sẽ không ngừng được nâng cao theo đà tăng nhanh của kinh tế. Cuộc chạy đua trong lĩnh vực công nghệ cao sẽ càng quyết liệt bởi công nghệ cao sẽ ngày càng lũng đoạn toàn cầu. Ai có bản quyền sở hữu công nghệ sẽ có ưu thế chi phối trong cạnh tranh, đẩy những người đi sau ra khỏi lĩnh vực này. Nói một cách cụ thể là, nước nào phát triển trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và giáo dục thì nước đó sẽ có điều kiện thuận lợi nhất để phát triển trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội. Đây chính là nguyên nhân Trung Quốc xây dựng chiến lược chấn hưng đất nước bằng khoa học kỹ thuật và giáo dục.

Đặc trưng quan trọng của sự phát triển kinh tế thế giới ở những thập niên cuối của thế kỷ XX là khoa học công nghệ cao nhanh chóng được áp dụng vào sản xuất. Chính vì vậy nhằm mục đích bắt kịp và đón đầu tiến bộ của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, ngay từ năm 1987 Trung Quốc đã có "kế hoạch phát triển nghiên cứu kỹ thuật công nghệ cao" mà Trung Quốc gọi là "kế hoạch 863". Nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch là theo dõi sự phát triển của thế giới về công nghệ tiên tiến và đề xuất kế hoạch thực hiện phù

hợp với Trung Quốc, trong đó ưu tiên công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hoá, công nghệ vũ trụ, công nghệ laser, năng lượng mới và vật liệu mới, bao gồm 7 trọng điểm. Các trọng điểm này được ưu tiên bố trí đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật giỏi để tiến hành nhiệm vụ nghiên cứu. Trong giai đoạn mới, Trung Quốc xác định trọng điểm công tác giáo dục là điều chỉnh và hoàn thiện thể chế quản lý giáo dục bắt buộc ở nông thôn với phương châm "chính quyền địa phương phụ trách, phân cấp quản lý, lấy cấp huyện làm chính", đồng thời thực hiện về cơ bản mục tiêu điều chỉnh thể chế, tiếp tục coi phổ cập giáo dục bắt buộc 9 năm và xoá mù chữ trong thanh niên và trung niên là "trọng tâm của trọng tâm". Một trong những nhiệm vụ quan trọng được đặt ra là tập trung hoàn thành với chất lượng tốt nhất "hai cơ bản" ở các khu vực nghèo đói và vùng dân tộc thiểu số phía Tây, trong đó chú ý đến đối tượng phụ nữ vì đây là đối tượng rất dễ bị tái mù. Ủy ban Giáo dục cũng chú ý đến 3 yếu tố quan trọng là nhanh chóng cải cách chương trình giáo dục cơ sở, tăng cường công tác giáo dục đạo đức, ra sức đẩy mạnh việc thực thi toàn diện công tác giáo dục tổ chất.

Để đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ trên, các nhà quản lý và nghiên cứu giáo dục đã đề xuất kế hoạch cải cách chế độ kiểm tra đánh giá chất lượng ở các cấp học. Mục tiêu của kế hoạch là trên cơ sở kiểm tra đánh giá đúng đắn và chính xác sẽ đưa ra được những biện pháp thích hợp

để nâng cao chất lượng đào tạo và khả năng phát triển của nhà trường các cấp. Với tinh thần đó, tháng 2 năm 1997 Ủy ban Giáo dục Nhà nước cho công bố “Cương yếu về công tác chỉ đạo và thanh tra giám sát đối với các cấp học phổ thông” (dự thảo có sửa chữa) và cũng cho phép các địa phương dựa trên cơ sở thực tế, căn cứ vào “cương yếu” từ năm 1998 có thể tiến hành biên soạn và thực hiện tại địa phương mình các qui định cụ thể về công tác thanh tra giáo dục, dần dần hình thành hệ thống Pháp qui thanh tra giáo dục ở các tỉnh, thành phố, khu tự trị.

Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XV của Đảng Cộng sản Trung Quốc, ngày 5 tháng 3 năm 1998 tại Bắc Kinh đã tiến hành Đại hội đại biểu Nhân dân toàn quốc khoá IX của nước CHND Trung Hoa. Báo cáo của Chính phủ do Thủ tướng Lý Bằng trình bày về kế hoạch công tác trong những năm tới xác định: Tích cực phát triển sự nghiệp khoa học kỹ thuật, giáo dục và văn hoá, cố gắng cải thiện đời sống vật chất, văn hoá của nhân dân thành thị và nông thôn. Phân biện pháp tiến hành, báo cáo đã kiến nghị trong năm 1998 cần phải tích cực thúc đẩy cải cách bộ máy. Theo quan điểm của Thủ tướng Lý Bằng: Cải cách bộ máy lần này cần dựa vào yêu cầu phát triển của kinh tế thị trường XHCN, theo nguyên tắc tinh giản, thống nhất, hiệu quả, chuyển biến chức năng của chính quyền, thực hiện phân rõ chức năng chính quyền và xí nghiệp, xây dựng hệ thống quản lý hành chính làm việc hiệu quả cao, xây dựng đội ngũ

cán bộ quản lý hành chính chuyên môn chất lượng cao.... Trên cơ sở đề nghị của Chính phủ, Đại hội đã nghiên cứu, thảo luận và quyết định thông qua phương án cải cách cơ cấu của Quốc vụ viện. Theo phương án này, các cơ quan của Quốc vụ viện từ 40 giảm xuống còn 29 đơn vị. Ủy ban Giáo dục cũng được cải cách lại theo tinh thần chung và đổi tên thành Bộ Giáo dục, đồng chí Trần Chí Lập (nữ) được cử giữ chức Bộ trưởng. Cũng tại hội nghị này Quốc vụ viện quyết định thành lập Tiểu tổ lãnh đạo công tác giáo dục khoa học kỹ thuật quốc gia, do Thủ tướng Chu Dung Cơ làm Tổ trưởng, Phó thủ tướng Lý Lam Thanh làm Tổ phó. Điều này thể hiện quyết tâm của Trung Quốc trong việc thực hiện nhiệm vụ cải cách và phát triển giáo dục. Tháng 6 năm 1998, Tiểu tổ lãnh đạo công tác giáo dục khoa học kỹ thuật quốc gia họp phiên đầu tiên với nội dung nghiên cứu vấn đề "khoa giáo hưng quốc". Quyết tâm của Đảng và Nhà nước Trung Quốc còn được thể hiện qua bài phát biểu quan trọng của Tổng bí thư, Chủ tịch nước Giang Trạch Dân ngày 4 tháng 5 năm 1998, tại lễ kỷ niệm 100 năm thành lập đại học Bắc Kinh. Bài phát biểu đã đưa ra vấn đề toàn Đảng và toàn xã hội nêu cao tinh thần trọng thị tri thức mới, trọng thị sáng tạo mới, một lần nữa nhấn mạnh: "Giáo dục là cơ sở để sáng tạo, truyền bá và ứng dụng tri thức, cũng là cái nôi vun đắp tinh thần sáng tạo và đào tạo nhân tài. Bất luận đào tạo theo phương thức nào, thành quả như thế nào... giáo dục đều có ý nghĩa quan trọng và vị trí mang tính nền tảng độc đáo".

Điều này càng thể hiện rõ con đường thực thi chiến lược “khoa giáo hưng quốc” là sự lựa chọn tất yếu để chấn hưng Trung Hoa.

Theo chỉ đạo của Tiểu tổ lãnh đạo công tác giáo dục khoa học kỹ thuật quốc gia, ngày 13 tháng 6 năm 1999 Trung Quốc công bố: Quyết định của Trung ương Đảng và Quốc vụ viện về đi sâu cải cách giáo dục, thúc đẩy toàn diện giáo dục tổ chất. Từ thực tiễn của đất nước, với tinh thần “thực sự cầu thị” Trung Quốc đã rút ra nhận thức đúng đắn về mối quan hệ giữa văn minh vật chất và văn minh tinh thần, giữa vấn đề pháp trị và đức trị. Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đưa ra quan điểm: “Văn minh tinh thần XHCN là đặc trưng quan trọng của CNXH đặc sắc Trung Quốc”. Vì vậy, Quyết định xác định công tác giáo dục đạo đức của các trường học có nhiệm vụ bồi dưỡng tinh thần dân tộc, mở rộng giáo dục chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa tập thể và CNXH. Ngoài ra, các trường còn có nhiệm vụ thực hiện “Đề cương xây dựng đạo đức công dân”, thúc đẩy sự kết hợp hữu cơ giữa giáo dục trường học, giáo dục xã hội với giáo dục gia đình, nâng cao hiệu quả thực tế của giáo dục.

Cũng trong năm 1999 Trung Quốc khởi động chiến lược “đại khai phát miền Tây” với chủ trương trợ giúp đối với khu vực còn chậm phát triển, tăng cường chi viện mạnh mẽ các phương diện như vốn, kỹ thuật và nhân tài. Toàn bộ 5 khu tự trị và 30 châu tự trị dân tộc thiểu số trên toàn quốc

đã được đưa vào phạm vi đại khai phát. Nhằm phối hợp với các hoạt động kinh tế để đẩy nhanh phát triển giáo dục, Bộ Giáo dục yêu cầu nhà trường các cấp đi sâu tìm tòi cải cách phương thức dạy học theo hướng phù hợp với yêu cầu của giai đoạn mới, đồng thời cũng yêu cầu các cơ quan chức năng thực hiện hoàn thiện hệ thống chương trình đồng bộ với cải cách giáo trình, xây dựng một hệ thống đánh giá có lợi cho việc giáo dục tổ chức. Việc giáo dục và bồi dưỡng được phân thành nhiều tầng, nhiều cấp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập của quần chúng nhân dân. Bộ Giáo dục còn chủ trương các đơn vị nghiên cứu, cơ quan quản lý, các trường đại học tích cực thực hiện các biện pháp hỗ trợ cho các địa phương. Công tác trọng điểm được xác định bao gồm việc tiếp tục thực thi “Chương trình giáo dục bắt buộc vùng nghèo đói”, tổ chức tốt viện trợ đối ứng trong giáo dục, ra sức thúc đẩy xây dựng hệ thống thông tin hóa giáo dục khu vực, hỗ trợ phát triển giáo dục dạy nghề và tập trung xây dựng tại mỗi tỉnh và khu tự trị miền Tây một trường đại học trình độ cao, nhằm tăng cường đào tạo cán bộ góp phần đẩy nhanh tiến trình phổ cập giáo dục bắt buộc 9 năm và xoá nạn mù chữ trong thanh niên và trung niên ở khu vực này.

Ngoài các chính sách đã nêu trên, để đảm bảo cho công tác giáo dục có điều kiện thực hiện nhiệm vụ thuận lợi nhất, Nhà nước còn xác định nỗ lực tăng đầu tư cho giáo dục, ổn định tiêu chuẩn thu phí giáo dục. Về vấn đề này, Bộ Giáo

dục xác định trọng điểm là nỗ lực thúc đẩy chính quyền địa phương thực hiện “ba tăng trưởng” về kinh phí giáo dục (-Tăng trưởng đầu tư của tài chính Nhà nước cho giáo dục phải cao hơn tăng trưởng thu nhập tài chính thường xuyên; -Tăng trưởng kinh phí giáo dục hàng năm theo bình quân đầu học sinh tại trường; -Tăng trưởng lương của giáo viên và các kinh phí hàng năm khác dùng cho học sinh), đồng thời thực hiện tốt “chương trình cải tạo phòng học trung học, tiểu học”. Đối với các vùng nông thôn có chính sách cải cách thuế, Bộ Giáo dục lưu ý địa phương đảm bảo cho đầu tư vào công tác giáo dục không được thấp hơn mức trước cải cách mà nỗ lực tăng cao hơn, khuyến khích thu hút các nguồn vốn xã hội để phát triển. Thực hiện các chính sách khen thưởng khuyến khích đối với trường dân lập. Ổn định mức thu học phí, hoàn thiện và thực thi “chế độ một loại phí” đối với các vùng nông thôn nghèo đối cũng như các biện pháp chính sách hỗ trợ kinh phí cho học sinh thuộc diện gia đình kinh tế khó khăn. Mục tiêu của chiến lược này là với sự ủng hộ của Nhà nước, sự nỗ lực của các địa phương, để đưa tốc độ phát triển kinh tế của khu vực miền Tây tăng nhanh, phấn đấu liên tục trong 5 năm đều cao hơn mức bình quân cả nước.

Bước sang những năm đầu của thế kỷ mới, nhằm quán triệt tinh thần Đại hội đại biểu lần thứ XVI của Đảng và ứng phó với việc Trung Quốc gia nhập WTO, Bộ Giáo dục xây dựng kế hoạch mang tên “Kế hoạch hành động chấn hưng giáo dục hướng tới thế kỷ XXI”. Nhiệm vụ quan trọng được

đề ra trong kế hoạch là tập trung nâng cao trình độ và chất lượng phổ cập giáo dục nghĩa vụ 9 năm, đặt nền móng vững chắc cho việc phổ cập toàn diện trên toàn quốc vào năm 2010 và nâng cao toàn diện chất lượng giáo dục nghĩa vụ. Kế hoạch còn đề ra chỉ tiêu đến cuối năm 2007 nâng tỷ lệ người được phổ cập giáo dục nghĩa vụ 9 năm lên trên 85%, hạ tỷ lệ thanh niên, trung niên mù chữ xuống dưới 3%. Xuất phát từ thực tiễn của cơ sở vật chất đảm bảo cho sự nghiệp giáo dục ở các địa phương, Bộ Giáo dục còn đưa ra kế hoạch cho phép từ nay về sau sẽ đa dạng hóa việc tìm nguồn kinh phí. Cùng với việc đẩy mạnh đầu tư, chính quyền các cấp phối hợp với các cơ quan quản lý giáo dục tích cực động viên các lực lượng xã hội tham gia mở trường lớp. Bộ Giáo dục cũng chỉ rõ, các cơ quan chức năng nhanh chóng hoàn thiện các chính sách và biện pháp của ngành giáo dục, đồng thời tích cực thúc đẩy việc ban hành và thực hiện “Điều lệ Trung Quốc và nước ngoài hợp tác dạy học” để thu hút nguồn giáo dục chất lượng cao của nước ngoài, mà chủ yếu là ở giáo dục đại học và giáo dục dạy nghề. Chính đốn công tác hợp tác dạy học giữa Trung Quốc với nước ngoài theo đúng pháp luật, đẩy mạnh hơn nữa việc mở cửa ngành giáo dục cũng như giao lưu hợp tác quốc tế về giáo dục. Điều chỉnh thêm một bước tác dụng quan trọng của việc thực hiện chiến lược “khoa giáo hưng quốc” trong xây dựng hiện đại hóa đất nước.

Ngày 8 tháng 11 năm 2002 tại Bắc Kinh Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc

khai mạc. Đại hội đã tổng kết những kinh nghiệm cơ bản trong quá trình xây dựng đất nước và phân tích tình hình nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước phải đối mặt trong thế kỷ mới. Nghị quyết Đại hội xác định hiện nay Trung Quốc bước vào "giai đoạn xây dựng toàn diện xã hội khá giả, mở ra cục diện mới cho sự nghiệp XHCN đặc sắc Trung Quốc". Để thực hiện tốt hơn nữa chiến lược "khoa giáo hưng quốc" đã được đưa ra từ thế kỷ trước, yêu cầu cải cách hệ thống giáo dục được gắn với những bước chuyển biến căn bản cả về nội dung và chất lượng ở tất cả các bậc học. Đây là nhiệm vụ trọng tâm và có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với sự nghiệp giáo dục trong giai đoạn mới, vì vậy báo cáo chính trị tại đại hội XVI đã xác định: "Hình thành hệ thống giáo dục quốc dân hiện đại tương đối hoàn thiện", "nhân dân có cơ hội tiếp thu giáo dục tốt đẹp, cơ bản phổ cập giáo dục phổ thông trung học, xóa mù chữ. Hình thành xã hội theo mô hình toàn dân học tập, học tập suốt đời, thúc đẩy sự phát triển toàn diện của con người", "đào tạo hàng trăm triệu người lao động có tố chất cao, hàng chục triệu nhân tài chuyên ngành và hàng loạt nhân tài sáng tạo hàng đầu" ¹.

Quán triệt tinh thần của Nghị quyết Đại hội, Tiểu tổ lãnh đạo công tác giáo dục khoa học kỹ thuật quốc gia chỉ đạo các cấp, các ngành ở Trung ương và địa phương thông

1. Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc trình bày tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVI. Tài liệu tham khảo tại Viện Nghiên cứu Trung Quốc, năm 2002, tr. 70-71.

suốt quan điểm : “Thực thi chiến lược Khoa giáo hưng quốc là sự lựa chọn tất yếu để chấn hưng Trung Hoa. Tăng cường quản lý nhà nước về giáo dục (cấp vĩ mô), đồng thời mở rộng việc phân quyền giáo dục và quản lý giáo dục cho địa phương và các trường đại học”. Tiểu tổ đã chỉ đạo chính quyền các cấp quán triệt đầy đủ tính tất yếu và ý nghĩa quan trọng của cải cách thể chế quản lý giáo dục, trên tinh thần đó kết hợp với các ngành tổng hợp có liên quan và Bộ Giáo dục tăng cường chỉ đạo và phối hợp nhịp nhàng, trù tính quy hoạch chung, đưa ra các chính sách và biện pháp đồng bộ, tạo điều kiện và môi trường tốt hơn cho việc đi sâu và phát triển cải cách và hoàn thiện thể chế giáo dục. Đối với hệ thống giáo dục, Trung Quốc xác định trọng tâm của cải cách giáo dục là cải cách giáo dục phổ thông, mà trọng tâm của cải cách giáo dục phổ thông lại là cải cách chương trình. Do hệ thống giáo dục Trung Quốc phân làm hai luồng chính là giáo dục phổ thông và giáo dục nghề nghiệp, mà cả hai luồng đều có cấp sơ trung và cao trung, hơn nữa Trung Quốc hiện tại vẫn còn các trường dạy nghề công nhân cũng như các trường dạy nghề ngắn hạn nhiều loại khác nhau nên hoàn thiện hệ thống giáo dục là một yêu cầu bức thiết.

Mặt khác, do sự phát triển giáo dục tất yếu chịu sự chi phối của nguồn lực kinh tế của đất nước, mà thực tế tiềm lực kinh tế của Trung Quốc vẫn chưa mạnh, nên trong chính sách đầu tư, Trung Quốc xác định ưu tiên đầu tư kinh phí cao cho giáo dục và xem như đầu tư cho phát triển sản xuất. Đồng

thời Trung Quốc đã xây dựng hệ thống chính sách mới để tạo nguồn kinh phí như: thu kinh phí đóng góp từ người học, vận động sự đóng góp của các tổ chức xã hội và cơ sở sản xuất, thu lợi nhuận từ giáo dục nghề nghiệp đem lại, đổi mới chương trình dạy nghề theo nhu cầu thị trường lao động, tùy theo hoàn cảnh địa phương, bảo đảm sự tham gia rộng rãi của cộng đồng vào việc quản lý giáo dục và đầu tư cho giáo dục... Khuyến khích việc mở trường lớp của các tổ chức xã hội theo phương châm: tích cực khuyến khích, ủng hộ mạnh mẽ, hướng dẫn chính xác, tăng cường quản lý, để đạt được mục tiêu cải cách đề ra đến năm 2010 là cơ bản hình thành cục diện mới, song song phát triển trường công lập và dân lập.

Căn cứ vào tinh thần của Nghị quyết Đại hội XVI và yêu cầu của nhiệm vụ hoàn thiện thể chế giáo dục, cuối năm 2003 Đảng Cộng sản Trung Quốc đã tổ chức "Hội nghị nhân tài toàn quốc". Các báo cáo đã phân tích tình hình phát triển của khoa học kỹ thuật thế giới trong những năm đầu thế kỷ, dự báo khả năng phát triển của nền kinh tế tri thức để làm cơ sở vạch ra nhiệm vụ và những nguyên tắc đào tạo nhân tài của Trung Quốc trong giai đoạn lịch sử mới. Phương châm đào tạo là "lấy con người làm gốc, tôn trọng lao động, tôn trọng tri thức, tôn trọng nhân tài, tôn trọng sáng tạo". Đây cũng chính là mục tiêu thực hiện 2 biến đổi: bồi dưỡng toàn diện nhân tài và nâng cao toàn diện hiệu quả, chất lượng giáo dục của Trung Quốc trong thế kỷ mới. Về phương châm cụ thể để thực hiện "kế hoạch nhân tài

mang tính sáng tạo ở tầng bậc cao", Hội nghị đề xuất lấy "Kế hoạch giải thưởng học tập Trường Giang" và "Kế hoạch đội ngũ sáng tạo đại học" làm trọng điểm, ủng hộ và giúp đỡ việc xây dựng đội ngũ sáng tạo nhằm thu hút những nhân tài ưu tú và tập thể ưu tú phục vụ sự nghiệp xây dựng và hiện đại hoá đất nước.

2/ Thực hiện "khoa giáo hưng quốc" ở bậc phổ thông

Về nhiệm vụ phát triển giáo dục ở bậc phổ thông trong giai đoạn mới, Bộ Giáo dục xác định chủ yếu là thực hiện mục tiêu cơ bản phổ cập nghĩa vụ 9 năm và cơ bản xóa nạn mù chữ cho thanh niên (gọi tắt là hai cơ bản). Đối với các địa phương nhiệm vụ ưu tiên là phát triển các trường trung học phổ thông, đẩy mạnh nhân rộng các trường trung học chất lượng cao, khuyến khích phát triển trung học dân lập để đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng tăng do số lượng học sinh tốt nghiệp tiểu học chuyển thẳng lên sơ trung mà không phải qua kỳ thi tuyển. Các yêu cầu này, ngay từ tháng 6 năm 1998 Văn phòng Quốc vụ viện đã soạn thảo và chuyển đến Bộ Giáo dục *Chỉ thị về công tác cải cách chế độ dạy và học đối với giai đoạn giáo dục nghĩa vụ*. Chỉ thị đã đưa ra các giải pháp phát triển nhiệm vụ của nhà trường ở bậc phổ thông để hoàn thành nhiệm vụ phổ cập giáo dục. Chỉ thị còn xác định yêu cầu phối hợp nhịp nhàng giữa các công tác trọng đại mang tầm vĩ mô và chỉ đạo mang tính vi mô của giáo dục, trong chương trình hành động chấn hưng giáo dục thực hiện chiến lược "khoa giáo hưng quốc" hướng

tới thế kỷ XXI. Bộ Giáo dục Trung Quốc cũng nhận định đối với bậc phổ thông, việc thực hiện chiến lược “hai cơ bản” cũng như phát triển sự nghiệp giáo dục ở những vùng nghèo khó và vùng dân tộc thiểu số sẽ là nhiệm vụ quan trọng không phải chỉ trong thời gian trước mắt. Theo báo cáo của các địa phương, cho đến cuối năm 1997, tỷ lệ nhập học của trẻ em ở bậc tiểu học của Trung Quốc đạt trên 97%, trong đó đáng lưu ý là sự chênh lệch trong tỷ lệ nhập học của em trai và em gái đang được thu hẹp. Đã có 90% cơ sở giáo dục ở các địa phương triển khai thực hiện chế độ giáo dục bắt buộc ở bậc tiểu học với thời gian 6 năm và có 65% cơ sở giáo dục ở các địa phương đã triển khai giáo dục bắt buộc 9 năm ¹. Như vậy cho đến những năm cuối thế kỷ, Trung Quốc có 1482 huyện (thị, khu) đã thực hiện “hai cơ bản”, tỷ lệ bao phủ tính theo số dân đạt 50%. Với kết quả đó, Bộ Giáo dục xác định đã hoàn thành quy hoạch dự định giai đoạn một. Cũng theo công báo của Bộ giáo dục, vào những năm này hệ thống giáo dục Trung Quốc có số lượng học sinh ở bậc phổ thông khoảng 227,66 triệu. Qua số liệu thống kê từ các địa phương những người làm công tác quản lý giáo dục Trung Quốc nhận thấy dù giai đoạn một đã đạt được những thành tích đáng kể nhưng nhiệm vụ của giáo dục phổ thông ở Trung Quốc vẫn đang còn rất nặng nề khi bắt đầu triển khai giai đoạn hai. Vì vậy, Trung Quốc đã tiến hành điều chỉnh kết cấu tổ chức và thời gian học tập ở bậc

1. Bản tin Trung Quốc tháng 9 năm 1998.

phổ thông theo hướng đảm bảo số lượng, trường lớp ổn định cũng như độ tuổi nhập học không thay đổi để giữ cho số học sinh tại trường không bị tác động của số lượng dân số tăng thêm hàng năm.

Để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ ở giai đoạn hai, các nhà trường cũng như chính quyền các cấp đã chú ý quan tâm đến đội ngũ giáo viên. Trong những năm 1997-1998, số lượng và chất lượng giáo viên ở các cấp học vẫn còn có nhiều vấn đề phải giải quyết (xem bảng 5).

Bảng 5: Thống kê số lượng và chất lượng giáo viên

Cấp học	Số lượng giáo viên	Tỷ lệ đạt chuẩn	Tỷ lệ thầy trò
Tiểu học	6.340.200	97,39%	1:21,04
Sơ trung	3.467.700	90,28%	1:19,29
Cao trung	946.000	72,87%	1:17,80

Ngoài số lượng thống kê trên còn phải kể đến 659.300 giáo viên mẫu giáo và số giáo viên giảng dạy cho gần 400.000 học viên tại các lớp phổ thông dành cho người trưởng thành, cũng là lực lượng đáng kể cần phải quan tâm ở bậc phổ thông¹. Để đảm bảo chất lượng đội ngũ giáo viên, ngành giáo dục Trung Quốc đưa ra những chủ trương cụ thể như: không chỉ thực hiện chuẩn hoá mà các trường

1. Bản tin Trung Quốc tháng 6 năm 2003.

phải phấn đấu nâng chuẩn bằng biện pháp dựa vào các trường sư phạm và các đơn vị nghiên cứu ở địa phương. (Trình độ chuẩn qui định giáo viên cao trung phải tốt nghiệp đại học trở lên, giáo viên sơ trung, tiểu học, mẫu giáo phải tốt nghiệp sư phạm 9+3). Tại mỗi huyện tổ chức một trường để bồi dưỡng và chuẩn hoá giáo viên tiểu học và mẫu giáo. Các khu hoặc châu có lực lượng lớn hơn có thể tổ chức ở bậc trung học. Bồi dưỡng và đào tạo giáo viên cốt cán được thực hiện ở cấp tỉnh. Sau khi khôi phục lại chức vụ giáo viên trong trường đại học và cao đẳng, Trung Quốc đã thiết lập hệ thống chế độ bình xét chức danh cao cấp cho giáo viên trung và tiểu học nhằm nâng cao địa vị xã hội và đãi ngộ kinh tế đối với giáo viên bậc phổ thông.

Để khuyến khích giáo viên công tác ở miền núi và vùng khó khăn, Trung Quốc còn có qui định sinh viên tốt nghiệp ra trường nếu đồng ý đến nhận công tác sẽ được miễn thời gian tập sự theo qui định chung là 1 năm. Ngoài ra còn tăng thêm 200 NDT phụ cấp khu vực vào thu nhập hàng tháng so với mức lương khởi điểm qui định chung là 800 NDT của sinh viên mới ra trường nhận công tác ở các vùng khác. Đối với miền núi và các vùng kinh tế còn khó khăn ở khu vực miền Tây, giáo viên vẫn được hưởng chế độ nhà tập thể. Trong trường hợp giáo viên công tác ở khu vực này mà ký hợp đồng tình nguyện phục vụ từ 6 năm trở lên thì sẽ được chính quyền ở từng khu vực phụ cấp cho một khoản tiền từ

60.000 NDT đến 80.000 NDT để ổn định cuộc sống. Với các chế độ chính sách chung của Quốc vụ viện và Bộ Giáo dục cùng với sự quan tâm của chính quyền các cấp nên nhiều địa phương đã hoàn thành nhiệm vụ chuẩn hoá đội ngũ giáo viên, có những nơi còn nâng cao hơn mức chuẩn. Đội ngũ giáo viên ở các cấp học phổ thông đã dần dần đi vào ổn định, đảm bảo đáp ứng cả về số lượng và chất lượng (xem bảng 6).

Bảng 6: Thống kê tỷ lệ giáo viên và học sinh ở các cấp

Cấp học	1998	2001	2002
Tiểu học	1:21,04	1: 21,64	1: 21,96
Sơ trung	1:19,29	1: 19,24	1: 19,29
Cao trung	1:17,80	1: 16,73	1: 17,80

Ngoài việc quan tâm xây dựng đội ngũ giáo viên, ngành giáo dục phổ thông Trung Quốc còn được ưu tiên trong việc cải cách biên soạn chương trình và bảo đảm các điều kiện dạy học. Về cải cách và biên soạn giáo trình, tính đến năm 2000 Trung Quốc hoàn thành việc biên soạn và đưa vào sử dụng trên cả nước chương trình và sách giáo khoa phổ cập giáo dục 9 năm. Đồng thời cũng đã biên soạn và triển khai thực nghiệm chương trình và sách giáo khoa bậc cao trung. Sau khi tổng kết vòng một (2 tỉnh, 1 thị) và tiến hành điều chỉnh bổ sung, năm 2000 bắt đầu triển khai thực nghiệm trên diện rộng ở 25 tỉnh và thành phố. Bộ Giáo dục Trung Quốc cũng đề nghị việc xây dựng và hoàn thiện

hệ thống chương trình giáo dục phổ thông hướng tới thế kỷ mới phải đồng thời với việc đi sâu cải cách nội dung và phương pháp giảng dạy ở các cấp học, tích cực thúc đẩy việc xây dựng chế độ nghiên cứu giảng dạy, tăng cường cải cách dạy học thực nghiệm và xây dựng những cơ sở thực tiễn cho các chương trình kỹ thuật nhằm phát huy đầy đủ vai trò của kỹ thuật giáo dục hiện đại. Các địa phương còn chú ý thiết lập cơ chế giám sát, kiểm tra, đánh giá, phản hồi đối với các chương trình đã được cải cách làm cơ sở để có thể điều chỉnh và hoàn thiện chương trình. Cơ chế kiểm tra giám sát chương trình có thể dùng với hai mục đích, vừa dùng để tiến hành giám sát, kiểm tra chương trình, vừa dùng để kiểm tra chất lượng giáo dục ở bậc phổ thông.

Đối với điều kiện dạy và học, cơ sở vật chất của các trường phổ thông, khi bước vào giai đoạn xây dựng toàn diện xã hội khá giả bắt đầu được cải thiện thêm một bước. Thí dụ, chỉ riêng năm 2002, diện tích xây dựng mới cho các nhà trường phổ thông trên toàn Trung Quốc là 1.132.988.600 m². Các diện tích này chưa tính đến diện tích đã được nâng cấp các sân vận động thể thao (có môn là nhà thi đấu) và cơ sở thực nghiệm của các trường. Kết quả trong năm có 48,79% trường tiểu học, 64,43% các trường trung học có cơ sở thể thao đạt chuẩn. Có 49,37% trường tiểu học và 69,45% trường trung học có máy móc và cơ sở thực nghiệm đạt chuẩn¹. Ngoài ra, để giúp đỡ các địa phương

1. Bản tin Trung Quốc tháng 6 năm 2003.

phổ cập giáo dục nghĩa vụ, Ủy ban Giáo dục nhà nước trước đây đã phối hợp với Bộ Tài chính chuẩn bị một chương trình lớn mang tên "Chương trình giáo dục bắt buộc ở các khu vực nghèo" giai đoạn từ năm 1995 đến năm 2000. Chương trình được thực hiện ở 383 huyện nghèo của 12 tỉnh thuộc những khu vực có cơ sở kinh tế giáo dục kém, thực hiện giáo dục bắt buộc có nhiều khó khăn. Đến giai đoạn này, chương trình trên đã đạt được những hiệu quả rõ rệt, góp phần thúc đẩy sự phát triển giáo dục kinh tế và xã hội ở các địa phương đó. Sau 3 năm thực hiện, "chương trình" cũng giúp cho 469 huyện dỡ bỏ triệt để những phòng học tiểu học, trung học cơ sở đã xuống cấp ở nông thôn, xây dựng mới 13.023 trường tiểu học và 1.919 trường trung học cơ sở. Số dân của những huyện nghèo nằm trong chương trình này là 96,64 triệu người, chiếm 48% tổng số dân của 9 tỉnh, khu kinh tế còn khó khăn của Trung Quốc. Với những nỗ lực đó đến năm 2000 Trung Quốc đã kết thúc chương trình, có khoảng 200 huyện hoàn thành nhiệm vụ phổ cập giáo dục bắt buộc 9 năm.

Với sự quan tâm của Đảng và Quốc vụ viện, dù còn một số khó khăn hạn chế nhưng trong quá trình thực hiện chiến lược "khoa giáo hưng quốc", ngành giáo dục phổ thông đã thu được thành tích đáng khích lệ. Đến giai đoạn này, Trung Quốc về căn bản đã thanh toán nạn mù chữ trong thanh niên, tỷ lệ mù chữ trong thanh niên cả nước đã hạ xuống dưới 5% và các địa phương trên toàn quốc về cơ

bản đã thực hiện chế độ giáo dục nghĩa vụ 9 năm. Mức độ phổ cập thực hiện “hai cơ bản” tại tất cả các khu vực dân số được nâng cao thêm một bước. Mặc dù giáo dục cơ sở của Trung Quốc có 3 đặc điểm lớn là phạm vi rộng, qui mô lớn và số người nhiều nhưng đến cuối năm 2002, đã có 2.598 huyện (thành phố, khu cấp huyện) và 12 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nghiệm thu thực hiện “hai cơ bản” đạt yêu cầu. Tỷ lệ giáo viên tiểu học đạt chuẩn và hiệu suất của việc mở lớp được nâng cao rõ rệt. Theo báo cáo tại các địa phương đến tháng 9 năm 2002, Trung Quốc đã hoàn thành giai đoạn 2 của tiến độ thực hiện dự án “Công trình giáo dục nghĩa vụ tại khu vực nghèo khó toàn quốc”. Đây chính là điều kiện để số lượng học sinh phổ thông dần dần ổn định. Tính đến tháng 6 năm 2003 hệ thống giáo dục Trung Quốc có 226,01 triệu học sinh phổ thông các cấp, số lượng này không thay đổi nhiều so với một vài năm trước. Chính sự phát triển toàn diện của giáo dục ở bậc phổ thông đã tạo một nền móng vững chắc, góp phần thực hiện nhiệm vụ nâng cao tố chất toàn dân.

Trên cơ sở thành tích đã đạt được Trung Quốc đưa ra chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2020 trên toàn quốc cứ 100.000 dân thì phải có khoảng 13.500 người có trình độ học lực chuyên ngành và trên chuyên ngành, có 31.000 người có học lực giai đoạn cao trung, số mù chữ và nửa mù chữ giảm xuống dưới 3%, số năm được tiếp nhận giáo dục bình quân cho đầu người là 11 năm. (Hiện nay tố chất

khoa học và trình độ văn hoá của người Trung Quốc còn có phần thấp, bình quân số năm được giáo dục mới là 8 năm, trong khi nhiều nước trên thế giới là 10 năm). Phần đầu đưa tỷ lệ nhập học đầu vào hàng năm của giáo dục đại học vượt trên mức 14% là mức bình quân hiện nay của thế giới¹.

3/ Giáo dục hướng nghiệp thực hiện “khoa giáo hưng quốc”, “khoa giáo hưng thôn”

Sau một thời gian tiến hành cải cách mở cửa, mọi người dân Trung Quốc đều nhận thức được vai trò và vị trí của giáo dục, đặc biệt là từ sau khi triển khai thực hiện phương châm chiến lược “khoa giáo hưng quốc”. Tại khắp nơi, từ cán bộ lãnh đạo đến người dân đều tâm đắc kinh nghiệm từ thực tế để lại : Muốn xoá đói giảm nghèo đầu tiên phải diệt đói, muốn diệt đói phải dựa vào giáo dục. Vì vậy, ngay sau khi có chỉ thị của Trung ương, nhiều địa phương đã vận dụng đề ra phương châm “khoa giáo hưng tỉnh”, “khoa giáo hưng thôn”, với tỉnh thần tỉnh, thôn muốn “hưng” thì “bách nghệ” phải “hưng”, nhân tài phải “hưng”. Đối với phạm vi cấp tỉnh, nhân tài “hưng” chính là điều kiện tốt nhất để phát triển giáo dục chuyên nghiệp. Với không khí chung đó, bước sang năm 1996 khi “Luật giáo dục hướng nghiệp nước CHND Trung Hoa” có hiệu lực thực hiện, các nhà nghiên cứu giáo dục đã bắt đầu chuẩn

1. Bản tin Trung Quốc tháng 1 năm 2003.

bị các kế hoạch, chương trình cho sự kết hợp giữa giáo dục nghề và giáo dục bồi dưỡng khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục hướng nghiệp. Các chế độ được đưa ra với tinh thần giáo dục nghề chú ý đến đặc điểm tâm lý của thanh niên, là khâu trung gian cho sự kết hợp giữa khoa học kỹ thuật và kinh tế, đồng thời chương trình đào tạo linh hoạt có khả năng thích ứng với sự phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.

Một trong những ưu tiên của phát triển giáo dục nghề nghiệp là quan tâm phát triển dạy nghề trong khu vực nông thôn rộng lớn. Đây chính là điều kiện để các địa phương tiến hành xây dựng cơ sở bồi dưỡng nghề nghiệp trọng điểm ở cấp tỉnh, cấp huyện. Các cơ sở này đào tạo những công nhân, cán bộ kỹ thuật cốt cán góp phần thực hiện “kế hoạch huấn luyện chuyển đổi lực lượng lao động nông thôn”. Trong chương trình đào tạo, cùng với việc bồi dưỡng các kiến thức chung của bậc giáo dục phổ thông do Nhà nước quy định, các cơ sở đào tạo nhất là ở cấp huyện đã chú ý đến liên hệ với thực tế ở nông thôn làm cho nội dung giáo dục nghề nghiệp thiết thực hơn, đáp ứng nhu cầu của người học. Mặt khác, khi khoa học kỹ thuật được áp dụng rộng rãi hơn vào nông nghiệp thì lực lượng lao động dồi dào sẽ tăng lên, các cơ sở đào tạo này có điều kiện mở rộng quy mô chiêu sinh và tiến hành huấn luyện cho những nông dân chỉ quen công việc nông nghiệp có một nghề mới, giúp họ có thể ra thành phố tìm việc làm vào những lúc nông nhàn.

Như vậy, giáo dục nghề nghiệp ở nông thôn đã lấy việc đào tạo kỹ thuật thực tế cho nông dân, đào tạo nhân tài thực tế ở nông thôn làm trọng điểm và lấy việc làm làm định hướng chính. Chế độ dạy và học có thể vận dụng linh hoạt, đảm bảo thuận tiện cho việc kết hợp vừa học vừa làm, có thể phát huy đầy đủ vai trò và cơ cấu đào tạo của các trường. Để khắc phục tình trạng thiếu giáo viên, các địa phương đã vận dụng xây dựng kiểu “giáo viên kép”, bằng cách khuyến khích những nhân viên quản lý, nhân viên kỹ thuật chuyên môn nhưng có khả năng sư phạm của các đơn vị hành chính sự nghiệp kiêm nhiệm giáo viên dạy nghề. Một số địa phương còn cho phép các trường trung, tiểu học treo hai biển tên trường: trường ban ngày và trường buổi tối. Các trụ sở này trở thành cơ sở hoạt động văn hóa, khoa học kỹ thuật và giáo dục ở nông thôn.

Nhằm mục đích áp dụng tốt nhất “Luật giáo dục hướng nghiệp nước CHND Trung Hoa” vào quá trình thực hiện nhiệm vụ chiến lược “khoa giáo hưng quốc” nhất là vận dụng vào công tác đào tạo hướng nghiệp ở nông thôn, Bộ Giáo dục đã tổ chức một số cuộc hội thảo với chủ đề: trao đổi kinh nghiệm và nghiên cứu công tác thí điểm chương trình lấy khoa học giáo dục chấn hưng thôn. Chương trình được Hội Nông học Trung Quốc khởi xướng ngay từ năm 1996, đến năm 1999 đã có 15 huyện, 15 thị trấn và gần 200 thôn trên cả nước được công nhận là đơn vị thí điểm. Tại cuộc hội thảo lần thứ 4 tổ chức vào trung tuần tháng 9 năm 1998 tại

thành phố Nam Dương, tỉnh Hà Nam, các đại biểu của Bộ Nông nghiệp, Bộ Tài chính, Bộ Khoa học kỹ thuật, Bộ Giáo dục và các đại biểu của 26 tỉnh, thành phố, khu tự trị đã đến tận nơi, tham quan một số đơn vị thí điểm là các huyện Phương Thành, Đường Hà, Tân Dã, trao đổi kinh nghiệm và nghiên cứu cụ thể. Hội nghị cũng đã thảo luận, xây dựng kế hoạch phát triển của nhiệm vụ dùng khoa học giáo dục chấn hưng thôn để nghiên cứu áp dụng tại địa phương sau này¹. Trên cơ sở kết luận tại các cuộc hội thảo, ngành giáo dục chủ trương thực hiện chế độ học mới bằng cách chế định phương châm chính sách, chế độ và điều lệ giáo dục XHCN phù hợp với tình hình Trung Quốc. Đặc biệt trong việc bồi dưỡng và xây dựng đội quân lao động dự bị, các địa phương còn chú ý phát huy những ưu điểm của việc thực hiện "song nguyên chế", phát huy vai trò của các trường dạy nghề trong công tác đào tạo nghề nghiệp nhất là với các ngành nghề mới, các ngành dịch vụ hiện đại, tổ chức nhiều nhân viên khoa học kỹ thuật nông nghiệp đến các thôn để đào tạo, phổ biến kỹ thuật ứng dụng. Hội nghị cũng kiến nghị Quốc vụ viện và Bộ Giáo dục cần sớm ban hành chế độ tiêu chuẩn tiếp nhận người vào làm việc và tiêu chuẩn chứng nhận trình độ làm việc cấp quốc gia.

Phát huy thành tích và kinh nghiệm phát triển của giáo dục dạy nghề ở bậc trung học, Bộ Giáo dục đã liên tiếp tổ chức các cuộc hội nghị toàn quốc trao đổi kinh nghiệm kết

1. Bản tin Trung Quốc tháng 2 năm 1999.

hợp sản xuất, học tập, nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục ngành nghề ở bậc cao đẳng tại các thành phố Vĩnh Châu, Vũ Hán và Vô Tích. Các cuộc hội nghị cũng xác định rõ giáo dục ngành nghề cao đẳng phải lấy phục vụ làm tôn chỉ, lấy việc làm làm định hướng, trong quá trình phát triển phải kết hợp sản xuất, học tập và nghiên cứu. Để phát huy đầy đủ vai trò của trường cao đẳng các đơn vị đề nghị biện pháp thiết lập liên kết giữa các trường với các cơ sở giáo dục, khoa học kỹ thuật và mạng lưới nông nghiệp của nông thôn. Thúc đẩy và mở rộng kế hoạch mỗi thôn có một sinh viên đại học nhằm tạo điều kiện cho các sinh viên này đóng góp công sức cho việc phổ biến khoa học kỹ thuật nông nghiệp và giáo dục đào tạo.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, tuy vẫn còn những hạn chế như cơ sở dạy học chưa đảm bảo đủ cả về số lượng và chất lượng, đội ngũ giáo viên nhất là đối với giáo viên thực hành còn thiếu, các cơ sở thí nghiệm và điều kiện thực hành chưa đáp ứng với qui mô và yêu cầu đào tạo nhưng trong thời gian qua ngành giáo dục dạy nghề Trung Quốc đã có những bước phát triển đáng khích lệ. Tính đến tháng 6 năm 2003, Trung Quốc có 7.353 trường phổ thông trung học và trung cấp chuyên nghiệp với 8.844.800 học sinh. Tổng số giáo viên trong các trường là 480.500 người, trong đó số giáo viên đạt chuẩn chiếm khoảng 53,5%. Diện tích sân vận động thể thao (có môn là nhà thi đấu) của các trường chuyên nghiệp đạt tiêu chuẩn chiếm 55,2%, tỷ lệ cơ sở thí nghiệm và đồ dùng dạy học đạt

chuẩn chiếm 54,46%. Số trường chuyên nghiệp đã xây dựng được mạng Internet của nhà trường chiếm tỷ lệ 23,96%. Ngoài ra Trung Quốc còn có 3.473 trường trung cấp chuyên nghiệp dành cho người trưởng thành với số học sinh là 1.533.400 người và có 3075 trường công nhân kỹ thuật với 1.529.900 học sinh. Đối với dạy nghề cao đẳng và cao đẳng chuyên ngành Trung Quốc đã có 908 trường và cơ bản đã hình thành cục diện mỗi một thành phố cũng có ít nhất một trường cao đẳng hoặc học viện dạy nghề¹.

4/ Thực hiện “khoa giáo hưng quốc” nâng cao chất lượng đào tạo ở bậc đại học

Ngay từ cuối thế kỷ XX, các nhà khoa học thế giới đã dự báo thế kỷ XXI sẽ xuất hiện nền kinh tế tri thức thay thế nền kinh tế công nghiệp đã chiếm vị trí thống trị kinh tế thế giới hơn 2 thế kỷ qua. Vì vậy, mục tiêu bắt kịp và đón đầu tiến bộ của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật trên thế giới, đồng thời có thể giành ưu thế trong cuộc cạnh tranh chi phối lĩnh vực công nghệ cao là yêu cầu bức thiết đặt ra đối với nền khoa học kỹ thuật của Trung Quốc nói chung và ngành giáo dục ở bậc đại học nói riêng. Mặt khác, chính nhiệm vụ xây dựng toàn diện xã hội khá giả cũng đặt ra yêu cầu cao hơn đối với cải cách và phát triển giáo dục đại học, cao đẳng. Theo báo cáo giới thiệu về mục tiêu phát triển giáo dục Trung Quốc của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Trần Chí

1. Bản tin Trung Quốc tháng 6 năm 2004.

Lập, cho đến cuối thập niên 1990, trọng tâm kết cấu tri thức của lực lượng lao động Trung Quốc vẫn còn thấp, tỷ lệ người lao động có học lực ở bậc cao trung là 18%, đại học và chuyên ngành trở lên chỉ chiếm 5%. Tỷ lệ này chênh lệch tương đối lớn so với các nước đang phát triển khác. Xuất phát từ thực tế đó, căn cứ vào quá trình xác lập và hoàn thiện từng bước thể chế kinh tế thị trường XHCN, ngày 29 tháng 8 năm 1998 Hội nghị lần thứ tư Đại hội đại biểu Nhân dân toàn quốc khóa IX đã thông qua “Luật Giáo dục đại học và cao đẳng nước CHND Trung Hoa”. Sau đó Luật được công bố tại Lệnh số 7 của Chủ tịch nước và có hiệu lực thi hành từ 1 tháng 1 năm 1999. Luật xác định quá trình hoàn thiện thể chế giáo dục đại học được đặt trong tổng thể của chiến lược giáo dục và đào tạo, dựa trên nguyên tắc quán triệt phương châm giáo dục của Đảng, lấy việc bồi dưỡng một lớp người mới phát triển toàn diện làm mục đích, lấy việc bồi dưỡng tinh thần sáng tạo và năng lực thực tiễn của sinh viên làm trọng điểm, tiếp tục thực hiện giáo dục tổ chức một cách toàn diện.

Để thực hiện tốt nhất Luật giáo dục đại học và cao đẳng, một trong những nhiệm vụ được ưu tiên là cải cách về phương pháp giảng dạy. Cải cách này phải là vị trí trọng tâm với cải cách nội dung giáo trình và khung chương trình giảng dạy là then chốt. Mục đích chính của cải cách giảng dạy là dần dần thiết lập một hệ thống quản lý, tăng cường nội dung giáo trình và khung chương trình giảng dạy sao

cho phù hợp với công cuộc xây dựng kinh tế và đáp ứng yêu cầu do đời sống xã hội đặt ra với giáo dục, đồng thời làm cho quá trình dạy và học phát huy tốt nhất tính chủ động tích cực. Quá trình cải cách còn nhằm động viên hết nhiệt tình và sáng kiến của lực lượng giáo viên và cán bộ viên chức cũng như tinh thần sáng tạo trong học tập của sinh viên để nâng cao chất lượng dạy và học, nâng cao hiệu quả chi phí cho giáo dục đại học.

Từ thực tế của quá trình cải cách mở cửa trong thời gian qua, chức năng của giáo dục đại học và cao đẳng đã được mở rộng hơn so với giai đoạn trước. Ngoài nhiệm vụ chủ yếu là truyền bá tri thức, đào tạo và rèn luyện sinh viên, các nhà trường đã được mở rộng hơn chức năng và qui mô trong công tác nghiên cứu khoa học. Chuẩn bị bước sang thế kỷ mới, do thực tế cải cách thể chế quản lý giáo dục đại học và cao đẳng đã có tiến triển đáng kể nên Bộ Giáo dục quyết định, ngoài việc tiếp tục thực hiện “công trình 211” (Kế hoạch phát triển giáo dục đại học hướng tới thế kỷ XXI, phấn đấu xây dựng 100 trường đại học lớn có chất lượng cao. Trong số này, ưu tiên đầu tư cho 10 trường trọng điểm và các bộ môn khoa học trọng điểm để các đơn vị này có thể nhanh chóng được đứng vào hàng ngũ những trường đại học trình độ cao hàng đầu thế giới), “công trình 985” (Kế hoạch được xây dựng tại Hội nghị về công tác giáo dục đại học hướng tới thế kỷ XXI tháng 4 năm 1995 với việc xác định 985 hạng mục khoa

học quan trọng, với sự tham gia của 10.000 giáo viên thuộc 300 đơn vị nghiên cứu), ngành giáo dục đại học Trung Quốc còn đầu tư thích đáng, đảm bảo cho sự phát triển vững chắc của "kế hoạch 863" là kế hoạch phát triển nghiên cứu kỹ thuật công nghệ cao, ưu tiên cho 7 ngành trọng điểm đã được tiến hành từ năm 1987. Đây chính là quyết sách quan trọng của Đảng và nhà nước Trung Quốc đối với nhiệm vụ tăng nội lực tổng hợp của giáo dục cao cấp, nâng cao sức cạnh tranh quốc tế.

Mặt khác, Bộ Giáo dục cũng chỉ đạo các cơ quan quản lý, trong khi hoàn thiện thể chế giáo dục ở bậc đại học, ưu tiên giải quyết các vấn đề bất cập, mâu thuẫn của chính cơ chế đào tạo ở các nhà trường. Điều đáng quan tâm là trong những năm này, cơ cấu ngành nghề đào tạo ở Trung Quốc có xu hướng phát triển tự phát theo nhu cầu nhất thời của xã hội, gây ra hậu quả là các lĩnh vực khoa học cơ bản đang có xu hướng teo dần, nhưng lại có sự bùng ra không kiểm soát được của các ngành khoa học ứng dụng. Để khắc phục tình trạng này, Bộ Giáo dục cùng với các ngành và các nhà trường đã tiến hành sắp xếp lại các chuyên ngành, chú ý hình thành hệ thống các bộ môn khoa học trọng điểm, có bố cục hợp lý, có ưu thế và đặc sắc riêng. Đến tháng 7 năm 1998 các văn kiện về Danh mục các khoa cơ bản và chuyên môn cùng với Qui định về việc bố trí các khoa cơ bản và chuyên môn của các trường đại học và cao đẳng đã hoàn thành, được công bố và thực hiện.

Trong cải cách giáo dục và hoàn thiện thể chế giáo dục cao đẳng và đại học, để hoàn thành tốt nhiệm vụ trọng tâm là nâng cao chất lượng, Bộ Giáo dục đã chú ý xây dựng chế độ chính sách thích hợp đối với đội ngũ giáo viên. Ngoài các chế độ thông thường như các công nhân viên chức khác, giáo viên còn được hưởng chế độ thâm niên dạy học, một số địa phương còn ưu tiên cấp nhà, hoặc ưu tiên khi giáo viên có điều kiện mua nhà. Các giáo viên có học hàm, học vị cao còn được miễn phí khi tham gia một số sinh hoạt văn hoá... Kể từ khi thực hiện "Điều lệ học vị" (tháng 1 năm 1981), Ủy ban học vị của Quốc vụ viện Trung Quốc đã 6 lần tiến hành công tác ủy quyền sát hạch, xét cấp học vị thạc sĩ, tiến sĩ. Điều này thể hiện Trung Quốc rất quan tâm đến đào tạo bồi dưỡng nhân tài bậc cao và sự phát triển lành mạnh của công tác này. Đối với những giáo viên đầu ngành, nhiều kinh nghiệm, ngày 4 tháng 8 năm 1998 Bộ Giáo dục Trung Quốc công bố thiết lập 300 đến 500 chức vị giáo sư đặc biệt trong cả nước, gọi là các giáo sư "thỉnh giảng"¹. Mỗi giáo sư trong thời gian "thỉnh giảng" được hưởng trợ cấp mỗi năm 100.000 NDT, đồng thời vẫn được hưởng những đãi ngộ bình thường như tiền lương, bảo hiểm, phúc lợi... mà Nhà nước qui định. Về cơ bản đây là mức thù lao chức vụ cao nhất dành cho các nhà giáo ở Trung Quốc hiện nay. Thông qua việc thiết lập chức vụ giáo sư "thỉnh giảng", Trung Quốc hy vọng sẽ xây dựng được một đội ngũ giáo sư

1. Bản tin Trung Quốc tháng 9 năm 1998.

có vị trí cao về học thuật, có tầm hiểu biết rộng không chỉ văn hoá truyền thống phương Đông mà cả văn hoá khoa học kỹ thuật phương Tây, có uy tín với giới khoa học quốc tế, nhằm góp phần nâng cao vị trí học thuật và sức cạnh tranh của các trường đại học và cao đẳng Trung Quốc trên phạm vi thế giới. Để đạt được mục đích đó, Trung Quốc sẽ thông báo danh sách và sắp đặt vị trí mời, chuyên ngành chính của các giáo sư “thỉnh giảng” cho toàn quốc và thế giới qua hệ thống mạng. Mặt khác, nhằm mục đích nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên ở các trường đại học, ngoài việc bắt buộc tất cả giáo viên phải trải qua chương trình nghiên cứu sinh, để bồi dưỡng chuyên gia nhất là các chuyên gia đầu ngành, Trung Quốc còn thực hiện chế độ cử đi học tập, nghiên cứu ở các cơ sở khoa học công nghệ lớn, có trình độ cao ở các nước phát triển để nâng cao nghiệp vụ.

Đối với nhiệm vụ trọng tâm của phát triển giáo dục đại học và cao đẳng là đào tạo bổ sung nguồn lực lao động vừa đông đảo vừa có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của công cuộc xây dựng và hiện đại hoá đất nước trong thời gian tới, Trung Quốc đã quan tâm hơn đến xây dựng các trường trọng điểm và chất lượng đầu vào của các nhà trường. Các trường trọng điểm là những trường có chất lượng đào tạo cao và đào tạo nhiều ngành ưu tiên nên thu hút đông đảo học sinh đăng ký vào. Căn cứ vào “Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về cải cách thể chế giáo dục” và một số chỉ thị của Quốc vụ viện Trung Quốc, nhiều

khoa và trường trọng điểm đã chủ động trong việc đào tạo nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật cũng như chất lượng đào tạo nhân tài chuyên môn với mục tiêu có thể tự chủ bồi dưỡng nhân tài đạt trình độ quốc tế vào những năm đầu thế kỷ XXI. Chính vì vậy các đơn vị này đã căn cứ vào nhiệm vụ chung, yêu cầu và khả năng phát triển của sự nghiệp hiện đại hoá XHCN xây dựng kế hoạch tổng thể chú ý xây dựng đội ngũ cán bộ giáo viên công nhân viên, cơ sở thực nghiệm, cơ sở thông tin tư liệu... Đồng thời cũng chủ động tranh thủ tìm thêm nguồn đầu tư kinh phí, sự giúp đỡ của các tổ chức đoàn thể và các cơ quan khác. Tất nhiên để đạt được yêu cầu này nhiệm vụ đầu tiên là cải cách thể chế lãnh đạo, thể chế quản lý, phân cấp trách nhiệm và đồng thời thường xuyên tiến hành kiểm tra, đánh giá định kỳ.

Để nâng cao chất lượng đầu vào, công tác tuyển sinh của các trường đã có những thay đổi, chuyển biến nghiêm túc. Bộ Giáo dục cũng chú ý đến số lượng chiêu sinh trong các kỳ tuyển, cho phép các trường có thể mở rộng giới hạn tuổi cho thí sinh, bỏ một số qui định không thích hợp và tăng số môn thi vào đại học... Trong quá trình tuyển sinh đã lưu ý hiện tượng một số năm gần đây số học sinh tốt nghiệp ở một số khoa nảy sinh vấn đề cung nhiều hơn cầu, đẩy mâu thuẫn ngành thừa, ngành thiếu càng ngày càng nghiêm trọng. Đối với một số ngành học cần thiết mà các trường trong nước chưa thể đào tạo hoặc đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu của quá trình phát triển kinh tế và xã hội, vào giai đoạn

này Trung Quốc thực hiện lại chế độ gửi học sinh ra nước ngoài, được hưởng học bổng của Nhà nước.

Sau một số năm tiến hành cải cách, thực tế ở Trung Quốc cho thấy hiện vẫn còn sự mất cân đối trong việc đào tạo ở cả bậc đại học, cao đẳng cũng như trung học chuyên nghiệp. Về ngành nghề đào tạo, chủ yếu sinh viên chọn các ngành kinh tế, luật, kỹ thuật công nghệ, ngoại ngữ, sư phạm, còn các ngành văn hoá, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp tỷ lệ thấp. Có một điều đáng lo ngại trong xu hướng chọn nghề là học sinh chọn ngành dễ trúng tuyển, dễ được vào học, nghĩa là chỉ quan tâm đến đầu vào mà ít chú ý đến năng lực và nguyện vọng cho nên khi học, họ không thiết tha với ngành được đào tạo, chỉ cần có bằng đại học để ra trường, thậm chí chưa ra trường họ đã muốn bỏ nghề. Để tăng cường quản lý và điều chỉnh ở tầm vĩ mô, giải quyết dần dần mâu thuẫn giữa cung và cầu, hàng năm Bộ Giáo dục tổ chức thanh tra giám sát và công bố danh sách các trường đại học, cao đẳng có chất lượng sinh viên cũng như điều kiện dạy và học không đạt chuẩn quốc gia (gọi là các trường bị nhận "đèn vàng"). Thí dụ năm 1998 có 8 trường 2 năm liên tiếp bị "đèn vàng", Bộ yêu cầu phải giảm số lượng chiêu sinh.

Một trong những vấn đề hiện được xã hội rất quan tâm là vấn đề học phí cao và không đồng đều tại các trường đại học. Theo tin từ Bộ giáo dục Trung Quốc, từ năm 1989 các trường đại học và cao đẳng học cả ngày, thực hiện chế độ

nộp học phí. Mức thu bình quân của học sinh chính qui ban đầu được qui định từ 100-300NDT/năm. Sau một thời gian, do qui chế cho phép các trường công lập được phép thu các khoản chi phí phụ với số tiền nhất định, tiêu chuẩn do ngành vật giá sở tại qui định nên đến năm 1998 mức thu bình quân đã lên đến 2000-2500 NDT/năm. Nhiều trường đại học có mức thu học phí khá cao như đại học Phúc Đán là 2800 NDT, đại học Ngoại ngữ Thượng Hải là 3800 NDT; Ở Bắc Kinh, đại học Thanh Hoa là 2500 NDT, đại học Hàng không vũ trụ Bắc Kinh là 2600 NDT, đại học Khoa học - kỹ thuật Bắc Kinh là 3000 NDT... Ở các thành phố lớn như Bắc Kinh, Thượng Hải, Quảng Châu, các trường đại học và cao đẳng ngành nghệ thuật như âm nhạc, mỹ thuật đều trên 6000 NDT. Tuy Nhà nước Trung Quốc tiếp tục thực hiện chính sách miễn học phí cho sinh viên các trường thuộc 7 ngành ưu tiên là: nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, địa chất, khoáng sản, dầu khí và sư phạm, đồng thời tất cả các trường đại học và cao đẳng đều đã xây dựng hệ thống tài trợ đa dạng với chính sách miễn giảm học phí cho sinh viên như cấp học bổng, cho vay học phí, vừa học vừa làm... nhưng học phí vẫn là một ngưỡng khó vượt của đa số học sinh là con em nông dân. Theo tin của www.xinhuanet.cn mỗi năm các gia đình Trung Quốc phải chi phí ít nhất là 8000 NDT (975 USD) cho một con theo học đại học. (Trong khi đó, năm 2004 thu nhập bình quân của nông dân nông thôn khoảng 355 USD/người. Như vậy, nếu muốn con

học xong đại học, người nông dân phải dùng thu nhập của 12 năm làm việc). Đây quả là một khó khăn không dễ giải quyết. Ngoài học phí, một số trường còn đề ra rất nhiều khoản thu khác như bảo hiểm học sinh, tiền ăn, tiền dụng cụ học tập cùng nhiều khoản thu biến tướng khác mà phụ huynh học sinh do không muốn tranh cãi với nhà trường sợ ảnh hưởng đến con em mình nên vẫn cứ phải nộp. Để ngăn chặn hiện tượng này, Chính phủ Trung Quốc đã có nhiều động thái điều chỉnh. Bộ Giáo dục, Ủy ban phát triển và cải cách nhà nước, Bộ Tài chính đồng thời ra thông báo chỉnh đốn việc thu học phí và các khoản thu khác ở các trường. Bộ Giáo dục cũng đã yêu cầu các trường phải thông báo công khai: Chính sách tuyển sinh, tiêu chuẩn tuyển sinh của nhà trường và tiêu chuẩn được tuyển của thí sinh, kế hoạch tuyển sinh, thông tin xét tuyển và nhập học, thông tin tư vấn cho những vấn đề khiếu nại, các kết luận thanh tra trong kỳ tuyển sinh (6 công khai). Chính yêu cầu này đã phần nào tạo được lòng tin cho phụ huynh và học sinh trước khi bước vào kỳ thi đại học hàng năm.

Với sự quan tâm và chỉ đạo đúng đắn của Quốc vụ viện và Bộ Giáo dục, ngành giáo dục đại học và cao đẳng Trung Quốc trong thời gian qua đã có bước phát triển tương đối mạnh. Về số lượng, nếu như năm 1996 toàn Trung Quốc có 1138 trường thì đến năm 2002 con số này đã là 2003 trường các loại. Về chỉ tiêu tuyển sinh, nếu năm 1999 số lượng tuyển sinh là 1,6 triệu sinh viên thì năm 2001 là 2,6 triệu,

năm 2002 là 3,2 triệu và sang năm 2003 con số này đã tăng lên 3,35 triệu¹. Không chỉ tăng về số lượng đơn thuần mà qui mô của các trường đại học, tỷ lệ giữa giáo viên và sinh viên cũng được quan tâm đúng mức. Thí dụ chỉ tính riêng số sinh viên nội trú của các trường năm 2002 là 5.870.000 thì sang năm 2003 số này tăng lên 6.471.000. Với việc tăng thêm hơn 600.000 sinh viên nội trú thì số lượng phòng ở, điều kiện sinh hoạt công cộng... sẽ kéo theo nhiều vấn đề phải giải quyết. Ngoài số sinh viên chính qui còn phải kể đến số sinh viên tự học tại các lớp đào tạo từ xa hoặc các lớp tại chức rồi báo danh thi tốt nghiệp. Chỉ một kỳ thi năm 2003 số sinh viên tự túc học và báo danh thi tốt nghiệp là 12.677.000 lượt người, số thi đạt yêu cầu 1.295.000 sinh viên. Việc tổ chức thi và cấp chứng chỉ tốt nghiệp không chỉ đơn thuần là bố trí giáo viên mà còn kèm theo chuẩn bị cơ sở vật chất không phải là nhỏ. Theo thống kê của Bộ Giáo dục, tốc độ phát triển giáo dục đại học và cao đẳng trong vòng 20 năm qua, bình quân mỗi năm số sinh viên tại trường tăng 9,9% nhưng tỷ lệ giữa giáo viên và sinh viên nhìn chung vẫn đảm bảo ổn định². Cụ thể đầu năm 2002 tỷ lệ này là 1:18,22 chuyển sang năm 2003 tỷ lệ này vẫn duy trì được ở mức 1:19.

-
1. Bản tin Trung Quốc tháng 6 năm 2003 và Dương Cảnh Nghiêu, *Nghiên cứu về giáo dục đại học ở Trung Quốc đại lục*, Công ty trách nhiệm hữu hạn về sự nghiệp văn hoá giáo dục đại học xuất bản, Đài Bắc Đài Loan năm 2003, tr. 153 (tiếng Trung).
 2. Bản tin Trung Quốc tháng 1 năm 1999.

Từ năm 1999, Trung Quốc thực hiện thí điểm phương án tuyển sinh mới. Theo phương án này, các trường đại học không tổ chức thi tuyển sinh mà chia chỉ tiêu tuyển sinh cho các tỉnh. Bộ Giáo dục cho phép các trường có thể ưu tiên chia nhiều chỉ tiêu hơn cho địa phương nơi trường đóng. Các tỉnh căn cứ vào chỉ tiêu được phân, tự ra đề tổ chức thi tuyển và báo kết quả cho các trường. Hai địa phương được chọn thí điểm đầu tiên là Bắc Kinh và Thượng Hải, dự kiến 2004 sẽ nâng lên thí điểm ở 11 tỉnh và thành phố khác. Để đảm bảo kết quả chính xác cho kỳ thi tuyển và cũng để cho học sinh biết rõ nhất khả năng thực sự của mình trước khi đăng ký dự thi chính thức, các tỉnh và thành phố tổ chức cho thí sinh của địa phương thi thử nhiều đợt, các môn thi và yêu cầu bài thi giống như thi chính thức. Sau khi chấm thi, kết quả được đưa lên mạng theo thứ tự từ cao xuống thấp. Trên cơ sở đó, học sinh lên mạng kiểm tra để biết vị trí của mình đứng thứ bao nhiêu trong khu vực, từ đó có thể đánh giá sức học của bản thân để chính thức đăng ký chọn ngành, chọn trường. (Năm 2004 thành phố Thượng Hải thí điểm tổ chức chấm thi trên mạng môn Ngữ văn. Tất cả bài thi môn này đưa lên mạng và giáo viên lên mạng chấm). Rõ ràng trong quá trình hoàn thiện thể chế giáo dục, vai trò của tin học hoá càng ngày càng được nâng cao. Số môn thi đại học của Trung Quốc có 4 môn là Toán, Văn, Ngoại ngữ (chủ yếu là Anh văn) và môn tổng hợp. Các địa phương có thể linh hoạt chọn và ra đề thi trong môn tổng hợp. Tuy vậy về cơ bản các địa phương cũng phân thành khối để thi

môn tổng hợp, thông thường khối tự nhiên môn tổng hợp gồm 3 phần Vật lý, Hoá học, Sinh vật; khối xã hội môn tổng hợp gồm Lịch sử, Địa lý, Chính trị. Nếu thí sinh đăng ký thi chuyên ngành là ngoại ngữ thì phải thi thêm môn nghe. Điểm 3 môn đầu mỗi môn là 150, môn tổng hợp là 300 như vậy điểm tối đa thi đại học là 750 điểm. Số môn thi nhiều tuy là một vấn đề lớn với học sinh nhưng lại có ưu điểm là học sinh không học lệch, có kiến thức tương đối toàn diện. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến kết quả của các lần thanh tra đánh giá trình độ, sinh viên Trung Quốc nắm kiến thức tương đối toàn diện, đều cả về tự nhiên và xã hội. Theo quan điểm của nhiều giáo viên và các cán bộ làm công tác quản lý tại các trường đại học, phương pháp thi tuyển hiện nay là công bằng và tương đối chính xác, tuy rằng vai trò của các nhà trường trong kỳ thi tuyển sinh đại học hàng năm là hạn chế, nhà trường chỉ có nhiệm vụ chiêu sinh căn cứ vào kết quả gửi đến từ các tỉnh. Trong khi đó nhiều sinh viên hiện đang theo học tại các trường đại học ít danh tiếng cho rằng lý do họ hiện đang sinh sống tại nơi có điều kiện sinh hoạt thuận tiện hơn mà lại chấp nhận dự tuyển ở các trường này là do căn cứ vào 3 kỳ thi thử, căn cứ vào chỉ tiêu nhập học do các trường thông qua Bộ Giáo dục phân cho địa phương mình, nếu muốn vào học đại học họ chỉ có thể đăng ký dự tuyển vào trường đang học. Nếu đăng ký trường khác họ sẽ không trúng tuyển. Họ hoàn toàn hài lòng với quyết định của mình.

Để tạo điều kiện cho các trường đại học có thể đào tạo được nhân tài cao cấp, từ năm 2003 Bộ giáo dục Trung Quốc đã áp dụng chế độ tự chủ chiêu sinh. Chế độ này mới chỉ áp dụng ở một số trường và một số chỉ tiêu tương đối hạn chế cũng như đưa ra những tiêu chuẩn tương đối chặt chẽ, chủ yếu áp dụng tuyển những học sinh đoạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia nhưng lại không được xét tuyển ở các địa phương vì những lý do đặc biệt nào đó.

Không chỉ phấn đấu tăng về số lượng và đảm bảo chất lượng đầu vào, một vài năm gần đây để khuyến khích sinh viên nhập học, các trường còn chú ý đến đầu ra cho sinh viên tốt nghiệp. Trong chương trình đào tạo ở năm học cuối, Hiệu trưởng một số trường đại học đã có sáng kiến phối hợp với Giám đốc nhân sự của các công ty hoặc doanh nghiệp để bố trí một số buổi giảng về cách thức tiếp nhận các sinh viên sau kỳ thi tốt nghiệp năm đó. Các kiến thức được truyền đạt không chỉ là những kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, máy tính mà còn cả các qui tắc kinh doanh, nghĩa là những gì mà các công ty và doanh nghiệp yêu cầu. Kế hoạch phối hợp đào tạo này thể hiện một trong những mục tiêu của giáo dục hướng nghiệp ở bậc đại học là đào tạo những nhân viên, nhà chuyên môn phải có kỹ năng đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi của vị trí công tác trong tương lai. Dựa trên cơ sở các yêu cầu của công ty và doanh nghiệp, sinh viên sẽ tự mình tìm biện pháp bổ sung những kiến thức còn thiếu thông qua các môn học tự chọn để tham gia thi tuyển dụng nếu có

nguyện vọng. Qua các buổi trao đổi của những người trực tiếp tuyển dụng, sinh viên nhận thức đúng hơn thực chất yêu cầu của các công ty, doanh nghiệp. Họ thấy được những phần kiến thức còn thiếu của mình, những nguyên nhân mà họ không được tuyển dụng không phải là do các công ty chỉ chọn tuyển người được đào tạo trong các ngôi trường lớn, có danh tiếng, mà chủ yếu trình độ kiến thức hay năng lực làm việc cụ thể của họ chưa đáp ứng. Qua thực tế của các buổi trao đổi và kết quả của các lần tuyển dụng, nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu cao của xã hội, trong kế hoạch đào tạo các trường cũng phải có những cải cách nhất định. Cụ thể nhất là các trường đã có chủ trương "tăng cường thời gian sinh viên tham gia nghiên cứu thực tế", có nghĩa là một số môn học sẽ có những thời gian thực hiện tại công ty và nhà máy, thay vì ở các lớp học như hiện nay. Điều này cũng đặt ra một nhu cầu mới trong đào tạo của các nhà trường đối với sinh viên sẽ tốt nghiệp.

Một trong những thành tích đáng lưu ý là do kết quả của việc thực hiện "song nguyên chế" cũng như những thành tựu của giáo dục hướng nghiệp nên sự phân luồng giáo dục ở các địa phương trên toàn Trung Quốc đã có những thành công rất đáng ghi nhận. Tại nhiều địa phương sau khi tốt nghiệp cao trung, đa số học sinh ghi tên dự thi vào các trường cao đẳng hoặc các trường chuyên nghiệp dạy nghề, chỉ những học sinh có năng lực thực sự, có đam mê với chương trình học tập và nghiên cứu tại các trường đại

học cũng như sau khi tốt nghiệp mới ghi tên dự thi đại học. Chính vì lý do đó mà chất lượng đầu vào cũng như chất lượng sinh viên tốt nghiệp đại học ở Trung Quốc đã được nâng cao rõ rệt, uy tín về đào tạo bậc đại học của Trung Quốc trên thế giới ngày càng tăng. Vì vậy, từ năm 2002 các nước Anh, Đức, Pháp, Ôxtrâyliia và New Zealand đã lần lượt cùng Trung Quốc ký kết điều lệ công nhận lẫn nhau về học vị, học lực hệ đại học cao đẳng¹.

Đối với nhiệm vụ đào tạo sau đại học, ngay từ khi bắt đầu thực hiện công cuộc cải cách mở cửa Trung Quốc đã có sự quan tâm thích đáng. Chế độ học vị của Trung Quốc được xây dựng từ năm 1981 đã qui định sau khi tốt nghiệp đại học sinh viên có thể tiếp tục được đào tạo sau đại học bao gồm 2 bậc, học viên đều gọi là nghiên cứu sinh, NCS thạc sĩ và NCS tiến sĩ. Nếu như trước đây số lượng cơ sở được đào tạo sau đại học và số người có trình độ sau đại học là rất ít thì đến giai đoạn này Trung Quốc có chủ trương đẩy mạnh chế độ đào tạo và cũng tạo điều kiện thuận lợi để cho nhiều trường đại học có khả năng đảm nhận được nhiệm vụ này. Tính đến hết năm 1997 tức là sau 16 năm thực hiện điều lệ học vị, Trung Quốc đã đào tạo được trên 349.600 thạc sĩ và 27.500 tiến sĩ. Trong năm học 1997 đang có 150 ngàn NCS trong đó có 30 ngàn NCS làm luận án tiến sĩ. Từ sau năm 1985 Trung

1. Bản tin Trung Quốc tháng 9 năm 2004.

Quốc bắt đầu có chế độ đào tạo sau tiến sĩ theo chương trình tập trung 2 năm¹.

Bước vào giai đoạn mới, theo yêu cầu chung của tốc độ phát triển kinh tế - xã hội và đặc biệt là để đón nhận nền kinh tế tri thức mà theo các nhà khoa học sẽ xuất hiện ở thế kỷ mới, nhiệm vụ đào tạo đại học và sau đại học lại càng được quan tâm hơn nữa. Quá trình thực hiện “công trình 985” và “công trình 211”, cùng với nhiệm vụ nâng cao hơn nữa vai trò của các trường trong thực hiện “kế hoạch 863”, là điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh tốc độ đào tạo đại học, sau đại học và nghiên cứu khoa học. Chính vì vậy, đến năm 2002 Trung Quốc đã có 728 đơn vị đào tạo NCS, trong đó có 408 trường đại học, 320 cơ sở nghiên cứu khoa học. Cũng năm 2002 số NCS học tại các cơ sở đào tạo là 501.000 người trong đó có 108.700 NCS tiến sĩ và 392.300 NCS thạc sĩ. Ngoài ra, kể từ khi có chế độ đào tạo sau tiến sĩ cho đến năm 2001 là 16 năm Trung Quốc đã có 14 ngàn tiến sĩ tham gia các khoá đào tạo tập trung 2 năm².

Ngoài nhiệm vụ trọng tâm là đào tạo, trong giai đoạn toàn Đảng, toàn dân thực hiện phương châm chiến lược “khoa giáo hưng quốc”, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học ở các trường đại học cũng phát triển nhanh và cũng đã thu được những thành tựu đáng khích lệ. Trong kế hoạch hoàn thiện thể chế giáo dục, tại các nhà trường Bộ Giáo dục xác

1. Bản tin Trung Quốc tháng 1 năm 1998.

2. Bản tin Trung Quốc tháng 4 năm 2004.

định rõ một trong những nhiệm vụ trọng tâm là ra sức tăng cường nghiên cứu khoa học và sáng tạo tri thức, thúc đẩy việc ứng dụng và chuyển hóa thành quả nghiên cứu khoa học, áp dụng các biện pháp tăng cường xây dựng đội ngũ nhân tài cao cấp, đào tạo và bồi dưỡng thật nhiều mũi nhọn học thuật trong sinh viên ưu tú và giáo viên nòng cốt. Ngoài ra Trung Quốc còn cho phép các trường đại học và cao đẳng tự lập xí nghiệp khoa học kỹ thuật cao, thực hiện các dịch vụ khoa học kỹ thuật. Quan điểm này đã tạo cho công tác nghiên cứu khoa học và sáng tạo kỹ thuật nói chung và nghiên cứu sáng tạo kỹ thuật mới nói riêng trong các trường đại học và cao đẳng có điều kiện đạt được bước phát triển mới. Chính nhờ những chủ trương đó, đến cuối năm 2000, số người làm công tác khoa học, kỹ thuật ở Trung Quốc đã là 2,71 triệu người, trong đó các nhà khoa học và công trình sư là 1,5 triệu người. Đáng chú ý là tổng mức kinh phí chi cho hoạt động khoa học, kỹ thuật toàn quốc là 125 tỷ NDT, tăng hơn 10,8% so với năm 1999. Trung Quốc cũng đã xây dựng 663 hạng mục sáng tạo mới về kỹ thuật trọng điểm và 1329 hạng mục sản xuất thử một số sản phẩm trên, đã hoàn thành nghiên cứu chế tạo và giám định nghiệm thu 26 loại thiết bị kỹ thuật quan trọng. Năm 1999 có tất cả 29.500 công trình khoa học, kỹ thuật quan trọng được nghiệm thu ở cấp tỉnh và cấp Bộ, có 602 công trình đoạt giải thưởng của Nhà nước. Cũng trong năm 1999 Trung Quốc đã 4 lần phóng vệ tinh thành công, trong đó phải kể đến việc phóng thành công tàu vũ trụ đầu tiên mang tên "Thần Châu" do Trung Quốc tự nghiên cứu và

chế tạo. Ngày 16 tháng 10 năm 2003 tàu vũ trụ "Thần Châu 5" do nhà du hành Dương Lợi Vĩ điều khiển đã được đưa lên vũ trụ và hạ cánh an toàn, đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ của ngành hàng không vũ trụ của Trung Quốc, thành công của "kế hoạch 863". Chỉ tính riêng năm 2000, Trung Quốc đã tiếp nhận 134.240 đơn và đã trao bản quyền cho 100.154 phát minh sáng chế cả ở trong và ngoài nước¹.

Ngày 3 tháng 2 năm 2003 tại hội nghị toàn thể lần thứ 8 Ủy ban tư vấn công tác các trường đại học và cao đẳng trực thuộc Bộ Giáo dục tại Hàng Châu, Phó thủ tướng Lý Lam Thanh thay mặt Chính phủ đã đưa ra nhận định 6 điểm với tinh thần chủ yếu là: Giáo dục đại học cơ bản đã hoàn thành cải cách thể chế quản lý vĩ mô, trọng điểm trong những năm tới chuyển sang cải cách và hoàn thiện thể chế quản lý nội bộ các trường, cải cách thêm một bước quá trình xã hội hoá khâu hậu cần nhằm tăng cường điều kiện sống và làm việc. Trong công tác tổng kết và đánh giá, quan niệm cũ đánh giá theo kiểu xếp đặt ngôi thứ đã có nhiều biểu hiện lạc hậu, không tạo điều kiện để các nhân tài trẻ phát triển năng lực, mạnh dạn gánh vác trọng trách. Về nội dung giảng dạy, dựa trên thực tế và kinh nghiệm cải cách trong những năm qua các trường tiến hành điều chỉnh kết cấu môn học với mục tiêu chính là đào tạo nhân tài, nâng cao chất lượng giáo dục, tạo cơ hội tốt nhất để giải quyết việc làm cho sinh viên tốt nghiệp của trường đào tạo. Về

1. Bản tin Trung Quốc tháng 2 năm 2000.

phương hướng phát triển, ngoài việc thực hiện tốt “công trình 211”, Chính phủ yêu cầu ngành giáo dục chú ý nâng cao trình độ quản lý các cấp cùng với việc tăng cường công tác tư tưởng và công tác Đảng trong các nhà trường, nhất là công tác chính trị sinh viên. Đánh giá trên của Chính phủ đã xác định tương đối đầy đủ những thành tựu to lớn cũng như những khó khăn hạn chế của ngành giáo dục đại học cao đẳng trong giai đoạn hiện tại.

IV. MỘT VÀI NHẬN XÉT VỀ CẢI CÁCH GIÁO DỤC Ở TRUNG QUỐC

Bắt đầu từ thập niên 1980 đối với người dân Trung Quốc "cánh cửa quốc gia" đã được mở, đây là lúc bắt đầu khởi động công cuộc cải cách. Với những thay đổi về chính sách kinh tế cũng như chủ trương giải quyết những vấn đề xã hội, có thể coi như cuộc sống của mọi người được phục hồi trở lại. Vì vậy, mọi tầng lớp nhân dân không chỉ nhiệt tình phấn khởi đón nhận những thay đổi xung quanh mà còn chăm chú theo dõi những thay đổi, những diễn biến hàng ngày tại các nơi khác ở trong nước và thế giới. Mọi người cảm nhận hình như quả đất cũng lớn hơn nhiều, họ kinh ngạc phát hiện ra rằng bên ngoài khu sinh sống của mình hãy còn nhiều khu vực và quốc gia khác, nhiều núi cao, sông dài và biển rộng ở ngoài đất nước mình. Tất cả hình như đều mới lạ. Đây là tâm trạng của nhiều người dân Trung Quốc những năm đầu thập niên 80 thế kỷ XX. Vì vậy, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Quốc vụ

viện, nhân dân Trung Quốc đã tham gia tích cực vào công cuộc cải cách mở cửa và đã thu được nhiều thành tích đáng khâm phục trong đó có giáo dục.

1/ Những thành tựu chính

Trong quá trình cải cách mở cửa, cùng với những thành tựu về chính trị, ngoại giao, kinh tế, quân sự... giáo dục Trung Quốc đã có những thành công đáng kể. Có thể nhận thấy thành công quan trọng nhất là nâng cao nhận thức về vai trò và vị trí của giáo dục trong quan niệm của xã hội cũng như mỗi con người. Những năm mở đầu thời kỳ cải cách, giáo dục được coi là vị trí chiến lược trọng điểm trong việc xây dựng đất nước, đến giai đoạn 1986-1992 đã được xác định là sự nghiệp ưu tiên phát triển và khi bước sang giai đoạn xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN (từ 1993), với mục tiêu chiến lược lấy khoa học giáo dục chấn hưng đất nước, vị trí của nền giáo dục trong chiến lược phát triển đã được đưa lên vị trí hàng đầu. Hiện nay, càng ngày càng nhiều nhà lãnh đạo của chính quyền các cấp nhận thức một cách đúng đắn muốn phát triển kinh tế, hiện đại hóa đất nước đưa Trung Quốc vững vàng bước sang thế kỷ mới thì phải tiếp tục coi trọng nâng cao chất lượng văn hoá, khoa học kỹ thuật cho người lao động. Từ thực tiễn của quá trình xây dựng và phát triển mọi cán bộ và nhân dân đều nhận thức được muốn xoá đói giảm nghèo đầu tiên phải diệt đói, mà muốn diệt đói phải dựa vào giáo dục.

♦ **Hệ thống giáo dục bước đầu đã đáp ứng yêu cầu phát triển**

Sau một thời gian xây dựng và phát triển, hệ thống giáo dục Trung Quốc đã và đang được cải cách mạnh mẽ theo hướng hiện đại hoá, phát triển mạnh các loại hình giáo dục hướng nghiệp, tập trung xây dựng các trường đại học trọng điểm, đào tạo chuyên gia ở một số ngành khoa học công nghệ mũi nhọn tiếp cận với trình độ thế giới. Trung Quốc bước đầu đã hình thành một hệ thống giáo dục có thể đảm bảo về cơ bản quyền được giáo dục của công dân. Nếu như năm 1949 toàn quốc chỉ có 4.045 trường trung học phổ thông với 1.039.000 học sinh và 346.800 trường tiểu học với 24.391.000 học sinh, chiếm tỷ lệ khoảng 20% trẻ em trong độ tuổi đi học được tới trường thì đến những năm đầu của thế kỷ mới Trung Quốc đã có 98.400 trường trung học phổ thông các loại với 95.955.700 học sinh và 456.900 trường tiểu học với 121.567.100 học sinh. Trung Quốc đã phổ cập giáo dục tiểu học cho trên 90% vùng dân số, tỷ lệ trẻ em ở tuổi học tiểu học đến trường là 98,81%, số học sinh lên cấp sơ trung là 92,62%. Ở lứa tuổi trước khi đi học còn có 111.800 trường mẫu giáo với số lượng 20.360.200 cháu và 1540 trường giáo dục đặc biệt với 374.500 cháu. Nhìn chung trên toàn quốc trẻ em trong độ tuổi đi học được tới trường chiếm tỷ lệ khoảng 98,58%. Điều đáng chú ý, Trung Quốc là nước có nền văn hoá phong kiến lâu đời, tư tưởng trọng nam khinh nữ đã ăn sâu vào tiềm thức nhân dân

nhưng tỷ lệ nhập học của học sinh nam và nữ đã đạt mức 98,62% và 98,53%. Đây cũng là thành công đáng kể của nền giáo dục XHCN.

Từ khi bước vào giai đoạn hoàn thiện thể chế giáo dục, các trường tư đã được phép phát triển và bước đầu thu được những kết quả tốt. Hiện tại Trung Quốc đã có 70.000 trường tư. (Bao gồm: 175 trường cao đẳng và đại học, 1104 cơ sở giáo dục sau phổ thông, 1377 trường dạy nghề sau sơ trung, 2679 trường cao trung, 3651 trường sơ trung, 5.676 trường tiểu học, 55.500 nhà trẻ). Tất cả các trường tư này đã đón nhận tổng số 14,16 triệu học sinh các cấp.

Đối với giáo viên, một khâu quan trọng trong hệ thống giáo dục, là những người có vai trò trực tiếp đối với sự thành bại của sự nghiệp giáo dục, trong thời gian qua cũng đã được quan tâm chú ý thích đáng. Tổng số giáo viên các cấp học của Trung Quốc khoảng 11,4 triệu người, trong đó gần 9 triệu giáo viên tiểu học và trung học phổ thông. Các chế độ chính sách giúp các cơ sở tiến hành đào tạo bồi dưỡng và giáo viên tự học luôn được chú ý bổ sung kịp thời, đáp ứng yêu cầu phát triển trong từng giai đoạn. Chính vì thế, dù tri thức khoa học kỹ thuật thế giới phát triển bước chương trình, giáo trình các cấp phải thường xuyên cải cách nhưng tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn cũng như hiệu suất đứng lớp vẫn được nâng cao rõ rệt. Các chế độ đảm bảo đời sống cũng không ngừng được nâng cao.

♦ Giáo dục nghĩa vụ

Trên cơ sở những thay đổi quan trọng trong nhận thức về giáo dục, các gia đình đều thấy trách nhiệm trong việc cho con em đến lớp cũng như bản thân những người lớn tuổi còn mù chữ hoặc nửa mù chữ cũng hăng hái đến trường học tập. Vì vậy công tác giáo dục nghĩa vụ và xoá mù chữ ở Trung Quốc đã có những thành công mà chỉ có nền giáo dục XHCN mới làm được. Nếu như năm 1978 có đến 23,5% tổng số dân Trung Quốc mù chữ thì đến cuối năm 1997 con số này giảm xuống còn 12,01% và đến năm 2002 số lượng này còn được giảm thấp hơn nữa. Điều đáng chú ý là nhờ kết quả trong việc thực hiện kế hoạch “hai cơ bản” ở các địa phương nên số người mù chữ ở độ tuổi từ 15 đến 40 (tuổi tráng niên) đã giảm từ 18,5% của năm 1978 xuống 6% của năm 1997 và chỉ còn dưới 5% của năm 2002. Nếu năm 1978 chưa có một tỉnh hay thành phố nào của Trung Quốc cơ bản xoá nạn mù chữ cho thanh niên và trung niên, thì đến cuối năm 1997 đã có 13 tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc và 2300 đơn vị cấp huyện được nghiệm thu kế hoạch này. Bước sang năm 2002 số đơn vị này đã được nâng lên thành 2.598, nghĩa là hơn 90% đơn vị cơ sở hoàn thành kế hoạch. Tính đến cuối năm 1997 đã có 90% số dân và địa phương trên toàn Trung Quốc được phổ cập giáo dục bắt buộc 6 năm, trong đó mới có 65% được phổ cập giáo dục bắt buộc 9 năm, thì đến năm 2002 số dân và địa phương được phổ cập giáo dục bắt buộc 9 năm đã là 85%.

♦ Giáo dục nghề nghiệp

Khi giành được chính quyền, hệ thống giáo dục do Quốc dân đảng để lại chỉ có 5.216 trường trung cấp với số học sinh đang theo học là 1.268.000 người và có 1.170 trường chuyên nghiệp, 560 trường kỹ thuật, 600 trường trung cấp sư phạm với tổng số khoảng 418.000 học viên đang được đào tạo. Đây quả là một số lượng quá nhỏ so với một đất nước đông dân như Trung Quốc. Sau hơn nửa thế kỷ, sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp đã phát triển mạnh mẽ góp phần nâng cao trình độ và chất lượng lao động trên toàn Trung Quốc. Tính đến năm 2002 Trung Quốc có 389.500 trường đào tạo kỹ thuật tại chức, trong đó có 10.400 trường đào tạo kỹ thuật cho công nhân viên chức, 379.100 trường đào tạo kỹ thuật nông nghiệp. Chỉ tính riêng năm 2002 số học viên hoàn thành khóa học tại các trường đào tạo kỹ thuật tại chức là 81.188.100 lượt người và số học viên đang học tại trường là 60.414.400 người. Việc thực hiện "song nguyên chế" không chỉ là thành công có tính chất quyết định trong việc phân luồng giáo dục, giảm bớt áp lực lên kỳ thi đại học mà còn có tác dụng phát triển giáo dục hướng nghiệp và trong chừng mực nhất định góp phần làm cân đối hệ thống giáo dục ở quốc gia đông dân nhất thế giới.

♦ Giáo dục đại học

Đối với bậc giáo dục đại học nơi có nhiệm vụ đào tạo cán bộ có trình độ chuyên môn cao, những nhân tài, cốt

cán của Trung Quốc trên mọi mặt trận do đó được quan tâm chú ý nhiều nhất. Năm 1949 toàn Trung Quốc chỉ có 205 trường với 117.000 sinh viên mà hầu hết các sinh viên này đều từ chế độ cũ còn lại. Chính vì vậy với phương châm giáo dục phải phục vụ xây dựng đất nước, nhà trường mở cửa cho công nông, Trung Quốc đã tăng nhanh chiêu sinh giáo dục đại học với qui mô ngày càng lớn và chú ý cải cách thể chế quản lý, tăng cường đầu tư ở trường đại học và cao đẳng. Vì vậy đến nay, ngành giáo dục đại học đã có những bước tiến dài. Đến năm 2002 Trung Quốc có tổng cộng 2003 trường đại học (trong đó có 111 trường trực thuộc các Bộ và có 607 trường đại học dành cho người trưởng thành, 12 học viện dân tộc dành riêng cho con em các dân tộc thiểu số) với tổng số sinh viên đang theo học tại trường là 14.625.400 người. Ngoài ra vào thời gian này do thể chế quản lý có một số cải cách nên trên toàn quốc còn có 12.677.000 sinh viên tự túc học đại học sau đó báo danh thi tốt nghiệp. Trong thời kỳ cải cách mở cửa tính bình quân mỗi năm số sinh viên tại trường tăng thêm 9,9%. Đối với nhiệm vụ trọng tâm của phát triển giáo dục đại học và cao đẳng là đào tạo bổ sung nguồn lực lao động vừa đông đảo vừa có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của công cuộc xây dựng và hiện đại hoá, Trung Quốc đã quan tâm hơn đến đầu vào của các nhà trường. Công tác tuyển sinh của các trường từ năm 1999 đã có những thay đổi, chuyển biến nghiêm túc, đảm bảo tính công bằng hợp lý trong tuyển sinh.

Nếu như trước đây số lượng cơ sở được đào tạo sau đại học và số người có trình độ sau đại học là rất ít thì hiện nay Trung Quốc đã có nhiều đơn vị đào tạo NCS bao gồm cả NCS tiến sĩ và NCS thạc sĩ. Các nhân tài có học vị cao của Trung Quốc ngoài lĩnh vực cá biệt ra đều có thể đào tạo trong nước.

◆ Một số thành tựu khác

- Một trong những vấn đề đặt ra trong quá trình hoàn thiện thể chế giáo dục là sự phát triển giáo dục trong nền kinh tế thị trường có thị trường hoá hay không? Để giải quyết vấn đề này, từ rất sớm các nhà nghiên cứu giáo dục đã kiến nghị với Bộ Giáo dục yêu cầu về mặt quản lý hành pháp, ngành giáo dục các cấp phải lấy nhiệm vụ quản lý hành chính theo pháp luật làm phương thức cơ bản để chuyển đổi và thực hiện chức năng quản lý giáo dục. Để đảm bảo thực hiện tốt công tác chỉ đạo và thanh tra giám sát đối với các cấp học, đảm bảo sự phát triển đúng đắn và công bằng của sự nghiệp giáo dục, bước vào giai đoạn mới của công cuộc cải cách, Trung Quốc đã hình thành và từng bước hoàn thiện thể chế Nhà nước quản lý giáo dục theo pháp luật, chính quyền quản lý hành chính theo pháp luật, trường học quản lý nhà trường theo pháp luật, xã hội tham dự và giám sát hoạt động giáo dục theo pháp luật. Có được kết quả đó, ngay từ những năm 1980 Trung Quốc rất chú trọng xây dựng hệ thống pháp luật, pháp qui giáo dục. Tính đến những năm đầu của thế kỷ mới, ngoài “Cương

yếu về cải cách và phát triển giáo dục Trung Quốc”, Nhà nước Trung Quốc đã chế định 6 bộ luật về giáo dục, đó là: Luật Giáo viên, Luật Giáo dục, Luật Giáo dục nghĩa vụ, Luật Giáo dục đại học, Luật bảo hộ người vị thành niên và Luật Giáo dục hướng nghiệp của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Ngoài ra, Quốc vụ viện còn ban hành 16 pháp qui về giáo dục, Bộ Giáo dục cũng đã công bố hơn 200 điều lệ hành chính giáo dục. Đây chính là khung cơ bản của hệ thống pháp luật, pháp qui giáo dục ở Trung Quốc. Có thể nói sau kinh tế, giáo dục đã trở thành lĩnh vực lập pháp nhiều nhất, đảm bảo thực hiện mục tiêu phát triển.

- Để chuẩn bị đón nhận nền kinh tế tri thức mà nhiều nhà khoa học cho rằng sẽ có diện mạo hoàn toàn mới mẻ và thay thế nền kinh tế công nghiệp đã chiếm vị trí thống trị nền kinh tế thế giới hơn 200 năm qua, Trung Quốc đã sớm thực hiện chiến lược “khoa giáo hưng quốc” trong đó có chủ trương đưa khoa học kỹ thuật vào đời sống và phổ cập tin học vào các nhà trường. Trong suốt thời gian tiến hành công cuộc cải cách mở cửa, tư tưởng cốt lõi của giáo dục là thực hiện “ba hướng tới” đã được Đặng Tiểu Bình nêu ra từ hội nghị toàn quốc về công tác giáo dục tháng 4 năm 1978, đó là giáo dục phải hướng tới hiện đại hóa, hướng tới thế giới và hướng tới tương lai và “phải dạy cho trẻ em cũng sử dụng tốt máy tính”. Điều này không chỉ đơn thuần là dạy sử dụng máy cho trẻ em mà còn bao hàm ý tưởng ngay ở các cấp học thấp, học sinh cũng phải được tiếp cận với khoa học hiện đại, có như vậy mới có điều kiện để tiếp

Nếu như trước đây số lượng cơ sở được đào tạo sau đại học và số người có trình độ sau đại học là rất ít thì hiện nay Trung Quốc đã có nhiều đơn vị đào tạo NCS bao gồm cả NCS tiến sĩ và NCS thạc sĩ. Các nhân tài có học vị cao của Trung Quốc ngoài lĩnh vực cá biệt ra đều có thể đào tạo trong nước.

◆ Một số thành tựu khác

- Một trong những vấn đề đặt ra trong quá trình hoàn thiện thể chế giáo dục là sự phát triển giáo dục trong nền kinh tế thị trường có thị trường hoá hay không? Để giải quyết vấn đề này, từ rất sớm các nhà nghiên cứu giáo dục đã kiến nghị với Bộ Giáo dục yêu cầu về mặt quản lý hành pháp, ngành giáo dục các cấp phải lấy nhiệm vụ quản lý hành chính theo pháp luật làm phương thức cơ bản để chuyển đổi và thực hiện chức năng quản lý giáo dục. Để đảm bảo thực hiện tốt công tác chỉ đạo và thanh tra giám sát đối với các cấp học, đảm bảo sự phát triển đúng đắn và công bằng của sự nghiệp giáo dục, bước vào giai đoạn mới của công cuộc cải cách, Trung Quốc đã hình thành và từng bước hoàn thiện thể chế Nhà nước quản lý giáo dục theo pháp luật, chính quyền quản lý hành chính theo pháp luật, trường học quản lý nhà trường theo pháp luật, xã hội tham dự và giám sát hoạt động giáo dục theo pháp luật. Có được kết quả đó, ngay từ những năm 1980 Trung Quốc rất chú trọng xây dựng hệ thống pháp luật, pháp qui giáo dục. Tính đến những năm đầu của thế kỷ mới, ngoài “Cương

yếu về cải cách và phát triển giáo dục Trung Quốc”, Nhà nước Trung Quốc đã chế định 6 bộ luật về giáo dục, đó là: Luật Giáo viên, Luật Giáo dục, Luật Giáo dục nghĩa vụ, Luật Giáo dục đại học, Luật bảo hộ người vị thành niên và Luật Giáo dục hướng nghiệp của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa. Ngoài ra, Quốc vụ viện còn ban hành 16 pháp qui về giáo dục, Bộ Giáo dục cũng đã công bố hơn 200 điều lệ hành chính giáo dục. Đây chính là khung cơ bản của hệ thống pháp luật, pháp qui giáo dục ở Trung Quốc. Có thể nói sau kinh tế, giáo dục đã trở thành lĩnh vực lập pháp nhiều nhất, đảm bảo thực hiện mục tiêu phát triển.

- Để chuẩn bị đón nhận nền kinh tế tri thức mà nhiều nhà khoa học cho rằng sẽ có diện mạo hoàn toàn mới mẻ và thay thế nền kinh tế công nghiệp đã chiếm vị trí thống trị nền kinh tế thế giới hơn 200 năm qua, Trung Quốc đã sớm thực hiện chiến lược “khoa giáo hưng quốc” trong đó có chủ trương đưa khoa học kỹ thuật vào đời sống và phổ cập tin học vào các nhà trường. Trong suốt thời gian tiến hành công cuộc cải cách mở cửa, tư tưởng cốt lõi của giáo dục là thực hiện “ba hướng tới” đã được Đặng Tiểu Bình nêu ra từ hội nghị toàn quốc về công tác giáo dục tháng 4 năm 1978, đó là giáo dục phải hướng tới hiện đại hóa, hướng tới thế giới và hướng tới tương lai và “phải dạy cho trẻ em cũng sử dụng tốt máy tính”. Điều này không chỉ đơn thuần là dạy sử dụng máy cho trẻ em mà còn bao hàm ý tưởng ngay ở các cấp học thấp, học sinh cũng phải được tiếp cận với khoa học hiện đại, có như vậy mới có điều kiện để tiếp

thu khoa học tiên tiến của thế giới. Từ khi Trung Quốc tăng cường triển khai thực hiện nhiệm vụ chiến lược “khoa giáo hưng quốc”, để thực hiện “ba hướng tới” nhất là nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và sáng tạo tri thức trong nhà trường cũng như yêu cầu thúc đẩy ứng dụng và chuyển hóa thành quả nghiên cứu sáng tạo khoa học kỹ thuật, vấn đề tin học hoá trong các cơ quan giáo dục và nhà trường các cấp càng trở nên bức thiết. Bước sang giai đoạn hoàn thiện thể chế giáo dục, cùng với việc tăng số lượng và chất lượng chiêu sinh ở các trường đại học, cao đẳng và cả ở các trường cao trung, Bộ Giáo dục đã tích cực phổ cập tin học trong nội bộ ngành. Đến cuối năm 2000 riêng ngành giáo dục phổ thông Trung Quốc đã có gần 50 triệu học sinh, gần 70 ngàn trường học các cấp đã triển khai giáo dục công nghệ thông tin, xây dựng gần 5700 trang website. Từ năm 2001 tất cả các trường học ở các thành phố lớn và vừa đã đưa công nghệ thông tin vào chương trình chính khóa. Bộ đã chỉ đạo hoàn thành mạng Internet giáo dục toàn cầu (www), mạng này bao gồm cả websites chung và chuyên biệt. Mạng của Bộ giáo dục Trung Quốc có bản chữ Anh và bản chữ Trung được kết nối tới tất cả các sở giáo dục, các trường cao đẳng và đại học trong cả nước. Căn cứ vào kết quả trên, Bộ Giáo dục đã lên kế hoạch phổ cập tin học đến 90% đối với các trường trung học và tiểu học. Vào những năm đầu của thế kỷ mới, ngành giáo dục đã sử dụng mạng của Bộ cũng như của các cơ quan giáo dục ở các địa phương vào tuyển sinh đại học.

- Nhằm giúp đỡ các tỉnh ở khu vực phía Tây mà kinh tế còn khó khăn thực hiện phổ cập giáo dục bắt buộc giai đoạn từ năm 1995 đến 2000 và thực hiện chiến lược “khoa giáo hưng quốc” mà Trung ương Đảng, Quốc vụ viện đề ra, Ủy ban Giáo dục nhà nước trước đây và Bộ Tài chính đã triển khai “Chương trình giáo dục bắt buộc ở các khu vực nghèo”. Chương trình này là một chương trình lớn được thực hiện ở 383 huyện nghèo của 12 tỉnh thuộc những khu vực kinh tế phát triển trung bình, đã đạt được những hiệu quả rõ rệt, góp phần thúc đẩy phát triển sự nghiệp giáo dục kinh tế và xã hội. Hơn 5,6 tỷ NDT vốn đã được đầu tư vào khu vực này trong đó Trung ương cấp 1,5 tỷ, đã xây dựng hơn 42.000 trường học, về cơ bản đã thực hiện được mục tiêu mong muốn.

2/ Khó khăn và hạn chế

Có thể nói giáo dục Trung Quốc trong thời kỳ cải cách mở cửa đã có nhiều thành tựu đáng khâm phục. Tuy nhiên do những nguyên nhân lịch sử cũng như những đặc điểm riêng của tình hình giáo dục trong thời kỳ xây dựng đất nước nên trong thời gian qua ngành giáo dục vẫn còn tồn tại những khó khăn và hạn chế nhất định.

◆ Một trong những hạn chế là tư tưởng giáo dục chậm đổi mới, việc nghiên cứu lý luận giáo dục còn lạc hậu so với nghiên cứu khoa học tự nhiên và khoa học xã hội khác, nhất là lạc hậu so với việc nghiên cứu lý luận kinh tế và thực tiễn giáo dục. Trong quá trình phát triển tuy đã chú trọng đến việc

nghiên cứu lý luận giáo dục nhưng phương pháp nghiên cứu cũng còn biểu hiện thiếu sót như thoát ly thực tế, mới chỉ dừng lại ở trình độ thấp là tổng kết kinh nghiệm và mang tính chất mô tả giản đơn, thiếu quan điểm hệ thống.

Thực tiễn tổ chức chỉ đạo giáo dục trong những năm đầu của thời kỳ cải cách cho đến những năm cuối thế kỷ XX ở Trung Quốc đã cho thấy hai khuynh hướng lệch lạc phổ biến về mặt tư tưởng giáo dục:

- Một là đã đối lập nhu cầu xã hội với nhu cầu cá nhân, đối lập sự phát triển toàn diện với sự phát triển cá tính và thường chỉ nhấn mạnh một mặt.

- Hai là không xác định đúng trọng tâm của giáo dục đào tạo trong giai đoạn này là phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế làm trọng tâm cho công cuộc xây dựng XHCN đặc sắc Trung Quốc, do vậy đã không chuyển từ việc giáo dục lấy truyền thụ tri thức văn hoá làm mục đích sang việc giáo dục lấy việc thoả mãn nhu cầu xã hội và nhu cầu cá nhân làm mục đích. Vì vậy, lâu nay tại hầu hết các địa phương, các nhà trường ở Trung Quốc đều chỉ chú trọng chạy theo tỷ lệ lên lớp và đã tách rời việc dạy học ra khỏi công tác giáo dục tư tưởng, coi nhẹ giáo dục lao động, giáo dục kỹ thuật tổng hợp và giáo dục hướng nghiệp. Nhà trường mặc dù là nơi tập trung nhiều cán bộ có trình độ nhưng chưa thực sự gắn kết các hoạt động khoa học với sự phát triển kinh tế ở địa phương, v.v...

♦ Nhận xét khách quan trên toàn bộ hệ thống giáo dục, chất lượng giáo dục không đồng đều và còn phân cấp thành nhiều tầng bậc. Trình độ tổng thể giáo dục cơ sở chưa cao, cung cầu giáo dục vẫn còn mâu thuẫn, đỉnh cao là số lượng học sinh sơ trung theo kế hoạch 5 năm lần thứ X tăng nhiều, trong khi cơ chế quản lý và kinh phí đầu tư chưa theo kịp, do vậy cơ sở vật chất nhiều nơi còn thiếu không đáp ứng đủ yêu cầu. Kèm theo với số lượng học sinh tăng, số lượng giáo viên cũng tăng nhưng nguồn thu của nhiều địa phương nhất là ở miền Tây không kịp nên hiện tượng trả chậm, nợ tiền lương giáo viên vùng nông thôn vẫn còn tương đối phổ biến. Tại nhiều vùng số lượng giáo viên phổ thông các cấp chưa đạt chuẩn vẫn còn nhiều. Trong cách so sánh tương đối vẫn có thể coi Trung Quốc là "đất chật, người đông" nên phát triển kinh tế vẫn khó khăn và tất nhiên phát triển giáo dục cũng là vấn đề không dễ giải quyết.

♦ Tình trạng giáo viên không đáp ứng yêu cầu cũng như cơ chế quản lý giáo dục lạc hậu không chỉ ở các trường phổ thông mà còn ở cả các trường đại học. Tại hội nghị về công tác cải cách thể chế quản lý giáo dục đại học và cao đẳng tổ chức ở Bắc Đới Hà năm 1996, nguyên Thủ tướng Quốc vụ viện Lý Bằng đã nói: "Về mặt tổng thể mà nói, tiến trình cải cách thể chế quản lý giáo dục đại học và cao đẳng vẫn tụt hậu so với nhu cầu cải cách thể chế kinh tế và phát triển xã hội, chưa thích ứng với việc xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN".

◆ Đối với giáo dục ở nông thôn, các trường học phổ thông trên thực tế lại áp dụng mẫu trường ở thành phố, không có dấu ấn, đặc điểm của nông thôn. Mặt khác quan niệm phát triển lại theo đuổi một cách phiến diện, chỉ nghiêng về tăng số người học nên chất lượng ảnh hưởng rất nghiêm trọng. Thu nhập ở nông thôn thấp nên học sinh cao trung học nghề và ngay cả bậc phổ thông bình thường sau khi tốt nghiệp đều không muốn quay về nông thôn làm việc do vậy thiếu nhân lực xây dựng nông thôn. Mặt khác, hiện nay do nông thôn thiếu việc làm, số nông dân đi ra thành phố tìm việc trở thành những người lưu động và số cán bộ mới bị thôi việc tăng nên bản thân họ và con cái họ thực tế đã trở thành mù chữ và nửa mù chữ nhưng không thống kê được. Hơn nữa do ảnh hưởng của tư tưởng trọng nam khinh nữ nên ở vùng nông thôn và miền núi nhiều gia đình do kinh tế khó khăn nên không cho các trẻ em gái đến trường. Theo báo cáo gần đây của Hội liên hiệp phụ nữ Trung Quốc, có đến 16% phụ nữ sinh sống tại vùng nông thôn ước khoảng 55 triệu người không biết đọc, viết.

◆ Đối với vùng dân tộc thiểu số, do những nguyên nhân lịch sử cũng như những đặc điểm riêng của từng khu tự trị nên một bộ phận vẫn còn tồn tại những khó khăn nhất định. Nhìn trên mức độ tổng thể, mới chỉ khoảng 2/3 số dân của các khu tự trị đã được tiếp thu nền giáo dục mới tuy chỉ ở mức độ thấp, còn lại 1/3 số dân điều kiện tiếp thu rất khó khăn. Mặt khác do quá thiên về bề rộng mà chưa chú ý

đúng về bề sâu, nghĩa là chất lượng chưa được quan tâm đúng đắn nên chất lượng học tập phổ thông ở miền núi là tương đối thấp. Ở đây ít em học sinh được xếp loại học khá giỏi về học lực trong khi đó số học sinh yếu thường chiếm tỷ lệ cao, có khi và có nơi chiếm đến trên 20%. Đa số học sinh trung bình nhưng thật ra là yếu so với vùng thấp. Thậm chí nhiều em đã học đến 3, 4 năm vẫn mù chữ. Nhiều lớp học phổ cập tiểu học nhưng trên thực tế chỉ là những lớp học chống tái nửa mù chữ. Vì vậy số người mù chữ và nửa mù chữ trên thực tế nhiều năm số lượng giảm không đáng kể.

♦ Đối với giáo dục hướng nghiệp, tuy Trung Quốc đã có Luật giáo dục hướng nghiệp được ban hành từ năm 1996, nhưng thực tế việc thực hiện vẫn còn nhiều vấn đề phải giải quyết. Điển hình là do không nắm bắt được yêu cầu thực sự của nền kinh tế thị trường nên xu hướng chọn ngành, chọn trường theo “phong trào” chứ không theo năng lực, nhu cầu dẫn đến tình hình thừa thiếu của các ngành nghề cũng như lãng phí kinh phí đào tạo. Thí dụ vào thời gian cuối thế kỷ XX sau khi tốt nghiệp đại học, sinh viên dễ tìm được việc làm với thu nhập hàng tháng từ 2500 NDT đến 3000 NDT. Vì vậy từ năm 1999 Trung Quốc có hiện tượng bùng nổ tuyển sinh đại học (Năm 1997, 1998 số sinh viên ở Trung Quốc khoảng 100 và 108 triệu thì 1999, 2000, 2001, 2002 lần lượt là 159,7; 220,6; 268,3; 320,5 triệu). Thực tế sau một số năm, số lượng công việc được tạo thêm không

tăng lên nhiều, không đáp ứng đủ yêu cầu của xã hội, nên một lượng lớn sinh viên tốt nghiệp không tìm được việc làm kể cả chấp nhận thu nhập chỉ ở mức 600 NDT đến 800 NDT. Trừ số sinh viên tốt nghiệp ở các trường danh tiếng còn có thể tìm được việc làm theo chuyên ngành được đào tạo, sinh viên tốt nghiệp nói chung sẵn sàng nhận bất cứ công việc gì kể cả đi làm vệ sĩ. Nhiều sinh viên cảm thấy tiếc vì thu nhập quá thấp không tương xứng với số tiền cha mẹ đã đầu tư và công sức học tập trong những năm ở đại học và họ cho rằng nếu được làm lại họ sẽ chọn con đường học nghề.

◆ Đối với việc chỉ đạo công tác giáo dục, cũng chưa có một chính sách thật tốt xuất phát từ thực tế của các địa phương, các dân tộc để chỉ đạo công tác giáo dục. Việc điều tra khảo sát hoàn cảnh cụ thể của từng tỉnh, từng khu tự trị cũng như đặc điểm của từng dân tộc để đưa ra các chính sách cụ thể cũng chưa tiến hành thật đầy đủ. Chính sách dạy tiếng và dạy chữ chưa chú ý xuất phát từ việc nâng cao chất lượng giáo dục và sự phát triển lâu dài của các dân tộc cũng như tình trạng thực tế không đồng đều ở các dân tộc. Giáo trình được in bằng chữ dân tộc còn rất ít mà giá thành cao, chất lượng kém.

◆ Bước sang những năm đầu của thế kỷ mới, nhất là sau khi Trung Quốc gia nhập WTO, giáo dục cũng được đặt trước những thách thức mới. Một trong những vấn đề đó là trình độ nhân lực lao động ở Trung Quốc thấp. Nguyên

nhân chủ yếu là do phân bố cư dân ở nông thôn nhiều (theo thống kê năm 1997 tỷ lệ dân số nông thôn là 70,8%), mà cư dân nông thôn đồng đồng nghĩa với số năm được tiếp nhận giáo dục thấp (trước năm 1990 số năm được tiếp nhận giáo dục bình quân ở Trung Quốc là 6,25 năm. Sau năm 1990 Trung Quốc đã nâng lên được 10,27 năm, tuy nhiên vẫn thấp so với thế giới). Sau khi Trung Quốc gia nhập WTO (2001), một yêu cầu được đặt ra với giáo dục là phải tiếp tục đào tạo bồi dưỡng lực lượng lao động có đủ trình độ, năng lực tiếp nhận những yêu cầu của quá trình toàn cầu hoá kinh tế, biết tiếp thu và vận dụng, sử lý những qui tắc do WTO đặt ra... trong khi hệ thống giáo dục vẫn còn có những điểm bất cập. Trong hoàn cảnh đó, các nước thành viên của khu vực kinh tế phát triển sẽ thâm nhập vào thị trường giáo dục Trung Quốc, trước hết là liên doanh, liên kết mở các trường học ở tất cả các cấp học. Điều này chắc chắn sẽ có xung đột với nền giáo dục truyền thống của Trung Quốc bởi thể chế giáo dục Trung Quốc được xây dựng và phát triển dưới thể chế kinh tế kế hoạch, là thể chế xây dựng trường lớp tập trung, thống nhất và đơn nhất. Do vậy, cải cách thể chế giáo dục, tích cực hoàn chỉnh để ban hành và thực hiện “Điều lệ hợp tác dạy học giữa Trung Quốc với nước ngoài” là yêu cầu bức thiết. Ngoài ra, để đáp ứng những yêu cầu của WTO, giáo dục Trung Quốc cũng đứng trước những vấn đề phức tạp mới như: giáo dục phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống trào lưu lợi dụng chính sách mở cửa để đẩy

manh tuyên truyền văn hoá phương Tây, phòng chống khả năng thẩm thấu văn hoá thông qua sách báo, phần mềm máy tính, tuyên truyền về cấm ma tuý và giáo dục về bảo vệ môi trường sinh thái... Đây cũng là những vấn đề mới trong công tác phổ cập giáo dục, là một trong những nội dung quan trọng của Trung Quốc hợp tác với Quỹ nhi đồng Liên Hợp Quốc.

*

* *

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV Đảng Cộng sản Trung Quốc đã xác định từ năm 1993 Trung Quốc bước vào giai đoạn ba cải cách sâu rộng và toàn diện với nhiệm vụ xây dựng nền kinh tế thị trường XHCN. Cùng với các văn kiện Đại hội, "Cương yếu cải cách và phát triển giáo dục Trung Quốc" công bố ngày 13 tháng 2 năm 1993 đã xác lập rõ mục tiêu cụ thể của giáo dục trong những năm 90 và thế kỷ mới. Trung Quốc đã đưa ra chủ trương cải cách thể chế giáo dục phải áp dụng đồng bộ, theo phương châm thúc đẩy từng bước. Chính phủ hoàn toàn chịu trách nhiệm về công tác dạy và học, từng bước thiết lập cơ chế Chính phủ là một chủ thể, tạo điều kiện để các tổ chức xã hội cũng có thể tham gia vào nhiệm vụ quan trọng này. Đối với ngành giáo dục phổ thông cải cách quan trọng là điều chỉnh kết cấu giáo dục sau tiểu học, sau sơ trung, sau cao trung, đồng thời chú trọng đến giáo dục toàn diện nhất là giáo dục đức dục.

Đối với giáo dục hướng nghiệp và giáo dục người trưởng thành trọng tâm của trọng tâm là thực hiện cơ bản phổ cập giáo dục nghĩa vụ 9 năm trên toàn quốc, cơ bản thanh toán nạn mù chữ trong tầng lớp tráng niên gọi tắt là "hai cơ bản", tổng kết và mở rộng "song nguyên chế" để thực hiện nhiệm vụ cơ bản hiện đại hoá đất nước. Tiếp tục tiến hành cải cách thể chế giáo dục ở đại học và cao đẳng, hoàn thiện thể chế phân cấp dạy và học cũng như phân cấp quản lý, từng bước hoàn thiện chế độ trách nhiệm lãnh đạo ở các trường.

Cùng với sự phát triển của công cuộc cải cách mở cửa, vị trí của giáo dục ở Trung Quốc ngày càng được nâng cao với phương châm giáo dục phục vụ công cuộc xây dựng hiện đại hoá XHCN và xây dựng CNXH cần phải dựa vào giáo dục, ngành giáo dục bước vào giai đoạn mới với nhiệm vụ chiến lược "khoa giáo hưng quốc". Để thực hiện nhiệm vụ và từng bước hoàn thiện thể chế giáo dục, ngoài việc quan tâm xây dựng đội ngũ giáo viên, ngành giáo dục phổ thông Trung Quốc quan tâm ưu tiên trong việc cải cách biên soạn chương trình, sách giáo khoa và bảo đảm các điều kiện dạy học. Đối với giáo dục hướng nghiệp Trung Quốc đã chú ý đến vấn đề làm thay đổi nhận thức về ngành nghề của học sinh. Trên cơ sở kinh nghiệm thực hiện "song nguyên chế" của giai đoạn trước, nhà trường cũng như các cơ quan quản lý giáo dục đã đưa nhiệm vụ giáo dục ngành nghề thường xuyên vào chương trình giáo dục hướng nghiệp. Trung

Quốc cũng chú trọng giải quyết mối quan hệ giữa giáo dục phổ thông và giáo dục hướng nghiệp, gắn giáo dục với lao động sản xuất. Giáo dục hướng nghiệp đã góp phần làm cho học sinh thay đổi được các quan niệm chưa thật thỏa đáng học nghề thực chất chỉ là học làm công nhân kỹ thuật bậc thấp. “nghề” chỉ là những ngành lao động chân tay đơn giản, thuần túy không cần kiến thức khoa học, học nghề chỉ là con đường lựa chọn cuối cùng... Từ đó số lượng học sinh học nghề tăng lên, đã góp phần thực hiện nhiệm vụ “khoa giáo hưng quốc”, “khoa giáo hưng thôn”.

Đối với giáo dục ở bậc đại học Trung Quốc xác định mục tiêu là bắt kịp và đón đầu tiến bộ của cuộc cách mạng khoa học công nghệ trên thế giới, đồng thời có thể giành - ưu thế trong cuộc cạnh tranh chi phối lĩnh vực công nghệ cao. Đây cũng chính là yêu cầu đặt ra của nhiệm vụ xây dựng toàn diện xã hội khá giả. Trước tình hình đó Bộ Giáo dục và các trường đại học đã thực hiện và từng bước hoàn thiện chế độ trách nhiệm Hiệu trưởng, Chủ nhiệm khoa... giao quyền tự chủ nhiều hơn cho các trường và các khoa. Cùng với việc ưu tiên kinh phí và khuyến khích nghiên cứu khoa học, việc thực hiện chế độ mời giáo viên và giáo viên thỉnh giảng đã thúc đẩy giáo dục đại học nâng cao chất lượng đào tạo.

Vào những năm cuối thế kỷ XX, khi xuất hiện khái niệm mới *kinh tế tri thức*, nhiệm vụ nâng cao chất lượng của lực lượng lao động được đặt trước một thách thức mới. Với

nhận thức chỉ có giáo dục mới có thể nâng cao tố chất con người và mới có thể đào tạo được những con người lao động hiện đại, Trung Quốc đã rất chú trọng phát triển giáo dục tin học ở nhà trường và đã áp dụng những thành công của công nghệ này vào mọi lĩnh vực của hoạt động giáo dục, trong đó đáng chú ý là những vận dụng vào các kỳ thi tuyển sinh ở các địa phương.

KẾT LUẬN

Trung Quốc đã xác định đúng đắn nhiệm vụ xây dựng và phát triển giáo dục nhằm đáp ứng yêu cầu về nguồn lực, nhân tài cho thời kỳ công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước. Trong thời kỳ cải cách, Trung Quốc đã kết hợp giữa phát triển với ổn định, giữa cải cách với điều chỉnh cơ cấu, giữa cải cách thành thị với cải cách nông thôn, giữa cải cách thể chế kinh tế với cải cách đồng bộ khoa học kỹ thuật, giáo dục, văn hóa và chính trị. Tất cả đã tạo nên đặc điểm cải cách mở cửa Trung Quốc. Phương châm của Trung Quốc là: "Nắm vững thời cơ, đi sâu cải cách, mở rộng mở cửa, thúc đẩy phát triển, duy trì ổn định", đó chính là quốc sách, là phương pháp cơ bản để thành công. Trong quá trình cải cách, Trung Quốc nhận thức đúng đắn cải cách giáo dục là một quá trình khó khăn, phức tạp, gian nan, luôn luôn tiềm ẩn khả năng thất bại. Đặc thù của cải cách giáo dục không như các cải cách khác bởi nó liên quan đến con người, có khi là cả một thế hệ, vì vậy cần phải xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn, coi trọng phương pháp và phương thức cải cách, căn cứ vào yêu cầu phát triển khách quan của lực lượng sản xuất để tìm ra những bước đi thích hợp. Đồng thời, thực tiễn cải cách giáo

dục cũng không được xa rời sự chỉ đạo lý luận, không có lý luận cải cách đúng đắn thì sẽ không có thực tiễn cải cách thành công. Thực tiễn từ sau Hội nghị Trung ương 3 khoá XI đến nay chứng tỏ cải cách thể chế của Trung Quốc là phù hợp với yêu cầu của tình hình mới. Trung Quốc đã cơ bản hoàn thành bước chuyển biến quan trọng về quan niệm trong quá trình chuyển đổi từ thể chế kinh tế kế hoạch sang thể chế kinh tế thị trường.

Trong quá trình cải cách và phát triển giáo dục, Trung Quốc đã xử lý chính xác mối quan hệ giữa hiệu suất với công bằng. Nếu ở cải cách kinh tế Trung Quốc chấp nhận có những vùng giàu có trước để tiến tới cùng giàu có thì trong cải cách giáo dục Trung Quốc cũng chấp nhận có những vùng phổ cập trước và sau đó tiến tới cùng phổ cập. Đây cũng là một quyết định sáng tạo bởi các vùng của Trung Quốc khác nhau rất nhiều về điều kiện tự nhiên cũng như kinh tế. Trong điều kiện hiện tại, Trung Quốc không thể làm cho mọi vùng, mọi ngành nghề cùng được phổ cập như nhau. Nếu phổ cập đồng loạt, tốc độ sẽ rất chậm đồng nghĩa với điều kiện tiếp nhận văn hoá, khoa học kỹ thuật của nhân dân Trung Quốc so các nước phát triển càng ngày càng chênh lệch. Muốn hiện đại hoá đất nước, muốn xây dựng thành công CNXH đặc sắc Trung Quốc thì không thể kéo dài tình trạng chênh lệch đó, không thể để nhân dân, nhất là lứa tuổi lao động vẫn tồn tại cuộc sống nghèo khó, mù chữ, mù khoa học. Chính vì vậy, Trung

Quốc phải để một bộ phận có điều kiện kinh tế, được phổ cập giáo dục ở bậc sơ trung trước, trong khi đó nhiều nơi vẫn tiếp tục thực hiện xóa mù chữ cho đa số nhân dân và đến những năm gần đây có những vùng bắt đầu tiến hành phổ cập bậc cao trung trong khi nhiều vùng vẫn đang phổ cập tiểu học. Điều này đã giải quyết một cách hợp lý vấn đề quan hệ giữa kinh tế, xã hội và giáo dục. Trong quá trình chỉ đạo, Bộ Giáo dục và chính quyền các cấp đã chú ý triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và biện pháp hữu hiệu để phát triển giáo dục, đồng thời cũng xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, coi trọng việc hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm là đòn bẩy, đột phá khẩu cho việc thực hiện các nhiệm vụ khác. Để giáo dục phát triển, các cơ quan quản lý đã triệt để tháo gỡ mọi rào cản bất hợp lý, thực hiện đổi mới cơ chế giáo dục theo hướng tập trung quản lý vĩ mô vào tay Nhà nước và tăng cường phân cấp quản lý vi mô cho chính quyền và các cơ sở giáo dục ở địa phương.

Trung Quốc đã xác định rất rõ, đất nước phát triển nhờ có khoa học và giáo dục phát triển. Ngày nay, khoa học kỹ thuật và giáo dục là những điểm cạnh tranh quyết liệt của các nước trên thế giới. Nhìn xuyên suốt lịch sử phát triển của thế giới, từ cuộc cách mạng công nghiệp Anh, cuộc tranh hùng kinh tế của Mỹ và sự thần kỳ của nền kinh tế Nhật Bản sau chiến tranh, chắc chắn đều là kết quả của việc ưu tiên phát triển khoa học kỹ thuật và coi trọng giáo dục của các nước này. Nói một cách cụ thể là, nước nào dẫn

dầu trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và giáo dục thì nước đó sẽ thành công trong lĩnh vực phát triển. Nhận thức được điều này, Trung Quốc thực hiện chiến lược chấn hưng đất nước bằng khoa học kỹ thuật và giáo dục và coi là quyết sách chiến lược trọng đại là phương châm duy trì lâu dài để đảm bảo cho sự phát triển của đất nước.

Một trong những nhiệm vụ được ưu tiên là xây dựng đội ngũ giáo viên. Muốn phát triển giáo dục, một nhiệm vụ được ngành giáo dục Trung Quốc chú ý ưu tiên là xây dựng và chuẩn hoá đội ngũ giáo viên, đề ra những chính sách động viên toàn diện khả năng của đội ngũ này bởi họ chính là nhân tố trực tiếp tác động đến sự thành bại của sự nghiệp cải cách giáo dục. Trong giáo dục đào tạo ngoài việc truyền thụ kiến thức văn hoá, giáo viên còn có nhiệm vụ hình thành các phẩm chất cơ bản nhất cho học sinh, thực sự quán triệt phương châm gắn giáo dục với lao động sản xuất, tránh tình trạng chỉ biết đến "dạy chữ".

Quan tâm toàn diện, tạo điều kiện để ngành giáo dục đáp ứng được yêu cầu phát triển của xã hội. Trong thời gian qua, khi xây dựng chương trình giảng dạy và các hoạt động của nhà trường, ngành giáo dục Trung Quốc đã quan tâm đến đặc điểm tâm lý của thanh niên với phương châm nhà trường là khâu trung gian cho sự kết hợp giữa khoa học công nghệ và kinh tế, đào tạo những con người lao động có khả năng thích ứng với sự phát triển ở địa phương. Để đạt mục tiêu này, nhiệm vụ giảng dạy được kết hợp với

nhiệm vụ nghiên cứu, tăng cường giảng dạy thực nghiệm và xây dựng cơ sở cho các chương trình kỹ thuật nhằm phát huy đầy đủ vai trò của kỹ thuật giáo dục hiện đại. Chính quyền các cấp không chỉ ưu tiên đầu tư đúng mức mà còn động viên các nguồn lực xã hội cùng tham gia đầu tư phát triển giáo dục. Trong quá trình cải cách, các trường đã được quan tâm ưu tiên đầu tư ở mức cao của Trung Quốc như Bắc Đại và Thanh Hoa nhưng vẫn còn thấp hơn nhiều so với thế giới. Vì vậy Trung Quốc chú trọng phương châm “ba tăng trưởng” để thu hút các nguồn đầu tư giáo dục. Mặt khác, Trung Quốc cũng giải quyết tốt mối quan hệ giữa tham khảo kinh nghiệm nước ngoài với tình hình thực tế trong nước, thành công của thực hiện “song nguyên chế” trong phân luồng giáo dục, giảm bớt áp lực đối với việc tuyển sinh đại học cũng chính là từ kinh nghiệm này.

PHỤ LỤC

CÁC SỰ KIỆN CHÍNH CỦA GIÁO DỤC TRUNG QUỐC THỜI KỲ TỪ 1978 ĐẾN 2003

** Năm 1978.*

Tháng 7: Quốc vụ viện phê chuẩn quyết định phục hồi hoạt động của Sở Nghiên cứu khoa học giáo dục ở Trung ương.

Bộ Giáo dục xác định chế độ học cơ bản của cấp trung học, tiểu học và bố trí giáo trình, khôi phục lại chế độ biên tập và thẩm định tài liệu, ổn định trật tự giảng dạy trong các nhà trường.

** Năm 1979*

Tháng 1: Ủy ban Khoa học kỹ thuật Nhà nước, Bộ Giáo dục và Bộ Nông lâm liên hợp tổ chức hội nghị toàn quốc về công tác nghiên cứu khoa học ở các trường đại học cao đẳng.

Tháng 2: Quốc vụ viện tổ chức hội nghị trừ bì về phát thanh truyền hình đại học ở Trung ương và 28 tỉnh, thành phố trực thuộc và khu tự trị.

Tháng 3: Trung ương, Quốc vụ viện, Bộ Giáo dục phối hợp thành lập Tiểu tổ nghiên cứu về chế độ học vị.

Tháng 12 thông qua dự thảo chế độ học vị của nước CHND Trung Hoa.

Tháng 6: Bộ Giáo dục ra thông tri gửi các địa phương về vấn đề cải cách chế độ học tập của học sinh phổ thông từ 10 năm trở lại chế độ 12 năm.

Bộ Giáo dục triệu tập hội nghị các trường đại học trực thuộc để thảo luận về vấn đề sửa đổi chương trình của các ngành khoa học tự nhiên và vấn đề giảng dạy đại cương ở đại học.

** Năm 1980.*

Tháng 1: Đặng Tiểu Bình trình bày báo cáo tại hội nghị cán bộ Trung ương "Tình hình và nhiệm vụ trước mắt", đưa ra vấn đề: Sự phát triển kinh tế và sự phát triển giáo dục, khoa học, văn hoá, y tế có sự mất cân đối. Các chi phí cho các lĩnh vực này còn rất ít, không hợp lý. Nói chung, chúng ta không thể không nỗ lực tăng cường kinh phí cho giáo dục, văn hoá, khoa học và y tế... Bằng bất cứ giá nào hàng năm cũng phải tăng chi phí vào trọng điểm của các phương diện này, nếu không không thể thực hiện hiện đại hóa được.

Tháng 2: Hội nghị lần thứ 13 đại hội đại biểu nhân dân khoá V thông qua "Chế độ học vị của nước CHND Trung Hoa" và chế độ này sẽ được thực hiện từ ngày 1 tháng 1 năm 1981.

Tháng 9: Bộ Giáo dục đề xuất và được Quốc vụ viện phê chuẩn "Kiến nghị về việc nỗ lực phát triển giáo dục đại

học và cao đẳng với hình thức hàm thụ và các lớp đại học ban đêm". Kiến nghị đưa ra vấn đề giáo dục đại học và cao đẳng nên quán triệt phương châm phải đi bằng hai chân, áp dụng các hình thức đa dạng trong công tác dạy và học.

Cũng trong tháng 9 Bộ Tài chính triệu tập hội nghị toàn quốc về cải cách công tác hành chính tài vụ trong văn hoá giáo dục. Trao đổi về phương án "dự toán khoán trắng" và phương pháp kinh tế quản lý dạy học.

Tháng 10: Bộ Giáo dục và Tổng cục Lao động quốc gia đề nghị Quốc vụ viện phê chuẩn "Báo cáo những vấn đề liên quan đến cải cách kết cấu giáo dục trung cấp". Báo cáo đề xuất cải cách kết cấu giáo dục trung học cả về nội dung và đường lối và các công tác liên quan đến giáo dục hướng nghiệp.

Tháng 12: Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đưa ra "Quyết định về một số vấn đề về phổ cập giáo dục tiểu học".

Quốc vụ viện thành lập Ủy ban học vị Trung Quốc. Ủy ban đã tiến hành họp phiên đầu tiên trong tháng 12 thông qua "Các biện pháp tiến hành thực hiện dự thảo chế độ học vị của nước CHND Trung Hoa", "Các phương pháp và nguyên tắc phong tặng chế độ học vị của Ủy ban học vị Quốc vụ viện".

** Năm 1981.*

Tháng 1: Quốc vụ viện phê chuẩn "Báo cáo các biện pháp tiến hành thi tuyển đối với giáo dục đại học và cao

đảng", quyết định thành lập Ủy ban toàn quốc kiểm tra trình độ đối với giáo dục đại học và cao đẳng trực thuộc Quốc vụ viện để lãnh đạo thực hiện chế độ thi tuyển.

** Năm 1982.*

Tháng 10: Ủy ban toàn quốc kiểm tra trình độ đối với giáo dục đại học và cao đẳng đổi thành Ủy ban toàn quốc chỉ đạo thi tuyển đối với giáo dục đại học và cao đẳng, do Bộ Giáo dục lãnh đạo và quản lý.

** Năm 1983.*

Tháng 4: Quốc vụ viện phê chuẩn báo cáo của Bộ giáo dục và Ủy ban kế hoạch quốc gia về tăng nhanh tốc độ phát triển giáo dục đại học và cao đẳng bằng nhiều hình thức, nhiều tầng lớp, nhiều dạng. Cũng trong tháng 4 tại Vũ Hán triệu tập hội nghị về công tác giáo dục bàn nhiệm vụ trọng tâm: *tăng nhanh tốc độ phát triển giáo dục đại học và cao đẳng.*

** Năm 1984.*

Mùa Thu, các cơ quan chính quyền cấp tỉnh đã nghiệm thu cho 393 huyện đạt yêu cầu phổ cập giáo dục tiểu học.

Tháng 10: Trung ương Đảng quyết định đưa vấn đề cải cách thể chế giáo dục vào chương trình nghị sự hàng ngày.

** Năm 1985.*

Tháng 5: Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc công bố: "Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc

về cải cách thể chế giáo dục". Theo đà cải cách thể chế kinh tế, yêu cầu cải cách thể chế giáo dục, cải cách thể chế kỹ thuật càng ngày càng trở nên cấp thiết để giải quyết các nhiệm vụ mang tính chiến lược. "Quyết định" xác định rõ tư tưởng chỉ đạo và mục đích căn bản cải cách thể chế giáo dục là nâng cao trình độ của các dân tộc, đào tạo được nhiều nhân tài và những nhân tài có trình độ cao.

Bộ Giáo dục cải cách lại để đáp ứng với nhiệm vụ mới và đổi tên thành Ủy ban Giáo dục Nhà nước.

** Năm 1986.*

Tháng 4: Hội nghị lần thứ 4 Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khóa VI thông qua "Luật giáo dục nghĩa vụ nước CHND Trung Hoa". Công bố tại lệnh số 38 của Chủ tịch nước CHND Trung Hoa.

** Năm 1987.*

Tháng 6: Quốc vụ viện phê chuẩn "Quyết định của Ủy ban Giáo dục Nhà nước về vấn đề cải cách và phát triển của giáo dục đối với người trưởng thành". Quyết định đề xuất: giáo dục đối với người trưởng thành là một bộ phận hợp thành trọng yếu của giáo dục quốc gia. Trong toàn bộ sự nghiệp giáo dục, giáo dục đối với người trưởng thành và giáo dục cơ sở, giáo dục kỹ thuật hướng nghiệp, giáo dục trung học phổ thông có vị trí quan trọng như nhau.

** Năm 1988.*

Tháng 8 Quốc vụ viện phê chuẩn, Ủy ban Giáo dục Nhà nước tiến hành bố trí thực hiện trên toàn Trung Quốc "kế hoạch lan rộng" với mục đích thông qua cải cách và phát triển giáo dục sử dụng tất cả mọi nguồn lực của địa phương để nâng cao toàn diện đời sống người lao động ở nông thôn, từ đó tăng cường khả năng tiếp nhận và vận dụng khoa học kỹ thuật, nâng cao trình độ kinh doanh, trình độ quản lý, thúc đẩy tăng trưởng nông nghiệp, góp phần xây dựng kinh tế phát triển và xây dựng văn minh tinh thần XHCN.

** Năm 1989.*

Tháng 10: Do sáng kiến của Đoàn Thanh niên và Đội Thiếu niên, Ủy ban Giáo dục Nhà nước xây dựng và phát triển trong toàn quốc "công trình hy vọng".

** Năm 1990.*

10 ngành ở Trung ương liên hợp thành lập "Tiểu tổ phối hợp công tác thanh toán nạn mù chữ toàn quốc", hình thành cục diện mới là các ngành liên quan cùng bố trí kiểm tra, biểu dương, thúc đẩy công tác thanh toán nạn mù chữ.

** Năm 1991.*

Tháng 2: Sau 2 năm chuẩn bị các học sinh tốt nghiệp đại học và cao đẳng trong toàn quốc bắt đầu được tự tìm việc và được phép làm việc ở ngoài các cơ quan, đơn vị của Nhà nước.

Tháng 8: Bộ Kinh tế Nhân sự phê chuẩn đổi tên Trung tâm quản lý khảo thí của Ủy ban Giáo dục Nhà nước thành Trung tâm khảo thí của Ủy ban Giáo dục Nhà nước.

Tháng 10: Quốc vụ viện công bố "Quyết định về việc nỗ lực phát triển giáo dục kỹ thuật hướng nghiệp", quyết định giải thích rõ: Đối với công tác giáo dục ở thành phố sau năm thứ 3 cao trung có thể phân chia, trong đó có một bộ phận có thể tiến hành giáo dục kỹ thuật hướng nghiệp mang tính chuẩn bị hoặc tính định hướng. Đối với giáo dục ở nông thôn căn cứ vào tình hình thực tế của từng địa phương có thể áp dụng "3 tăng 1", nghĩa là sau 3 năm sơ trung năm thứ 4 có thể đi sâu vào nội dung hướng nghiệp hoặc các dạng ngành nghề khác.

Cuối năm, Quốc vụ viện công bố toàn quốc bắt đầu thực hiện dự án "Công trình 211". Theo kế hoạch của Trung Quốc, trọng điểm của "Công trình 211" là vào thế kỷ 21 sẽ tập trung xây dựng 100 trường học và 1000 cơ sở nghiên cứu để đưa một bộ phận trong đó tiến kịp trình độ khoa học kỹ thuật tiên tiến. Nâng cao chất lượng giáo dục, nâng cao trình độ nghiên cứu khoa học, trình độ quản lý để các trường này có thể sánh kịp với các trường đại học nổi tiếng của thế giới.

** Năm 1992.*

Tháng 2: Quốc vụ viện phê chuẩn "Quy định chi tiết thực hiện Luật Giáo dục nghĩa vụ của nước CHND Trung Hoa".

Tháng 3: Ủy ban Giáo dục Nhà nước và Ủy ban học vị của Quốc vụ viện công bố chế độ nghiên cứu sinh và công tác học vị theo kế hoạch "8.5" và qui hoạch trọng điểm 10 năm.

Tháng 8: Ủy ban Giáo dục Nhà nước triệu tập hội nghị toàn quốc để tổng kết kinh nghiệm của giáo dục đại học và cao đẳng đối với người trưởng thành và các lực lượng xã hội tham gia công tác giáo dục từ thời kỳ cải cách mở cửa đến tháng 8 năm 1992, thảo luận chính sách và phương châm phát triển trong thời kỳ cải cách và từ nay về sau.

** Năm 1993.*

Tháng 2: Trung ương Đảng, Quốc vụ viện công bố "Cương yếu về cải cách và phát triển giáo dục Trung Quốc". "Cương yếu" xác lập rõ mục đích cụ thể phát triển giáo dục trong những năm 1990 là: cơ bản phổ cập giáo dục nghĩa vụ 9 năm trên toàn quốc, cơ bản thanh toán nạn mù chữ trong tầng lớp tráng niên, gọi tắt là "hai cơ bản". Căn cứ vào cải cách thể chế kinh tế, thể chế chính trị, thể chế khoa học kỹ thuật, trong những năm 1990 cải cách thể chế giáo dục nên áp dụng đồng bộ theo phương châm thúc đẩy cải cách cơ cấu, từng bước thiết lập cơ chế Chính phủ chỉ là một chủ thể, các giới xã hội khác cũng có thể chế tham gia vào công cuộc dạy và học.

Tháng 3: Ủy ban Giáo dục Nhà nước công bố "Cương yếu đức dục tiểu học", quyết định sau khi khai giảng toàn bộ các trường tiểu học trên toàn quốc sẽ thực hiện.

Tháng 10: Hội nghị lần thứ 4 Ủy ban Thường vụ Đại hội đại biểu Nhân dân toàn quốc khoá VIII thông qua “Luật giáo viên của nước CHND Trung Hoa”. Công bố tại lệnh số 15 của Chủ tịch nước CHND Trung Hoa.

Ủy ban Giáo dục đưa ra một kế hoạch tổng thể các hệ thống pháp luật pháp qui lập pháp giáo dục. Các luật này được ban hành có thứ tự, mỗi năm một luật.

** Năm 1994.*

Tháng 6: Trung ương Đảng, Quốc vụ viện triệu tập hội nghị công tác giáo dục toàn quốc, triển khai và động viên toàn diện thực hiện “Cương yếu phát triển và cải cách giáo dục Trung Quốc”. Hội nghị lần này mở ra một thời kỳ lịch sử mới, động viên toàn Đảng, toàn xã hội tiến thêm một bước cả về tư tưởng cũng như hành động nâng cao nhận thức ưu tiên phát triển giáo dục và nâng cao địa vị của giáo dục, là hội nghị trọng yếu thúc đẩy phát triển và cải cách giáo dục. Tại hội nghị Ủy ban Giáo dục công bố việc thành lập “Trung tâm nghiên cứu lý luận Đặng Tiểu Bình” để tổ chức soạn thảo “Cương yếu học tập tư tưởng giáo dục của Đặng Tiểu Bình” nhằm thúc đẩy việc học tập lý luận Đặng Tiểu Bình trong các trường học.

Sau hội nghị Quốc vụ viện phê chuẩn và công bố chỉ thị về việc thực hiện “Cương yếu phát triển và cải cách giáo dục Trung Quốc”, qui định tiến độ, các giai đoạn và bước đi cụ thể để thực hiện tốt nhất “Cương yếu”. Cũng thời gian này Ủy ban Giáo dục bắt đầu tổ chức thực hiện “Kế hoạch

cải cách dạy và học ở các trường đại học và cao đẳng hướng tới thế kỷ XXI”.

** Năm 1995.*

Tháng 3: Hội nghị lần thứ 3 Đại hội đại biểu Nhân dân toàn quốc khoá VIII thông qua “Luật giáo dục nước CHND Trung Hoa” và công bố tại Lệnh số 45 của Chủ tịch nước CHND Trung Hoa.

Tháng 5: Văn phòng Ủy ban Giáo dục cho công bố chỉ thị về việc thực hiện công tác thí điểm cải cách tổng hợp giáo dục ở thành phố. Trên cơ bản công tác cải cách giáo dục tổng hợp tại các thành phố sau một số năm thực hiện đã có những tiến bộ to lớn, Ủy ban Giáo dục nhận thấy cần tổng kết kinh nghiệm và có thể tiến hành chuẩn bị dự thảo “Cương yếu chỉ đạo công tác thực nghiệm cải cách tổng hợp giáo dục thành phố”.

Tháng 6: Ủy ban Giáo dục công bố chỉ thị về thúc đẩy mạnh mẽ cải cách tổng hợp giáo dục ở nông thôn và chỉ thị về cải cách và phát triển giáo dục chuyên nghiệp và giáo dục trung học phổ thông. Chỉ thị nêu rõ những qui định này không bao gồm giáo dục sư phạm trung cấp.

Tháng 8: Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc công bố “Cương yếu thực hiện giáo dục chủ nghĩa yêu nước”.

Tháng 11: Để thúc đẩy sự phát triển lành mạnh của công tác kiểm tra trình độ đối với giáo dục đại học và cao đẳng, tận lực phát huy chức năng giáo dục của kiểm tra

trình độ, tăng cường giám sát và chỉ đạo công tác giúp đỡ học tập của xã hội, Ủy ban Giáo dục cho công bố chỉ thị về công tác giúp đỡ học tập của xã hội và kiểm tra trình độ đối với giáo dục đại học và cao đẳng.

Tháng 12: Quốc vụ viện công bố “Điều lệ thâm niên dạy học” và ngay lập tức trên toàn quốc bắt đầu thực hiện chế độ thâm niên dạy học này.

** Năm 1996.*

Đầu năm tổ chức hội nghị về công tác giáo dục sư phạm nhằm xác định những phương hướng trọng yếu cho sự phát triển và cải cách của công tác giáo dục sư phạm trên phạm vi toàn quốc hướng tới thế kỷ XXI.

Tháng 5: Hội nghị lần thứ 19 của Ủy ban Thường vụ Đại hội đại biểu Nhân dân toàn quốc khoá VIII thông qua “Luật giáo dục hướng nghiệp nước CHND Trung Hoa”. Luật có hiệu lực thực hiện từ ngày 1 tháng 9 năm 1996. Đồng thời trong tháng cũng tổ chức hội nghị về công tác giáo dục hướng nghiệp trong toàn quốc, bắt đầu từ đây sự nghiệp giáo dục hướng nghiệp đi vào quỹ đạo, có sự hướng dẫn và giám sát của pháp luật.

Hội nghị cũng quyết định thực hiện lại chế độ cử lưu học sinh ra nước ngoài học tập được hưởng công phí.

** Năm 1997.*

Tháng 1: Ủy ban Giáo dục cho công bố chỉ thị thúc đẩy tích cực hơn nữa nhiệm vụ thực hiện “Kế hoạch cải cách hệ

thống giáo trình và nội dung dạy học ở các trường đại học và cao đẳng hướng tới thế kỷ XXI”.

Tháng 2: Ủy ban Giáo dục Nhà nước công bố “Cương yếu về công tác chỉ đạo và thanh tra giám sát đối với các cấp học phổ thông” (dự thảo có sửa chữa). Ủy ban cũng cho phép các địa phương xuất phát trên cơ sở thực tế, căn cứ vào “Cương yếu” từ 1998 có thể tiến hành biên soạn và thực hiện tại địa phương mình các qui định cụ thể về công tác thanh tra giáo dục, dần dần hình thành hệ thống pháp qui thanh tra giáo dục ở các tỉnh, thành phố, khu tự trị.

Ủy ban Giáo dục triệu tập hội nghị giao lưu trao đổi kinh nghiệm toàn quốc về công tác nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học phổ thông. Tổng kết và phổ biến rộng rãi kinh nghiệm của công tác nâng cao chất lượng giáo dục các cấp ở hai địa phương tiêu biểu là Mịch La và Yên Đài. Sau hội nghị Ủy ban Giáo dục công bố chỉ thị về nhiệm vụ tích cực thúc đẩy công tác nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học phổ thông.

Tháng 7: Quốc vụ viện công bố Điều lệ về các lực lượng xã hội tham gia công tác dạy học.

Cũng trong tháng Quốc vụ viện thông qua về nguyên tắc Luật giáo dục đại học và cao đẳng (dự thảo), giao cho Ủy ban toàn quốc Đại hội đại biểu Nhân dân nghiên cứu.

** Năm 1998.*

Tháng 3: Đại hội đại biểu Nhân dân toàn quốc thông qua phương án cải cách cơ cấu của Quốc vụ viện. Theo phương án này, các cơ quan của Quốc vụ viện từ 40 giảm xuống còn 29 đơn vị. Ủy ban Giáo dục cũng được cải cách lại theo tinh thần chung và đổi tên thành Bộ Giáo dục. Cũng trong tháng, công bố quyết định toàn quốc thực hiện chế độ học sinh tiểu học sau khi qua kỳ thi tốt nghiệp không phải thi tuyển mà được chuyển thẳng lên sơ trung.

Tháng 5: Ngày 4 Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Giang Trạch Dân phát biểu một bài quan trọng tại lễ kỷ niệm 100 năm thành lập Đại học Bắc Kinh. Bài phát biểu đã đưa ra vấn đề toàn Đảng và toàn xã hội nêu cao tinh thần trọng thị tri thức mới, trọng thị sáng tạo mới. Đối với sự tiến bộ của xã hội, sự phát triển kinh tế đều cần nhiều nhân tài, muốn thực hiện tốt nhiệm vụ trung tâm xung quanh nhiệm vụ xây dựng kinh tế phải kiên trì thực hiện đến cùng chiến lược "khoa giáo hưng quốc". Cũng trong tháng 5, Bộ Giáo dục công bố danh sách các trường đại học, cao đẳng và cả các trường phổ thông trong năm 1998 các điều kiện dạy và học không đạt chuẩn quốc gia (đèn vàng).

Tháng 6: Văn phòng Quốc vụ viện gửi Bộ Giáo dục chỉ thị về công tác cải cách chế độ dạy và học đối với giai đoạn giáo dục nghĩa vụ. Chỉ thị yêu cầu: công tác thực nghiệm cần phải có lợi cho việc củng cố và nâng cao đối với giáo dục nghĩa vụ 9 năm, quá trình thực hiện phải chú ý thúc đẩy

số lượng cũng như chất lượng giáo dục, phải quan tâm xây dựng các trường còn yếu.

Để tăng cường và thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khoa học, nhất là phối hợp nhịp nhàng giữa công tác trọng đại mang tầm vĩ mô với chỉ đạo mang tính vi mô trong khi thực hiện chiến lược khoa giáo hưng quốc, Quốc vụ viện quyết định thành lập Tiểu tổ lãnh đạo công tác giáo dục khoa học kỹ thuật quốc gia, do Thủ tướng Chu Dung Cơ làm tổ trưởng, Phó Thủ tướng Lý Lam Thanh làm tổ phó. Ngay sau khi thành lập, Tiểu tổ họp phiên đầu tiên nghiên cứu vấn đề "khoa giáo hưng quốc".

Tháng 7: Để tăng cường quản lý và điều chỉnh ở mức độ vĩ mô công tác tuyển sinh của các trường đại học và cao đẳng, giải quyết dần dần mâu thuẫn giữa cung và cầu của số lượng học sinh tốt nghiệp ở loại các trường chuyên nghiệp, Bộ Giáo dục đưa ra công bố yêu cầu nửa năm trước khi kết thúc các chương trình đại cương, các trường cao đẳng và chuyên nghiệp xem xét và điều chỉnh các ngành chuyên môn, nghiêm khắc khống chế đưa thêm những môn học mới đòi hỏi nhiều thời gian. Từ 1998 là điều chỉnh giảm bớt qui mô tuyển sinh ở các khoa như văn khoa, kinh tài, quản lý, pháp luật, đồng thời cũng tăng cường qui mô tuyển sinh ở các trường sư phạm, khoa học công nghệ, y học. Trong tháng Bộ cũng tiến hành chuẩn bị văn kiện về danh mục các khoa cơ bản và khoa chuyên môn của các trường đại học và cao đẳng và Quy định về việc bố trí các khoa cơ bản và

chuyên môn của các trường đại học và cao đẳng. Các văn kiện này được công bố ngay trong năm 1998.

Tháng 8: Ngày 29 Hội nghị lần thứ 4 Đại hội đại biểu Nhân dân toàn quốc khoá IX thông qua Luật giáo dục đại học và cao đẳng nước CHND Trung Hoa. Luật được công bố tại pháp lệnh số 7 của Chủ tịch nước CHND Trung Hoa và có hiệu lực thực hiện từ 1 tháng 1 năm 1999.

** Năm 1999.*

Tháng 1: Quốc vụ viện phê chuẩn chuyển Bộ giáo dục Kế hoạch chấn hưng giáo dục hướng tới thế kỷ XXI. Trong tháng, Bộ Giáo dục cũng khởi động chiến lược đại khai phá miền Tây, với chủ trương trợ giúp đối với việc phát triển của Khu tự trị dân tộc, tăng cường chi viện mạnh mẽ các phương diện như vốn, kỹ thuật và nhân tài. Toàn bộ 5 Khu tự trị dân tộc thiểu số và 30 châu tự trị dân tộc thiểu số trên toàn quốc đã được đưa vào phạm vi đại khai phá miền Tây.

Tháng 6: Công bố Quyết định của Trung ương Đảng và Quốc vụ viện về đi sâu cải cách giáo dục, thúc đẩy toàn diện giáo dục tố chất. Quyết định yêu cầu, công tác giáo dục đạo đức của các trường học cần phải đề cao nhiệm vụ bồi dưỡng tinh thần dân tộc, mở rộng giáo dục chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa tập thể và CNXH.

** Năm 2000.*

Trung Quốc đưa vào sử dụng ngân hàng thông tin giáo dục cỡ lớn với tên gọi “Ngân hàng thông tin giáo dục K12”.

Ngân hàng này lấy nội dung sách giáo khoa và giáo dục khoa học, tài liệu tham khảo dạy học là chính bao gồm tri thức bách khoa, 10 kho tư liệu như tư liệu giáo khoa, tư liệu trao đổi, tư liệu tham khảo dạy học, tư liệu tri thức khoa học kỹ thuật, tư liệu luận văn nghiên cứu, tư liệu thông tin chung về giáo dục... để bổ sung vào những phần nguồn tin tức trống chưa phát huy được hiệu quả trong mạng nội bộ của các nhà trường.

** Năm 2001.*

Bộ Giáo dục công bố trọng điểm công tác những năm tới bao gồm: Điều chỉnh hoàn thiện thể chế quản lý giáo dục bắt buộc ở nông thôn "do chính quyền địa phương phụ trách, phân cấp quản lý, lấy cấp huyện làm chính", đồng thời thực hiện về cơ bản mục tiêu điều chỉnh thể chế: tiếp tục coi phổ cập giáo dục bắt buộc 9 năm và xoá mù chữ trong thanh niên và trung niên làm "trọng tâm của trọng tâm". Coi trọng nhiệm vụ đánh thắng trận "phổ cập 9 năm", đẩy mạnh có trọng điểm công tác xoá mù chữ ở các khu vực nghèo đói, dân tộc thiểu số và phụ nữ. Quan tâm thực hiện các biện pháp hỗ trợ phát triển miền Tây với công tác trọng điểm là tiếp tục thực thi "Công trình giáo dục bắt buộc vùng nghèo đói" đợt 2.

** Năm 2002.*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc đã điều chỉnh thêm một bước nhiệm vụ thực

hiện chiến lược “khoa giáo hưng quốc” trong xây dựng hiện đại hóa. Nghị quyết Đại hội xác định hiện nay Trung Quốc bước vào “giai đoạn xây dựng toàn diện xã hội khá giả, mở ra cục diện mới cho sự nghiệp XHCN đặc sắc Trung Quốc”. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này sự nghiệp giáo dục với chiến lược “khoa giáo hưng quốc” có ý nghĩa hết sức quan trọng. Quán triệt tinh thần của Nghị quyết, Tiểu tổ lãnh đạo công tác giáo dục khoa học kỹ thuật quốc gia chỉ đạo các cấp, các ngành ở Trung ương và địa phương cần phải thông suốt quan điểm : “thực thi chiến lược Khoa giáo hưng quốc là sự lựa chọn tất yếu để chấn hưng Trung Hoa”. Tăng cường quản lý nhà nước về giáo dục (cấp vĩ mô), đồng thời mở rộng việc phân quyền giáo dục và quản lý giáo dục cho địa phương và các trường đại học.

** Năm 2003.*

Tháng 10: Hội nghị trung ương 3 khoá XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc họp tại Bắc Kinh. Hội nghị cho rằng, cần đi sâu cải cách thể chế khoa học kỹ thuật, giáo dục, văn hoá và y tế, đổi mới cơ chế lao động, tạo nên môi trường về thể chế để thực hiện chiến lược sử dụng nhân tài làm giàu mạnh đất nước, đẩy nhanh xây dựng hệ thống sáng tạo của nhà nước, xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân và hệ thống giáo dục suốt đời, thúc đẩy sự nghiệp văn hoá và ngành nghề văn hoá phát triển hài hoà, nâng cao trình độ phục vụ y tế cộng đồng và năng lực ứng phó khẩn cấp với những sự kiện về y tế cộng đồng phát sinh đột ngột.

Cuối năm 2003, Đảng Cộng sản Trung Quốc tổ chức "Hội nghị nhân tài toàn quốc". Phương châm chỉ đạo chung của hội nghị là đào tạo phải "lấy con người làm gốc, tôn trọng lao động, tôn trọng tri thức, tôn trọng nhân tài, tôn trọng sáng tạo". Về phương châm cụ thể để thực hiện "kế hoạch nhân tài mang tính sáng tạo ở tầng bậc cao", Hội nghị đề xuất lấy "Kế hoạch giải thưởng học tập Trường Giang" và "Kế hoạch đội ngũ sáng tạo đại học" làm trọng điểm, ủng hộ và nâng đỡ việc xây dựng đội ngũ sáng tạo nhằm thu hút những nhân tài ưu tú và tập thể ưu tú phục vụ sự nghiệp xây dựng và hiện đại hoá đất nước.

HIẾN PHÁP NƯỚC CHND TRUNG HOA

(Những phần có liên quan đến giáo dục)

CHƯƠNG 1. NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 19. Nhà nước phát triển sự nghiệp giáo dục XHCN, nâng cao trình độ khoa học, văn hoá của nhân dân cả nước.

Nhà nước mở và quản lý các loại trường học, phổ cập giáo dục bắt buộc đối với bậc sơ cấp, phát triển giáo dục trung cấp, giáo dục hướng nghiệp và giáo dục cao đẳng, đồng thời phát triển giáo dục trước tuổi đi học.

Nhà nước phát triển các cơ sở giáo dục xoá mù chữ, tiến hành giáo dục chính trị, khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ đồng thời giáo dục phổ thông cho công nhân, nông dân, nhân viên Nhà nước và những người lao động khác. Nhà nước khuyến khích nhân dân tự học thành tài.

Nhà nước khuyến khích các tổ chức tập thể, các tổ chức xí nghiệp, sự nghiệp Nhà nước và các lực lượng xã hội khác, tổ chức các hoạt động giáo dục theo qui định của pháp luật.

Nhà nước sử dụng rộng rãi tiếng phổ thông trong cả nước.

Điều 23. Nhà nước đào tạo nhân tài chuyên môn trong các lĩnh vực nhằm phục vụ CNXH, tăng cường đội ngũ trí thức, tạo mọi điều kiện phát huy đầy đủ tác dụng của trí thức trong xây dựng hiện đại hoá XHCN.

Điều 24. Nhà nước tăng cường xây dựng văn minh tinh thần XHCN thông qua việc phổ cập giáo dục lý tưởng, giáo dục đạo đức, giáo dục văn hoá, giáo dục kỷ luật và pháp chế, thông qua phong trào quần chúng thuộc phạm vi khác nhau ở thành thị và nông thôn cùng nhau qui định ra và thực hiện các qui định và công ước chung.

Nhà nước chủ trương đạo đức công dân: yêu tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, yêu CNXH. Tiến hành giáo dục trong nhân dân về chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa tập thể, chủ nghĩa quốc tế, chủ nghĩa cộng sản, tiến hành giáo dục chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, chống tư tưởng tư sản, phong kiến và các tư tưởng thối nát khác.

CHƯƠNG 2. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN

Điều 36. (phần 3). Nhà nước bảo vệ các hoạt động tôn giáo bình thường. Không ai được lợi dụng tôn giáo để tiến hành các hoạt động phá hoại trật tự xã hội, tác hại đến sức khoẻ công dân, cản trở chế độ giáo dục của Nhà nước.

Điều 42. (phần 4). Nhà nước tiến hành huấn luyện về lao động nghề nghiệp cần thiết cho các công dân trước khi đảm nhận công việc.

Điều 45. (phần 3). Nhà nước và xã hội giúp đỡ sắp xếp lao động, đời sống và giáo dục đối với người mù, người điếc, người câm và các công dân bị tàn tật khác.

Điều 46. Công dân nước CHND Trung Hoa có quyền và nghĩa vụ được giáo dục.

Nhà nước đào tạo, bồi dưỡng thanh niên, thiếu niên, nhi đồng phát triển toàn diện phẩm chất đạo đức, trí tuệ và thể lực.

Điều 47. Công dân nước CHND Trung Hoa được tự do tiến hành hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng tác văn học, nghệ thuật và các hoạt động văn hoá khác. Nhà nước khuyến khích và giúp đỡ những việc sáng tạo có lợi cho nhân dân của các công dân hoạt động trong ngành giáo dục, khoa học kỹ thuật, văn học, nghệ thuật và các ngành văn hoá khác.

Điều 49. (phần 2). Bố mẹ có nghĩa vụ nuôi dưỡng, giáo dục con cái chưa đến tuổi thành niên, con cái đã đến tuổi trưởng thành có nghĩa vụ chăm sóc giúp đỡ bố mẹ.

CHƯƠNG 3. BỘ MÁY NHÀ NƯỚC

Điều 107. (phần 1). Căn cứ quyền hạn do luật pháp qui định, chính quyền nhân dân địa phương từ cấp huyện trở lên quản lý công tác hành chính về kinh tế, giáo dục, khoa học, văn hoá, y tế, thể dục thể thao, xây dựng thành thị và nông thôn, công tác tài chính, dân chính, an ninh, công tác dân

tộc, hành chính, tư pháp, công tác giám sát, công tác sinh đẻ có kế hoạch, v.v... trong khu vực hành chính của mình, ra các quyết định và mệnh lệnh, bổ nhiệm, bãi miễn, đào tạo, bồi dưỡng, thi sát hạch kiểm tra và thưởng phạt các nhân viên công tác hành chính.

Điều 119. Cơ quan tự trị vùng dân tộc tự mình quản lý sự nghiệp giáo dục, khoa học, văn hoá, y tế, thể dục thể thao của địa phương mình. Bảo vệ và chỉnh lý di sản văn hoá dân tộc, phát triển và làm phong phú văn hoá dân tộc.

Điều 122. Nhà nước giúp đỡ các dân tộc ít người về tài chính, vật tư, kỹ thuật để đẩy mạnh phát triển công cuộc xây dựng kinh tế và văn hoá.

Nhà nước giúp đỡ vùng tự trị dân tộc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ các cấp, các chuyên gia và công nhân kỹ thuật, các ngành nghề trong người dân tộc.

LUẬT GIÁO DỤC NƯỚC CHND TRUNG HOA

Đã được thông qua tại Hội nghị lần thứ 3 của Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc khoá VIII ngày 18 tháng 3 năm 1995.

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Căn cứ quy định của Hiến pháp, nay ban hành Luật Giáo dục để phát triển sự nghiệp giáo dục, nâng cao tố chất của toàn dân tộc, xúc tiến xây dựng nền văn minh vật chất và văn minh tinh thần XHCN.

Điều 2. Luật này áp dụng cho các cấp độ và các hình thức giáo dục trên toàn lãnh thổ nước CHND Trung Hoa.

Điều 3. Nhà nước kiên trì lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Mao Trạch Đông và lý luận xây dựng CNXH đặc sắc Trung Quốc làm nguyên tắc chỉ đạo phát triển sự nghiệp giáo dục XHCN, tuân thủ các nguyên tắc cơ bản mà Hiến pháp đã quy định.

Điều 4. Giáo dục là cơ sở xây dựng hiện đại hoá XHCN, Nhà nước bảo đảm ưu tiên phát triển sự nghiệp giáo dục. Toàn xã hội phải quan tâm ủng hộ phát triển sự nghiệp giáo dục.

Toàn xã hội phải tôn trọng thầy giáo.

Điều 5. Giáo dục cần phải phục vụ cho sự nghiệp xây dựng hiện đại hoá XHCN, cần phải kết hợp với lao động sản xuất, bồi dưỡng các mặt như đạo đức, trí tuệ, thể chất, phát triển toàn diện lớp người kế thừa xây dựng CNXH.

Điều 6. Giáo dục chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa tập thể XHCN, lý tưởng, đạo đức, kỷ luật, pháp chế, quốc phòng và đoàn kết dân tộc cho người học.

Điều 7. Giáo dục phải kế thừa và phát huy truyền thống lịch sử, văn hoá ưu tú của dân tộc Trung Hoa, tiếp thu tất cả thành quả ưu tú của sự phát triển văn minh nhân loại.

Điều 8. Hoạt động giáo dục cần phải phù hợp lợi ích chung của xã hội và của đất nước.

Nhà nước thực hiện chính sách tách giáo dục khỏi tôn giáo. Bất cứ tổ chức và cá nhân nào cũng không được lợi dụng tôn giáo để tiến hành cản trở sự hoạt động của chế độ giáo dục quốc gia.

Điều 9. Công dân nước CHND Trung Hoa có nghĩa vụ và quyền lợi được giáo dục.

Mọi công dân không phân biệt dân tộc, chủng tộc, giới tính, nghề nghiệp, tình trạng tài sản, tôn giáo tín ngưỡng... có cơ hội được giáo dục bình đẳng theo quy định của Luật này.

Điều 10. Nhà nước căn cứ vào nhu cầu và đặc điểm của các dân tộc thiểu số, giúp đỡ các khu vực dân tộc thiểu số phát triển sự nghiệp giáo dục.

Nhà nước giúp đỡ khu vực khó khăn, hẻo lánh phát triển sự nghiệp giáo dục.

Nhà nước giúp đỡ và phát triển sự nghiệp giáo dục cho người tàn tật.

Điều 11. Nhà nước đáp ứng nhu cầu của tiến bộ xã hội và phát triển kinh tế thị trường XHCN, đẩy mạnh cải cách giáo dục, thúc đẩy phát triển các hình thức giáo dục của các cấp học, xây dựng và hoàn thiện hệ thống giáo dục suốt đời.

Nhà nước ủng hộ, khuyến khích và tổ chức nghiên cứu khoa học giáo dục, đẩy mạnh mở rộng thành quả nghiên cứu khoa học giáo dục, xúc tiến nâng cao chất lượng giáo dục.

Điều 12. Chữ viết tiếng nói của dân tộc Hán là chữ viết và tiếng nói giảng dạy cơ bản trong các trường và cơ sở giáo dục khác. Các trường và các cơ sở giáo dục khác mà học sinh chủ yếu là người dân tộc thì có thể sử dụng chữ viết và tiếng nói của dân tộc hoặc tiếng nói thông dụng của dân tộc ở địa phương để tiến hành giảng dạy.

Nhà trường và các cơ sở giáo dục khác khi tiến hành giảng dạy phải dùng rộng rãi tiếng phổ thông và chữ viết theo chuẩn mực thông dụng trong cả nước.

Điều 13. Nhà nước khen thưởng những tổ chức và cá nhân có những cống hiến nổi bật cho sự nghiệp giáo dục.

Điều 14. Quốc vụ viện và chính quyền các cấp lãnh đạo và quản lý công tác giáo dục theo nguyên tắc phân cấp quản lý, phân công trách nhiệm.

Giáo dục trung cấp và từ trung cấp trở xuống do chính quyền địa phương quản lý dưới sự lãnh đạo của Quốc vụ viện.

Giáo dục cao đẳng do Quốc vụ viện và chính quyền cấp tỉnh, khu tự trị và thành phố trực thuộc Trung ương quản lý.

Điều 15. Cơ quan quản lý giáo dục của Quốc vụ viện quản lý các công tác giáo dục chủ yếu trong cả nước, hoạch định quy hoạch chung, điều hoà quản lý sự nghiệp giáo dục của cả nước.

Cơ quan quản lý giáo dục của chính quyền các cấp từ huyện trở lên quản lý chủ yếu công tác giáo dục trong khu vực hành chính mà mình quản lý.

Chính quyền từ cấp huyện trở lên và các ngành có liên quan khác, phụ trách công tác giáo dục có liên quan trong phạm vi chức trách của mình.

Điều 16: Quốc vụ viện và chính quyền từ cấp huyện trở lên phải báo cáo trước Đại hội Đại biểu nhân dân của cấp mình hoặc Ủy ban Thường vụ của Đại hội Đại biểu nhân dân cấp đó về công tác giáo dục và dự toán, quyết toán kinh phí giáo dục và chịu sự giám sát, đôn đốc.

CHƯƠNG II. CHẾ ĐỘ GIÁO DỤC CƠ BẢN

Điều 17. Nhà nước quy định chương trình giáo dục trong các trường mẫu giáo, giáo dục sơ cấp, giáo dục trung cấp, giáo dục cao cấp.

Nhà nước xây dựng hệ thống chế độ giáo dục khoa học. Hình thức giáo dục, niên hạn tu nghiệp, đối tượng chiêu sinh, mục tiêu đào tạo... của các nhà trường và các cơ sở giáo dục khác trong hệ thống giáo dục, do Quốc vụ viện hoặc do các cơ quan hành chính được Quốc vụ viện uỷ quyền quy định.

Điều 18. Nhà nước thực hành chế độ giáo dục nghĩa vụ 9 năm.

Chính quyền các cấp áp dụng các biện pháp bảo đảm cho thiếu niên nhi đồng đúng độ tuổi đến trường học tập.

Cha mẹ hoặc người giám hộ khác của thiếu niên nhi đồng đúng độ tuổi kể cả các tổ chức xã hội và cá nhân có liên quan có nghĩa vụ làm cho thiếu niên, nhi đồng được tiếp nhận giáo dục đúng độ tuổi, đồng thời hoàn thành giáo dục nghĩa vụ theo niên hạn quy định.

Điều 19. Quốc vụ viện thực hiện chế độ giáo dục ngành nghề và chế độ giáo dục dành cho người trưởng thành.

Chính quyền các cấp, các cơ quan có liên quan kể cả tổ chức sự nghiệp trong xí nghiệp phải bảo đảm cho công dân quyền tiếp nhận giáo dục của các trường dạy nghề hoặc đào tạo bồi dưỡng tay nghề bằng các hình thức khác nhau.

Nhà nước khuyến khích phát triển giáo dục người trưởng thành bằng nhiều hình thức khác nhau, làm cho công dân tiếp thu tri thức về chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ và giáo dục suốt đời bằng các hình thức thích hợp.

Điều 20. Nhà nước thực hiện chế độ thi cử (khảo thí).

Chế độ thi cử của Nhà nước do cơ quan quản lý giáo dục của Quốc vụ viện quy định và do các cơ quan quản lý giáo dục được Nhà nước giao phó đảm nhiệm.

Điều 21. Nhà nước thực hành chế độ chứng chỉ thành tích học tập.

Nhà trường hoặc cơ sở giáo dục khác được Nhà nước thành lập hoặc cho phép thành lập dựa vào quy định của Nhà nước công bố chứng chỉ quá trình học tập hoặc chứng chỉ thành tích học tập khác.

Điều 22. Nhà nước thực hành chế độ học vị.

Cơ sở giáo dục căn cứ quy định của pháp luật công nhận học vị, công bố học vị, trao chứng chỉ học vị cho những người đạt trình độ học thuật hoặc trình độ kỹ thuật chuyên môn nhất định.

Điều 23. Chính quyền các cấp, tổ chức tự quản mang tính quần chúng, cơ sở và tổ chức sự nghiệp của xí nghiệp cần áp dụng các biện pháp, triển khai công tác xoá mù chữ.

Theo quy định của Nhà nước, công dân có khả năng tiếp nhận giáo dục xoá mù chữ thì phải theo học để xoá mù chữ.

Điều 24. Nhà nước thực hành chế độ đôn đốc hướng dẫn giáo dục và chế độ đánh giá giáo dục đối với cơ sở giáo dục khác.

CHƯƠNG III. NHÀ TRƯỜNG VÀ CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC

Điều 25. Nhà nước định ra quy hoạch phát triển giáo dục, đồng thời thành lập trường học và các cơ sở giáo dục khác. Nhà nước khuyến khích tổ chức sự nghiệp của xí nghiệp, đoàn thể xã hội và mọi công dân thành lập trường học và cơ sở giáo dục khác theo quy định của pháp luật.

Không cho phép bất cứ tổ chức cá nhân nào tổ chức ra các trường học và cơ sở giáo dục khác mang mục đích doanh lợi.

Điều 26. Thành lập các nhà trường và cơ sở giáo dục khác, cần phải có những điều kiện cơ bản dưới đây:

1. Có bộ máy quản lý và chương trình giáo dục;
2. Có đội ngũ giáo viên theo quy định;
3. Có trường lớp, trang thiết bị giảng dạy theo tiêu chuẩn quy định;
4. Có tiền vốn mở trường cần thiết và nguồn kinh phí ổn định.

Điều 27. Việc thành lập, thay đổi và chấm dứt hoạt động của nhà trường và cơ sở giáo dục khác phải đăng ký hoặc làm hồ sơ thủ tục để được phê chuẩn theo quy định của Nhà nước.

Điều 28. Nhà trường và cơ sở giáo dục khác có các quyền dưới đây:

1. Tự chủ quản lý việc thực hiện chương trình;
2. Tổ chức thực hiện hoạt động giảng dạy giáo dục;
3. Tuyển sinh; tiến hành quản lý sổ đăng ký người học và khen thưởng, xử lý kỷ luật;
4. Công bố chứng chỉ học tập tương ứng đối với người học;

Thực hiện khen thưởng hoặc xử phạt đối với giáo viên và cán bộ công nhân viên chức khác;

5. Quản lý, sử dụng trang thiết bị và kinh phí của đơn vị mình;

6. Từ chối sự can thiệp phi pháp của bất cứ tổ chức, cá nhân nào đối với hoạt động giảng dạy giáo dục;

7. Có các quyền lợi khác do pháp luật, pháp quy quy định.

Nhà nước bảo vệ quyền hạn lợi ích hợp pháp của nhà trường và cơ sở giáo dục khác không bị xâm phạm.

Điều 29. Nhà trường và các cơ sở giáo dục khác phải thực hiện các nghĩa vụ dưới đây:

1. Tuân thủ pháp luật, pháp quy;
2. Quán triệt phương châm giáo dục của Nhà nước, chấp hành tiêu chuẩn giảng dạy, giáo dục của Nhà nước, bảo đảm chất lượng giáo dục, giảng dạy;
3. Bảo vệ quyền hạn, lợi ích hợp pháp của người học, giáo viên và cán bộ công nhân viên chức khác;

4. Dùng phương thức thích đáng để tạo điều kiện thuận lợi cho người học và người giám hộ tìm hiểu thành tích học tập và tình hình khác;

5. Thu học phí theo các quy định của Nhà nước đồng thời công khai các hạng mục thu phí;

6. Tiếp nhận sự giám sát đôn đốc theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Người đứng ra mở trường và các cơ sở giáo dục khác, xác định thể chế quản lý đối với trường hoặc cơ sở giáo dục khác do họ lập ra theo quy định của Nhà nước. Hiệu trưởng hoặc người phụ trách hành chính chủ yếu của trường hoặc cơ sở giáo dục khác phải do công dân mang quốc tịch nước CHND Trung Hoa, định cư trên lãnh thổ Trung Quốc, đồng thời có điều kiện đảm nhận chức vụ do Nhà nước quy định. Việc bổ nhiệm và bãi miễn họ phải thực hiện theo quy định của Nhà nước. Công việc giảng dạy và công tác quản lý hành chính khác của nhà trường, do Hiệu trưởng phụ trách.

Nhà trường và các cơ sở giáo dục khác phải theo quy định của Nhà nước, thông qua hình thức tổ chức như Đại hội đại biểu công nhân viên chức lấy giáo viên làm chủ thể, bảo đảm giáo viên và cán bộ công nhân viên chức tham gia giám sát đôn đốc và quản lý dân chủ.

Điều 31. Nhà trường và cơ sở giáo dục khác có điều kiện pháp nhân, có tư cách pháp nhân bắt đầu kể từ ngày phê chuẩn thành lập hoặc đăng ký.

Trong hoạt động dân sự, nhà trường và cơ sở giáo dục khác được hưởng quyền lợi dân sự, chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

Tài sản của Nhà nước trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác là thuộc sở hữu Nhà nước.

Những bộ phận do nhà trường và các cơ sở giáo dục khác lập ra độc lập về trách nhiệm dân sự.

CHƯƠNG IV. GIÁO VIÊN VÀ NGƯỜI CÔNG TÁC GIÁO DỤC KHÁC

Điều 32. Giáo viên có quyền lợi do pháp luật quy định, thực hiện nghĩa vụ do pháp luật quy định, trung thành với sự nghiệp giáo dục của nhân dân.

Điều 33. Nhà nước bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của giáo viên, cải thiện điều kiện làm việc và điều kiện sinh hoạt cho giáo viên, nâng cao địa vị xã hội của giáo viên.

Thực hiện theo quy định của pháp luật, pháp quy về việc đãi ngộ phúc lợi và trả lương cho giáo viên.

Điều 34. Nhà nước quy định tiêu chuẩn đạo đức, chức vụ đối với giáo viên thông qua việc thi cử, bồi dưỡng và huấn luyện, đào tạo để nâng cao năng lực của giáo viên, tăng cường xây dựng đội ngũ giáo viên.

Điều 35. Thực hành chế độ giáo dục công nhân viên chức đối với nhân viên quản lý trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác.

Thực hiện chế độ mời đảm nhiệm chức vụ chuyên môn đối với nhân viên trợ giảng và nhân viên kỹ thuật chuyên môn khác trong nhà trường và cơ sở giáo dục khác.

CHƯƠNG V. NGƯỜI HỌC

Điều 36. Người học có quyền lợi bình đẳng theo quy định của pháp luật về các mặt như nhập học, học lên ở trường cấp cao hơn, có việc làm.

Nhà trường và các ngành có liên quan phải dựa vào quy định của Nhà nước, bảo đảm phụ nữ có quyền lợi bình đẳng cùng nam giới về các mặt như nhập học, học ở trường cấp cao hơn, có việc làm, trao học vị, cử đi học tập ở nước ngoài...

Điều 37. Nhà nước, xã hội trợ giúp vật chất cho những nhi đồng, thiếu niên, thanh niên có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, phù hợp điều kiện nhập học dưới các loại hình thức khác nhau.

Điều 38. Nhà nước, xã hội, nhà trường và các cơ sở giáo dục khác thực hiện giáo dục cho người tàn tật phải dựa vào nhu cầu và đặc điểm tinh thần và sức khỏe, đồng thời giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi cho họ.

Điều 39. Nhà nước, xã hội, gia đình, nhà trường và cơ sở giáo dục khác phải tạo điều kiện tiếp nhận giáo dục cho người vị thành niên đã từng có hành vi vi phạm pháp luật.

Điều 40. Nhân viên hành chính sự nghiệp có quyền lợi và nghĩa vụ tham dự các lớp đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ và các hình thức giáo dục khác theo quyết định của pháp luật.

Cơ quan Nhà nước, tổ chức sự nghiệp của xí nghiệp và các tổ chức xã hội khác phải tạo điều kiện và sự tiện lợi cho cán bộ công nhân viên chức của đơn vị mình được học tập và đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ.

Điều 41. Nhà nước khuyến khích các trường và cơ sở giáo dục khác, các tổ chức xã hội áp dụng nhiều biện pháp, tạo điều kiện cho công dân tiếp nhận giáo dục suốt đời.

Điều 42. Người học có những quyền lợi dưới đây:

1. Tham gia các hoạt động do kế hoạch giáo dục, giảng dạy, sắp xếp bố trí, sử dụng trang thiết bị giảng dạy, tài liệu trong thư viện;

2. Được nhận tiền của quỹ khen thưởng học tập, tiền mua sắm đồ dùng học tập, tiền trợ giúp học tập theo quy định của Nhà nước;

3. Được cấp chứng chỉ thành tích học tập, chứng chỉ học vị sau khi đã nhận được sự đánh giá công bằng về thành tích học tập và phẩm chất đạo đức, hoàn thành nội dung học tập theo quy định;

4. Đưa ra khiếu nại với cấp hữu quan về việc không đồng ý cách xử phạt của nhà trường đối với mình, đưa ra

khuyến nại hoặc đưa ra toà án theo quy định của pháp luật về quyền và lợi ích hợp pháp như quyền nhân thân, quyền tài sản của mình bị nhà trường hoặc giáo viên xâm phạm;

5. Các quyền lợi khác mà pháp luật, pháp quy quy định.

Điều 43. Người học phải thực hiện những nghĩa vụ dưới đây:

1. Tuân thủ pháp luật, pháp quy;

2. Tu dưỡng, rèn luyện tư tưởng, phẩm chất đạo đức và hành vi tốt, tuân thủ quy phạm hành vi của học sinh, kính trọng thầy giáo;

3. Nỗ lực học tập, hoàn thành nhiệm vụ học tập theo quy định;

4. Tuân thủ chế độ quản lý của trường sở tại hoặc cơ sở giáo dục khác.

Điều 44. Các cấp quản lý giáo dục, thể dục, vệ sinh và nhà trường cũng như các cơ sở giáo dục khác phải hoàn thiện thiết bị vệ sinh chăm sóc sức khỏe, bảo đảm cho học sinh có sức khỏe tốt.

CHƯƠNG VI. GIÁO DỤC VỚI XÃ HỘI

Điều 45. Cơ quan Nhà nước, quân đội, tổ chức sự nghiệp của xí nghiệp, đoàn thể xã hội, các cá nhân và tổ chức khác phải tạo ra môi trường xã hội tốt cho sự trưởng thành lành mạnh về sức khỏe và tinh thần của học sinh thanh thiếu niên và nhi đồng.

Điều 46. Nhà nước khuyến khích tổ chức sự nghiệp của xí nghiệp, đoàn thể xã hội và các tổ chức xã hội khác cùng với các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp tiến hành hợp tác với nhiều loại hình thức khác nhau về các mặt như giảng dạy, nghiên cứu khoa học, khai thác phát triển và mở rộng kỹ thuật.

Tổ chức sự nghiệp của xí nghiệp, đoàn thể xã hội kể cả các cá nhân và tổ chức xã hội khác, có thể thông qua hình thức thích hợp, giúp đỡ xây dựng nhà trường, tham gia quản lý nhà trường.

Điều 47. Cơ quan Nhà nước, quân đội, tổ chức sự nghiệp của xí nghiệp kể cả tổ chức xã hội khác phải giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh thực tập, hoạt động thực tiễn xã hội do nhà trường tổ chức.

Điều 48. Nhà trường và các cơ sở giáo dục khác phải tích cực tham gia hoạt động công ích xã hội ở địa phương trong điều kiện không ảnh hưởng đến hoạt động giảng dạy giáo dục bình thường.

Điều 49. Cha mẹ hoặc người giám hộ của người vị thành niên phải cung cấp điều kiện cần thiết cho con cái vị thành niên của họ hoặc người được giám hộ khác hưởng quyền lợi học tập.

Cha mẹ hoặc người giám hộ của người vị thành niên phải phối hợp với nhà trường và các cơ sở giáo dục khác, tiến hành giáo dục đối với con cái vị thành niên của họ

hoặc người được giám hộ khác. Nhà trường, giáo viên có trách nhiệm hướng dẫn về giáo dục gia đình cho phụ huynh học sinh.

Điều 50. Các thiết bị phương tiện thể dục, văn hoá chung của xã hội như thư viện, bảo tàng, bảo tàng khoa học kỹ thuật, cung văn hoá, bảo tàng mỹ thuật, cung thể thao..., kể cả di tích lịch sử văn hoá, di tích lịch sử cách mạng, phải thực hiện sự ưu đãi đối với giáo viên, học sinh, tạo điều kiện thuận lợi cho người học được nghiên cứu, học tập.

Đài phát thanh, truyền hình mở tiết mục giáo dục, thúc đẩy nâng cao tư tưởng, phẩm chất đạo đức, văn hoá và khoa học kỹ thuật cho người học.

Điều 51. Nhà nước và xã hội xây dựng và phát triển trang thiết bị tiến hành giáo dục ngoài nhà trường đối với người vị thành niên.

Nhà trường và cơ sở giáo dục khác phải phối hợp với các tổ chức quần chúng, tổ chức sự nghiệp của xí nghiệp, đoàn thể xã hội tăng cường công tác giáo dục ngoài nhà trường đối với người vị thành niên.

Điều 52. Nhà nước khuyến khích các đoàn thể xã hội, cơ cấu văn hoá xã hội kể cả cá nhân và tổ chức xã hội khác triển khai hoạt động văn hoá giáo dục xã hội có lợi cho sự phát triển lành mạnh về tinh thần và sức khoẻ cho người học.

CHƯƠNG VII. ĐẦU VÀO CHO GIÁO DỤC VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM

Điều 53. Nhà nước xây dựng thể chế lấy việc cung cấp tài chính là chính, các nguồn quyền góp kinh phí giáo dục khác là phụ, từng bước tăng thêm đầu vào đối với giáo dục, bảo đảm ổn định nguồn kinh phí giáo dục của nhà trường do Nhà nước lập ra.

Trường học và cơ sở giáo dục khác do tổ chức sự nghiệp của xí nghiệp, đoàn thể xã hội kể cả các cá nhân và tổ chức xã hội khác mở ra theo quy định của pháp luật, kinh phí mở trường do người đứng ra mở trường chịu trách nhiệm lo liệu, chính quyền các cấp có thể giúp đỡ một cách thích hợp.

Điều 54. Tỷ lệ kinh phí đầu tư cho giáo dục của Nhà nước từ tổng thu nhập quốc dân từng bước được nâng cao cùng với sự tăng trưởng thu nhập tài chính và sự phát triển của nền kinh tế quốc dân. Tỷ lệ cụ thể và các bước thực hiện do Quốc vụ viện quy định.

Tỷ lệ mà kinh phí giáo dục chiếm trong tổng chi ngân sách của tài chính các cấp trong cả nước phải được nâng cao dần từng bước cùng với sự phát triển của nền kinh tế quốc dân.

Điều 55. Thẩm quyền chi tiêu kinh phí giáo dục của chính quyền các cấp được quy định theo nguyên tắc quyền giải quyết công việc và quyền tài chính thống nhất với nhau, phản ánh trong dự toán tài chính.

Sự tăng trưởng trong chi tiêu kinh phí giáo dục của chính quyền các cấp phải cao hơn sự tăng trưởng trong thu nhập tài chính mang tính thường xuyên, đồng thời làm cho chi phí giáo dục bình quân của số học sinh trong trường từng bước tăng trưởng, bảo đảm lương của giáo viên và kinh phí dùng chung bình quân theo đầu học sinh dần dần tăng lên.

Điều 56. Quốc vụ viện và chính quyền từ cấp huyện trở lên phải xây dựng quỹ chuyên cho giáo dục, trọng điểm giúp đỡ vùng khó khăn xa xôi hẻo lánh, vùng dân tộc thiểu số thực hiện giáo dục nghĩa vụ.

Điều 57. Cơ quan thu thuế thu đủ phụ phí giáo dục theo quy định của pháp luật, do các cấp quản lý giáo dục quản lý thống nhất, chủ yếu dùng vào việc thực hiện giáo dục nghĩa vụ.

Chính quyền cấp tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc, căn cứ vào các quy định của Quốc vụ viện có thể quyết định thu phí phụ thêm ở địa phương dùng cho giáo dục, đảm bảo chi đúng mục đích.

Phí thu thêm dùng cho giáo dục trong quy hoạch chung của thôn xã, do chính quyền thôn xã tổ chức thu, do cơ quan quản lý giáo dục cấp huyện thay mặt quản lý hoặc do chính quyền thôn xã quản lý, dùng cho sự nghiệp giáo dục hai cấp thôn xã trong phạm vi thôn xã mình. Về tỷ lệ phí giáo dục nông thôn thu thêm trong quy định chung cũng như biện pháp quản lý cụ thể do chính quyền cấp tỉnh, khu tự trị quy định.

Điều 58. Nhà nước áp dụng biện pháp ưu đãi, khuyến khích và nâng đỡ các trường triển khai vừa học vừa làm và phục vụ xã hội, mở trường mới, tổ chức ngành nghề với điều kiện không ảnh hưởng đến giảng dạy bình thường.

Điều 59. Thông qua sự phê chuẩn của chính quyền cấp huyện, chính quyền của thị trấn, làng, bản dân tộc dựa vào nguyên tắc tự nguyện, lượng sức, có thể quyên góp vốn xây dựng trường học trong khu vực hành chính của mình, dùng cho việc thực hiện cải tạo và sửa chữa phòng học, xây dựng phòng học mới của trường, giáo dục nghĩa vụ, không được dùng để làm việc khác.

Điều 60. Nhà nước khuyến khích tổ chức xã hội và cá nhân trong và ngoài nước quyên góp tiền trợ giúp học tập.

Điều 61. Kinh phí giáo dục từ ngân sách Nhà nước, sự quyên góp của tổ chức xã hội và cá nhân cho giáo dục cần phải dùng cho giáo dục, khoản nào chi vào khoản ấy, không được lãng phí, bớt xén.

Điều 62. Nhà nước khuyến khích vận dụng biện pháp tiền tệ, hoạt động tín dụng, giúp đỡ sự phát triển của sự nghiệp giáo dục.

Điều 63. Chính quyền các cấp và các cơ quan quản lý giáo dục phải tăng cường sự giám sát đôn đốc quản lý kinh phí giáo dục của các trường và cơ sở giáo dục khác, nâng cao hiệu quả đầu tư giáo dục.

Điều 64. Chính quyền các cấp của địa phương kể các các ngành hành chính có liên quan cần phải đưa việc xây dựng cơ bản của nhà trường vào quy hoạch xây dựng thành thị và nông thôn, bố trí sắp xếp đất đai và vật tư cần thiết cho xây dựng cơ bản của nhà trường, thực hiện chính sách ưu tiên, ưu đãi theo quy định của Nhà nước.

Điều 65. Chính quyền các cấp thực hiện chính sách ưu tiên, ưu đãi theo các quy định của Nhà nước đối với việc xuất bản phát hành sách giáo khoa và tư liệu tranh ảnh dùng cho giảng dạy, đối với sản xuất và cung ứng máy móc, thiết bị giảng dạy, đối với nhập khẩu thiết bị máy móc dùng cho giáo dục, tài liệu sách báo nghiên cứu khoa học và giáo dục để giảng dạy của nhà trường.

Điều 66. Chính quyền từ cấp huyện trở lên phải phát triển giáo dục vô tuyến, vệ tinh và các phương tiện giảng dạy hiện đại khác, các ngành có liên quan phải ưu tiên bố trí sắp xếp, giúp đỡ.

Nhà nước khuyến khích nhà trường và cơ sở giáo dục khác mở rộng việc vận dụng phương tiện giảng dạy hiện đại hoá.

CHƯƠNG VIII. HỢP TÁC VÀ GIAO LƯU ĐỐI NGOẠI VỀ GIÁO DỤC

Điều 67. Nhà nước khuyến khích triển khai hợp tác và giao lưu đối ngoại về giáo dục.

Hợp tác và giao lưu đối ngoại về giáo dục kiên trì nguyên tắc độc lập tự chủ, bình đẳng cùng có lợi, tôn trọng lẫn nhau, không được vi phạm pháp luật của Trung Quốc, không được làm tổn hại chủ quyền quốc gia, an ninh và lợi ích chung của xã hội.

Điều 68. Công dân của Trung Quốc đi học tập, nghiên cứu, tiến hành giao lưu học thuật, hoặc giảng dạy ở nước ngoài, thực hiện theo các quy định của Nhà nước.

Điều 69. Những người ở bên ngoài lãnh thổ Trung Quốc nếu có đủ điều kiện theo quy định của Nhà nước đồng thời sau khi làm thủ tục cần thiết, có thể vào học tập, nghiên cứu, tiến hành trao đổi học thuật hoặc giảng dạy tại các trường học và cơ sở giáo dục khác của Trung Quốc, quyền và lợi ích hợp pháp của họ được Nhà nước bảo hộ.

Điều 70. Trung Quốc thừa nhận đối với chứng chỉ học vị, chứng chỉ thời gian học tập kể cả chứng chỉ kết quả học tập khác do cơ sở giáo dục ở bên ngoài lãnh thổ Trung Quốc cấp phát, giải quyết theo hiệp ước quốc tế mà nước CHND Trung Hoa đã ký kết hoặc gia nhập, hoặc giải quyết theo quy định của Nhà nước.

CHƯƠNG IX. XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 71. Mọi hành vi chi tiêu kinh phí giáo dục trái với dự toán cấp phát, vi phạm các quy định của Nhà nước thì bị chính quyền cùng cấp quy định thời hạn thu hồi; nếu có tình

tiết nghiêm trọng thì người chủ quản phụ trách trực tiếp và những người chịu trách nhiệm trực tiếp khác sẽ bị xử lý hành chính.

Những hành vi vi phạm chế độ tài chính, chế độ tài vụ của Nhà nước, lãng phí, bớt xén kinh phí giáo dục, thì cơ quan cấp trên quy định kỳ hạn hoàn trả kinh phí bị lãng phí, bớt xén, đồng thời xử lý hành chính theo quy định của pháp luật đối với người chủ quản phụ trách trực tiếp và những người chịu trách nhiệm trực tiếp khác; nếu cấu thành tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 72. Mọi hành vi kéo bè kéo cánh khiêu khích gây sự, đánh nhau, gây rối trật tự trong hoạt động giáo dục, giảng dạy trong nhà trường và các cơ sở giáo dục khác hoặc phá hoại trường lớp, sân chơi và các tài sản khác thì do cơ quan Công an quản lý trật tự trị an xử lý; nếu cấu thành tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Xâm chiếm phòng học, sân chơi và các tài sản khác của nhà trường và cơ sở giáo dục khác, phải chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

Điều 73. Nếu biết rõ lớp học hoặc thiết bị giáo dục, giảng dạy có thể gây ra nguy hiểm nhưng không áp dụng các biện pháp ngăn ngừa, để xảy ra thương vong về người hoặc tổn thất to lớn về tài sản, thì bị truy cứu trách nhiệm

hình sự theo quy định của pháp luật đối với người chủ quản phụ trách trực tiếp và những người chịu trách nhiệm trực tiếp khác.

Điều 74. Vi phạm các quy định của Nhà nước về việc thu lệ phí sử dụng đối với các trường hoặc các cơ sở giáo dục khác, thì Chính phủ ra lệnh thu hồi lại số lệ phí đã thu; xử lý hành chính theo quy định của pháp luật đối với người chủ quản phụ trách trực tiếp và những người chịu trách nhiệm trực tiếp khác.

Điều 75. Vi phạm các quy định của Nhà nước về việc mở trường học hoặc các cơ sở giáo dục khác mà hành vi vi phạm pháp luật gây nên hậu quả thì các cơ quan quản lý giáo dục có quyền xoá bỏ; hành vi vi phạm pháp luật chưa gây hậu quả thì xử lý hành chính theo quy định của pháp luật đối với người chủ quản phụ trách trực tiếp và những người chịu trách nhiệm trực tiếp khác.

Điều 76. Vi phạm quy định của Nhà nước về tuyển sinh, do các cơ quan quản lý giáo dục ra lệnh trả về những học viên đã gọi đến trường, trả lại lệ phí đã thu; xử lý hành chính theo quy định của pháp luật đối với người chủ quản trực tiếp phụ trách và những người chịu trách nhiệm trực tiếp khác; nếu cấu thành tội phạm thì truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 77. Nhà trường và các cơ sở giáo dục khác thu lệ phí đối với người học vi phạm quy định của Nhà nước, do

các cơ quan quản lý giáo dục ra lệnh hoàn trả số tiền lệ phí đã thu; xử lý hành chính theo quy định của pháp luật đối với người chủ quản phụ trách trực tiếp và những người chịu trách nhiệm trực tiếp khác.

Điều 78. Những hành vi gian dối trong các kỳ thi Quốc gia, thì do các cơ quan quản lý giáo dục tuyên bố không công nhận kết quả thi, xử lý hành chính theo quy định của pháp luật đối với người chủ quản trực tiếp phụ trách và những người chịu trách nhiệm trực tiếp khác.

Hành vi vi phạm pháp luật hoặc hành vi cấu thành tội phạm trong việc tổ chức các kỳ thi Quốc gia một cách phi pháp, do các cơ quan quản lý giáo dục tuyên bố không công nhận kết quả kỳ thi; Xử lý hành chính theo quy định của pháp luật đối với người chủ quản phụ trách trực tiếp và những người chịu trách nhiệm trực tiếp khác.

Điều 79. Những vi phạm quy định trong Luật này, cấp phát chứng chỉ học vị, chứng chỉ quá trình học tập hoặc các chứng chỉ kết quả học tập khác, có hành vi vi phạm hoặc hành vi cấu thành tội phạm, thì do các cơ quan quản lý giáo dục tuyên bố những chứng chỉ đó không được công nhận, ra lệnh thu hồi hoặc thu hồi kén; nếu có tình tiết nghiêm trọng, thì tước quyền cấp phát chứng chỉ của họ.

Điều 80. Những hành vi vi phạm quy định trong Luật này, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của giáo viên, người học, nhà trường hoặc cơ sở giáo dục khác, gây

tổn thất, tổn hại thì phải chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 81. Giáo dục trong nhà trường quân đội do Quân uỷ Trung ương quy định theo nguyên tắc của Luật này.

Giáo dục trong nhà trường của các Tôn giáo, Quốc vụ viện có quy định riêng.

Điều 82. Việc các tổ chức và cá nhân bên ngoài mở trường và hợp tác mở trường trong lãnh thổ Trung Quốc, do Quốc vụ viện quy định.

Điều 83. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 1/9/1995.

LUẬT GIÁO DỤC ĐẠI HỌC NƯỚC CHND TRUNG HOA

Được thông qua tại Hội nghị lần thứ 4 Ủy ban thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc khoá IX ngày 29 tháng 8 năm 1998.

CHƯƠNG 1: NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1. Căn cứ quy định của Hiến pháp và Luật Giáo dục nhằm phát triển sự nghiệp giáo dục đại học, thực hiện chiến lược khoa giáo hưng quốc, xúc tiến xây dựng nền văn minh vật chất và văn minh tinh thần XHCN định ra luật này.

Điều 2. Luật này áp dụng cho các hoạt động của sự nghiệp giáo dục đại học trên toàn lãnh thổ nước CHND Trung Hoa.

Luật này gọi là Luật giáo dục đại học, nhưng bao gồm cả thực hiện giáo dục trên cơ sở hoàn thành giáo dục trung cấp bậc cao.

Điều 3. Nhà nước kiên trì nguyên tắc chỉ đạo của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Mao Trạch Đông và lý luận Đặng Tiểu Bình, tuân thủ các nguyên tắc cơ bản mà Hiến

pháp đã quy định để phát triển sự nghiệp giáo dục đại học XHCN.

Điều 4. Giáo dục đại học tiếp tục quán triệt phương châm giáo dục của nhà nước, giáo dục cần phải phục vụ cho sự nghiệp xây dựng hiện đại hoá XHCN, cần phải kết hợp với lao động sản xuất, bồi dưỡng các mặt như đạo đức, trí tuệ, thể chất, phát triển toàn diện lớp người kế thừa xây dựng CNXH.

Điều 5. Giáo dục đại học có nhiệm vụ bồi dưỡng nhân tài chuyên môn bậc cao có đạo đức mới và năng lực thực tiễn để thúc đẩy sự nghiệp xây dựng hiện đại hoá XHCN và phát triển văn hoá khoa học kỹ thuật.

Điều 6. Nhà nước căn cứ vào yêu cầu của phát triển kinh tế và xây dựng xã hội định ra những nguyên tắc phát triển giáo dục đại học, thành lập các trường đại học, tích cực áp dụng nhiều biện pháp để phát triển sự nghiệp giáo dục đại học.

Nhà nước khuyến khích tổ chức sự nghiệp, đoàn thể xã hội, tổ chức xã hội khác và cá nhân công dân căn cứ vào khả năng và theo qui định của pháp luật để đăng ký thành lập các trường đại học, tham gia và ủng hộ vào sự phát triển và cải cách sự nghiệp giáo dục đại học.

Điều 7. Nhà nước dựa vào yêu cầu của xây dựng hiện đại hoá CNXH và phát triển nền kinh tế thị trường XHCN, căn cứ vào thực tế không đồng nhất về các loại và các cấp,

các bậc khác nhau của các trường đại học để thúc đẩy cải cách thể chế giáo dục đại học và cải cách giáo dục dạy học trong các trường đại học, ưu hoá phân phối nguồn và kết cấu giáo dục đại học để nâng cao chất lượng và hiệu quả của giáo dục đại học.

Điều 8. Nhà nước căn cứ vào yêu cầu và đặc điểm của các dân tộc thiểu số giúp đỡ và ủng hộ phát triển sự nghiệp giáo dục đại học ở khu vực có các dân tộc thiểu số nhằm bồi dưỡng nhân tài chuyên môn cao cấp trong các dân tộc thiểu số.

Điều 9. Mọi công dân theo pháp luật đều có quyền lợi được tiếp nhận giáo dục đại học.

Nhà nước áp dụng nhiều biện pháp giúp đỡ học sinh là dân tộc thiểu số và học sinh ở những vùng khó khăn về kinh tế được tiếp nhận giáo dục đại học.

Các trường đại học cần phải tuyển học sinh tàn tật nhập học, phù hợp với những qui định tiêu chuẩn tuyển nhận của nhà nước, không được lấy lý do họ tàn mà từ chối tiếp nhận.

Điều 10. Nhà nước dựa vào pháp luật bảo đảm quyền tự do nghiên cứu khoa học, sáng tác văn học nghệ thuật và các hoạt động văn hoá khác trong các trường đại học.

Việc nghiên cứu khoa học, sáng tác văn học nghệ thuật và các hoạt động văn hoá khác trong các trường đại học cần phải tôn trọng pháp luật.

Điều 11. Các trường đại học đương nhiên phải hướng tới xã hội, dựa vào pháp luật để tự chủ dạy và học, thực hiện quản lý dân chủ.

Điều 12. Nhà nước khuyến khích giữa các trường đại học với nhau, trường đại học với các cơ quan nghiên cứu khoa học, các tổ chức sự nghiệp xã hội cùng hợp tác phát triển, thực hiện bổ sung những ưu thế của nhau để nâng cao chất lượng sử dụng tiềm năng giáo dục.

Nhà nước động viên và ủng hộ sự nghiệp giáo dục đại học giao lưu và hợp tác quốc tế.

Điều 13. Quốc vụ viện lãnh đạo và quản lý thống nhất sự nghiệp giáo dục đại học trên toàn quốc.

Chính quyền nhân dân các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc qui hoạch thống nhất sự nghiệp giáo dục đại học trong phạm vi hành chính của mình, chủ yếu quản lý bồi dưỡng nhân tài địa phương và quản lý các trường đại học được Quốc vụ viện ủy quyền.

Điều 14. Ngành hành chính giáo dục của Quốc vụ viện chủ quản công tác giáo dục đại học của cả nước, theo xác định của Quốc vụ viện chủ yếu quản lý bồi dưỡng nhân tài trên cả nước của các trường đại học. Các cơ quan hữu quan khác của Quốc vụ viện, trong phạm vi trách nhiệm được qui định của Quốc vụ viện cùng chịu trách nhiệm về công tác giáo dục đại học.

CHƯƠNG 2: CHẾ ĐỘ CƠ BẢN CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Điều 15. Giáo dục đại học bao gồm giáo dục chính qui và không chính qui. Giáo dục đại học áp dụng hình thức chế độ học cả ngày và không học cả ngày.

Nhà nước ủng hộ giáo dục đại học áp dụng thực hiện các biện pháp giáo dục từ xa như phát thanh, truyền hình và các hình thức hỗ trợ khác.

Điều 16. Giáo dục đại học chính qui được phân thành giáo dục chuyên khoa, giáo dục bản khoa và giáo dục nghiên cứu sinh.

Giáo dục đại học chính qui phải phù hợp với tiêu chuẩn ngành học sau đây;

+ Giáo dục chuyên khoa phải làm cho học sinh nắm được những lý luận cơ bản cần có của chuyên môn, các kiến thức chuyên môn, những kỹ năng cơ bản và năng lực sơ bộ trong thực tiễn của công tác chuyên môn.

+ Giáo dục bản khoa phải làm cho học sinh nắm được tương đối cơ bản hệ thống khoa học các cơ sở lý luận chuyên ngành yêu cầu, kiến thức cơ sở, các kỹ năng cơ bản của chuyên ngành, các kiến thức và phương pháp liên quan, những kỹ năng cơ bản và năng lực sơ bộ trong công tác nghiên cứu và thực tiễn của công tác chuyên môn.

+ Giáo dục nghiên cứu sinh thạc sĩ làm cho nghiên cứu sinh nắm bắt vững chắc các cơ sở lý luận chuyên ngành,

những hệ thống kiến thức chuyên ngành, nắm được các kỹ năng tương ứng, các phương pháp và tri thức tương quan, năng lực cơ bản trong công tác nghiên cứu và thực tiễn của công tác chuyên môn. Giáo dục nghiên cứu sinh tiến sĩ làm cho nghiên cứu sinh nắm bắt vững chắc và tổng quát các cơ sở lý luận chuyên ngành, những kiến thức hệ thống chuyên sâu của chuyên ngành, các kỹ năng và phương pháp liên quan, có năng lực độc lập trong sự nghiệp nghiên cứu và tính sáng tạo trong công tác nghiên cứu và thực tiễn của công tác chuyên môn.

Điều 17. Thời gian học tập của giáo dục chuyên khoa từ 2 đến 3 năm, thời gian học tập của giáo dục bản khoa từ 4 đến 5 năm, thời gian học tập của nghiên cứu sinh thạc sĩ từ 2 đến 3 năm, thời gian học tập của nghiên cứu sinh tiến sĩ từ 3 đến 4 năm. Giáo dục chính qui theo chế độ không học cả ngày có thể kéo dài thời gian học tập cho thích hợp. Các trường đại học căn cứ vào yêu cầu thực tế, báo cáo chủ quản ngành hành chính giáo dục của Quốc vụ viện phê chuẩn, có thể điều chỉnh thời gian học tập tại trường.

Điều 18. Giáo dục đại học do các trường đại học và các cơ quan giáo dục đại học khác thực hiện.

Trường đại học, các học viện độc lập chủ yếu thực hiện giáo dục ở cấp bản khoa và bản khoa trở lên. Các trường đại học chuyên khoa thực hiện giáo dục cấp chuyên khoa. Được cơ quan chủ quản hành chính giáo dục của Quốc vụ viện

phê chuẩn các cơ quan nghiên cứu khoa học có thể đảm nhận nhiệm vụ giáo dục nghiên cứu sinh.

Các cơ quan giáo dục đại học khác có thể thực hiện giáo dục đại học phi chính qui.

Điều 19. Tốt nghiệp giáo dục trung cấp bậc cao hoặc có học lực tương đương, thông qua thi hợp cách, do thực hiện giáo dục theo lịch học phù hợp, được các trường đại học tuyển nhận, trở thành học sinh chuyên khoa hoặc bản khoa.

Tốt nghiệp đại học bản khoa hoặc có học lực tương đương, thông qua thi hợp cách, do thực hiện giáo dục theo chương trình phù hợp tại các trường đại học, được các đơn vị đã được phê chuẩn nhiệm vụ đào tạo nghiên cứu sinh tiếp nhận trở thành nghiên cứu sinh thạc sĩ.

Tốt nghiệp nghiên cứu sinh thạc sĩ hoặc có học lực tương đương, thông qua thi hợp cách, do thực hiện giáo dục theo chương trình phù hợp tại các cơ sở đào tạo, được các đơn vị nghiên cứu khoa học đã được phê chuẩn nhiệm vụ đào tạo nghiên cứu sinh tiếp nhận trở thành nghiên cứu sinh tiến sĩ.

Các biện pháp cho phép học sinh tốt nghiệp chính qui ở các khoa đặc biệt và chuyên ngành đặc biệt được tuyển chọn làm nghiên cứu sinh tiến sĩ, do chủ quản ngành hành chính giáo dục của Quốc vụ viện qui định.

Điều 20. Học sinh hàm thụ đại học chính qui, do các trường đại học hoặc các đơn vị nghiên cứu khoa học đã

được phê chuẩn nhiệm vụ đào tạo nghiên cứu sinh căn cứ vào thời gian học tập, thành tích học tập, v.v... dựa theo qui định của các cơ quan hữu quan nhà nước để cấp chứng chỉ học lực hoặc chứng chỉ ngành học tương đương.

Học sinh hàm thụ đại học phi chính qui, do các trường đại học hoặc các cơ quan giáo dục đại học khác cấp tương đương chứng nhận tốt nghiệp. Chứng nhận tốt nghiệp cần phải ghi rõ thời gian học tập và nội dung học tập.

Điều 21. Nhà nước thực hiện chế độ giáo dục đại học tự học báo tên dự thi, thông qua thi có kết quả hợp cách được cấp chứng nhận học lực tương đương hoặc chứng nhận ngành học khác.

Điều 22. Nhà nước thực hiện chế độ học vị. Học vị được phân thành học sĩ (cử nhân), thạc sĩ, tiến sĩ.

Công dân thông qua tiếp nhận giáo dục đại học hoặc tự học đạt được trình độ ngành học theo tiêu chuẩn học vị do nhà nước qui định

Điều 23. Các trường đại học hoặc các cơ quan giáo dục đại học khác cần căn cứ vào yêu cầu của xã hội và điều kiện của đơn vị mình đảm nhận thực hiện công tác giáo dục tiếp theo.

CHƯƠNG 3. THÀNH LẬP CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Điều 24. Thành lập các trường đại học cần phải phù hợp với kế hoạch phát triển giáo dục đại học của nhà nước.

phù hợp với lợi ích quốc gia và lợi ích công cộng xã hội, không được dùng vào mục đích mưu lợi.

Điều 25. Thành lập các trường đại học cần phải đảm bảo điều kiện cơ bản theo qui định hiện có tại Luật giáo dục.

Trường đại học hoặc các học viện được xây dựng độc lập cần phải có đội ngũ đảm bảo về số lượng, lực lượng nghiên cứu khoa học và dạy học chất lượng cao, trình độ nghiên cứu khoa học và qui mô nghiên cứu tương đương, có thể đảm bảo thực hiện giáo dục ở cấp bản khoa và cấp bản khoa trở lên. Các trường đại học cần phải có từ 3 môn khoa học trở lên thuộc các môn khoa học do nhà nước qui định. Các tiêu chuẩn cụ thể để thành lập trường đại học do Quốc vụ viện qui định.

Tiêu chuẩn cụ thể để thành lập các cơ quan giáo dục đại học khác, do Quốc vụ viện ủy quyền cho chính quyền nhân dân tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc hoặc các cơ quan hữu quan căn cứ vào qui định Quốc vụ viện xác định nguyên tắc.

Điều 26. Khi lập ra các trường đại học, cần căn cứ vào các cấp độ, loại hình, các môn học trong trường, qui mô của trường, trình độ nghiên cứu khoa học và dạy học để sử dụng tên gọi thích hợp.

Điều 27. Khi đề nghị thành lập trường đại học, cần phải gửi các hồ sơ sau đến cơ quan phê duyệt:

- Báo cáo thành lập trường
- Tài liệu luận chứng về tính khả thi
- Chương trình
- Cơ quan phê duyệt dựa theo các qui định của luật này yêu cầu cung cấp những hồ sơ liên quan khác.

Điều 28. Chương trình của các trường đại học cần phải theo những qui định dưới đây:

- Tên gọi và địa chỉ của trường
- Tôn chỉ thành lập trường
- Qui mô thành lập trường
- Thành lập các ngành, môn học
- Hình thức giáo dục
- Thể chế quản lý nội bộ
- Kinh phí ban đầu, chế độ tài sản và công tác tài chính
- Quyền lợi và nghĩa vụ giữa người tổ chức và nhà trường
- Trình tự sửa đổi chương trình
- Các điểm khác cần phải do chương trình qui định.

Điều 29. Thành lập các trường đại học do ngành hành chính giáo dục của Quốc vụ viện phê chuẩn, trong đó thành lập các trường đại học thực hiện giáo dục chuyên khoa, Quốc vụ viện ủy quyền, cũng có thể do chính quyền nhân dân tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc phê chuẩn; thành lập các cơ quan giáo dục đại học khác, Quốc vụ viện ủy quyền cho các ngành hữu quan hoặc chính quyền nhân dân

tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc phê chuẩn. Đối với các trường đại học và các cơ quan giáo dục đại học khác việc thành lập không phù hợp với các điều kiện qui định được phê duyệt, ngành hành chính giáo dục của Quốc vụ viện có quyền giải tán.

Xét duyệt việc thành lập các trường đại học, cần phải mời các chuyên gia tạo thành một cơ cấu đánh giá để thẩm định.

Các trường đại học và các cơ quan giáo dục đại học khác phân chia, hợp nhất, đình chỉ, thay đổi tên, phân loại và các việc quan trọng khác do cơ quan quyết định thành lập phê chuẩn; sửa đổi chương trình cần phải báo cáo cơ quan quyết định thành lập thẩm duyệt.

CHƯƠNG 4. TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Điều 30. Các trường đại học có tư cách pháp nhân kể từ ngày có quyết định thành lập. Hiệu trưởng trường đại học là người đại diện của trường đại học theo luật định.

Các trường đại học trong các hoạt động dân sự được hưởng các quyền lợi dân sự và chịu trách nhiệm dân sự theo pháp luật.

Điều 31. Các trường đại học cần phải lấy nhiệm vụ bồi dưỡng nhân tài là trọng tâm, phát triển dạy học, phục vụ nghiên cứu khoa học và xã hội, bảo đảm chất lượng giáo dục dạy học đạt đến tiêu chuẩn qui định của nhà nước.

Điều 32. Các trường đại học căn cứ vào yêu cầu của xã hội, điều kiện dạy học và qui mô dạy học đã được nhà nước xác định, xây dựng phương án chiêu sinh, tự chủ điều tiết tỷ lệ chiêu sinh của các khoa.

Điều 33. Các trường đại học theo luật được tự chủ thiết lập và điều chỉnh các môn học, chuyên ngành.

Điều 34. Các trường đại học căn cứ vào yêu cầu của công tác giảng dạy, tự chủ xây dựng kế hoạch giảng dạy, tuyển chọn biên tập giáo trình, tổ chức thực hiện hoạt động dạy học.

Điều 35. Các trường đại học căn cứ điều kiện cụ thể của trường, tự chủ triển khai nghiên cứu khoa học, phát triển khoa học và phục vụ xã hội.

Nhà nước khuyến khích các trường đại học cùng với các tổ chức sự nghiệp doanh nghiệp, các đoàn thể xã hội các cấp, các tổ chức xã hội khác hợp tác với nhiều hình thức trên các phương diện nghiên cứu khoa học, mở rộng và phát triển kỹ thuật, v.v...

Nhà nước ủng hộ các trường đại học có đầy đủ điều kiện thành lập cơ sở nghiên cứu khoa học cấp nhà nước.

Điều 36. Các trường đại học chiểu theo những qui định hữu quan của nhà nước, tùy vào hoàn cảnh từng trường, tự chủ mở rộng hợp tác giao lưu văn hoá khoa học kỹ thuật giữa các trường đại học.

Điều 37. Các trường đại học căn cứ vào yêu cầu thực tế, dựa trên nguyên tắc hiệu quả, gọn nhẹ tự chủ quyết định xây dựng cơ cấu tổ chức nội bộ các bộ phận chức năng, hành chính, nghiên cứu khoa học, giảng dạy, bố trí nhân viên thích hợp; Dựa theo qui định của các cơ quan hữu quan nhà nước, mời các chức vụ giáo viên và nhân viên khoa học kỹ thuật chuyên ngành khác, điều chỉnh phân phối các loại trợ cấp, tiền lương.

Điều 38. Tài sản đóng góp của những người sáng lập các trường đại học, tài sản trợ giúp của tài chính nhà nước, nhận được tài sản quyên góp theo luật được tự chủ quản lý và sử dụng.

Các trường đại học không được dùng những tài sản thuộc hoạt động nghiên cứu và giảng dạy vào các mục đích khác.

Điều 39. Các trường đại học công lập (do nhà nước thành lập) thực hiện chế độ trách nhiệm của Hiệu trưởng dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy cơ sở Đảng Cộng sản Trung Quốc trong nhà trường. Đảng ủy cơ sở Đảng Cộng sản Trung Quốc trong trường đại học căn cứ vào điều lệ và những qui định hữu quan của Đảng thống nhất lãnh đạo của nhà trường, ủng hộ Hiệu trưởng thực hiện quyền hạn theo chế độ trách nhiệm độc lập, chức trách lãnh đạo chủ yếu là: chấp hành đường lối, phương châm, chính sách, kiên trì phương hướng dạy học CNXH của Đảng Cộng sản Trung Quốc, lãnh đạo công tác chính trị tư tưởng và công tác đức dục trong nhà trường, thảo luận quyết định thiết lập cơ cấu

tổ chức nội bộ và lựa chọn người phụ trách các tổ chức bộ phận trong nội bộ nhà trường, thảo luận quyết định các công việc lớn như cải cách, phát triển và chế độ quản lý nội bộ của nhà trường, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm là bồi dưỡng nhân tài và các nhiệm vụ khác.

Thể chế quản lý nội bộ của các trường đại học do các lực lượng xã hội khác thành lập căn cứ theo quyết định của nhà nước qui định về các tổ chức xã hội khác tham gia mở trường.

Điều 40. Hiệu trưởng của các trường đại học do công dân có đủ điều kiện, phù hợp với các qui định của Luật giáo dục đảm nhiệm. Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng của các trường đại học bổ nhiệm và miễn nhiệm theo các qui định của nhà nước.

Điều 41. Hiệu trưởng các trường đại học chịu trách nhiệm toàn diện về công tác dạy học, nghiên cứu khoa học và quản lý hành chính khác, thực hiện những quyền hạn sau đây:

- + Dự thảo kế hoạch phát triển, qui định cụ thể các nguyên tắc chế độ và kế hoạch công tác hàng năm đồng thời tổ chức thực hiện;

- + Tổ chức hoạt động dạy học, nghiên cứu khoa học và giáo dục tư tưởng đạo đức;

- + Dự thảo phương án thiết lập cơ cấu tổ chức nội bộ, giới thiệu lựa chọn Phó hiệu trưởng, bổ nhiệm và miễn nhiệm người phụ trách tổ chức bộ phận trong nội bộ trường;

+ Mời tham gia và cho thôi việc đối với giáo viên và các nhân viên công tác khác trong các cấp nội bộ, tiến hành quản lý tư cách học sinh tổ chức thực hiện khen thưởng hoặc kỷ luật đối với học sinh;

+ Dự thảo và chấp hành phương án dự toán kinh phí hàng năm, bảo vệ và quản lý tài sản nhà trường, bảo vệ các lợi ích hợp pháp của nhà trường;

+ Các quyền hạn khác theo điều lệ qui định;

Hiệu trưởng các trường đại học chủ trì hội nghị công tác Hiệu trưởng hoặc các hội nghị công tác khác của trường, xử lý các vấn đề liên quan đã qui định ở trên.

Điều 42. Các trường đại học thành lập hội đồng khoa học, thẩm định thiết lập các môn học, các chuyên ngành, phương án kế hoạch nghiên cứu khoa học, kế hoạch dạy học, thẩm định các công việc học thuật liên quan như thành quả dạy học, nghiên cứu khoa học, v.v...

Điều 43. Các trường đại học thông qua hình thức tổ chức Đại hội đại biểu công nhân viên chức lấy giáo viên làm chủ thể, bảo đảm cho công nhân viên chức tham gia vào quản lý dân chủ và đôn đốc giám sát theo pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của công nhân viên chức.

Điều 44. Trình độ giảng dạy, chất lượng giáo dục của các trường đại học chịu sự giám sát đôn đốc của ngành hành chính giáo dục và do đánh giá bình xét của các tổ chức khác.

CHƯƠNG 5. GIÁO VIÊN ĐẠI HỌC VÀ CÁC CÁN BỘ CÔNG TÁC GIÁO DỤC KHÁC

Điều 45. Giáo viên của các trường đại học và các cán bộ công tác giáo dục khác được hưởng quyền lợi theo qui định của luật pháp, thực hiện nghĩa vụ theo qui định của luật pháp, trung thành với sự nghiệp giáo dục của nhân dân.

Điều 46. Các trường đại học thực hiện chế độ tư cách giáo viên. Là công dân Trung Quốc tôn trọng Hiến pháp và pháp luật, yêu mến sự nghiệp giáo dục, có tư tưởng và đạo đức tốt, có trình độ học lực nghiên cứu sinh hoặc là tốt nghiệp đại học bản khoa, có năng lực giáo dục dạy học thích hợp, thông qua xác định hợp cách, có thể được nhận tư cách giáo viên đại học. Công dân chưa có trình độ học lực nghiên cứu sinh hoặc là tốt nghiệp đại học bản khoa, có sở trường về học tập, thông qua kiểm tra tư cách giáo dục của nhà nước được xác định là hợp cách cũng có thể được nhận tư cách giáo viên đại học.

Điều 47. Các trường đại học thực hiện chế độ chức vụ giáo viên. Chức vụ giáo viên đại học căn cứ vào những yêu cầu đặt ra của nhiệm vụ giảng dạy giáo viên đảm nhận trong trường, công tác nghiên cứu khoa học, v.v... Chức vụ giáo viên có trợ giảng, giảng viên, phó giáo sư, giáo sư.

Để đạt được chức vụ giáo viên đại học, ngoài những qui định đã được nêu ở trên còn cần phải có những điều kiện qui định sau:

- + Đạt được chứng nhận tư cách giáo viên đại học
- + Nắm vững có hệ thống lý luận cơ bản khoa học chuyên môn
- + Có năng lực giảng dạy giáo dục và nghiên cứu khoa học tương đương với chức vụ đảm nhận
- + Chịu trách nhiệm tương đương với chức vụ về chương trình và thời gian qui định hiện hành đối với nhiệm vụ dạy học

Giáo sư, phó giáo sư ngoài các điều kiện cần thiết phải có để đảm bảo nhiệm vụ kể trên, còn cần phải có hệ thống lý luận vững chắc và phong phú về khoa học chuyên môn giảng dạy, có kinh nghiệm nghiên cứu khoa học, có thành tích khoa học rõ rệt, luận văn hoặc tác phẩm phải đạt đến trình độ cao hoặc có thành quả dạy học, nghiên cứu khoa học nổi bật.

Các điều kiện cụ thể để giữ chức của chức vụ giáo viên đại học do Quốc vụ viện qui định.

Điều 48. Các trường đại học thực hiện chế độ mời giáo viên. Giáo viên được mời do các trường đại học căn cứ vào chức trách của chức vụ giáo viên, điều kiện và nhiệm kỳ mời đảm nhiệm qua nhận định có đủ điều kiện đảm nhận nhiệm vụ.

Chế độ mời giáo viên của trường đại học cần phải tôn trọng nguyên tắc hai bên bình đẳng và tự nguyện, do Hiệu trưởng trường đại học và người được mời đảm nhận nhiệm vụ cùng ký vào hợp đồng.

Điều 49. Nhân viên quản lý của các trường đại học thực hiện chế độ viên chức giáo dục. Nhân viên giúp việc giảng dạy và các nhân viên kỹ thuật chuyên ngành khác của các trường đại học thực hành chế độ mời nhận chức vụ kỹ thuật chuyên ngành.

Điều 50. Nhà nước bảo hộ lợi ích hợp pháp của các bậc giáo viên đại học và những người làm công tác giáo dục khác, áp dụng các biện pháp để cải thiện điều kiện công tác và điều kiện sinh hoạt cho các bậc giáo viên đại học và những người làm công tác giáo dục khác.

Điều 51. Các trường đại học cần phải tham gia bồi dưỡng giáo viên, phát triển nghiên cứu khoa học và cung cấp những điều kiện thuận lợi để tiến hành giao lưu học thuật.

Các trường đại học cần phải nắm vững biểu hiện chính trị tư tưởng, đạo đức nghề nghiệp, trình độ nghiệp vụ và tiến hành kiểm tra thực tế kết quả công tác đối với giáo viên, nhân viên quản lý, nhân viên giúp việc giảng dạy và các nhân viên kỹ thuật chuyên ngành khác, kết quả này là cơ sở để nâng bậc, mời giảng hoặc cho thôi việc, thăng chức, khen thưởng hoặc thi hành kỷ luật.

Điều 52. Giáo viên, nhân viên quản lý, nhân viên giúp việc giảng dạy và các nhân viên kỹ thuật chuyên ngành khác của các trường đại học cần phải lấy nhiệm vụ dạy học và bồi dưỡng nhân tài làm trọng tâm để hoàn thành tốt công tác của mình.

CHƯƠNG 6. HỌC SINH ĐẠI HỌC

Điều 53. Học sinh đại học cần phải tôn trọng pháp luật, pháp qui, tôn trọng qui phạm hành vi học sinh và chế độ quản lý khác của nhà trường, tôn trọng giáo viên và bạn bè, chịu khó học tập, rèn luyện sức khoẻ, xây dựng lập trường quan điểm chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa tập thể và CNXH, nỗ lực học tập chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông, lý luận Đặng Tiểu Bình để có đạo đức tư tưởng tốt, nắm vững kiến thức văn hoá khoa học kỹ thuật và kỹ năng nghiệp vụ.

Các quyền lợi hợp pháp của học sinh đại học được pháp luật bảo hộ.

Điều 54. Học sinh đại học cần phải nộp học phí theo qui định của nhà nước.

Học sinh gia đình kinh tế khó khăn có thể đề nghị giúp đỡ hoặc miễn giảm học phí.

Điều 55. Nhà nước thành lập quỹ khen thưởng học sinh, đồng thời khuyến khích các trường đại học, các tổ chức sự nghiệp doanh nghiệp, đoàn thể xã hội các cấp, các tổ chức xã hội khác và các cá nhân căn cứ theo các qui định hữu quan của nhà nước xây dựng quỹ học sinh bằng nhiều hình thức, đối với học sinh có đạo đức và học lực đều ưu tú, học sinh ở các chuyên ngành do nhà nước qui định, học sinh đồng ý sẽ nhận công tác tại các khu vực do nhà nước qui định sẽ được khen thưởng.

Nhà nước thành lập quỹ học bổng và quỹ cho vay của học sinh đại học, đồng thời khuyến khích các trường đại học, các tổ chức sự nghiệp doanh nghiệp, đoàn thể xã hội các cấp, các tổ chức xã hội khác và các cá nhân bằng nhiều hình thức giúp đỡ xây dựng quỹ, đối với học sinh gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn sẽ được giúp đỡ.

Các học sinh được nhận quỹ khen thưởng học sinh và quỹ cho vay của học sinh cần phải thực hiện nghĩa vụ theo qui định.

Điều 56. Học sinh đại học ngoài thời gian học tập có thể tham gia các hoạt động của quỹ học bổng và quỹ cho vay học sinh cũng như các hoạt động phục vụ xã hội nhưng không được ảnh hưởng đến việc hoàn thành nhiệm vụ học tập.

Các trường đại học cần phải động viên, khuyến khích các hoạt động giúp đỡ quỹ học bổng và quỹ cho vay học sinh đồng thời cũng chú ý quản lý và lãnh đạo các hoạt động này.

Điều 57. Học sinh đại học có thể tổ chức các đoàn thể học sinh tại các nhà trường. Các hoạt động của các đoàn thể học sinh trong phạm vi qui định của luật pháp phải chịu sự quản lý và lãnh đạo của nhà trường.

Điều 58. Học sinh đại học tư tưởng đạo đức đạt tiêu chuẩn, đã hoàn thành chương trình của khoá học theo qui định và có kết quả học tập đạt tiêu chuẩn hoặc học hết học phần tương ứng thì cho phép tốt nghiệp.

Điều 59. Các trường đại học cần phải hướng dẫn chỉ đạo tìm việc và phục vụ đối với học sinh tốt nghiệp và học sinh có chứng chỉ tốt nghiệp.

Nhà nước động viên khuyến khích học sinh tốt nghiệp đại học đến nhận công tác tại các vùng biên cương và những nơi còn khó khăn.

CHƯƠNG 7. ĐẦU TƯ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM

Điều 60. Nhà nước xây dựng một thể chế chủ yếu do tài chính nhà nước chuẩn chi, ngoài ra còn bằng nhiều con đường khác để nâng cao kinh phí giáo dục, qua đó để sự nghiệp giáo dục đại học có trình độ phát triển tương đương với sự phát triển của kinh tế và xã hội.

Quốc vụ viện và chính quyền nhân dân tỉnh, khu tự trị và thành phố trực thuộc căn cứ vào qui định tại điều 55 của Luật giáo dục bảo đảm tăng trưởng từng bước kinh phí giáo dục đại học của các trường đại học do nhà nước thành lập.

Nhà nước khuyến khích các tổ chức sự nghiệp doanh nghiệp, đoàn thể xã hội các cấp, các tổ chức xã hội khác và các cá nhân đầu tư vào giáo dục đại học.

Điều 61. Những người thành lập trường đại học cần phải bảo đảm ổn định kinh phí dạy học ban đầu, không được rút lại quỹ dạy học đã được đầu tư.

Điều 62. Ngành hành chính giáo dục của Quốc vụ viện cùng với các ngành hữu quan khác của Quốc vụ viện căn cứ vào bình quân đầu người hàng năm của học sinh trong trường qui định tiêu chuẩn cấp phát kinh phí hàng năm cho các trường đại học và hoạch định các nguyên tắc cơ bản; Ngành hành chính giáo dục của các tỉnh, khu tự trị và thành phố trực thuộc cùng với các ngành liên quan xác định các biện pháp thu góp và tiêu chuẩn chi kinh phí hàng năm của các trường đại học trong nội bộ khu vực hành chính, đây là cơ sở cơ bản trong công tác của những người thành lập trường và việc hoạch định kinh phí dạy học hàng năm của các trường.

Điều 63. Nhà nước thực hiện chính sách ưu đãi cho các trường đại học trong việc nhập khẩu sách báo, tư liệu và dụng cụ thiết bị dạy học, nghiên cứu khoa học, tài sản nhà trường. Tài sản văn phòng hoặc lợi ích thu được do chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ và thành quả khoa học kỹ thuật khác đều được dùng cho việc dạy học ở các trường đại học

Điều 64. Học phí thu được của các trường đại học cần phải theo các qui định hữu quan của nhà nước để quản lý và sử dụng, bất kỳ tổ chức hay cá nhân đều không được chuyển sử dụng vào mục đích khác.

Điều 65. Các trường đại học dựa theo pháp luật xây dựng và kiện toàn chế độ quản lý tài sản, sử dụng hợp lý, quản lý chặt chẽ kinh phí giáo dục, nâng cao hiệu quả đầu tư giáo dục.

Hoạt động tài vụ của các trường đại học phải chịu sự giám sát, đôn đốc theo pháp luật.

CHƯƠNG 8. ĐIỀU KHOẢN KÈM THEO

Điều 66. Trong các hoạt động giáo dục đại học, những hành vi vi phạm những qui định của Luật giáo dục sẽ chịu theo các qui định hữu quan của Luật giáo dục để xử phạt.

Điều 67. Những người ngoài biên giới Trung Quốc có điều kiện phù hợp với những qui định hữu quan của nhà nước, sau khi làm các thủ tục liên quan có thể được tiếp nhận vào học đại học, nghiên cứu khoa học, tiến hành giao lưu học thuật hoặc làm giáo viên ở Trung Quốc, các quyền lợi hợp pháp được nhà nước bảo hộ.

Điều 68. Luật này gọi là Luật giáo dục đại học, nhưng bao gồm các trường đại học, các học viện xây dựng độc lập và cả các trường đại học chuyên khoa trong đó có cả các trường cao đẳng nghiệp vụ và trường đại học cho người trưởng thành.

Các cơ quan giáo dục đại học khác được gọi trong luật này là để chỉ các tổ chức hoạt động giáo dục đại học khác ngoài các trường đại học và các cơ sở nghiên cứu khoa học đã được phê chuẩn thực hiện nhiệm vụ giáo dục nghiên cứu sinh.

Qui định của luật này về các trường đại học hữu quan thích hợp với các cơ sở giáo dục đại học và các cơ sở nghiên

cứu khoa học đã được phê chuẩn thực hiện nhiệm vụ giáo dục nghiên cứu sinh, nhưng những qui định thích hợp đối với các trường đại học chuyên môn ở ngoài luật này.

Điều 69. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 1 năm 1999.

CƯƠNG YẾU CẢI CÁCH VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC CỦA NƯỚC CHND TRUNG HOA

*Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Quốc vụ viện
công bố ngày 13 tháng 2 năm 1993.*

Dưới sự chỉ đạo của lý luận xây dựng CNXH đặc sắc Trung Quốc, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV Đảng Cộng sản Trung Quốc đã xác định nhiệm vụ chủ yếu xây dựng và cải cách của Trung Quốc trong những năm cuối thế kỷ XX. Đối với giáo dục nhiệm vụ đã chỉ rõ: “Cần phải đặt giáo dục ở vị trí chiến lược phát triển ưu tiên, ra sức nâng cao đạo đức tư tưởng và trình độ văn hoá của toàn dân tộc, đây là phương châm lớn cơ bản của việc thực hiện hiện đại hoá của Trung Quốc”. Để thực hiện nhiệm vụ chiến lược mà Đại hội lần thứ XIV đã xác định, đã soạn thảo ra cương yếu này, nhằm làm cho giáo dục phục vụ tốt hơn sự nghiệp xây dựng hiện đại hoá XHCN.

I. NHIỆM VỤ VÀ TÌNH HÌNH GIÁO DỤC HIỆN NAY

(1) Hiện nay, cải cách mở cửa của Trung Quốc và sự nghiệp xây dựng hiện đại hoá đã bước vào giai đoạn mới. Giai đoạn xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN, tăng nhanh bước đi cải cách mở cửa và xây dựng hiện đại hoá,

giải phóng và phát triển sức sản xuất thêm một bước, làm cho tổ chức tổng thể của nền kinh tế quốc dân và sức mạnh tổng hợp của đất nước bước lên một nấc mới. Đối với công tác giáo dục đây vừa là thời cơ thuận lợi và cũng là yêu cầu và nhiệm vụ mới. Trong tình hình mới, nhiệm vụ của công tác giáo dục là: tuân thủ tinh thần Đại hội lần thứ XIV của Đảng, lấy lý luận xây dựng XHCN đặc sắc Trung Quốc làm chỉ đạo, kiên trì đường lối cơ bản của Đảng, quán triệt toàn diện phương châm giáo dục, hướng vào hiện đại hoá, hướng ra thế giới, hướng về tương lai, tăng nhanh sự phát triển và cải cách giáo dục, nâng cao tổ chức của người lao động thêm một bước, bồi dưỡng hàng loạt nhân tài, xây dựng thể chế giáo dục phù hợp với thể chế kinh tế thị trường XHCN và thể chế chính trị, khoa học kỹ thuật mà cải cách yêu cầu, nhằm làm cho giáo dục phục vụ tốt hơn cho công cuộc xây dựng và hiện đại hoá XHCN.

(2) Qua hơn 40 năm xây dựng đất nước, công tác giáo dục của Trung Quốc đã giành được những thành tựu nổi bật. Chế độ giáo dục XHCN đã cơ bản được xác lập; sự nghiệp giáo dục có sự phát triển rất lớn; đã bồi dưỡng hàng loạt nhân tài cho công cuộc xây dựng CNXH; đã hình thành đội ngũ giáo viên hàng chục triệu người; điều kiện vật chất thành lập trường đã có bước cải thiện ở mức độ khác nhau. Đặc biệt là từ Hội nghị toàn quốc lần thứ 3 khoá XI của Đảng đến nay, cải cách giáo dục từng bước được triển khai; bắt đầu có kế hoạch giáo dục nghĩa vụ 9 năm, phân chia

giai đoạn để thực hiện, cả nước đã có 91% khu vực dân cư được phổ cập giáo dục tiểu học; giáo dục kỹ thuật và hướng nghiệp đạt được sự phát triển ở mức độ tương ứng, chiều sinh của các trường kỹ thuật dạy nghề trung cấp và số học sinh đang học tại trường chiếm tỷ lệ số học sinh ở giai đoạn cao trung, đều đã vượt trên 50%, đã thay đổi cục diện đơn nhất hoá kết cấu giáo dục trung cấp; giáo dục cao đẳng phát triển tương đối nhanh, học sinh của các trường cao đẳng phổ thông và trường cao đẳng của người lớn đã lên đến 3,76 triệu người, bước đầu đã hình thành hệ thống khoa học các môn học đầy đủ, nhiều cấp, nhiều loại hình thức; giáo dục dân tộc và giáo dục người trưởng thành với các hình thức đa dạng cũng được phát triển rất tốt; thực hành thể chế phân cấp quản lý giao cho địa phương phụ trách cơ sở giáo dục ở nông thôn đã giành được hiệu quả rõ rệt, sự kết hợp thống nhất giáo dục với khoa học kỹ thuật, nông nghiệp đã có những kết quả bước đầu; đã nổi lên một loạt khu vực, ngành, đơn vị khôi phục được tinh thần tôn sư trọng đạo đồng thời giành được thành tích tương đối lớn. Sự hợp tác và trao đổi giáo dục quốc tế cũng đã đạt được bước triển khai rộng rãi. Thành tựu mà công tác giáo dục của Trung Quốc giành được, là kết quả của việc kiên trì cải cách mở cửa, đã thể hiện tính ưu việt của chế độ XHCN, là cơ sở cho giáo dục của Trung Quốc cải cách và phát triển sang giai đoạn mới.

Đồng thời, cần phải thấy rằng, về tổng thể giáo dục của Trung Quốc vẫn còn tương đối lạc hậu, không thể thích ứng

nhu cầu phát triển nhanh của cải cách mở cửa và xây dựng hiện đại hoá. Vị trí chiến lược của giáo dục vẫn chưa hoàn toàn vững chắc trong công tác thực tế; đầu vào của giáo dục không đủ, đãi ngộ cho giáo viên còn thấp, điều kiện mở trường tương đối kém; tư tưởng giáo dục, nội dung giảng dạy và phương pháp giảng dạy thoát ly thực tế ở mức độ khác nhau; công tác chính trị tư tưởng trong nhà trường vẫn cần phải tăng cường và cải tiến thêm một bước; thể chế giáo dục và cơ chế hoạt động không thích ứng nhu cầu cải cách thể chế kinh tế, chính trị, khoa học kỹ thuật. Cần phải giải quyết một cách đúng mức đối với những vấn đề tồn tại trong công tác giáo dục phù hợp với sự phát triển toàn diện và triệt để của phát triển và cải cách kinh tế.

(3) Hơn 40 năm qua, giáo dục của Trung Quốc đã trải qua quá trình phát triển quanh co khúc khuỷu, đã tích lũy kinh nghiệm quý báu cho việc phát triển sự nghiệp giáo dục XHCN, bước đầu xác định rõ nguyên tắc chủ yếu của hệ thống giáo dục XHCN đặc sắc Trung Quốc: *Thứ nhất*, giáo dục là cơ sở xây dựng hiện đại hoá XHCN, cần phải kiên trì đặt giáo dục vào vị trí chiến lược phát triển ưu tiên. *Thứ 2*, cần phải kiên trì sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục, kiên trì phương hướng XHCN của giáo dục, bồi dưỡng lớp người kế thừa và xây dựng phát triển toàn diện đức, trí, thể. *Thứ 3*, cần phải kiên trì phương châm giáo dục phục vụ xây dựng hiện đại hoá XHCN, kết hợp với sản xuất lao động, phục tùng một cách tự giác và phục vụ cho nhiệm vụ

trung tâm xây dựng kinh tế, thúc đẩy sự tiến bộ toàn diện của xã hội. *Thứ 4*, cần phải kiên trì cải cách mở cửa của giáo dục, nỗ lực cải cách thể chế giáo dục, kết cấu giáo dục, phương pháp và nội dung giảng dạy, mạnh dạn tiếp thu và áp dụng tất cả thành quả văn minh xã hội của nhân loại, dũng cảm sáng tạo, dám thực nghiệm, không ngừng phát triển và hoàn thiện chế độ giáo dục XHCN. *Thứ 5*, cần phải quán triệt toàn diện phương châm giáo dục của Đảng và Nhà nước, tôn trọng Luật giáo dục, nâng cao toàn diện chất lượng giáo dục và hiệu quả lợi ích mở trường. *Thứ 6*, cần phải dựa vào lực lượng giáo viên đông đảo, không ngừng nâng cao tố chất chính trị và nghiệp vụ của giáo viên, ra sức cải thiện điều kiện công tác, học tập và sinh hoạt của họ. *Thứ 7*, cần phải phát huy đầy đủ tính tích cực mở trường của các tầng lớp xã hội, các cấp chính quyền và quần chúng nhân dân, kiên trì lấy chi từ ngân sách là chính, lo liệu kinh phí từ nhiều nguồn khác nhau. *Thứ 8*, cần phải xuất phát từ tình hình của Trung Quốc, dựa vào nguyên tắc kết hợp tính thống nhất và tính đa dạng, thực hiện nhiều loại hình thức mở lớp, bồi dưỡng nhiều loại nhân tài, đi con đường phát triển giáo dục phù hợp với Trung Quốc và khu vực. Những nguyên tắc chủ yếu này, cần phải làm phong phú và phát triển thêm một bước trong thực tiễn từ nay về sau.

(4) Đồng chí Đặng Tiểu Bình chỉ ra, thực hiện 4 hiện đại hoá, khoa học kỹ thuật là then chốt, giáo dục là cơ sở. Để hoàn thành nhiệm vụ chủ yếu của những năm 90 mà Đại

hội XIV của Đảng đã xác định, cần phải chuyển xây dựng kinh tế vào quỹ đạo dựa vào tiến bộ khoa học kỹ thuật và nâng cao tố chất của người lao động. Sở dĩ trong một thời gian dài tình trạng hiệu quả lợi ích kinh tế xí nghiệp của Trung Quốc thấp, sản phẩm thiếu sức cạnh tranh không được thay đổi; khoa học kỹ thuật nông nghiệp không được phổ biến rộng rãi; nguồn tài nguyên quý báu và môi trường sinh thái không thể được sử dụng và bảo hộ một cách đầy đủ; tăng trưởng nhân khẩu không thể được khống chế một cách có hiệu quả; một số thị hiếu tập quán xã hội không tốt vẫn liên tục xảy ra không chấm dứt được, tất nhiên có nhiều nguyên nhân, song một nguyên nhân quan trọng là tố chất của người lao động thấp. Sự nghiệp phát triển giáo dục nâng cao tố chất của toàn dân tộc, đem gánh nặng về nhân khẩu chuyển hoá thành ưu thế của nguồn nhân lực, đây là con đường tất yếu thực hiện hiện đại hoá XHCN của Trung Quốc.

Tình hình chính trị thế giới ngày nay thay đổi liên tục, cạnh tranh quốc tế ngày càng quyết liệt, khoa học kỹ thuật phát triển nhanh chóng. Cạnh tranh kinh tế, cạnh tranh sức mạnh tổng hợp của đất nước trong phạm vi thế giới, trên thực tế là sự cạnh tranh về khoa học kỹ thuật và sự cạnh tranh tố chất dân tộc. Nói về ý nghĩa này, quốc gia nào đã nắm được sự phát triển giáo dục hướng vào thế kỷ XXI, quốc gia đó sẽ ở vào vị trí chủ động chiến lược cạnh tranh quốc tế trong thế kỷ XXI. Vì vậy, cần phải nhìn

xa trông rộng, nhanh chóng đưa ra kế hoạch lớn của sự nghiệp giáo dục của Trung Quốc, chào đón sự thách thức của thế kỷ XXI.

Đứng trước hình thế mới tăng nhanh tốc độ cải cách mở cửa, xây dựng và hiện đại hoá, chính quyền các cấp, những người làm công tác giáo dục và toàn xã hội, cần phải nhận thức được sự bức xúc đối với cải cách và phát triển của giáo dục, thực sự xác lập tư tưởng xây dựng XHCN cần phải dựa vào giáo dục và “kế hoạch lớn trăm năm, giáo dục là gốc”, áp dụng biện pháp thiết thực có sức mạnh, vị trí chiến lược của giáo dục phải chắc chắn, tăng nhanh cải cách và phát triển của giáo dục, mở ra cục diện mới cho sự nghiệp giáo dục.

II. MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC VÀ PHƯƠNG CHÂM CHỈ ĐẠO PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC

(5) Dựa vào sự bố trí chiến lược “ba bước đi” xây dựng hiện đại hoá XHCN của Trung Quốc, đến cuối thế kỷ XX, mục tiêu tổng quát phát triển giáo dục của Trung Quốc là: mức độ toàn dân được giáo dục được nâng cao rõ rệt; giáo dục trước khi bước vào làm việc, sau khi bước vào làm việc của người lao động thành phố và nông thôn có sự phát triển tương đối lớn; số lượng các loại nhân tài chuyên môn cơ bản đáp ứng thoả mãn nhu cầu xây dựng hiện đại hoá; hình thành khung cơ bản của hệ thống giáo dục XHCN hướng vào thế kỷ XXI. Qua sự cố gắng của mấy chục năm, chúng

ta đã xây dựng lên hệ thống giáo dục XHCN tương đối hoàn thiện và thành thực, thực hiện hiện đại hoá giáo dục.

Những năm 90 của thế kỷ XX, dưới tiền đề bảo đảm đầu tư giáo dục và điều kiện tất yếu để mở trường, mục tiêu cụ thể trong phát triển giáo dục các loại, các cấp là:

- Cả nước cơ bản phổ cập giáo dục nghĩa vụ 9 năm (bao gồm cả giáo dục hướng nghiệp ở giai đoạn sơ trung); đối với khu vực thành thị cụ thể là các thành phố lớn và khu kinh tế phát triển vùng duyên hải tích cực phổ cập giáo dục giai đoạn cao trung. Thành phố lớn và vừa cơ bản thoả mãn yêu cầu tiếp nhận giáo dục trẻ em, đối với vùng nông thôn rộng lớn tích cực phát triển giáo dục 1 năm cho trẻ em trước khi đi học.

- Số học sinh học ở trong các trường kỹ thuật dạy nghề giai đoạn cao trung tăng lên trên diện rộng, số học sinh tốt nghiệp sơ trung và cao trung mà không học tiếp sẽ được tiếp nhận đào tạo, huấn luyện kỹ thuật ngành nghề với thời gian khác nhau, làm cho lực lượng lao động mới được bổ sung của thành phố cũng như nông thôn trước khi đi làm đều có thể được huấn luyện đào tạo ngành nghề kỹ thuật cần thiết.

- Cán bộ chuyên môn do các trường cao đẳng đào tạo bồi dưỡng phải đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, khoa học kỹ thuật và xã hội. Tập trung sức lực xây dựng một số trường đại học trọng điểm và các khoa trọng điểm, về căn bản đảm bảo đào tạo bồi dưỡng nhân tài chuyên môn cao ở

trong nước. Chất lượng giáo dục, trình độ khoa học kỹ thuật và hiệu quả lợi ích mở trường được nâng cao rõ rệt.

Cơ bản xoá mù chữ cho tầng lớp trắng niên trên toàn quốc, phấn đấu đưa tỷ lệ mù chữ của đối tượng này giảm xuống dưới 5%. Thông qua việc đào tạo huấn luyện trước khi đảm nhiệm nhiệm vụ công tác, kết hợp với giáo dục thường xuyên và giáo dục tại chức để nâng cao tố chất tư tưởng văn hoá và kỹ năng ngành nghề cho đông đảo nhân viên sự nghiệp.

Các khu vực, các ngành căn cứ vào tình hình thực tế, định ra mục tiêu và nhiệm vụ phát triển giáo dục, phân chia giai đoạn của ngành nghề mình, khu vực mình.

(6) Để thực hiện những mục tiêu trên, phải áp dụng cải cách giáo dục sâu rộng hơn, kiên trì phát triển nhip nhàng, tăng cường đầu vào cho giáo dục, nâng cao tố chất giáo viên, nâng cao chất lượng giáo dục, chú trọng hiệu quả lợi ích mở trường, thực hành chiến lược quy hoạch phân vùng, tăng cường sự tham gia của xã hội.

Về phát triển sự nghiệp giáo dục, không chỉ chú ý phát triển quy mô giáo dục tương đối lớn mà còn phải chú trọng nâng cao chất lượng giáo dục và hiệu quả lợi ích mở trường lên một trình độ mới.

Về chọn lựa kết cấu, lấy giáo dục nghĩa vụ 9 năm làm cơ sở, ra sức tăng cường giáo dục cơ sở, tích cực phát triển giáo dục hướng nghiệp, giáo dục người trưởng thành và giáo

dục cao đẳng, đặt việc nâng cao tổ chất của người lao động, bồi dưỡng nhân tài sơ, trung cấp ở vị trí ưu tiên.

Về kết cấu và cách thức phát triển khu vực, xuất phát từ thực tế của việc phát triển kinh tế, văn hoá không đồng đều của các địa phương có thể vận dụng linh hoạt tùy từng vùng, phân loại chỉ đạo. Khuyến khích khu vực có nền kinh tế và văn hoá phát triển phấn đấu đạt đến trình độ phát triển giáo dục vào cuối những năm 1980 của các nước phát triển, tích cực ủng hộ khu vực nghèo khổ khó khăn và khu vực dân tộc phát triển giáo dục.

(7) Cần phải ra sức tăng cường giáo dục cơ sở, coi là công trình đặt nền móng cho việc nâng cao tổ chất dân tộc. Chính quyền các cấp phải quán triệt và chấp hành đầy đủ “*Luật giáo dục nghĩa vụ của nước CHND Trung Hoa*” và những quy định đồng bộ kèm theo với tinh thần tích cực nhất. Cần xuất phát từ thực tế của địa phương, thực hiện vững chắc mục tiêu phổ cập giáo dục 9 năm. Phải xây dựng chế độ kiểm tra, giám sát đôn đốc và thưởng phạt, bảo đảm chắc chắn việc quán triệt chấp hành *Luật giáo dục nghĩa vụ*. Chính quyền, xã hội và phụ huynh phải nghiêm chỉnh thực hiện nghĩa vụ của mình, bảo đảm trẻ em đến tuổi đi học đến trường, ngăn chặn học sinh bỏ học, cần phải xử phạt theo quy định của pháp luật đối với tổ chức và cá nhân thuê mướn trẻ em và thiếu niên trong độ tuổi đi học làm việc.

Phát triển giáo dục cơ sở, cần phải tiếp tục cải thiện điều kiện dạy và học, từng bước thực hiện tiêu chuẩn hoá.

Trung tiểu học phải từ “giáo dục dự thi” chuyển sang quỹ đạo nâng cao toàn diện tố chất dân tộc, hướng vào toàn thể học sinh, nâng cao toàn diện đạo đức tư tưởng, văn hoá khoa học, kỹ năng lao động và tố chất tâm lý thân thể cho học sinh, thúc đẩy sự phát triển sinh động hoạt bát của học sinh, đưa ra đặc sắc của mỗi cá nhân riêng lẻ. Phải đa dạng hoá thể chế mở trường và mẫu mở trường của trường cao trung phổ thông.

(8) Giáo dục hướng nghiệp là bộ phận tổ thành quan trọng trong giáo dục hiện đại, là trụ cột quan trọng của công nghiệp hoá và hiện đại hoá, xã hội hoá sản xuất. Chính quyền các cấp phải coi trọng cao độ, trù tính quy hoạch, quán triệt tích cực phương châm phát triển, huy động hết tính tích cực của các ngành, đơn vị sự nghiệp và các giới xã hội, hình thành cục diện toàn xã hội nỗ lực góp sức xây dựng giáo dục hướng nghiệp với nhiều tầng bậc, nhiều hình thức. Đến cuối thế kỷ XX, mỗi thành phố trung tâm và mỗi huyện, đều phải xây dựng được 1, 2 trường hoặc trung tâm đào tạo huấn luyện ngành nghề nông cốt mang tính kiểu mẫu, kết hợp với nhiều hình thức đào tạo huấn luyện ngắn hạn đa dạng, hình thành mạng lưới giáo dục hướng nghiệp.

Phát triển giáo dục hướng nghiệp phải thích ứng với nhu cầu phát triển kinh tế tại chỗ. Khu vực đã cơ bản phổ cập giáo dục nghĩa vụ 9 năm, phải lấy phát triển giáo dục hướng nghiệp sau sơ trung làm trọng điểm; khu vực chưa phổ cập giáo dục nghĩa vụ 9 năm, đối với học sinh tốt

ng nghiệp tiểu học không thể vào học ở cấp sơ trung phải thực hành đào tạo hướng nghiệp; các nơi phải tích cực đa dạng hoá phát triển giáo dục sau cao trung, tiến hành đào tạo huấn luyện hướng nghiệp đối với học sinh tốt nghiệp phổ thông bậc cao trung mà chưa vào học ở trường cao đẳng. Ở bậc phổ thông trung học cũng phải phân biệt các tình hình khác nhau để xây dựng chương trình dạy và học giáo dục kỹ thuật ngành nghề.

Các loại trường kỹ thuật chuyên nghiệp của các cấp học đều phải chủ động thích ứng với nhu cầu của kinh tế thị trường XHCN và xây dựng tại chỗ. Phải dưới sự chỉ đạo của Chính phủ, kêu gọi liên kết mở trường, đi con đường kết hợp giáo dục với sản xuất, lợi dụng càng nhiều hơn kinh phí do kinh doanh sản phẩm đào tạo để phát triển ngành nghề của nhà trường, tăng cường khả năng tự phát triển của nhà trường, từng bước lấy nhà máy (sân bãi) nuôi nhà trường.

Phải thực hành nghiêm túc chế độ “đào tạo huấn luyện trước, có việc làm sau”. Ưu tiên tuyển dụng học sinh đã được giáo dục và đào tạo huấn luyện kỹ thuật ngành nghề vào làm việc, nếu đảm nhiệm nhiệm vụ mang tính chuyên nghiệp, tính kỹ thuật tương đối cao chỉ được làm việc sau khi giành được chứng nhận tư cách làm việc. Đối với những học sinh chưa được đào tạo huấn luyện đã được tuyển dụng, phải tiến hành đào tạo huấn luyện trước khi bước vào công việc.

(9) Giáo dục đại học là nơi đảm nhiệm nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng nhân tài chuyên môn cấp cao, thực hiện nhiệm vụ trọng yếu và lớn lao thúc đẩy phát triển văn hoá, khoa học kỹ thuật góp phần thúc đẩy công cuộc hiện đại hoá. Những năm 90, giáo dục đại học phải thích ứng nhu cầu phát triển nhanh cải cách mở cửa và xây dựng hiện đại hoá, tích cực thăm dò tìm kiếm con đường mới trong phát triển, làm cho quy mô có bước phát triển tương đối lớn, kết cấu hợp lý, chất lượng và hiệu quả lợi ích được nâng cao rõ rệt.

Phát triển giáo dục đại học, phải kiên trì đi con đường phát triển nội hàm là chính, cố gắng nâng cao hiệu quả lợi ích mở trường. Phải phân biệt khu vực, các môn khoa học và trường khác nhau, để xác định mục tiêu và trọng điểm phát triển. Định ra tiêu chuẩn phân loại trường đại học và biện pháp, chính sách tương ứng, làm cho các trường được phân công hợp lý với loại hình khác nhau, tạo ra đặc sắc trên thang bậc của mỗi nơi. Phải ra sức tăng cường và phát triển giáo dục chuyên ngành mang tính khu vực, nỗ lực mở rộng số lượng bồi dưỡng nghiên cứu sinh. Phải cơ bản ổn định quy mô khoa học cơ sở, phát triển thích đáng khoa học mới được xây dựng và khoa học liên ngành, trọng điểm là phát triển khoa học ứng dụng. Để đón trước thách thức của cách mạng kỹ thuật mới của thế giới, phải tập trung sức mạnh các mặt của Trung ương và địa phương xây dựng khoảng 100 trường đại học trọng điểm và một loạt khoa và

chuyên ngành trọng điểm, cố gắng đến đầu thế kỷ XXI, có một số trường đại học và khoa chuyên ngành, về mặt chất lượng giáo dục, nghiên cứu khoa học và quản lý, đạt đến trình độ cao của thế giới.

Công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật ở trường đại học phải quán triệt đầy đủ phương châm công tác của Nhà nước đối khoa học kỹ thuật, kiên trì tư tưởng “khoa học kỹ thuật là sức sản xuất số 1”, kiên trì hướng vào xây dựng kinh tế, kiên trì kết hợp với toán học. Phải căn cứ vào điều kiện khác nhau, ra sức triển khai việc khai thác phát triển kỹ thuật, đẩy mạnh ứng dụng và phục vụ tư vấn, xây dựng những ngành nghề mới, làm cho thành quả của khoa học nhanh chóng chuyển hoá thành sức sản xuất hiện thực. Phải tăng cường khoa học cơ bản và nghiên cứu khoa học ứng dụng, tổ chức lực lượng giỏi đảm nhận nhiệm vụ tấn công vào những hạng mục then chốt của khoa học kỹ thuật quốc gia và phát triển kỹ thuật mới cao. Phải có kế hoạch xây dựng một loạt phòng thực nghiệm trọng điểm quốc gia và trung tâm nghiên cứu công trình, thúc đẩy trình độ nghiên cứu khoa học của khoa học tương quan đứng vào hàng các nước tiên tiến trên thế giới.

Giảng dạy và nghiên cứu khoa học của các môn triết học, khoa học xã hội, cần phải lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và lý luận xây dựng CNXH đặc sắc Trung Quốc làm chỉ đạo, liên hệ chặt chẽ với thực tế, ra sức nghiên cứu và giải quyết lý luận và vấn đề thực tế trong xây dựng hiện đại hoá

XHCN, có những cống hiến cho triết học, khoa học xã hội phát triển, xây dựng XHCN đặc sắc Trung Quốc.

(10) Giáo dục người trưởng thành là một loại chế độ giáo dục kiểu mới của giáo dục nhà trường truyền thống, phát triển theo hướng giáo dục suốt đời, có tác dụng quan trọng đối với việc không ngừng nâng cao tổ chất của toàn dân tộc, xúc tiến phát triển kinh tế và xã hội. Những năm 90, phải tích cực phát triển, thích ứng với nhu cầu thực tế xây dựng kinh tế, phát triển xã hội và nhân viên làm các ngành nghề. Phải biết kết hợp học và ứng dụng, theo nguyên tắc thực hiện giáo dục theo nhu cầu và chú trọng hiệu quả thực tế, lấy việc ra sức triển khai đào tạo huấn luyện vị trí công tác và tiếp tục giáo dục làm trọng điểm, coi trọng đổi mới tri thức cho nhân viên làm nghề nào đó. Nhà nước xây dựng và hoàn thiện chế độ đào tạo huấn luyện và hoàn thiện cương vị công việc đảm nhiệm, chế độ chứng nhận, chế độ thi và thi tư cách, chế độ giáo dục tiếp tục.

Ra sức phát triển giáo dục người trưởng thành ở nông thôn, tích cực làm tốt việc tổ chức trường kỹ thuật văn hoá người trưởng thành ở thị trấn, xã, nâng cao toàn diện tổ chất nhân viên làm các ngành nghề ở nông thôn. Nắm chắc công tác xoá mù chữ cho thanh niên, kiên trì tiêu chuẩn, coi trọng hiệu quả thực tế, kết hợp giáo dục văn hoá với giáo dục kỹ thuật ngành nghề. Chính quyền các cấp phải tăng cường khoản kinh phí chi cho xoá mù chữ, thiết lập quỹ xã hội xoá

mù chữ, đồng thời tăng cường lãnh đạo, làm cho nhiệm vụ xoá mù chữ phát triển sâu, rộng ở làng, xã.

Quá trình giáo dục học tập của người trưởng thành phải tăng cường liên hệ và hợp tác với trường phổ thông, cố gắng thể hiện đặc trưng trong giáo dục người trưởng thành, chú trọng nâng cao chất lượng. Các cơ sở giáo dục người trưởng thành không có tư cách cấp phát văn bằng quá trình học tập, có thể cấp cho học sinh giấy chứng nhận tốt nghiệp học tập mang tính tả thực; học sinh tốt nghiệp muốn lấy được văn bằng quá trình học tập được Nhà nước công nhận, có thể tham gia kỳ thi lấy văn bằng do Nhà nước tổ chức hoặc thi tự học. Phải hoàn thiện và phát triển chế độ thi tự học, khuyến khích tự học thành tài.

(11) Coi trọng và nâng đỡ sự nghiệp giáo dục của dân tộc thiểu số. Trung ương và địa phương phải từng bước tăng kinh phí giáo dục cho dân tộc thiểu số. Đối với vùng dân tộc thiểu số có khó khăn đặc biệt, phải áp dụng chính sách và biện pháp riêng. Trong các khoản phí hỗ trợ cho khu vực dân tộc thiểu số do Nhà nước cấp và các quỹ giúp đỡ xoá nghèo khác, phải giành ra lượng kinh phí với tỷ lệ nhất định dùng cho phát triển giáo dục dân tộc. Về vấn đề đãi ngộ học sinh tốt nghiệp các trường đại học và trung cấp tình nguyện đến công tác tại vùng dân tộc thiểu số xa xôi, các nơi phải định ra chính sách ưu đãi. Tổ chức chu đáo và sát thực nhiệm vụ phát huy nội lực của tỉnh, thành phố cùng chi viện cho giáo dục của vùng dân tộc. Vùng các dân tộc phải tích

cực tìm kiếm con đường phát triển giáo dục thích hợp với thực tế nơi đó.

(12) Coi trọng và ủng hộ sự nghiệp giáo dục người tàn tật. Chính quyền các cấp phải coi công tác giáo dục người tàn tật là bộ phận hợp thành của sự nghiệp giáo dục, áp dụng các loại hình thức như mở trường riêng cho người tàn tật hoặc trường phổ thông chiêu sinh người tàn tật vào học, v.v... để phát triển sự nghiệp giáo dục người tàn tật. Từng bước tăng kinh phí giáo dục đặc biệt, đồng thời khuyến khích lực lượng xã hội mở trường, quyên góp tiền trợ giúp học tập. Phải nâng đỡ và đãi ngộ đối với trường của người tàn tật và ngành nghề mà nhà trường tổ chức ra.

(13) Tích cực phát triển giáo dục phát thanh truyền hình và điện khí hoá giảng dạy trong nhà trường, phổ biến rộng rãi việc vận dụng phương pháp giảng dạy hiện đại. Phải nắm chắc việc xây dựng hệ thống mạng và các điểm thu, phát truyền hình vệ tinh giáo dục, đến cuối thế kỷ XX, cơ bản xây dựng xong mạng truyền hình giáo dục toàn quốc, phủ sóng phần lớn thị trấn, xã và vùng xa xôi.

(14) Mở rộng thêm một bước mở cửa giáo dục đối ngoại, tăng cường giao lưu và hợp tác giáo dục quốc tế, mạnh dạn tiếp thu và học tập kinh nghiệm thành công về phát triển và quản lý giáo dục của các nước trên thế giới. Số người du học ở nước ngoài là tài sản quý báu của quốc gia, Nhà nước phải coi trọng và tín nhiệm họ. Căn cứ vào phương châm “Ủng hộ du học, khuyến khích trở về, đi về tự

do”, tiếp tục mở rộng việc cử lưu học sinh; quán triệt đầy đủ các quy định của Nhà nước về số người du học ở nước ngoài, ủng hộ và khuyến khích họ học thành đạt trở về nước, hoặc áp dụng nhiều loại phương thức để họ cống hiến cho sự nghiệp xây dựng hiện đại hoá XHCN của Tổ quốc. Cải cách chiêu sinh và biện pháp quản lý lưu học sinh đến Trung Quốc học tập, tăng cường giao lưu và hợp tác giữa các trường đại học nước ngoài với các trường đại học của Trung Quốc, triển khai liên kết với các trường hoặc chuyên gia của nước ngoài bồi dưỡng nhân tài, liên kết tiến hành nghiên cứu khoa học. Ra sức tăng cường công tác giảng dạy Hán ngữ đối ngoại.

III. CẢI CÁCH THỂ CHẾ GIÁO DỤC

(15) Đại hội lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Trung Quốc xác định mục tiêu cải cách thể chế kinh tế của Trung Quốc là xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN. Trong những năm 1990, cùng với yêu cầu cải cách thể chế kinh tế ngày càng sâu sắc hơn, phải áp dụng phương châm cải cách tổng hợp, đồng bộ thể chế chính trị và thể chế khoa học kỹ thuật, thúc đẩy từng bước, tăng nhanh nhịp độ cải cách thể chế bao cấp quá nhiều, quá cứng nhắc, bước đầu xây dựng thể chế giáo dục mới thích ứng với cải cách thể chế khoa học kỹ thuật, thể chế chính trị và thể chế kinh tế thị trường XHCN. Chỉ có như vậy, mới có thể tăng cường sức sống, chủ động thích ứng với sự phát triển kinh tế và xã hội, đi lên con đường mới phát triển giáo dục, đặt cơ sở cho việc xây

dựng hệ thống giáo dục XHCN đặc sắc Trung Quốc. Cải cách thể chế giáo dục phải có lợi cho việc kiên trì phương hướng XHCN, bồi dưỡng lớp người kế tiếp và người xây dựng phát triển toàn diện đức, trí, thể; có lợi cho việc huy động tính tích cực của chính quyền các cấp, của toàn xã hội và đông đảo giáo viên học sinh công nhân viên chức, nâng cao chất lượng giáo dục, trình độ nghiên cứu khoa học và hiệu quả lợi ích mở trường; có lợi cho việc xúc tiến giáo dục phục vụ cho việc xây dựng hiện đại hoá XHCN ngày càng tốt hơn.

(16) Cải cách thể chế mở trường. Thay đổi kết cấu và cách thức chính quyền nắm giữ việc mở trường, từng bước xây dựng thể chế lấy việc Chính phủ mở trường làm chủ thể, các giới trong xã hội cùng nhau mở trường. Giai đoạn hiện tại, cơ sở giáo dục phải lấy chính quyền địa phương mở trường là chính; giáo dục đại học phải từng bước hình thành kết cấu và cách thức mới lấy hai cấp chính quyền Trung ương và tỉnh (khu tự trị, thành phố trực thuộc) mở trường là chính, các giới trong xã hội tham gia mở trường; giáo dục kỹ thuật ngành nghề và giáo dục người trưởng thành chủ yếu dựa vào ngành nghề, xí nghiệp, đơn vị sự nghiệp mở trường và các tổ chức xã hội liên kết mở trường.

Nhà nước áp dụng phương châm tích cực khuyến khích, ra sức ủng hộ, dẫn dắt chính xác, tăng cường quản lý đối với đoàn thể xã hội và cá nhân công dân mở trường theo quy định của pháp luật. Nhà nước hoan nghênh đồng bào

Hồng Kông, Ma Cao, Đài Loan, kiều bào ở nước ngoài và nhân sĩ hữu hảo nước ngoài quyên góp giúp đỡ mở trường. Tiến hành hợp tác quốc tế mở trường trong phạm vi pháp luật và pháp quy có liên quan. Tổ chức mở các loại trường có tư cách cấp văn bằng chứng chỉ quá trình học tập của Nhà nước thừa nhận, phải làm thủ tục thẩm tra phê chuẩn xử lý theo quy định của Nhà nước.

(17) Cải cách thể chế giáo dục từ trung cấp trở xuống ngày càng sâu sắc hơn, tiếp tục hoàn thiện thể chế phân cấp mở trường, phân cấp quản lý.

Giáo dục trung cấp và từ trung cấp trở xuống, do chính quyền địa phương thực hành hoạch định và quản lý dưới sự chỉ đạo của phương châm chính trị lớn của Trung ương. Nhà nước ra quy định chế độ học tập cơ bản, lập chương trình học tập và tiêu chuẩn chương trình, tiêu chuẩn biên chế nhân viên của trường, tư cách giáo viên và tiêu chuẩn lương cơ bản của công nhân viên chức..., chính quyền cấp tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc có quyền xác định chế độ học tập của khu vực mình, quy mô chiêu sinh hàng năm, xác định kế hoạch giảng dạy, chọn lựa tài liệu và thẩm định biên tập giáo tài, xác định hạn ngạch chức vụ giáo viên và mức độ lương... Quyền hạn của chính quyền từ cấp tỉnh trở xuống, do chính quyền tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc xác định.

Tích cực thúc đẩy cải cách tổng hợp giáo dục nông thôn, giáo dục thành thị và giáo dục xí nghiệp, xúc tiến sự

kết hợp chặt chẽ giáo dục với khoa học kỹ thuật và kinh tế. Chính quyền hai cấp huyện, xã phải đưa giáo dục vào quy hoạch tổng thể của phát triển xã hội, kinh tế địa phương, phân cấp hoạch định quản lý giáo dục cơ sở, giáo dục kỹ thuật ngành nghề, giáo dục người lớn, hoạch định quy hoạch phát triển kinh tế, khoa học kỹ thuật, giáo dục, xúc tiến kết hợp hữu cơ “kế hoạch lan rộng” với “kế hoạch ánh sao băng”, “kế hoạch được mùa”, thực hiện chiến lược khoa học giáo dục chấn hưng nông thôn. Phải tích cực đẩy mạnh cải cách tổng hợp của giáo dục thành phố, tìm ra thể chế mới trong quản lý giáo dục của thành phố.

Các loại nhà trường trung cấp và trung cấp trở xuống thực hành chế độ Hiệu trưởng phụ trách. Hiệu trưởng phải quán triệt toàn diện phương châm và chính sách giáo dục của Nhà nước, dựa vào giáo viên, công nhân viên chức để tổ chức tốt nhà trường.

Ủng hộ và khuyến khích trường trung tiểu học cùng với các đơn vị sự nghiệp xí nghiệp xung quanh, Ủy ban đường phố hoặc khu dân cư xây dựng tổ chức giáo dục khu, xã, thu hút các giới trong xã hội ủng hộ xây dựng trường, tham gia quản lý nhà trường, ưu việt hoá môi trường giáo dục con người, tìm ra hình thức kết hợp giáo dục với xã hội phù hợp đặc điểm trường trung tiểu học.

(18) Cải cách thể chế giáo dục đại học ngày càng sâu sắc hơn. Tiến hành cải cách thể chế giáo dục đại học, chủ yếu là giải quyết quan hệ giữa Chính phủ với trường đại

học, Trung ương với địa phương, Ủy ban Giáo dục quốc gia với các ngành nghiệp vụ Trung ương, từng bước xây dựng thể chế Chính phủ quản lý vĩ mô, nhà trường hướng vào xã hội tự chủ mở trường.

Về quan hệ giữa Chính phủ với trường học, phải dựa theo nguyên tắc phân rõ công tác chủ yếu, thông qua lập pháp, xác định rõ quyền lợi và nghĩa vụ của trường đại học, làm cho trường đại học thực sự trở thành thực thể pháp nhân tự chủ mở trường hướng vào xã hội. Phải phân biệt tình hình khác nhau về các mặt chiêu sinh, điều chỉnh chuyên môn, bố trí cơ cấu, bổ nhiệm bãi miễn cán bộ, sử dụng kinh phí, xét duyệt chức danh, phân phối lương và giao lưu hợp tác quốc tế..., mở rộng thêm một bước quyền tự chủ mở trường của nhà trường đại học. Nhà trường phải biết sử dụng quyền lực của mình, chịu trách nhiệm tương ứng, xây dựng cơ chế vận hành tự phát triển, tự ràng buộc, chủ động thích ứng nhu cầu xây dựng kinh tế và phát triển xã hội.

Chính phủ phải chuyển đổi chức năng, từ quản lý hành chính trực tiếp đối với nhà trường, chuyển sang vận dụng lập pháp, cấp kinh phí, quy hoạch, phục vụ tin tức, chỉ đạo chính sách và biện pháp hành chính cần thiết, tiến hành quản lý vĩ mô. Phải coi trọng và tăng cường công tác nghiên cứu quyết sách, xây dựng cơ cấu như tư vấn, xem xét thảo luận, đánh giá... có chuyên gia các giới xã hội và giáo dục tham gia, đưa ra kiến nghị tư vấn đối với phương châm chính sách, chiến lược phát triển và quy hoạch...

giáo dục đại học, hình hành trình tự quyết sách dân chủ, khoa học.

Về quan hệ giữa Trung ương với địa phương, xác lập thêm một bước thể chế quản lý giáo dục phân cấp quản lý, phân cấp phụ trách giữa Trung ương với tỉnh (khu tự trị, thành phố trực thuộc). Trung ương trực tiếp quản lý một bộ phận nhà trường nông cốt, có quan hệ toàn cục đến kinh tế quốc gia, phát triển xã hội, đồng thời có tác dụng làm mẫu mực trong giáo dục đại học và một số ít trường tính nghề nghiệp mạnh đặc trưng mà địa phương không tiện quản lý. Dưới sự chỉ đạo của phương châm chính sách lớn và quy hoạch vĩ mô của Trung ương, trách nhiệm và quyền hạn đối với sự lãnh đạo và quản lý trong giáo dục đại học do địa phương mở ra đều được giao cho tỉnh (khu tự trị, thành phố trực thuộc). Căn cứ vào tinh thần này, Trung ương phải tiến thêm một bước giao quyền cho địa phương, mở rộng quyền quyết sách giáo dục của tỉnh (khu tự trị, thành phố trực thuộc) và bao gồm quyền hoạch định kế hoạch đối với trường thuộc ngành của Trung ương. Tỉnh (khu tự trị, thành phố trực thuộc) trong điều kiện luận chứng đầy đủ, trình tự xem xét thảo luận, tự tiến hành giải quyết kinh phí mở trường, kể cả việc hoạch định chính sách hướng vào việc làm của học sinh tốt nghiệp tại các trường đại học thuộc Trung ương và địa phương, có quyền quyết định quy mô chiêu sinh và bố trí chuyên ngành của các trường đại học địa phương. Bố trí trường đại học, do Uỷ ban soạn thảo xây

dựng các trường đại học toàn quốc thảo luận, Ủy ban Giáo dục quốc gia thẩm tra phê chuẩn.

Về quan hệ của Ủy ban Giáo dục quốc gia với các ngành nghiệp vụ Trung ương, Ủy ban Giáo dục quốc gia phụ trách hoạch định quy hoạch, chính sách chỉ đạo, tổ chức hiệp đồng, giám sát đôn đốc kiểm tra, cung cấp phục vụ. Ngành nghiệp vụ Trung ương phải tăng cường dự kiến và quy hoạch đối với nhân tài của ngành mình, phối hợp giúp đỡ Ủy ban Giáo dục quốc gia chỉ đạo công tác bồi dưỡng nhân tài của ngành, phụ trách quản lý các trường trực thuộc, bao gồm quyết định quy mô chiêu sinh, xây dựng chuyên ngành, hoạch định kinh phí, việc làm của học sinh... của trường trực thuộc dưới sự chỉ đạo vĩ mô của quốc gia. Cùng với sự thay đổi chức năng của các ngành nghiệp vụ Trung ương và phân chia chức năng của chính quyền với xí nghiệp, các trường trực thuộc ngành nghiệp vụ Trung ương phải hướng vào xã hội, thể chế mở trường và thể chế quản lý trong tình hình khác nhau được áp dụng các biện pháp khác nhau như tiếp tục do ngành Trung ương mở trường, ngành Trung ương và chính quyền địa phương liên kết mở trường, giao cho chính quyền địa phương mở trường, tập đoàn xí nghiệp tham gia mở trường và tham gia quản lý... Trước mắt tiến hành cải cách thí điểm trước, từng bước đi tới xác lập thể chế.

(19) Cải cách chế độ tuyển sinh và chế độ đối với sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học.

Cải tiến đồng bộ thể chế chiêu sinh theo kế hoạch thống nhất của Nhà nước, thực hiện kết hợp nhiệm vụ và kế hoạch mang tính điều tiết của Nhà nước. Trong giai đoạn hiện tại, Nhà nước vẫn phải đưa ra mục tiêu điều tiết vĩ mô không chế tổng số lượng chiêu sinh mang tính chỉ đạo, đồng thời thông qua nhiệm vụ trọng điểm kế hoạch của Nhà nước bảo đảm: các hạng mục xây dựng trọng điểm của Nhà nước, xây dựng quốc phòng, giáo dục văn hoá, khoa học cơ bản, cán bộ chuyên môn cho khu vực xa xôi hẻo lánh và một số ngành có đặc trưng gian khổ cần đến. Dưới tiền đề bảo đảm hoàn thành kế hoạch nhiệm vụ Nhà nước, từng bước tăng số lượng tuyển chọn bồi dưỡng ưu thác đào tạo và học sinh tự túc kinh phí học tập, các kế hoạch mang tính điều tiết này do nhà trường và ngành chủ quản căn cứ vào nhu cầu xã hội và điều kiện mở trường để xác định.

Cải cách tuyển sinh đại học từ phương thức do Nhà nước bao cấp, chuyển dần từng bước sang thực hiện chế độ thu phí. Giáo dục đại học là giáo dục phi nghĩa vụ, nên về nguyên tắc học sinh vào học đại học đều phải nộp phí. Xây dựng quỹ cho vay học tập, đối với học sinh gia đình có khó khăn thì được giúp đỡ; Nhà nước, đơn vị sự nghiệp xí nghiệp, đoàn thể xã hội và nhà trường đều có thể xây dựng quỹ khen thưởng học tập, khen thưởng đối với học sinh đạt thành tích học tập xuất sắc, phẩm chất đạo đức tốt và học sinh của chuyên ngành có điều kiện đặc trưng gian khổ, học sinh có kết quả tốt trong các kỳ thi quốc gia.

Cải cách chế độ “thống nhất bao cấp, thống nhất phân phối” và “bao làm cán bộ” đối với học sinh tốt nghiệp đại học, thực hiện chế độ Nhà nước chỉ sắp xếp, phân công việc làm cho một số ít học sinh tốt nghiệp, còn lại đều do học sinh “tự đi tìm việc”. Trong thời kỳ gần đây, học sinh được tuyển chọn và thu nhận theo kế hoạch nhiệm vụ của Nhà nước, về nguyên tắc vẫn do Nhà nước phụ trách bố trí việc làm trong phạm vi nhất định, thực hiện chế độ nhà trường với đơn vị dùng người “cũng cần phải gặp mặt” để thực hiện phương án về việc làm cho học sinh, đồng thời từng bước thực hiện rộng rãi biện pháp “hai hướng lựa chọn” của học sinh tốt nghiệp và đơn vị dùng người; học sinh uỷ thác và bồi dưỡng được định hướng có việc làm theo hợp đồng; học sinh học tự túc kinh phí tự do chọn ngành nghề. Cùng với việc cải cách chế độ nhân sự lao động và xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN, ngoài chế độ đối với học sinh tốt nghiệp các trường sư phạm và một số ngành nghề gian khổ đặc biệt, ở vùng xa xôi hẻo lánh thực hiện định hướng việc làm trong phạm vi nhất định... đại bộ phận học sinh tốt nghiệp thực hiện phương châm dưới sự chỉ đạo chính sách của Nhà nước, thông qua thị trường dịch vụ việc làm, áp dụng biện pháp tìm việc “tự chủ chọn nghề”. Cùng với việc thực hiện chính sách trên, tiến hành xây dựng các tổ chức trung gian môi giới như thông tin nhu cầu cán bộ, chỉ đạo tư vấn việc làm, giới thiệu ngành nghề..., phục vụ tìm kiếm việc làm cho học sinh tốt nghiệp.

(20) Hoàn thiện chế độ học vị và bồi dưỡng nghiên cứu sinh. Thông qua thí điểm, cải tiến biện pháp thẩm tra sát hạch điểm quyền trao học vị thạc sĩ và giáo viên hướng dẫn nghiên cứu sinh, đồng thời tăng cường chất lượng giám sát đôn đốc và đánh giá. Cùng với việc bồi dưỡng nhân tài cho nhu cầu giảng dạy và làm công tác nghiên cứu khoa học, ra sức bồi dưỡng nhân tài mang tính ứng dụng cho nhu cầu xây dựng kinh tế và phát triển xã hội. Khuyến khích nhân viên ưu tú tại chức có kinh nghiệm thực tiễn làm nghiên cứu sinh thạc sĩ, tiến sĩ với nhiều hình thức khác nhau. Trong thời gian nghiên cứu sinh học tập, thực hành chế độ công tác phụ trợ như kiêm nhiệm giảng dạy, nghiên cứu và quản lý..., việc đãi ngộ cho họ căn cứ vào sự tiến triển của cải cách thể chế quản lý nội bộ nhà trường, thành tích thực tế của công tác kiêm nhiệm, tham khảo và dựa vào yêu cầu trình độ của nhân viên tại chức, để nhà trường xác định.

(21) Cải cách chế độ cung cấp tài chính cho trường đại học, phát huy đầy đủ tác dụng điều tiết khống chế vĩ mô của hình thức cấp kinh phí. Đối với các nhà trường và các bộ môn khoa học ở các cấp độ khác nhau, tiêu chuẩn cấp kinh phí và phương pháp cấp kinh phí nên có sự phân biệt. Cải cách phương pháp cấp kinh phí theo đầu học sinh, từng bước thực hiện chế độ quỹ giáo dục. Ngoài kinh phí giáo dục do Nhà nước và địa phương dự toán cấp ra, nhà trường có thể lo tìm vốn theo quy định của pháp luật.

(22) Dựa theo tinh thần của cải cách chế độ chiêu sinh và chế độ đối với học sinh tốt nghiệp của các trường đại học, các trường công nhân kỹ thuật và trường trung cấp chuyên nghiệp, tăng nhanh cải cách chế độ việc làm cho học sinh tốt nghiệp. Căn cứ vào các chính sách có liên quan của Nhà nước, do chính quyền địa phương hoặc ngành chủ quản định ra biện pháp cụ thể. Thông qua các hình thức như liên kết mở trường và uỷ thác bồi dưỡng, tự túc kinh phí... làm cho học sinh tốt nghiệp hướng về các loại đơn vị tập thể ở thành phố và nông thôn tìm kiếm việc làm. Phương châm chính sách quan trọng của giáo dục chuyên nghiệp trung cấp và giáo dục công nhân kỹ thuật, do Nhà nước định ra, chính quyền địa phương chỉ đạo và phụ trách hoạch định quy hoạch chung.

(23) Tích cực đẩy mạnh cải cách chế độ quản lý nội bộ nhà trường lấy cải cách chế độ phân phối và chế độ nhân sự làm trọng điểm. Trên cơ sở định biên chế hợp lý, thực hiện chế độ bổ nhiệm và chế độ trách nhiệm cương vị công tác đối với giáo viên, công nhân viên chức, về phân phối, mở rộng khoảng cách khác nhau theo thành tích công tác thực tế. Hạt nhân của cải cách ở chỗ vận dụng chính xác các chế độ đã được đưa vào chính sách, dùng các biện pháp giáo dục tư tưởng và khuyến khích vật chất, phá vỡ chủ nghĩa bình quân, huy động tính tích cực của đông đảo giáo viên, công nhân viên chức, chuyển đổi cơ chế vận hành của nội bộ nhà trường, nâng cao hiệu quả và trình độ dạy học.

Thông qua cải cách dần dần thực hiện xã hội hoá công tác hậu cần của nhà trường.

(24) Cải cách chế độ nhân sự lao động ngày càng sâu sắc hơn, đồng bộ với cải cách thể chế giáo dục.

Xây dựng và hoàn thiện chế độ thi tuyển dụng đối với học sinh tốt nghiệp đại học. Thực hiện đồng thời 3 chế độ cấp văn bằng học lực, chứng chỉ trình độ kỹ thuật, chứng chỉ tư cách công việc, thay đổi vai trò định hướng phiên diện của chế độ lên lớp, chế độ văn bằng, chức danh đối với vận hành giáo dục. Từng bước xây dựng cơ cấu kiểm tra tư cách cương vị nghề nghiệp, thực hiện chế độ chứng chỉ tư cách và thi tư cách của các loại cương vị nghề nghiệp.

Cải cách chế độ bổ nhiệm chức vụ và bình xét chức danh của trường đại học. Bình xét chức danh vừa phải coi trọng trình độ học thuật, vừa phải coi trọng thành quả nghiên cứu có giá trị thực dụng và thành tích thực tế của công tác giảng dạy, mở rộng ứng dụng kỹ thuật. Giáo viên trường đại học thực hành chế độ bổ nhiệm. Trường trung tiểu học từng bước thực hành chế độ tư cách giáo viên và chế độ chức vụ ở từng cấp.

Vận dụng đòn bẩy chính sách như lương lao động..., thúc đẩy cải cách giáo dục. Lương khởi điểm của học sinh tốt nghiệp các trường trung cấp, đại học, cơ quan sử dụng người lao động có thể dựa vào trình độ thực tế và biểu hiện thực tế để định thang bậc lương. Để khuyến khích học sinh

tốt nghiệp ở nhà trường các cấp về nông thôn, vùng xa xôi hẻo lánh, làm việc trong các ngành gian khổ vất vả, các nơi cần định ra chính sách trợ cấp và khen thưởng.

(25) Tăng nhanh xây dựng pháp chế giáo dục, xây dựng và hoàn thiện hệ thống giám sát đôn đốc chấp pháp, từng bước đi vào quỹ đạo quản lý giáo dục theo quy định của pháp luật. Định ra pháp luật, pháp quy giáo dục phải chú ý tổng hợp đồng bộ, từng bước hoàn thiện. Cần phải nắm vững và thực hiện các pháp quy, pháp luật cơ bản của giáo dục cũng như pháp quy, pháp luật mà hiện tại giáo dục yêu cầu, tranh thủ đến cuối thế kỷ XX, bước đầu xây dựng được khung của hệ thống pháp quy, pháp luật giáo dục. Địa phương phải xuất phát từ thực tế của mình, nhanh chóng định ra pháp quy giáo dục mang tính địa phương.

(26) Tăng cường nghiên cứu lý luận và thí nghiệm cải cách và phát triển giáo dục. Chính quyền các cấp và các ngành hành chính giáo dục đặt việc nghiên cứu khoa học giáo dục và công tác tin tức quản lý giáo dục vào vị trí quan trọng. Xây dựng thể chế kinh tế thị trường XHCN đã đặt ra nhiều vấn đề mới về cải cách và phát triển giáo dục. Người làm công tác giáo dục gián tiếp và người làm công tác thực tế, phải lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm chỉ đạo, nghiên cứu và trả lời vấn đề lý luận và vấn đề thực tế xây dựng hệ thống giáo dục XHCN đặc sắc Trung Quốc. Phải tích cực triển khai nghiên cứu tư vấn quyết sách giáo dục, liên hệ chặt chẽ nghiên cứu khoa học giáo dục với thực tiễn giáo dục, quyết

sách giáo dục, phát huy tác dụng xúc tiến nghiên cứu khoa học giáo dục đối với phát triển và cải cách giáo dục. Khuyến khích và ủng hộ nhà trường, giáo viên và những người làm công tác nghiên cứu giáo dục tích cực tiến hành thí nghiệm cải cách giáo dục.

IV. QUẢN TRIỆT TOÀN DIỆN PHƯƠNG CHÂM GIÁO DỤC, NÂNG CAO TOÀN DIỆN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC.

(27) Mục tiêu cơ bản của cải cách và phát triển giáo dục là nâng cao tố chất dân tộc, đào tạo được nhiều nhân tài, có nhiều người lao động có chất lượng cao. Nhà trường các cấp phải quán triệt đúng mức phương châm “giáo dục phải phục vụ cho sự nghiệp hiện đại hoá XHCN, cần phải kết hợp với lao động sản xuất, bồi dưỡng và xây dựng lớp người kế tiếp phát triển toàn diện đức, trí, thể”, ra sức làm cho chất lượng giáo dục trong những năm 1990 bước lên nấc thang mới.

(28) Dùng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Mao Trạch Đông và lý luận xây dựng XHCN đặc sắc Trung Quốc giáo dục học sinh, kiên định chính sách đặt phương hướng chính trị ở vị trí hàng đầu, bồi dưỡng con người mới XHCN có lý tưởng, có đạo đức, có văn hoá, có kỷ luật, là nhiệm vụ cơ bản của đức dục trong nhà trường tức là giáo dục chính trị tư tưởng và phẩm chất đạo đức của nhà trường. Phải tăng cường và cải tiến thêm một bước công tác giáo dục, trong thực tiễn không ngừng sáng tạo ra kinh nghiệm mới trong

công tác giáo dục của nhà trường dưới điều kiện cải cách mở cửa, nâng cao công tác đức dục lên một trình độ mới.

Đối với đông đảo thanh thiếu niên phải tăng cường giáo dục đường lối cơ bản của Đảng, chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa tập thể và giáo dục tư tưởng XHCN, giáo dục lịch sử cận đại, lịch sử hiện đại và giáo dục tình hình đất nước, dẫn dắt học sinh vận dụng lập trường, quan điểm, phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin để nhận thức các vấn đề thực tiễn, phát triển theo con đường kết hợp công nông, kết hợp với thực tiễn, nhằm từng bước xây dựng cho học sinh thế giới quan khoa học và nhân sinh quan vì nhân dân phục vụ, tăng cường cho học sinh khả năng tự bảo vệ trước xu hướng tự do hoá của giai cấp tư sản và các tư tưởng phủ bại của giai cấp bóc lột, kiên định lòng tin vào nhiệm vụ xây dựng XHCN đặc sắc Trung Quốc. Phải coi trọng việc tiến hành giáo dục cho học sinh truyền thống văn hoá ưu tú của Trung Quốc. Đối với học sinh trung tiểu học còn phải chú trọng tiến hành giáo dục bồi dưỡng thành hành vi văn minh.

Phải xuất phát từ thực tế của các loại nhà trường các cấp, xác định một cách rõ ràng nhiệm vụ và yêu cầu công tác giáo dục, cải tiến giáo trình tài liệu và phương pháp giáo dục, chú trọng hiệu quả thực tế, xác định đúng vị trí của giáo dục đạo đức.

(29) Coi trọng và tăng cường xây dựng đội ngũ giáo dục đức dục. Tăng cường công tác đức dục là chức trách chung của toàn thể giáo viên. Giáo viên phải chú trọng và

quán xuyên nhiệm vụ giáo dục đạo đức trong cả quá trình giảng dạy, đồng thời phải lấy vai trò mẫu mực của mình để làm gương cho sự trưởng thành toàn diện của học sinh.

Trường đại học phải xây dựng tốt một đội ngũ công tác chính trị tư tưởng chuyên trách kiêm chức, lấy nhân viên chuyên trách giỏi làm nòng cốt. Trung tiểu học phải phát huy đầy đủ vai trò của chủ nhiệm lớp, giáo viên môn chính trị tư tưởng và môn tư tưởng phẩm chất đạo đức, các cán bộ đoàn thanh niên cộng sản, đội thiếu niên tiên phong. Phải tiến hành đào tạo huấn luyện đối với nhân viên làm công tác chính trị tư tưởng, không ngừng nâng cao tổ chất chính trị tư tưởng và trình độ nghiệp vụ, chính sách của họ, đồng thời áp dụng biện pháp thực tế giải quyết vấn đề dãi ngộ cho họ.

(30) Hoàn thiện hướng dẫn chính sách, tăng cường quản lý nhà trường. Kiên trì nguyên tắc chú trọng cả đức, tài trong các mặt như chiêu sinh, việc làm của học sinh tốt nghiệp, bình bầu khen thưởng, bình chọn bổ nhiệm chức vụ giáo viên, phổ cập lương và đi du học ở nước ngoài... Phải đánh giá đúng thành tích của giáo viên làm công tác đức dục và tham gia thực hiện công tác xã hội coi như thành tích khi thực hiện các công tác khác.

Phải chấp hành nghiêm ngặt quy định, kỷ luật của nhà trường, giáo dục học sinh tuân thủ hành vi quy phạm, xây dựng vườn trường văn hoá sinh động, lành mạnh, xây dựng phong cách nhà trường, phong cách học tập tốt, làm cho nhà

trường trở thành trận địa quan trọng xây dựng văn minh tinh thần XHCN.

(31) Chuyển biến thêm một bước tư tưởng giáo dục, cải cách nội dung giảng dạy và phương pháp giảng dạy, khắc phục hiện tượng nhà trường giảng dạy không đáp ứng nhu cầu xây dựng kinh tế và phát triển xã hội hiện tồn tại ở mức độ khác nhau. Phải dựa vào thành quả mới của phát triển văn hoá, khoa học kỹ thuật hiện đại và nhu cầu thực tế xây dựng hiện đại hoá XHCN, đổi mới nội dung giảng dạy, điều chỉnh kết cấu giáo trình. Tăng cường kiến thức cơ sở, lý luận cơ sở và bồi dưỡng huấn luyện kỹ năng cơ bản, coi trọng bồi dưỡng năng lực cho học sinh phân tích vấn đề và giải quyết vấn đề, chú ý phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi. Trung tiểu học phải áp dụng biện pháp thiết thực giảm nhẹ gánh nặng bài vở quá nặng của học sinh. Trường kỹ thuật chuyên nghiệp phải chú ý bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp và năng lực thực tế. Giáo dục đại học phải thay đổi thêm một bước tình trạng xây dựng chuyên ngành hẹp, mở rộng phạm vi nghiệp vụ chuyên ngành, tăng cường giảng dạy và huấn luyện trong khâu thực tiễn, hợp tác bồi dưỡng phát triển với ngành công tác thực tế xã hội, xúc tiến ba kết hợp giảng dạy, nghiên cứu, sản xuất.

Phải từng bước cải cách và hoàn thiện chế độ thi và lên lớp, từng bước thúc đẩy chế độ học sinh tốt nghiệp tiểu học nhập học lên bậc sơ trung, học sinh tốt nghiệp sơ trung thi

lên cao trung, học sinh tốt nghiệp cao trung sẽ thi tốt nghiệp và thi vào đại học.

(32) Xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá và tiêu chuẩn chất lượng giáo dục các loại các cấp. Ngành giáo dục các nơi phải coi việc kiểm tra đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường là một nhiệm vụ mang tính thường xuyên. Phải tăng cường đội ngũ đôn đốc hướng dẫn, hoàn thiện chế độ đôn đốc hướng dẫn, tăng cường kiểm tra và chỉ đạo đối với chất lượng giáo dục và công tác của trường trung tiểu học. Phải áp dụng biện pháp kết hợp lãnh đạo, chuyên gia và ngành dùng người đối với giáo dục kỹ thuật chuyên nghiệp và giáo dục đại học, tiến hành kiểm tra và đánh giá chất lượng thông qua nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường các cấp đều phải coi trọng tìm hiểu đánh giá của đơn vị dùng người về chất lượng học sinh tốt nghiệp.

(33) Giáo trình của trường phải phản ánh thành quả văn minh tiên tiến của Trung Quốc và thế giới kể cả sự phát triển mới nhất của văn hoá, khoa học kỹ thuật đương đại. Đối với sách giáo khoa và tài liệu ở bậc trung và tiểu học trên cơ sở thống nhất yêu cầu cơ bản có thể tuỳ vào từng địa phương đa dạng hoá biên soạn, thích ứng nhu cầu của nông thôn khu vực mình. Trường kỹ thuật chuyên nghiệp phải từng bước hình thành một loạt giáo trình tài liệu đồng bộ. Giáo trình tài liệu của các trường đại học cùng với việc tích cực mở rộng chủng loại, phải không ngừng nâng cao chất

lượng, tăng cường liên hệ lý luận với thực tiễn, cố gắng thống nhất giữa tính tư tưởng và tính khoa học.

(34) Tăng cường và cải thiện thêm một bước công tác vệ sinh thể dục của nhà trường, động viên toàn diện các tổ chức xã hội và phụ huynh học sinh quan tâm đến thể chất và sức khỏe của học sinh. Các cấp chính quyền phải tích cực tạo điều kiện, giải quyết thiết thực lương giáo viên, kinh phí, sân bãi thể dục, vấn đề thiết bị, từng bước đảm bảo việc lên lớp với chất lượng tốt các bài thể dục giáo dục sức khỏe theo kế hoạch giảng dạy.

Tăng cường quan niệm quốc phòng, coi trọng giáo dục quốc phòng. Tiếp tục tổ chức các trường đại học, trung cấp chuyên nghiệp và học sinh cao trung tham gia huấn luyện quân sự với nhiều loại hình thức khác nhau. Ngành giáo dục các cấp, ngành quân sự và nhà trường phải bố trí quy hoạch chung, tổ chức thực hiện một cách chu đáo.

(35) Đối với quan niệm thẩm mỹ và năng lực thẩm mỹ trong việc bồi dưỡng sức khỏe cho học sinh, mỹ dục có vai trò quan trọng, đào luyện tính cách đạo đức cao thượng, bồi dưỡng nhân tài phát triển toàn diện. Phải nâng cao nhận thức, phát huy tác dụng của mỹ dục trong giảng dạy giáo dục, dựa vào tình hình khác nhau của trường học các loại các cấp, triển khai hình thức hoạt động mỹ dục đa dạng.

(36) Tăng cường giáo dục quan điểm lao động và kỹ năng lao động, là con đường và nội dung quan trọng trong

mục tiêu bồi dưỡng của nhà trường. Nhà trường các cấp, các loại đều phải đưa giáo dục lao động vào kế hoạch giảng dạy, từng bước đạt đến chế độ hoá, đồng loạt hoá. Các tổ chức xã hội phải tích cực cung cấp địa điểm và điều kiện cho nhà trường tiến hành giáo dục lao động...

(37) Toàn xã hội đều phải quan tâm và bảo hộ sự trưởng thành lành mạnh của thanh thiếu niên, hình thành cục diện kết hợp chặt chẽ giáo dục xã hội, giáo dục gia đình cùng giáo dục nhà trường. Phụ huynh học sinh phải chịu trách nhiệm đối với xã hội, chịu trách nhiệm đối với thế hệ sau, chú trọng phương pháp giáo dục, bồi dưỡng con cái có thói quen hành vi và phẩm chất đạo đức tốt. Các ngành xuất bản thông tin, phát thanh truyền hình, văn hoá nghệ thuật... phải coi việc cung cấp những tác phẩm tinh thần phong phú đa dạng, có ích cho sự phát triển sức khoẻ và tinh thần của thanh thiếu niên là trách nhiệm nghĩa vụ không thể chối từ. Trong xây dựng thành phố thị trấn, phải chú trọng xây dựng và trang thiết bị các cơ sở như cung khoa học, bảo tàng, thư viện, nhà thi đấu thể dục và nhà sinh hoạt văn hoá thanh thiếu niên... Phải định ra và hoàn thiện chế độ các công trình văn hoá công cộng miễn thu phí vào cửa đối với học sinh. Chính quyền các cấp phải quán triệt đầy đủ “luật bảo vệ người vị thành niên”, áp dụng biện pháp kiểm tra nghiêm ngặt, nghiêm cấm sách báo, băng đĩa hình khiêu dâm, đánh vào các hành động xúi dục các hoạt động tội phạm làm hại thanh thiếu niên, ưu việt hoá môi trường giáo dục con người.

(38) Kiên trì sự lãnh đạo của đảng đối với nhà trường, tăng cường xây dựng Đảng trong nhà trường, quán triệt toàn diện phương châm giáo dục, tăng nhanh cải cách và phát triển giáo dục, nâng cao toàn diện sự bảo đảm cơ bản về chất lượng giáo dục. Tổ chức đảng trong nhà trường phải quán triệt đầy đủ tinh thần Đại hội XIV của Đảng, dùng lý luận xây dựng XHCN đặc sắc Trung Quốc, giáo dục toàn thể đảng viên và giáo viên, công nhân viên, đi sâu nghiên cứu những vấn đề chủ yếu trong cải cách và phát triển nhà trường, kiên trì phương châm chính xác của cải cách. Phải tăng cường xây dựng tổ chức cơ sở của Đảng, phát huy vai trò đầu tàu gương mẫu của đảng viên, liên hệ chặt chẽ giữa đảng viên và quần chúng, vận động quần chúng tích cực cải cách. Trường đại học thực hành chế độ Hiệu trưởng phụ trách dưới sự lãnh đạo của đảng uỷ, đảng uỷ phải tiến hành lãnh đạo đối với những vấn đề to lớn quan trọng, đưa ra quyết định, đồng thời bảo đảm người lãnh đạo hành chính có thể sử dụng đầy đủ chức quyền của mình. Trung, tiểu học và các nhà trường khác thực hành chế độ Hiệu trưởng phụ trách, tổ chức đảng phát huy vai trò hạt nhân chính trị.

V. XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN

(39) Chấn hưng dân tộc hy vọng ở giáo dục, chấn hưng giáo dục hy vọng ở giáo viên. Xây dựng một đội ngũ giáo viên có tố chất nghiệp vụ chính trị tốt, cơ cấu hợp lý, tương đối ổn định, là một kế hoạch lớn cơ bản của cải cách và

phát triển giáo dục. Quyết tâm tiếp theo là áp dụng biện pháp và chính sách trọng đại nhằm nâng cao địa vị xã hội của giáo viên, ra sức cải thiện điều kiện công tác, học tập và sinh hoạt của giáo viên, cố gắng làm cho sư phạm trở thành nghề được nhiều người tôn trọng nhất.

(40) Cải cách và phát triển giáo dục đã đặt ra yêu cầu mới ngày càng cao hơn đối với giáo viên. Giáo viên là công trình sư tâm hồn của nhân loại, cần phải nỗ lực nâng cao tổ chức chính trị tư tưởng và nghiệp vụ của mình; yêu mến sự nghiệp giáo dục, dùng sách vở giáo dục người, biểu thị mình là người thầy của mọi người; hết lòng tổ chức giảng dạy, tích cực tham gia cải cách giáo dục, không ngừng nâng cao chất lượng giảng dạy.

(41) Tăng cường thêm một bước công tác đào tạo huấn luyện bồi dưỡng đội ngũ giáo viên. Giáo dục sư phạm là cỗ máy cái bồi dưỡng đội ngũ giáo viên trung, tiểu học, chính quyền các cấp phải nỗ lực tăng cường đầu tư, ra sức tổ chức tốt giáo dục sư phạm, khuyến khích học sinh tốt nghiệp trung học ưu tú thi vào các trường sư phạm. Mở rộng thêm một bước tỷ lệ chiêu sinh định hướng của học viện, nhà trường sư phạm, xây dựng chế độ thời hạn phục vụ và bảo đảm thực hiện chế độ đối với học sinh tốt nghiệp sư phạm đến nhận công tác tại các trường trung, tiểu học. Các học viện, nhà trường cao đẳng khác cũng phải tích cực gánh vác nhiệm vụ bồi dưỡng tư cách giáo viên của trường kỹ thuật chuyên nghiệp và trung, tiểu học. Phải định ra kế hoạch đào

tạo huấn luyện, vận động giáo viên đặc biệt là giáo viên ở độ tuổi thanh niên và trung niên không ngừng học tập nâng cao, làm cho tuyệt đại đa số giáo viên trung, tiểu học đảm nhiệm công tác giảng dạy càng tốt hơn. Đến cuối thế kỷ XX, thông qua bổ sung đội ngũ giáo viên và đào tạo huấn luyện tại chức, tuyệt đại đa số giáo viên trung, tiểu học phải đạt chuẩn, đảm bảo quá trình học tập hợp cách theo quy định của Nhà nước, tỷ trọng người có quá trình học tập môn khoa học đó và chuyên khoa của giáo viên tiểu học và sơ trung được nâng cao từng năm.

Công tác đào tạo huấn luyện bồi dưỡng đội ngũ giáo viên đại học phải kiên trì nguyên tắc chủ yếu ở trong nước, tại chức là chính, tăng cường thực tiễn, nhiều loại hình thức cùng làm một lúc. Phải phát huy đầy đủ vai trò nòng cốt trong đào tạo huấn luyện đội ngũ giáo viên của trường đại học có lực lượng nghiên cứu giảng dạy tương đối mạnh. Áp dụng nhiều loại hình thức thúc đẩy sự liên hệ chặt chẽ giữa giáo viên và xã hội, mời các chuyên gia có trình độ tương đối cao của các bộ môn đang làm công tác thực tế đến dạy tại trường, tăng cường sự giao lưu của giáo viên giữa các trường cao đẳng với nhau. Phải xây dựng chế độ nâng đỡ và đào tạo bồi dưỡng giáo viên cốt cán là trung niên, thanh niên, làm cho họ hăng hái học tập và có thể phát triển tài năng.

(42) Cải cách chế độ lương của hệ thống giáo dục, nâng cao đãi ngộ lương cho giáo viên, từng bước làm cho mức

lương của giáo viên đại thể ngang bằng với nhân viên cùng loại của xí nghiệp thuộc chế độ sở hữu toàn dân. Trong thời kỳ kế hoạch “5 năm lần thứ 8”, lương bình quân của hệ thống giáo dục phải cao bằng mức lương bình quân của công nhân viên chức của địa phương, đứng ở mức độ trên trung bình trong 12 ngành nghề của nền kinh tế quốc dân, trong đó lương bình quân của trường đại học cao bằng mức bình quân của công nhân viên chức của xí nghiệp sở hữu toàn dân.

Phải xây dựng chế độ lương phù hợp với đặc điểm giáo dục và cơ chế tăng trưởng lương bình thường, bảo đảm thiết thực mức lương của giáo viên từng bước được nâng cao cùng với sự tăng trưởng của thu nhập quốc dân. Phải quán triệt nguyên tắc phân phối theo lao động, khắc phục khuynh hướng chủ nghĩa bình quân, phân biệt đối xử, làm cho giáo viên có cống hiến lớn, chất lượng giáo dục cao thì có thu nhập lương càng cao. Cải cách thể chế quản lý lương quá tập trung thống nhất, dưới tiền đề không chế điều tiết vĩ mô của Nhà nước, làm cho địa phương, ngành và nhà trường có quyền tự chủ. Nguyên tắc cơ bản và tiêu chuẩn lương cơ bản của chế độ lương trong hệ thống giáo dục mà Nhà nước quy định, do chính quyền các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc và ngành chủ quản của Trung ương, xác định tiêu chuẩn lương cụ thể dưới tiền đề không thấp hơn tiêu chuẩn lương cơ bản, không theo cách làm cả nước “làm cùng cách”. Nhà trường có quyền tự chủ điều

chỉnh hệ thống lương nội bộ, tăng lương và phân phối quỹ nhà trường.

(43) Tinh giảm cơ cấu và nhân viên, nâng cao hiệu quả lợi ích mở trường. Thích ứng nhu cầu hướng vào thế kỷ XXI, cần phải đi con đường xây dựng một đội ngũ giáo viên, nhân viên giỏi, tố chất tốt, đãi ngộ tương đối cao. Phải định ra tiêu chuẩn biên chế nhân viên của nhà trường tương đối hợp lý, tổ chức thi nghiêm ngặt, tinh giảm nhân viên, nâng cao số học sinh mà mỗi giáo viên đảm nhiệm. Đối với nhân viên vượt biên chế, các ngành nhân sự, lao động, ngành giáo dục và nhà trường, phải dưới sự quy hoạch chung của Chính phủ, sắp xếp thỏa đáng thông qua nhiều con đường tạo công ăn việc làm, làm cho mỗi người đều được sắp đặt đúng chỗ, phát huy mặt mạnh của mình.

(44) Thực hành chính sách ưu đãi giáo viên về nhà ở và các mặt phúc lợi khác. Chính quyền các cấp phải định ra kế hoạch thiết thực khả thi, nhanh chóng làm cho người trong gia đình giáo viên, công nhân viên chức ở thành thị đều có diện tích nhà ở đạt đến mức bình quân của cư dân bản xứ. Trong cải cách chế độ nhà ở, phải xây dựng, phân phối, bán hoặc cho thuê đối với nhà ở của giáo viên, công nhân viên chức, thực hiện chính sách ưu tiên ưu đãi, từng bước xã hội hoá. Trách nhiệm xây dựng nhà ở cho giáo viên, công nhân viên chức do chính quyền địa phương và ngành chủ quản đầu tư xây dựng cơ bản, thực hiện các biện pháp tổ chức bằng nhiều con đường khác nhau. Chính quyền địa phương

và ngành chủ quản phải tăng thêm sự đầu tư về xây dựng nhà ở của giáo viên, công nhân viên chức. Trong thời gian “kế hoạch 5 năm lần thứ 8”, cố gắng làm cho điều kiện nhà ở của giáo viên, công nhân viên chức của nhà trường có bước cải thiện rõ rệt.

Các nơi từng bước xây dựng chế độ bảo đảm cho giáo viên về các mặt như bảo hiểm điều trị, nghỉ hưu.

(45) Cải thiện thêm một bước điều kiện giảng dạy của giáo viên dân lập. Hiện nay do lịch sử để lại, các trường ở nông thôn giáo viên dân lập chiếm một lượng lớn. Các nơi phải cải tiến thể chế quản lý và có biện pháp quy hoạch để tăng trợ cấp cho giáo viên dân lập bởi lương giáo viên dân lập thấp, cải thiện sự đăi ngộ cho giáo viên dân lập, dần dần làm cho giáo viên dân lập làm như nhau hưởng như nhau. Trợ cấp sinh hoạt đối với giáo viên dân lập thời giảng dạy, nơi có điều kiện phải từng bước xây dựng quỹ phúc lợi bảo hiểm cho giáo viên dân lập. Các học viện, nhà trường sư phạm phải định hướng chiêu sinh một bộ phận giáo viên dân lập vào học cao hơn. Các nơi phải căn cứ vào tình hình thực tế của mình, hàng năm chuyển chỉ tiêu lao động với số lượng nhất định, từ trong số giáo viên dân lập ưu tú chuyển thành giáo viên công lập. Thông qua nhiều con đường, từng bước giảm bớt tỷ trọng giáo viên dân lập.

(46) Chính quyền các cấp và nhà trường, phải tiến hành khen thưởng bằng vật chất và tinh thần đối với giáo viên ưu tú và người làm công tác giáo dục, đồng thời hình thành chế

độ khen thưởng hoặc trợ cấp đặc biệt đối với giáo viên có cống hiến đột xuất. Khởi xướng và khuyến khích chính quyền các cấp, đoàn thể xã hội, xí nghiệp và cá nhân xây dựng quỹ khen thưởng giáo viên.

VI. KINH PHÍ GIÁO DỤC

(47) Cải cách và hoàn thiện thể chế đầu tư giáo dục, tăng kinh phí giáo dục. Hiện nay kinh phí cho giáo dục đang thiếu nghiêm trọng, không chỉ không đáp ứng đủ nhu cầu phát triển nhanh cải cách mở cửa và xây dựng hiện đại hoá đối với bồi dưỡng cán bộ, mà cũng chưa đáp ứng thoả mãn nhu cầu cơ bản của yêu cầu phát triển sự nghiệp giáo dục hiện tại. Tăng đầu tư giáo dục là biện pháp cơ bản làm cho vị trí chiến lược của giáo dục chắc chắn hơn, chính quyền các cấp, các tổ chức xã hội và cá nhân đều phải nỗ lực tăng đầu tư đối với giáo dục, bảo đảm ưu tiên phát triển sự nghiệp giáo dục. Phải từng bước xây dựng thể chế tạo nguồn kinh phí giáo dục bằng nhiều con đường, lấy việc Nhà nước cấp kinh phí là chính, hỗ trợ bằng nguồn thu thuế dùng cho giáo dục, thu học phí của học sinh thuộc giai đoạn giáo dục phi nghĩa vụ, thu nhập ngành nghề do trường lập ra, quyền góp của xã hội và lập quỹ giáo dục... Thông qua lập pháp, bảo đảm tăng trưởng và ổn định nguồn kinh phí giáo dục.

(48) Biện pháp chủ yếu tạo nguồn kinh phí giáo dục

Từng bước nâng cao chỉ tiêu cho giáo dục mang tính tài chính quốc gia (bao gồm: tài chính của các cấp, cấp kinh

phí cho giáo dục, phí giáo dục của thành phố và địa phương, kinh phí của xí nghiệp dùng cho mở trường trung, tiểu học, phần miễn giảm thuế của ngành nghề do trường lập ra) đến cuối thế kỷ XX chiếm tỷ lệ 4% trong tổng giá trị sản xuất quốc dân. Các ngành kế hoạch, tài chính, thuế vụ... phải định ra chính sách, biện pháp tương ứng và phải nghiêm chỉnh thực hiện.

Chính quyền các cấp từ trung ương đến địa phương cần phải quán triệt đầy đủ nguyên tắc “sự tăng trưởng kinh phí giành cho giáo dục của chính quyền các cấp cần cao hơn sự tăng trưởng của thu nhập tài chính thường xuyên và tăng trưởng từng bước căn cứ vào kinh phí giáo dục bình quân theo số học sinh tại trường mà *Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về cải cách thể chế giáo dục* đã quy định, đồng thời bảo đảm mọi sự tăng trưởng hàng năm đối với lương giáo viên và kinh phí chung bình quân đầu học sinh”. Phải nâng cao tỷ lệ kinh phí giáo dục trong hạng mục chi tài chính của các cấp, thời gian “kế hoạch 5 năm lần thứ 8” từng bước nâng đến mức bình quân cả nước không thấp hơn 15%. Tỷ lệ kinh phí giáo dục chiếm trong khoản tài chính cấp tỉnh (khu tự trị, thành phố trực thuộc), tài chính cấp huyện (thị) chỉ ra, do chính quyền các tỉnh, khu tự trị thành phố trực thuộc quyết định. Thu nhập tài chính của xã chủ yếu dùng cho phát triển giáo dục.

Hoàn thiện thêm một bước biện pháp tăng thu phí giáo dục ở thành phố, xã. Khi các đơn vị và cá nhân giao nộp thuế

sản phẩm, thuế giá trị gia tăng, thuế doanh nghiệp, chiếu theo “3 loại thuế trên” để tính mức thu tăng cho chi phí giáo dục từ 2% - 3%; biện pháp thu và tỷ lệ thu thêm phí giáo dục của nông thôn, do chính quyền các tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc quyết định. Khoản thu thêm nêu trên chủ yếu dùng cho giáo dục phổ cập 9 năm. Chính quyền địa phương còn có thể dựa vào tình hình kinh tế, nhu cầu thực tế của sự phát triển giáo dục tại địa phương và khả năng đóng góp của quần chúng, tổ chức thu thêm các loại phí khác dùng cho giáo dục.

Nâng cao tiêu chuẩn học phí của học sinh giai đoạn giáo dục phi nghĩa vụ, đồng thời dựa vào tình hình cụ thể để xác định tiêu chuẩn thu lệ phí khác của nhà trường giai đoạn giáo dục nghĩa vụ. Tiêu chuẩn và biện pháp thu học phí và các lệ phí khác, do chính quyền tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc và ngành nghiệp vụ trung ương trực tiếp quản lý nhà trường xem xét khả năng đóng góp của quần chúng để xác định. Phải tăng cường quản lý thu phí, nghiêm cấm thu phí bừa bãi. Phải tạo điều kiện, khuyến khích và ủng hộ học sinh tham gia vừa học vừa làm, đối với học sinh gia đình thực sự có khó khăn, có thể miễn giảm thu các lệ phí khác hoặc sử dụng quỹ cho vay học sinh.

Tiếp tục nỗ lực phát triển các tổ chức ngành nghề và dịch vụ xã hội trong nhà trường, từng bước xây dựng hệ thống phục vụ giúp đỡ sự nghiệp cải cách và phát triển giáo dục, chính quyền các cấp và các ngành hữu quan phải có chính sách ưu đãi.

Khuyến khích và kêu gọi các nhà máy, xí nghiệp hăm hở, đơn vị sự nghiệp, đoàn thể xã hội và cá nhân dựa vào nguyên tắc tự nguyện, khả năng có thể để quyên góp giúp đỡ học tập, góp vốn mở trường, không phải thu thuế. Hoan nghênh đồng bào Hồng Kông, Đài Loan, kiều bào ở nước ngoài, các đoàn thể nước ngoài và nhân sĩ hữu hảo quyên góp và trợ giúp cho giáo dục. Chính quyền các cấp tăng cường quản lý quy hoạch chung đối với công tác huy động vốn.

Vận dụng các biện pháp về tiền tệ, tín dụng, lưu thông vốn của quỹ giáo dục, giúp đỡ nhà trường mở ngành nghề, mở các xí nghiệp khoa học kỹ thuật mới, kỹ thuật cao, trong đó bao gồm cả phát triển sự nghiệp vừa học vừa làm, tổ chức các nghiệp vụ như quỹ cho vay và quỹ dự trữ giáo dục. Biện pháp cụ thể do Ủy ban Giáo dục quốc gia cùng các ngành hữu quan định ra. Tích cực triển khai các công tác như quỹ bảo hiểm y tế, quỹ giáo viên nghỉ hưu dưỡng lão...

(49) Coi trọng giải quyết mọi vấn đề của các loại nhà trường các cấp, đặc biệt là thiết bị máy móc, sách giáo khoa và đồ dùng học tập còn thiếu của trường trung, tiểu học, trường kỹ thuật dạy nghề, tăng tiền vốn dùng cho mua sắm thiết bị và đồ dùng học tập. Chính quyền các cấp thực hành chính sách ưu tiên, ưu đãi đối với việc xuất bản sách giáo khoa, đồ dùng giảng dạy và sản xuất cung ứng thiết bị, máy móc giảng dạy.

Tiếp tục tăng cường công tác cải tạo các phòng học đã xuống cấp của trường, những phòng học nguy hiểm thì không được sử dụng, do chính quyền địa phương chịu trách nhiệm đề ra thời hạn giải quyết. Nếu để sự cố sụp đổ phòng học, gây ra tử vong cho giáo viên và học sinh, phải truy cứu trách nhiệm người chịu trách nhiệm chính của chính quyền địa phương. Kiên quyết ngăn chặn việc chiếm dụng phòng học và sân vận động của nhà trường, bảo đảm hoạt động giảng dạy của nhà trường tiến hành bình thường.

(50) Ngành giáo dục và nhà trường các cấp cần phải cố gắng nâng cao hiệu quả lợi ích sử dụng kinh phí giáo dục. Phải quy hoạch hợp lý quy mô sự nghiệp giáo dục, điều chỉnh cơ cấu và bố cục giáo dục, tránh lãng phí mang tính cơ cấu; phải kiên trì phương châm phấn đấu gian khổ, cần kiệm mở trường, xây dựng kiện toàn chế độ quy định về tài chính, tăng cường xây dựng đội ngũ tài chính kế toán. Tài chính các cấp và ngành kiểm tra cần phải tăng cường giám sát đôn đốc và kiểm tra tài vụ, cùng nhau quản lý tốt, sử dụng tốt kinh phí giáo dục.

MỘT SỐ THỐNG KÊ VỀ GIÁO DỤC TRUNG QUỐC

(Theo số liệu của Cục Thống kê quốc gia trên trang web: www.stats.gov.cn, điều tra dân số lần thứ 3 năm 1982 trích theo Nhan Khánh Tường *Nghiên cứu về chính sách và chế độ giáo dục Trung Quốc đại lục*, Công ty xuất bản Ngũ Nam đồ thư phát hành, Đài Bắc Đài Loan năm 2004).

THỐNG KÊ VỀ DÂN SỐ VÀ TÌNH TRẠNG MÙ CHỮ Ở NƯỚC CHND TRUNG HOA

Dân tộc	Số người	Địa bàn phân bố chủ yếu	Tỷ lệ mù chữ %
	1.003.913.927		32
Hán	936.674.944	Tất cả các địa phương	31
Choang	13.383.086	Quảng Tây, Vân Nam, Quảng Đông	31
Hồi	7.228.398	Ninh Hạ, Vân Nam, Cam Túc, Hà Nam, Thanh Hải, Tân Cương	41
Uyghur	5.963.491	Tân Cương	42
Di	5.454.564	Tứ Xuyên, Vân Nam, Quý Châu	62
Muơ	5.021.175	Quý Châu, Hồ Nam, Quảng Tây Vân Nam, Quảng Đông	58
Mãn	4.304.981	Liêu Ninh, Hắc Long Giang, Cát Lâm, Hà Bắc, Nội Mông Cổ	17
Tạng	3.847.875	Tây Tạng, Thanh Hải, Tứ Xuyên Cam Túc, Vân Nam	75
Mông Cổ	3.411.367	Nội Mông Cổ, Hà Bắc, Cam Túc Liêu Ninh, Cát Lâm, Thanh Hải Hắc Long Giang	28

Dân tộc	Số người	Địa bàn phân bố chủ yếu	Tỷ lệ mù chữ %
Thổ Gia	2.836.814	Hồ Nam, Hồ Bắc, Tứ Xuyên Thanh Hải	24
Bồ Y	2.119.345	Quý Châu, Vân Nam	56
Triều Tiên	1.765.204	Cát Lâm, Hắc Long Giang Liêu Ninh, Nội Mông Cổ	10
Đổng	1.426.400	Quý Châu, Quảng Tây Hồ Nam, Hồ Bắc	45
Dao	1.411.967	Quảng Tây, Hồ Nam, Vân Nam Quảng Đông, Quý Châu	48
Bạch	1.132.224	Vân Nam, Quý Châu, Hồ Nam	41
Hà Nhì	1.058.806	Vân Nam	70
Cadắc	907.546	Tân Cương, Cam Túc, Thanh Hải	22
Thái	839.496	Vân Nam	57
Lê	887.107	Quý Châu, Hải Nam	41
Lì Su	481.884	Vân Nam, Tứ Xuyên	72
Xá	371.965	Phúc Kiến, Chiết Giang Giang Tây, Quảng Đông	51
La Hủ	304.256	Vân Nam	82
Oa	298.611	Vân Nam	69
Thuỷ	286.908	Quý Châu, Quảng Tây	62
Đông Hương	279.523	Cam Túc, Quý Châu, Tân Cương	87
Na Xi	251.592	Vân Nam	38
Thổ	159.632	Thanh Hải, Cam Túc	60
Kirgiz	113.386	Tân Cương	41
Khương	102.815	Tứ Xuyên	51
Ta Hua	94.126	Nội Mông Cổ, Hắc Long Giang	18
Cảnh Phả	92.976	Vân Nam	63

Dân tộc	Số người	Địa bàn phân bố chủ yếu	Tỷ lệ mù chữ %
Mô Lao	90.357	Quảng Tây, Quý Châu	35
Si Ba	83.683	Tân Cương, Liêu Ninh	11
San Ra	69.135	Thanh Hải	72
Bu Răng	58.473	Vân Nam	71
Kơ Lao	54.164	Quý Châu	55
Mao Nan	38.159	Quảng Tây	31
Tátgich	26.600	Tân Cương	43
Pu Mi	24.238	Vân Nam	60
Nộ	22.896	Vân Nam	66
A Xương	20.433	Vân Nam	60
Ơ Uôn Khơ	19.398	Nội Mông Cổ, Hắc Long Giang	16
Uzbek	12.213	Tân Cương	20
Băng Long	12.297	Vân Nam	73
Kinh	13.108	Quảng Tây	37
Cơ Nặc	11.962	Vân Nam	54
Uy Cu	10.568	Cam Túc, Thanh Hải	37
Bảo Am	9.017	Cam Túc	74
Môn Ba	6.248	Tây Tạng	44
Độc Long	4.633	Vân Nam	49
Ơ Luân Xuân	4.103	Nội Mông Cổ, Hắc Long Giang	23
Tác Ta	4.122	Tân Cương	9
Nga	2.917	Tân Cương, Hắc Long Giang	15
Lô Ba	1.066	Tây Tạng	82
Hô Chê	1.489	Hắc Long Giang	14
Không xác định được dân tộc	799.705		

**TỶ LỆ NHÂN VIÊN TRÌNH ĐỘ TỬ CỎ CHUYÊN MÔN TRỎ LÊN
SO VỚI SỐ DÂN TỬ 6 TUỔI TRỎ LÊN (NĂM 2003) (%)**

	Tỷ lệ trên tổng dân số	Tỷ lệ trên dân số thành phố	Tỷ lệ trên dân số thị trấn	Tỷ lệ trên dân số nông thôn
Toàn TQ	5,15	9,10	6,60	0,64
Bắc Kinh	20,29	11,96	8,39	2,33
Thiên Tân	10,86	10,14	4,47	1,02
Hà Bắc	6,60	13,59	17,53	0,59
Sơn Tây	5,38	11,44	5,23	0,65
Nội Mông Cổ	5,46	8,72	7,97	0,56
Liêu Ninh	8,97	9,81	8,26	1,23
Cát Lâm	6,42	8,92	3,82	0,44
Hắc Long Giang	4,90	6,96	3,82	1,19
Thượng Hải	16,67	10,04	5,07	3,22
Giang Tô	4,96	6,54	3,47	1,03
Chiết Giang	6,17	8,64	5,61	0,71
An Huy	4,91	10,68	5,13	0,64
Phúc Kiến	4,66	5,58	3,21	1,03
Giang Tây	6,28	8,43	7,95	1,39
Sơn Đông	5,49	8,01	5,74	0,65
Hà Nam	3,20	7,77	4,71	0,75
Hồ Bắc	5,44	12,29	5,43	0,29
Hồ Nam	4,70	10,15	8,71	0,61

	Tỷ lệ trên tổng dân số	Tỷ lệ trên dân số thành phố	Tỷ lệ trên dân số thị trấn	Tỷ lệ trên dân số nông thôn
Quảng Đông	5,07	7,08	6,19	0,57
Quảng Tây	4,52	10,30	9,24	0,47
Hải Nam	5,78	9,98	8,40	0,54
Trùng Khánh	3,61	6,20	4,77	0,28
Tứ Xuyên	3,74	7,52	8,06	0,38
Quý Châu	5,29	11,63	9,22	0,19
Vân Nam	1,83	8,32	0,99	0,16
Tây Tạng	0,82	1,77	0,10	0,14
Thiểm Tây	6,38	11,09	8,76	0,56
Cam Túc	4,44	9,57	13,90	0,31
Thanh Hải	5,06	7,63	10,91	0,48
Ninh Hạ	5,53	10,93	8,17	0,58
Tân Cương	10,00	14,78	8,24	1,43

**TỶ LỆ TRÌNH ĐỘ TIẾP NHẬN GIÁO DỤC
Ở CÁC VÙNG CỦA TRUNG QUỐC NĂM 2003 (%)**

	Chuyên môn đại học	Cao trung	Sơ trung	Tiểu học	Mù chữ
Thành thị	8,17	23,3	36,46	22,2	5,23
Nông thôn	0,64	6,3	39,2	41,4	11,17
Toàn Trung Quốc	5,15	12,54	35,68	31,35	7,91

**BÌNH QUÂN SỐ NĂM ĐƯỢC TIẾP NHẬN GIÁO DỤC
VÀ TỶ LỆ PHÂN BỐ GIÁO DỤC Ở CÁC CẤP HỌC Ở TRUNG QUỐC**

	Đại học	Cao trung	Sơ trung	Tiểu học	Bình quân số năm được tiếp nhận giáo dục
1990	1,42	8,04	23,34	37,17	6,26
1993	1,62	8,11	26,14	37,45	
1994	1,71	8,20	26,73	37,94	
1995	2,03	8,26	27,31	38,43	6,72
1996	2,05	8,73	28,90	37,93	
1997	2,53	9,59	29,62	37,56	
1998	2,58	9,87	30,57	36,81	7,09
1999	2,87	9,94	31,85	35,72	7,18
2000	3,61	11,15	33,96	35,70	7,62
2001	4,09	11,53	34,35	33,83	7,68
2002	4,41	11,66	35,25	32,74	7,73
2003	5,15	12,54	35,68	31,35	7,91

**TÌNH HÌNH LƯU HỌC SINH
VÀ NGHIÊN CỨU SINH SAU TIẾN SĨ**

	Lưu học sinh	Tốt nghiệp về nước	NCS sau tiến sĩ		Lưu học sinh	Tốt nghiệp về nước	NCS sau tiến sĩ
1978	860	248		1994	19071	4230	899
1980	2124	162		1995	20381	5750	1208
1985	4888	1424	1	1996	20905	6570	1429
1986	4676	1388	44	1997	22410	7130	1532
1987	4703	1605	100	1998	17622	7379	1792
1988	3786	3000	212	1999	23749	7748	2387
1989	3329	1753	239	2000	38989	9121	2675
1990	2950	1593	340	2001	83937	12243	3292
1991	2900	2069	443	2002	125179	17945	3899
1992	6540	3611	582	2003	117307	20152	4495
1993	10742	5128	728				

BÁO CÁO VỀ KINH PHÍ GIÁO DỤC

	Đầu tư kinh phí giáo dục (trăm triệu)	Kinh phí do tài chính quốc gia cấp (trăm triệu)	Tỷ lệ đầu tư cho giáo dục so với GDP (%)
1978	94,23	94,23	
1979	113,03	113,03	
1980	145,5	134,89	3,22
1981	157,65	132,84	
1982	175,85	162,32	
1983	198,36	181,67	
1984	242,72	215,46	
1985	306,68	262,90	3,42
1986	363,43	324,45	
1987	385,11	346,70	
1988	443,53	414,49	
1989	594,67	518,14	
1990	659,38	563,98	3,56
1991	731,51	617,83	
1992	867,06	728,75	
1993	1059,94	867,76	
1994	1488,78	1174,74	
1995	1877,95	1411,52	3,21
1996	2262,34	1671,70	3,33
1997	2531,73	1862,54	3,40
1998	2949,06	2032,45	3,76
1999	3349,04	2287,18	4,08
2000	3849,08	2562,61	4,30
2001	4637,66	3057,01	4,83
2002	5480,03	3491,40	5,21

**TỶ LỆ NHÂN VIÊN CÓ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TRỞ LÊN
TRÊN TỔNG SỐ NHÂN VIÊN CÓ VIỆC LÀM (%)**

	Toàn Trung Quốc	Nữ	Nam
1996	2,8	2,2	3,4
1999	3,8	3,1	4,5
2001	5,6	4,6	6,3
2002	6,0	5,2	6,4
2003	6,8	6,1	7,4

**TỶ LỆ NHÂN VIÊN CÓ TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC TRỞ LÊN
TRÊN TỔNG SỐ NHÂN VIÊN CÓ VIỆC LÀM
Ở CÁC ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2003 (%)**

	Chuyên khoa	Bản khoa	NCS	Tổng số
Toàn TQ	4,8	1,9	0,1	6,8
Bắc Kinh	12,4	11,9	1,9	26,2
Thiên Tân	8,6	4,5	0,4	13,5
Hà Bắc	6,2	2,4		8,6
Sơn Tây	5,6	1,9	0,1	7,6
Nội Mong Cổ	5,3	1,9	0,1	7,3
Liêu Ninh	7,6	3,2	0,1	10,9
Cát Lâm	5,4	2,2	0,1	7,7
Hắc Long Giang	4,7	1,5	0,1	6,3
Thượng Hải	12,4	7,3	0,6	20,3

	Chuyên khoa	Bản khoa	NCS	Tổng số
Giang Tô	4,1	2,0	0,1	6,2
Chiết Giang	5,4	2,6	0,2	8,1
An Huy	3,8	1,5		5,3
Phúc Kiến	4,3	1,8	0,1	6,2
Giang Tây	7,0	2,2	0,1	9,2
Sơn Đông	5,1	2,0	0,1	7,2
Hà Nam	3,2	0,7		3,9
Hồ Bắc	4,1	1,3	0,1	5,4
Hồ Nam	4,9	1,0		5,9
Quảng Đông	5,6	1,8	0,1	7,5
Quảng Tây	3,8	1,7	0,1	5,6
Hải Nam	6,0	2,1	0,1	8,2
Trùng Khánh	2,6	1,1		3,7
Tứ Xuyên	3,3	1,3		4,6
Quý Châu	4,7	2,4	0,1	7,2
Vân Nam	1,4	0,6		2,0
Tây Tạng	0,5	0,1		0,6
Thiểm Tây	5,8	2,2	0,1	8,0
Cam Túc	4,3	1,5	0,1	5,8
Thanh Hải	5,2	1,8	0,1	7,1
Ninh Hạ	6,0	1,7		7,7
Tân Cương	8,7	4,7	0,2	13,6

**SỐ CHIỀU SINH BẬC ĐẠI HỌC
VÀ SỐ SINH VIÊN TỐT NGHIỆP**

	Sinh viên đại học (vạn người)		Nghiên cứu sinh (người)	
	Số chiêu sinh	Số tốt nghiệp	Số chiêu sinh	Số tốt nghiệp
1978	40,2	16,5	10708	9
1980	28,1	14,7	3616	476
1985	61,9	31,6	46871	17004
1986	57,2	39,3	41310	16950
1987	61,7	53,2	39017	27603
1988	67,0	55,3	35645	40838
1989	59,7	57,6	28569	37232
1990	60,9	61,4	29649	35400
1991	62,0	61,4	29679	32537
1992	75,4	60,4	33439	25692
1993	92,4	57,1	42145	28214
1994	90,0	63,7	50864	28047
1995	92,6	80,5	51053	31877
1996	96,6	83,9	59398	39652
1997	100,0	82,9	63749	46539
1998	108,4	83,0	72508	47077
1999	159,7	84,8	92225	54670
2000	220,6	95,0	128484	58767
2001	268,3	103,6	165197	67809
2002	320,5	13387,7	268925	111091

SỐ SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THEO CÁC CHUYÊN KHOA

(Đơn vị tính: 1000 người)

	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003
Tổng số sinh viên	838,6	829,1	829,8	847,6	949,8	1036,3	1337,3	1877,5
Triết học	2,0	1,2	1,2	1,1	0,9	0,9	1,0	1,2
Kinh tế học	127	133	132,9	134,3	159,3	57,3	65,9	88,2
Luật học	25,9	28,9	29,6	31,5	44,1	61,5	80,0	110,4
Giáo dục học	40,6	39,6	40,7	40,3	42,1	52,6	79,8	117,1
Văn học	120,0	116,1	119,6	121,0	147,0	157,8	198,5	286,9
Lịch sử	16,4	14,6	14,2	13,4	13,7	10,2	11,7	13,9
Lý học (triết)	97,3	90,5	92,7	90,4	98,2	115,8	131,5	173,0
Công nghệ học	315,0	314,4	308,6	326,2	354,3	349,1	459,8	644,1
Nông học	33,0	30,2	28,9	28,1	30,4	28,5	36,3	50,1
Y học	61,4	61,2	61,4	61,5	59,9	62,6	79,5	111,4
Quản lý học							193,2	281,3

Các số liệu thống kê trong các bảng trên được lấy từ

"BÁO CÁO NHÂN TÀI TRUNG QUỐC NĂM 2005" của Nxb Nhân dân, Bắc Kinh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

- 1- Bản tin Trung Quốc các năm 1994, 1996, 1997, 1998, 1999, 2000, 2001, 2002, 2003, mục *Thông tin văn hoá xã hội*, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam.
- 2- *Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc trình bày tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XV (1997), lần thứ XVI (2002)*, Tài liệu tham khảo tại Viện Nghiên cứu Trung Quốc.
- 3- Ngô Vinh Chính, Vương Miện Quý chủ biên, *Đại cương lịch sử văn hóa Trung Quốc*, Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, 1993.
- 4- *Chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về cải cách và tăng cường công tác giáo dục đạo đức trong trường tiểu học và trung học*, Nhân dân nhật báo 17 tháng 1 năm 1989 (bản dịch), Tài liệu tham khảo tại Viện Nghiên cứu Trung Quốc.
- 5- GS. VS Phạm Minh Hạc....., *Giáo dục thế giới đi vào thế kỷ XXI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
- 6- Đặng Giang Hải, Lương Nam Hoa, Ngụy Trung Quốc, *Từ bài nói chuyện ở phía Nam đến bài nói chuyện "ngày 1 tháng 7"*:

- Sáng tạo vĩ đại hình thái lý luận XHCN*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung Quốc, (Số 2/2002), (Viện Nghiên cứu Trung Quốc dịch).
- 7- GS. TSKH Vũ Ngọc Hải..., *Hệ thống giáo dục hiện đại trong những năm đầu thế kỷ 21 (Việt Nam và thế giới)*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2003.
 - 8- Thẩm Vinh Hoa - Ngô Quốc Diệu, *Tôn trọng trí thức, tôn trọng nhân tài - kế lớn trăm năm chấn hưng đất nước*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
 - 9- Kỷ yếu hội thảo khoa học Việt Nam -Trung Quốc, *Chủ nghĩa xã hội- Kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
 - 10- Kỷ yếu hội thảo quốc tế Việt - Trung "Đại học Việt - Trung hợp tác đào tạo nhân lực - hướng tới tương lai", Tp Hồ Chí Minh, 2004.
 - 11- Lưu Lực, *Toàn cầu hoá kinh tế- lối thoát của Trung Quốc là ở đâu*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002.
 - 12- Lý Thiết Ánh, *Về cải cách và mở cửa ở Trung Quốc*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002.
 - 13- *Văn tuyển Đặng Tiểu Bình*, (quyển 3), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
 - 14- *Đại từ điển nước Trung Hoa mới*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992.
 - 15- Nhiều tác giả, *Trung Quốc thành tựu và triển vọng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994.

- 16- Nhiều tác giả, *Quan hệ kinh tế - văn hoá Việt Nam - Trung Quốc, Hiện trạng và triển vọng*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001.
- 17- Nhiều tác giả, *Những vấn đề lý luận của Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003.
- 18- Nhiều tác giả, *Trung Quốc 25 năm cải cách mở cửa - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004.
- 19- Irama Peters, *Cuộc cải cách giáo dục ở nước CHND Trung Hoa - những lý do, những yêu cầu, những khả năng và những giới hạn*, Trường đại học Tổng hợp Humboldt - Beclin (bản dịch của Viện Khoa học giáo dục), 1990.
- 20- Nguyễn Huy Quý, *Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa chặng đường lịch sử nửa thế kỷ (1949-1999)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999.
- 21- *Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa*, Thông qua tại Hội nghị Trung ương 3 khoá XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc ngày 14-10-2003, (Bản dịch của Viện Nghiên cứu Trung Quốc), 2003.
- 22- Đỗ Tiến Sâm chủ biên, *Cải cách thể chế chính trị ở Trung Quốc (1978-2003)*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003.
- 23- Đỗ Tiến Sâm - Lê Văn Sang chủ biên, *Trung Quốc với việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường XHCN*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004.
- 24- Hà Nhật Thăng, Đào Thanh Âm, *Lịch sử giáo dục thế giới*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1997:

Tiếng Trung

- 25- *Hiến pháp nước CHND Trung Hoa*, Nhà xuất bản Nhân dân, Bắc Kinh, 1999.
- 26- *Luật giáo viên nước CHND Trung Hoa*, Nhà xuất bản Pháp luật, Bắc Kinh, 2002.
- 27- *Luật giáo dục nghĩa vụ nước CHND Trung Hoa*, Nhà xuất bản Pháp luật, Bắc Kinh, 2002.
- 28- *Luật giáo dục nước CHND Trung Hoa*, Nhà xuất bản Pháp luật, Bắc Kinh, 2002.
- 29- *Luật giáo viên và những qui định đồng bộ*, Nhà xuất bản Pháp luật, Bắc Kinh, 2002.
- 30- *Luật giáo dục đại học nước CHND Trung Hoa*, Nhà xuất bản Pháp luật, Bắc Kinh, 2002.
- 31- *Điều lệ thâm niên dạy học nước CHND Trung Hoa*, Lệnh 188 Quốc vụ viện, Nhà xuất bản Nhân dân, Bắc Kinh, 1995.
- 32- *Luật giáo dục hướng nghiệp nước CHND Trung Hoa*, Nhà xuất bản Pháp luật, Bắc Kinh, 2002.
- 33- *Tổng hợp các văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 15 Đảng Cộng sản Trung Quốc*, Nhà xuất bản Nhân dân, Bắc Kinh, 1997.
- 34- *Nước CHND Trung Hoa – Bộ Giáo dục, Chế độ thanh tra giáo dục ở Trung Quốc*, Công ty hợp tác và giao lưu quốc tế Bắc Kinh, 2002.
- 35- *Tổng quan giáo dục Trung Quốc*, Nhà xuất bản Đại học S phạm Bắc Kinh, Bắc Kinh, 1997.

- 36- Tập hợp các văn kiện trọng yếu từ sau đại hội XIV, *Cương yếu cải cách và phát triển giáo dục nước CHND Trung Hoa*, Nhà xuất bản Nhân dân, Bắc Kinh, 1996.
- 37- Niên giám Quảng Tây từ 1985, 1986, 1987... đến 1998, *Quảng Tây*
- 38- "*Quốc sách hàng đầu*", Nhân dân nhật báo ngày 4 tháng 10 năm 1996.
- 39- *Nỗ lực học tập quán triệt tinh thần hội nghị trung ương 6 khoá 14, tăng cường xây dựng văn minh tinh thần XHCN*, Nhân dân nhật báo ngày 15 tháng 10 năm 1996.
- 40- Vương Huệ Lâm chủ biên, *Lịch sử Trung Quốc hiện đại*, quyển hạ, Nxb Giáo dục đại học, Bắc Kinh, 1994.
- 41- Viện Khoa học xã hội Tứ Xuyên, Viện Nghiên cứu Xã hội học, *Điều tra về gia đình nông thôn tỉnh Tứ Xuyên năm 1996*, 1996.
- 42- Lý Dĩnh chủ biên, *Từ đại hội I đến đại hội XVI*, Nxb Văn kiện trung ương, Bắc Kinh, 2002.
- 43- Bạch Nguyệt Kiều, *Đại cương về cải cách giáo trình*, Nxb Giáo dục Hà Bắc, Hà Bắc Trung Quốc, 1999.
- 44- Chu Lệ Lan... chủ biên, *Khoa giáo hưng quốc*, Nxb Trường Đảng trung ương, Bắc Kinh, 1996.
- 45- Chu Dung Cơ, *Báo cáo đề cương kế hoạch 5 năm lần thứ X phát triển xã hội và kinh tế quốc dân: Trình bày tại Hội nghị lần thứ 4 Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khoá 9 tháng 5 năm 2001*, Nxb Nhân dân, Bắc Kinh, 2001.
- 46- Hà Đông Xương chủ biên, *Các văn kiện chủ yếu về giáo dục của nước CHND Trung Hoa từ 1976 đến 1990*, Nxb Hải Nam, Hải Nam, 1998

- 47- Hà Tường Hạo, *Sức sản xuất thứ nhất: Vấn đề chiến lược khoa học kỹ thuật của Trung Quốc đương đại*, Nxb Trung Quốc ngày nay, Bắc Kinh, 1998.
- 48- Uông Minh, *Một vài suy nghĩ về sách lược phát triển giáo dục giai đoạn cao trung ở Trung Quốc*, Tạp chí Nghiên cứu giáo dục, số 5/2003, Bắc Kinh.
- 49- Ngô Tuấn Dân, Hoàng Hân, *Giáo trình giáo dục pháp tân biên* Nxb Đại học Sư phạm Hoa Đông, Thượng Hải, 2004.
- 50- Ngô Tùng, Ngô Phương Hoà chủ biên, *WTO và phát triển giáo dục Trung Quốc*, Nxb Đại học Khoa học công nghệ Bắc Kinh, Bắc Kinh, 2001.
- 51- Nghiêm Nhất Tân, *Khái quát về những qui định giáo dục cơ sở*, Nxb Đại học Sư phạm Hoa Trung, Vũ Hán, 2001.
- 52- Dương Cảnh Nghiêu, *Nghiên cứu về giáo dục đại học ở Trung Quốc đại lục*, Công ty trách nhiệm hữu hạn về sự nghiệp văn hoá giáo dục đại học xuất bản, Đài Bắc Đài Loan, 2003.
- 53- Dương Cảnh Nghiêu, *Những vấn đề về cải cách giáo dục và thực tiễn ở Trung Quốc đại lục*, Công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn khai phát kinh tế văn hoá mới xuất bản, Đài Bắc Đài Loan, 2003.
- 54- Điều Ích Long, *Sơ sánh quốc tế về đóng góp của tăng trưởng kinh tế đối với giáo dục*, Nxb Đại học Trung Sơn, Quảng Châu, 2003.
- 55- Trương Thiên Bảo chủ biên, *20 năm giáo dục Trung Quốc dưới sự chỉ đạo của Lý luận Đặng Tiểu Bình*, Nxb Giáo dục Phúc Kiến, Phúc Kiến Trung Quốc, 1998.

- 56- Trương Ký chủ biên, *Quốc tự đỉnh, ký sự văn hoá khoa học, giáo dục nước Trung Quốc mới*, Nxb Chiết Giang, 1999.
- 57- Kim Minh, *Xã hội học giáo dục*, Nxb Giáo dục Hà Bắc, Hà Bắc Trung Quốc, 1999.
- 58- Kim Nhất Minh chủ biên, *Quĩ đạo giáo dục XHCN ở Trung Quốc*, Nxb Đại học Sư phạm Hoa Đông Thượng Hải, Thượng Hải, 2000.
- 59- Trần Chuẩn, *9 điểm nóng nhất ở Trung Quốc*, Nxb phát triển Trung Quốc, Bắc Kinh, 2000.
- 60- Châu Văn Thanh, *Đặc điểm tình hình Trung Quốc và phát triển xã hội thế kỷ XXI*, Nxb Đại Dân Hà Nam, Trịnh Châu Hà Nam, 2000.
- 61- Văn phòng đoàn thanh tra giáo dục nhà nước biên soạn, *Tập hợp các qui định về chế độ thanh tra giáo dục ở các địa phương 1995 - 2002*, tập 1, Bắc Kinh, 2002.
- 62- Triệu Tú Linh..., *Chế độ quê quán ở Trung Quốc*, Nxb Văn kiện Khoa học xã hội, Bắc Kinh, 1998.
- 63- Hách Khắc Minh chủ biên, *20 năm cải cách thể chế giáo dục ở Trung Quốc*, Nxb Trung Châu cổ tịch, Hà Nam Trung Quốc, 1998.
- 64- Hầu Quảng Văn, *Đại cương về đánh giá giáo dục*, Nxb Giáo dục Hà Bắc, Hà Bắc Trung Quốc, 1999.
- 65- Cố Minh Viễn... chủ biên, *Đại từ điển giáo dục*, quyển hạ, Nxb Giáo dục Thượng Hải, Thượng Hải Trung Quốc, 2002.
- 66- Cao Kỳ, *Chặng đường giáo dục nước Trung Quốc mới*, Nxb Giáo dục Hà Bắc, Hà Bắc Trung Quốc, 1996.

- 67- Chương Vĩnh Sinh, *Tâm lý học giáo dục*, Nxb Giáo dục Hà Bắc, Hà Bắc Trung Quốc, 1999.
- 68- Quách Phúc Xương, Ngô Đức Cương chủ biên, *Bàn về vấn đề cải cách và phát triển giáo dục*, Nxb Giáo dục Hà Bắc, Hà Bắc Trung Quốc, 1999.
- 69- Bồ Vệ Trung, *Tinh thần dân tộc và chủ nghĩa yêu nước*, Nxb Văn kiện Khoa học xã hội, Bắc Kinh, 2000.
- 70- Nhan Khánh Tường, *Nghiên cứu về chính sách và chế độ giáo dục Trung Quốc đại lục*, Công ty xuất bản Ngũ Nam đồ thư phát hành, Đài Bắc Đài Loan, 2004.

**QUÁ TRÌNH CẢI CÁCH GIÁO DỤC
Ở CỘNG HOÀ NHÂN DÂN TRUNG HOA
THỜI KỲ 1978 - 2003**

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TS. VI QUANG THỌ

Biên tập nội dung: NGUYỄN BẠCH LY

Kỹ thuật vi tính: KIM THOA

Sửa bản in: NGUYỄN BẠCH LY

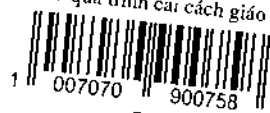
Trình bày bìa: NGUYỄN QUỐC HÙNG

In 300 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm, tại Công ty Cổ phần in và thương mại Đông Bắc.

Số đăng ký KHXH: 133 – 2007 / CXB / 26 – 06 / KHXH

In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 / 2007.

T1 07 quá trình cải cách giáo



59.000 VNĐ

Giá: 59.000đ